

Chien Si Song Thu

Hoa Sơn Phạm Đình Bách

Vài lời Vài lời về Hoa-sơn và cuốn Chiến-sĩ sông Thu

Pha chút sắc-màu lãng-mạn, sông Thu-bồn ở tỉnh Quảng-nam được gọi là "Sông Thu". "Chiến-sĩ sông Thu" là một cuốn truyện lịch-sử với nhiều hư-cấu. Chất-liệu của sự hư-cấu là những sự-kiện có thật, đã xảy ra trong cuộc đấu-tranh giành độc-lập dân-tộc của các nhà cách-mệnh Quảng-nam, được kể lại theo trí nhớ từ thế-hệ này qua thế-hệ khác. Khác với một cuốn sách sử-liệu, bằng thể loại hư-cấu, Hoa sơn đã ung-dung chấm-phá làm sống lại những hình ảnh hiên-ngang hào-hùng trong chiến-đấu cũng như khi đối-diện với cái chết của các bậc anh-hùng đất Quảng. Cũng với thể loại hư-cấu, những khía cạnh tiêu-cực xảy ra trong lòng của cuộc chiến-đấu giành độc-lập cũng được lột trần, góp cho hậu thế những bài học cần tránh về sau.

Là một nhà thơ tiền-chiến, đã cùng với Thanh-Tĩnh đạt giải nhất đồng hạng cuộc thi thơ do Hà-nội-báo tổ-chức năm 1936, Hoa-sơn đã đem tâm-hồn thơ, lòng ngưỡng-mộ các bậc anh hùng tiền-bối mà hiến-dâng thật nhiều công-phu để xây-dựng nên cuốn "Chiến-sĩ sông Thu". Phong-thái lãng-mạn, thi-văn đã bao-phủ từng trang lưu-cảo. Độc-giả yêu thơ sẽ gặp lại những bài thơ mà các nhà cách-mệnh tiền-bối đã cảm-tác trong những hoàn-cảnh nguy-nan của cuộc chiến-đấu giành độc-lập cho quê-hương.

Trong cuộc tấn-công đầu xuân năm Mậu-thân (1968), Hoa Sơn đã mạo-hiểm trong lửa đạn, từ nơi tạm-cư, trở về với mục-đích duy-nhất để lấy bản-thảo cuốn "chiến-sĩ sông Thu". Con cái nhìn ông trở lại nơi tạm-cư với tập bản-thảo trên tay mà cảm-nhận bao nhiêu tâm-huyết ông đã dành cho đứa con tinh-thần của mình. Cuốn sách đang viết dở-dang, Hoa Sơn chưa kịp đọc lại để hiệu-đính. Một lưu-cảo như vậy không thể nào tránh được sai-sót. Rất mong người đọc bỏ qua và đóng góp thêm những chi-tiết nếu có. Gia-đình Hoa-Sơn xin ghi nhận với lòng biết ơn.

" Chiến Sĩ Sông Thu" đã được Hoa-sơn thai-ngén từ những năm 1958 bằng việc đi sưu-tầm tài-liệu ở những con-cháu, bạn-hữu còn sống của các nhà cách-mệnh vùng sông Thu-bồn. Bốn mươi lăm năm sau khi Hoa-sơn nằm xuống, cuốn sách mới được phát hành. Đó là do thế-sự thăng-trầm? nhưng cái chính là do lòng con cái không đủ chữ hiểu. Nhưng chậm còn hơn không. Tiếc thay, những người đã được nghe Hoa Sơn nói về cuốn sách và chờ-đợi để xem cuốn sách xuất-hiện trên văn-đàn như nhà văn Nguyễn văn Xuân, giáo-sư Vũ-Ký, các thân-hữu của Hoa Sơn như Lê quang Châu, Phạm quang Vạng, chờ đợi mãi-mòn đã rủ áo ra đi, không trở lại. Con cái Hoa Sơn xin cúi đầu tạ-lỗi.

Là một thi-nhân, Hoa-sơn luôn thả tâm-hồn rung-động trước cái thiện, cái đẹp của cuộc sống. Khi cầm bút viết văn, nhất là văn-sử của một giai-đoạn đấu-tranh đầy những mưu-mô thâm-độc, đầy sự giết-chóc tàn-bạo, Hoa Sơn, qua ngòi bút tả chân, đã truyền tải đến người đọc sự đau-khổ bần-

khoản của tâm mình trước sự giết hại một con người, dù đó là một kẻ thù. (xin đọc: "vụ phục-kích Hương-An"). Sẽ không sợ sai lầm nếu nói rằng, tâm-hồn Hoa Sơn mong-manh, dễ rung-động, thích hợp với văn thơ hơn là chính-trị, cách-mệnh. Có lẽ chính Hoa Sơn cũng nhận ra điều đó, ông thường khuyên bảo con cái: "Hãy làm chuyên môn mà sống, đừng làm chính-trị".

Là một thi-nhân, Hoa Sơn say-đắm trong cái đẹp của phong-cảnh thiên nhiên. Lặn-lội mười năm cho hoạt-động cách-mệnh và bị tù-đày trong các trại giam giữa núi rừng Tiên-phước, cảnh-sắc u-tịch, hùng-vĩ của miền sơn-cước Quảng nam đã ngủ sâu trong tâm-hồn nhà thơ. Khi cầm bút viết văn, những kỷ-niệm lại bùng-bừng thức-giác, dẫn-dắt ngòi bút sa-đà vào cái thiên nhiên thơ-mộng mà quên đi cái thực-tại hiểm-nguy của các nhân-vật. Những địa-danh đầy thi-vị như sông-Tiên, Thảo-huy, Thảo-đế, Hòn-kẽm đá-dừng, Cẩm-khê, Hương-an.... đã mê-hoặc lòng Hoa Sơn. Những ai xa xứ, sẽ có cơ-duyên sống lại những kỷ-niệm quê nhà qua từng địa-danh, từng giọng tả của Hoa Sơn.

Là một nhà hoạt-động cách-mệnh hậu-bối so với các nhân-vật trong sách, Hoa Sơn đã dùng những nhân-vật trong truyện để trải tấm-lòng ưu-tư cho dân-tộc nước-nhà. Ông viết, không chỉ để ghi lại sự-kiện mà còn để hồn mình đi theo bước thăng-trầm của các biến-chuyển, thành bại của các nhà cách-mệnh Cần-vương. Nỗi lòng buồn vui của nhà cách-mệnh Nguyễn Thành khi nằm ngoài Côn-đảo, chính là nỗi lòng của Hoa Sơn. (Xin đọc: chương 23 - con đường gian-nan). Bằng cách chỉ đơn-thuần ghi lại sự-kiện, Hoa Sơn đã cho hậu-thế thấy sự thâm-độc và sự tàn-phá của những kẻ bán nước như Nguyễn Thân, Châu đình Kế, Hồ đắc Trung, Trần bá Lộc ... đối với công-cuộc đấu-tranh giành độc-lập dân-tộc và công-băng xã-hội. Lịch-sử đang xoay vần trở lại, một thời-kỳ lệ-thuộc mới có thể sắp xảy ra. Nếu "Chiến-sĩ sông Thu" đem lại cho các chiến-sĩ đang giương lá cờ đầu cho độc-lập dân-tộc, tự-do, dân-chủ và nhân-quyền trong nước, một bài học nhỏ-nhoi nào đó từ sự "ôn-cổ tri tân" thì chắc Hoa Sơn sẽ rất thỏa lòng nơi chín suối.

Viết tại Hoa-kỳ, mùa xuân 2013.

Gia đình Hoa sơn

Mở đầu một trang sử.

Kể từ Bến-ván, Nam-traí,
Hai bên Trảng Chuối, đường dài thậm xa.
Kể từ Ông Bộ kể ra,
Cây Trâm, Trà-lý bước qua Bầu-bầu.
Tam-kỳ, chợ Vạn đâu đâu?
Ngó lên đường cái thấy lâu ông Tây.
Chiên-đàn, chợ Mới gần đây,
Kế-xuyên buôn bán đông tây rộn ràng.
Ước gì thiếp bén duyên chàng,
Đường xa cách mấy dặm tràng cũng theo.

Vào khoảng cuối thế kỷ thứ mười chín, cô Nở, một người con gái đa tình, đi khắp tỉnh Quảng-nam và hát những câu trên. Nếu chịu khó theo dõi người thực nữ và đi xa hơn nữa trong thực tế, miền sông Thu-bồn còn dành cho ta nhiều sự mới lạ. Lúc bấy giờ, nền kinh tế ở Quảng-nam không chỉ thu hẹp vào một vài thị-trấn nhỏ nhỏ ở về miền duyên hải hạt Tam-kỳ mà còn quy tụ vào hai cửa bể Đà-nẵng và Hội-an. Cửa Hàn, nơi qua lại của những chiếc tàu thủy hùng-dũng, kiêu-ngạo, khi-hành từ phương tây, đương ở trong thời kỳ phát triển. Thành phố Hội-an, ở trên cửa-Đại, chỗ tập trung của những chiếc ghe mảnh nặng nề, chậm chạp, vươn mình thở hổn hển, lim dim hồi tưởng lại cái thời kỳ xa xưa, khi người Anh-cát-lợi, người Nhật-bản, người Hà-lan còn lui tới buôn bán tấp nập. Ngoài hai hải cảng nói trên, là chỗ phồn hoa đô hội vào bậc nhất, kinh kỳ phố Hiến của miền trung, ta còn phải chú ý đến Dương-yên và Vĩnh-diện. Thị trấn sau này không mấy may quan trọng về thương mại hay kỹ thuật, nhưng lại được nổi tiếng vì ở đây có tỉnh-thành, lí sở của quan tuần-vũ, người chịu trách-nhiệm về mặt hành chánh. Dương-yên, thị-trấn thứ nhất ở miền sơn-cước, chỉ là một cái làng nghèo-nàn thừa thớt, chìm ngập từ lâu đời trong một vùng núi non cực kỳ hiểm-trở, quanh năm dân chúng chỉ biết ăn đọt sắn với muối, mặt trời chỉ biết mọc vào lúc đứng trưa, buổi sáng còn bị sương mù bao phủ kín y hệt như lúc ban đêm. Trong chốn hoang-vu cổ-truyền ấy, lại xuất-hiện những thành-trì qui-mô, đồn-lũy vững-chắc. Ở đây có nha sơn-phòng, lí-sở của quan chánh sứ, chuyên coi về việc quân sự. Nói tóm lại, tất cả sự hoạt-động ở trong tỉnh về mặt chính-trị đều tập-trung vào hai chỗ xung-yếu ấy.

Một buổi sớm, vào thượng-tuần tháng bảy năm 1885, trên con đường thiên-lý dài tám-tấp, năm vắt ngang qua địa-phận tỉnh Quảng-nam như một tấm lụa mỏng, người ta trông thấy một vị quan văn, đầu đội nón Gò-Găng, chân đi giày hạ, ngực đeo bài ngà, mình mặc áo lương La-cả, cỡi một con ngựa Phú-yên màu xám, tiến rất nhanh về hướng nam. Hai tên lính giản mặc áo dẫu lủi-thủi chạy theo sau, một tên mang cái khăn gói khá to ở trên vai, có

về mặt nhọc hơn, một tên nữa, ôm chặt trong cánh tay một cái tráp chữ nhật cấn xa-cừ; cả hai đều cố-gắng theo cho kịp con tuấn-mã sung-sức đương phi nước đại. Tới trạm Hương-an, ở về hạt Quế-sơn, thầy trò mới dừng bước. Tên lính hầu vội-vả chạy lại cầm dây cương, kéo con ngựa đương hăng-hái về một bên, đưa tay đập rất nhẹ vào lông gáy của nó:

-Bum! Bum! ngoan đi nào!

Ý-thức được những cái vỗ-về âu-yếm ấy, con ngựa cúi đầu xuống và đứng lại ngay. Vị quan văn chuyển mình, ấn thật mạnh chân phải vào chiếc bàn đạp nháy lệ-làng xuống đất. Thấy ở bên lề đường có một cái quán cơm bằng tranh sạch-sẽ, cao-ráo, vị quan văn cùng hai tên lính hầu đi vào, người chủ đi về phía chiếc sập bằng gỗ mít kê chính giữa nhà, lên ngồi chễm chệ một mình, hai tên lính-giản đứng khoanh-tay chầu hai bên tương-tự như Châu Xương, Châu Bình trong một bức tranh thủy-mặc.

Liền khi ấy tên chủ quán, chít một cái khăn lông bờm xồm, từ trong xó bếp chạy ra, chấp tay vái hết sức kính-cẩn:

-Bẩm cụ lớn !

Mấy tên nông-dân hàng xóm, ý chừng đi làm lụng ở ngoài đồng mới trở về, luôn tiện ghé vào quán-xá như thường lệ để dọn dấm thức ăn và đứng dưới mái hiên trò chuyện rầm-rĩ với nhau. Nghe tiếng chào hỏi ở bên trong, họ đưa mắt dao cau nhìn vào thật mau lẹ, rồi bấm tay nhau đi tàng lờ về một phía khác, vừa đi vừa nói rất khẽ:

- Chết bây, quan sơn- phòng!

Mà thật vậy, vị quan văn đương ngồi trong tửu-điểm là tiến-sĩ Trần văn Dư, người ở làng An-mỹ-đông, phủ Tam-kỳ, lúc bấy giờ đang giữ chức chánh-sứ tại nha sơn-phòng Dương-yên. Thân-hình mảnh-dẻ, tầm-thước, nước da trắng trẻo, hai mắt sáng-quắt như hai vì sao, cử-chỉ ngôn-ngữ khoan-thai, quan sơn-phòng có cái vẻ siêu-phàm của một bậc tu-hành và cái dáng-diệu thanh-tao của một nho-sĩ.

Lúc quan sơn-phòng mới bước vào, khách hàng ở trong quán còn thưa thớt, nhưng dần dần kẻ ra người vào lại càng đông đảo thêm.

Quan sơn-phòng-sứ phải nấn-ná ngồi lại để quan-sát tình-hình. Họ là những kẻ bộ-hành từ phương xa mới đi lại, mỗi người còn mang theo trên khuôn mặt, trên chéo áo, trên mái tóc, một ít hương-vị nồng-nàn của những miền viễn-cách. Họ là những tên lính kinh vừa mới đào-ngủ sau những ngày phiến-biến. Cuộc khởi-nghĩa của Nguyễn văn Tường, Tôn thất Thuyết đã thất-bại, vua Hàm-Nghi đã xuất bôn ra ngoài Tân-sở, họ mới lên đường chạy một hơi từ Thuận-hoá vào Quảng-nam, quên ăn quên ngủ, mỗi người chỉ cầm vòn vện một cành lá để che sương dờ nắng, y hệt như những con đồng, con vía trong một buổi nhập hồn. Họ còn là những thầy khóa rủi-ro vừa mới bỏ trường-thi để tỏ lòng công-phần. Thí-sinh trường Bình-định thì tự-động rút lui sau khi nghe tin thất-trận, thí-sinh trường La-chữ ở Thừa- thiên thì rủ nhau chạy loạn trong lúc ban đêm. Tất cả đều có vẻ bơ-sờ, sững-sốt vì những chuyện vừa mới tai nghe mắt thấy trong cơn binh-lửa.

Một lát nữa, bọn khách thập-phương lại kéo nhau vào ngồi chật ních ở trong

tửu-điểm để nghe câu chuyện thất-thủ. Nông-dân ở những vùng lân-cận, thương-nhân ở miền nguồn, phường-chài ở miền duyên-hải, ai nấy cũng hăm-hở muốn biết thời-sự. Một tên lính hộ-thành làm ra vẻ thông-thạo, ngồi treo máy trên cái rương xe đặt ngoài hiên cất giọng nói thật to như muốn làm cho mọi người phải chú ý:

- Có tất cả hai vị tiến-sĩ bị chết !

Một thầy-khoá vừa mới ăn mì gà xong, miệng còn dính cả mỡ, đứng xía răng một cách khoái-chí ở bên ảng nước lạnh bắc gần chái bếp, thấy ngửa ngáy ở trong mình, cũng chạy xồng-xộc lại mà hỏi:

-Tôi đồ anh biết vị nào chết vì tạc đạn?

Biết câu chuyện của mình đã có dư-âm trong quần-chúng, tên lính hộ-thành vội-vã đứng dậy trả lời một cách lãnh-đạm:

- Không có vị tiến-sĩ nào trúng phải tạc đạn. Tiến-sĩ Nguyễn Thích, ở huyện Hà-đông chết không rõ vì sao trong cuộc hỗn loạn. Còn tiến-sĩ Hoàng văn Hoè, người ở Hà-nội, đã nổi tiếng trong khoa uyên-bác, vào ẩn-núp trong một căn nhà ở gần cầu Thăng-long, bị bom nổ mà thiệt-mạng.

Tên lính hộ-thành vừa nói dứt lời thì mọi người đều chặt lưỡi:

-Tội- nghiệp!

Một ông đồ già, không rõ từ phía nào đi lại, nhưng từ nãy đến giờ vẫn chăm-chú nghe câu chuyện thất-thủ, liền cất giọng ngâm-nga một mình. Ta lược thuật ra đây, theo di-cảo của Song-nguyên Huỳnh thúc Kháng, bài "Cảm-thuật" mà ông đã ứng khẩu trong tiệm cơm, bên cạnh một bàn đèn, giữa hai bát nước chè quần đậm như máu đĩa:

Kinh-đô thất-thủ việc khôn-lường,
Thương Chúa từ đây trái gió-sương.
Cam-lộ dời ra nhờ có Thuyết,
Nhà chung ở lại giận cho Tường.
Vua ta thế ấy, rồng nằm vực,
Giặc nọ đường kia, cá đứng mương.
Chưa rõ cơ trời sao vậy nhỉ !
Bao giờ đem lại của đồ-vương?

Bài "Cảm-thuật" vừa chấm-dứt thì đoàn người di-cư ở trong quán xá lại càng huyền-náo hơn nữa. Ai nấy cũng thi đua, mỗi người chêm một câu để kéo dài cuộc hội-họp vì họ cho rằng kinh-đô thất-thủ là việc ngàn năm một thuở. Trong lúc quần-chúng đang xao-xuyến tới cực-điểm như vậy thì ở trong tửu-điểm tiến-sĩ Trần văn Dư vẫn ngồi tĩnh-ruội một mình, có vẻ trầm-tư mặc-tưởng. Quan chánh-sứ lắng tai nghe tất-cả những mẩu chuyện rời-rạc có liên-hệ đến việc khởi-nghĩa ở kinh-đô. Cuối cùng không kiềm-chế được mỗi cảm-xúc, quan chánh-sứ phải để cho hai giọt lệ nở ra trong khoé mắt.

Tiến-sĩ Trần văn Dư hồi-tưởng lại những trang-sử giông-tổ nhất trong đời sống của mình. Vừa mới hôm kia, nhận được bức mật-thư của Tôn thất Thuyết, ông liền từ-giã nha sơn-phòng trong một buổi sớm đầy sương mù và

đi thẳng một mạch ra tới Vĩnh-diện. Tại đây ông đã gặp phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, người ở làng Thanh-hà, phủ Điện-bàn, lúc ấy giữ chức thương-biện tỉnh-vụ. Hai người bàn luận với nhau thật lâu rồi dắt nhau vào tỉnh-đường để yết-kiến quan tuần-vũ Nguyễn-đăng-Ngoạn, người ở làng Kim-giao, huyện Mộ-đức, tỉnh Quảng-ngãi.

Tiến-sĩ Trần văn Dư đi ngay vào vấn đề:

- Nhà vua đã chạy ra Cam-lộ, Ngài định làm thế nào ?

Quan tuần-vũ Nguyễn đăng Ngoạn trả lời một cách gián-tiếp:

- Nhà vua xuất-bôn thì đã có tam-cung và nhiếp-chính Thọ xuân Vương thay thế.

Tiến-sĩ Trần văn Dư có vẻ không bằng lòng vì lối phúc-đáp ấy:

-Ở đây ai cũng biết nhiếp-chính Thọ xuân Vương và tam-cung làm tay sai cho Pháp. Ta sẽ ăn nói làm sao với dân-chúng ?

Tuần-vũ Nguyễn đăng Ngoạn cũng cảm thấy những nỗi khó-khăn trong việc đối-xử sau này, liền chất-vấn:

-Nếu không theo chính-quyền hiện-hữu, ta còn biết làm gì hơn ?

Nghe câu hỏi ấy, Tiến-sĩ Trần văn Dư đứng dậy và nói một cách đồng-dạc:

-Tại sao ta không nắm lấy cơ-hội, chiếm-đoạt tỉnh-thành và chống cự với người Pháp ?

Tuần-vũ Nguyễn đăng Ngoạn suy-nghĩ hồi lâu, rồi lắc đầu:

-Tôi không phải là người thổ-trước, trách-nhiệm ấy không phải về phần tôi đảm-nhận.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu cũng lấy đại-nghĩa để khích-lệ tấm lòng trung-quân ái-quốc của vị tỉnh-trưởng, nhưng cuối cùng tuần-vũ Nguyễn đăng Ngoạn vẫn khư khư từ-chối, không dám đài-đương những việc to lớn.

Cuộc thương-thuyết đã hoàn-toàn thất-bại. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu bèn rủ quan sơn-phòng Trần văn Dư tới dự một phiên họp bí-mật tại nhà cử-nhơn Lê tấn Toán, người ở làng Hà-lộc, phủ Điện-bàn. Lần này giữa chiến-sĩ với nhau, sự đồng-ý về chánh-kiến có thể thấu-thập một cách dễ-dàng hơn. Ai nấy cũng muốn lấy việc "cần-vương" và "bình tây sát tả" làm phương-châm cho cuộc đấu-tranh của mình. Tuy vậy một khi nhóm văn-thân bàn tới việc đề-cử một vị lãnh-tụ, người ta mới bắt đầu suy-nuy, thối-thác lẫn nhau.

Cử nhân Lê tấn Toán người được sĩ-dân tán-thành và tín-nhiệm hơn hết, lại viện lấy tuổi già, sức yếu mà từ-khước.

-Tôi xin đứng ra ngoài và đem hết tài-sức ra làm việc cho chính-nghĩa.

Ngự-sử Huỳnh-bá Chánh, người ở làng Khái-đông, huyện Hòa-vang, được công-chúng đề-bạt kế tiếp theo đó cũng không chịu nhận việc.

- Nếu xét về tuổi tác, ông cử Hà lộc và tôi có trội hơn quan sơn-phòng Trần văn Dư non một giáp. Nhưng lấy cái tài-đức và nhất là cái bồ chủ ở trong ruột thì quan sơn-phòng lại bỏ xa chúng tôi đến hàng mấy chục dặm. Chi bằng ta tôn ngài lên làm minh-chủ rồi ta núp ở đằng sau mà ủng-hộ, việc lớn tất-nhiên sẽ thành.

Nghe lời Ngự-sử Huỳnh Bá Chánh đề nghị, hầu hết văn-thân đều hưởng-ứng và mời tiến-sĩ Trần văn Dư lên ngồi trên bộ phận giữa. Miễn-cưỡng quan

sơn-phòng sứ phải chấp-nhận và đứng lên tuyên-thệ trước mặt bá-quan văn-võ.

Cuộc hội-ng nghị bế-mạc. Tiến-sĩ Trần văn Dư từ-giã các đồng-chí, rồi một người một bóng, ông cho con ngựa Bum chạy như bay trên những quãng đường quen thuộc, mỗi lúc mỗi xa-xôi, vắng-vẻ, hui-hắt như gió biển trắng ngàn.

Ngày mười chín tháng bảy năm 1885, tiến-sĩ Trần văn Dư về tới nha sơn-phòng Dương-yên. Quan tể-tửu Nguyễn đình Tự, tiến-sĩ xuất thân, người ở làng Phú-thị, phủ Tam-kỳ, đã mang sắc-chỉ của triều-đình vào chực sẵn tại đây. Theo lệnh mới, Tiến-sĩ Nguyễn đình Tự được sung-chức chánh-sứ tại nha sơn-phòng Dương-yên. Tiến-sĩ Trần văn Dư phải hoán-bổ bổ-chánh tỉnh Bình-thuận. Tin này không làm cho quan sơn-phòng Trần văn Dư ngạc-nhiên hay bức-bội, vì trong mấy ngày gần đây, ông ráo-riết chuẩn-bị khởi-nghĩa để chống lại người Pháp. Tin này cũng không làm cho sĩ-binh lưu-ý, vì ở tại Dương-yên, từ đề-đốc, lãnh-binh cho tới người lính thường, ai nấy cũng đều biết nhà vua đã tạm lìa kinh-thành, tất cả sắc-chỉ đều do nhiếp-chánh Thọ xuân Vương và Nguyễn văn Tường làm ra.

Vì vậy lúc bàn-giao công-vụ, tiến-sĩ Trần văn Dư vẫn đem ấn-kiếm ra nộp lại và chỉ nói chưa nói mát vốn-vẹn có một câu trước mặt công chúng:

- Nhà vua đã xuất-bôn rồi. Ông tề-phụng mệnh ai mà vào nhận chức này ?

"Sông Thu" đáp lời gọi cần-vương

Trong căn nhà rường tám cột năm gọn-gàng giữa một khu vườn lịch-sự ngó ra cánh đồng làng An-mỹ, Tiến-sĩ Trần văn Dư đang ngồi bàn-bạc với một nhóm tướng lãnh. Còn ở ngoài sân có che trại hắt-hoi, người ta thấy nhiều bộ phận ngựa sắp thành hàng song-song, trên mặt có lót chiếu bông, màu sặc-sỡ. Mấy tên đầy tớ ra vào lẩn xăn. Một chốc nữa, chúng nó mang lên mỗi đứa một cái mâm bằng gỗ và đặt ngay ngắn ở giữa bộ phận. Bên cạnh mỗi cái mâm lại có một chai rượu quân trắng đã mở nút và một bộ chén chung úp vào một cái đĩa xưa màu nguyệt-bạch. Thức ăn chỉ gồm vồn vẹn mấy món rất quen thuộc ở miền thôn-dã, thịt heo xắt phay, đựng trong những cái đĩa ngang, thịt trâu nấu xáo mức trong những cái bát tai bèo thật to lớn, bánh tét nếp hương, mì gà và xôi đỏ. Quan khách ngồi xấp bằng thành vòng tròn, vừa đánh chén vừa nói chuyện thì thầm với nhau. Toán nào ăn xong thì đứng dậy đi ngay để nhường chỗ cho những kẻ đến sau. Họ không nấn-ná ở lại để bàn-luận đông-dài hay để xoi-bói lẫn nhau như trong những thời-kỳ yên-tĩnh. Lần này không phải là lần đầu tiên trong nhà quan nguyên sơn-phòng mới có một cuộc đãi đằng đại-qui-mô như vậy. Trước kia, trong vòng hai mươi năm trở lại, gia-đình này đã tổ-chức hai cuộc đón-rước thật linh-đình. Lần thứ nhất là khi quan sơn-phòng đỗ cử-nhơn và trở về quê-quán. Người ta cũng phải mổ heo tàu, cũng phải vật trâu cổ, cũng dọn mâm bàn, cũng che lều trại. Khách-khứa cũng ăn uống tràn-trề, cũng say-

sửa túy lúy. Nhưng đám rước nào cũng không long-trọng, huy hoàng bằng khi quan sơn-phòng đồ tiến-sĩ trở về quê-hương cùng một lượt với phái-đoàn của chính-phủ. Lần này dân-chúng hân-hoan vác cờ xí đi biểu-diễn trên đường thiên-lý kéo dài đến hàng chục cây-số. Tiếng nhạc bát-âm, tiếng bu-lu, tiếng ốc chen lẫn với tiếng trống châu đại-doanh. Ngồi trên một con ngựa ô vạm vỡ, mình mặc áo triều-phục, đầu đội mũ cánh chuồn, chân đi hia mu cong, tay cầm hốt bạc, quan sơn-phòng trông có vẻ oai-nghi, đường-bệ. Đoàn biểu-tình uốn lượn nhiều vòng trên những khúc bờ đê, rồi mới đi vào tòa văn-thánh. Ở đây người ta phải làm lễ tạ ơn trời đất và các vị thánh-hiền. Xong xuôi, đoàn người lại tiếp tục diễu-hành để đưa quan sơn-phòng về nhà làm lễ vinh-quy bái-tổ. Thật là một ngày tưng-bừng, lộng-lẫy. Nhưng đó chỉ là dĩ-vãng. Bây giờ tiến-sĩ Trần văn Dư hội-hợp sĩ-dân lại để làm một việc đại-nghĩa, mở một cuộc chinh-phạt, khôi-phục cho nhà vua, giải-phóng cho dân-tộc. Từ mừng-tưng sáng, lệnh xuất-quân đã ban ra. Tất cả mọi người đều lo ăn uống thật mau để lên đường ra mặt trận. Văn-thân ở những hạt xa-xôi phải trở về đơn-vị của mình gấp rút để kịp hướng-dẫn quần-chúng đánh lấy tỉnh thành. Dân chúng thuộc hai hạt Tam-kỳ, Tiên-phước phải chuẩn bị ráo-riết để nội trong một ngày, hạ cho được thành Dương-yên ở về miền sơn-cước. Tiếng loa đã vang dậy khắp nơi, tiếng ngựa hí mỗi lúc mỗi dồn-dập mà Thương-biện Phạm trọng Thảng, người làng An-tây, huyện Quế-sơn, vẫn còn khệ nệ ngồi lại để uống rượu. Tiến-sĩ Trần văn Dư nghe báo cáo, chạy lại thúc-giục và nói một cách khoan-thai, nửa như đùa, nửa như thiệt:

- Người ta bảo ông gan dạ lắm. Bây giờ cháy nhà mới ra mặt chuột. Thương-biện Phạm trọng Thảng, mặt đỏ gay, cầm chai rượu quân-thắng giơ lên thật cao, và luôn miệng ngâm bài "Lương châu tử" của Vương Hàn:

"Bồ-đào mỹ-tửu dạ quang bôi,
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi.
Túy ngọa sa-trường quân mạc tiểu,
Cổ lai chinh-chiến kỷ nhân hồi"

Ai nấy cũng bật cười.

Nghe đọc xong, tiến-sĩ Trần văn Dư nhìn vào mặt người bạn của mình mà nói:

-Ông thử phỏng-dịch bài thơ tứ-tuyệt ấy ra tiếng nôm, ông làm được tôi sẽ miễn cho ông cái tội khinh-xuất.

Không để cho quần chúng mồi mọc nhiều lần, Thương-biện Phạm trọng Thảng liền ứng-khẩu ngâm-ngã mấy câu thơ như sau:

Bồ-đào chất rượu còn nguyên,
Dạ-quang nâng chén, lệnh truyền phải đi.
Say nằm chiến địa cười khi,
Xưa nay đánh dẹp mấy khi dặng về"

Một lần nữa, tiến-sĩ Trần văn Dư chạy lại nắm cánh tay người bạn mà tuyên bố:

-Văn-thân Quảng-nam không thiếu nhân-tài. Ta lo gì mà đại-sự không thành. Rồi tiến-sĩ Trần văn Dư hướng-dẫn đoàn quân nhân-dân vừa mới củ-tập, nhằm dãy Răng-cưa và dãy Chinh-lãnh mà tiến về phía mặt trời lặn. Lá cờ vàng, màu sắc của nhà Nguyễn đi trước, bay phất-phới giữa những vạt đậu tứ-quí, đậu Bình-định vừa mới ra gương hay những luống đậu xanh vừa mới chín bó. Mặc bộ áo triều-phục, cỡi con ngựa ô vạm-vỡ, tiến-sĩ Trần văn Dư tuần-tự theo sau. Nổi gót vị chủ sủy là nhóm văn-thân với những chiếc võng điều bỏ dim xanh giữa hai dãy lọng vàng hay những con tuần-mã kế tiếp nhau bước một, trông ngoạn-mục lắm. Hàng tướng-lãnh không mặc áo ngắn như đám thường dân. Lối phục-sức của họ cũng khá phức-tạp. Có người còn giữ trên mình chiếc mũ cánh chuồn, chiếc áo-bào, chiếc xiêm mà họ vẫn dùng khi còn tại chức, nhưng hầu hết đều bận những chiếc áo dài thung thênh cắt năm thân bằng nhau với những thứ hàng Tàu quý-giá như đoạn Kim-ngân, địa song-ngư, gấm thất-thể, hay những thứ hàng tơ lụa kỳ-cầu như xuyên Sài-gòn, như lương La-cả. Họ đều chít khăn nhiều màu da trời, thắt dây lưng màu hổ-hoàng, đi giày hạ và búi tóc ở về phía sau ót. Vừa mới hôm qua họ là những ông lang, ông đồ, thầy tú, thầy cử hay những vị quan-chức tại triều. Họ còn sống cuộc đời thanh-nhàn, vô-tư của những bậc nho-sĩ, kẻ thì uống rượu ngâm thơ, người thì chơi hoa vịnh-nguyệt. Những hạng thất-thể lui về ẩn-dật nơi thôn-dã thì quanh năm chỉ biết mỗi một việc đi săn nai, săn heo ở trên rừng, đánh cá nun, cá rói ở dưới sông, mò cu găm-ghì ở trên đầu non, rập chim xanh ở trong eo gió, đua ngựa hay đá gà. Vì thời thế biến-chuyển mau lẹ, họ đã một sớm hóa thân như con tắm mùa xuân phá vỡ cái kén và biến thành những thầy quản, thầy đội, lãnh-binh, đề-đốc hay những vị tán-tướng quân-vụ. Lúc xuất trận họ nhường cho quan sơn-phòng đi trước để lãnh-đạo dân-chúng và họ lần-lượt theo sau. Mỗi người cỡi một con ngựa trông tợ như một đoàn tạp-phu đi hộ-vệ một vị phiên-hầu săn chim ưng, thả chim mắt-cắt trong thời-kỳ trung-cổ. Họ cũng khá chú-trọng đến việc tiếp-tế lương-thực. Sau nhóm văn-thân là một toán lính mang những cái bung, cái nồi bầy bằng đồng, những cái liễn, cái ché bằng sành, những đôi bầu bằng nan, những chiếc rương đen thui-thúi hay những quả tháp màu đỏ chói. Toán hỏa-thực này đi chặng giữa. Kế tiếp theo là nhóm đông nhân-dân mộ trong những vùng lân-cận. Binh-lính thuộc về hạng người nghèo-nàn thất-học, vì vậy lối ăn mặc của họ cũng không lấy gì làm đặc-biệt cho lắm. Họ bận một chiếc áo cụt cổ bầu bằng vải ta, để quần trật bù-lươn xắn tròn lên tới đầu gối. Một số ít người có vẻ hãnh-diện với chiếc áo quạ lờ bằng dũi hoặc bằng thao phủ màu nâu hay chiếc áo cổ kiềng bằng vải dù màu đen lánh. Một số ít hơn nữa lại có ý khoe-khoang sợi dây lưng bằng lụa dài đến bảy tám sải mà họ quấn nhiều vòng chung quanh thân mình rồi thả nhiều tua lơ-lửng phía trước. Họ toàn đi chân không, người nào người nấy cũng còn giữ trên chân tay, trên khuôn mặt hay trên búi tóc bờm-xờm, mấy vết bunn

lầy, kết-quả của những giờ lao-động ở ngoài đồng-án. Bị động-viên bất thành-linh, họ chỉ có thể mang theo những thứ vũ-khí tạm-bợ họ đã sử-dụng hằng ngày như rựa quéo, rựa vạc, rìu, búa, bừa cào, cuốc chĩa. Có một số ít người đeo trên vai những chiếc giỏ cau với những viên đá sắc bén mà họ đã ra công tìm-tòi trên bờ suối. Có một số ít hơn nữa lại xách những cái ống thụt bằng tre chứa đầy ớt chuột, ớt chỉ thiên nghiền nhỏ hòa lẫn với nước. Nhưng phần đông chỉ biết vác xác đến, lên đường với hai bàn tay không y hệt như khi họ rủ nhau đi xem một tuồng hát phường-chèo ở một làng bên cạnh. Hàng tướng-lãnh cũng không được vũ-trang khí-giới. Họ phải mang theo những dụng-cụ sẵn có hằng ngày như giáo sào, mã-tấu, những cái khiên bằng rơm-bưởi, hay những vật liệu như hỏa-hổ, dầu tây. Trong những ngày đầu của cuộc khởi-nghĩa, hiếm lắm mới tìm thấy một vài khẩu súng hỏa-mai làm bằng tre gốc nẹp bằng lưu-huỳnh trộn lẫn với bột than thù-đầu.

Lúc mới nhóm họp, đoàn quân ô-hợp này chỉ gồm độ năm bảy ngàn người, nhưng về sau nó lại tiếp-nhận được nhiều toán quân khác. Vào lúc đương trưa, sĩ dân tới làng Thanh-bình trên bờ con sông Tiên. Khi tạm dừng bước để chỉnh-đốn hàng-ngũ, thì tú-tài Phan đình Bình, người làng Tây-hồ, phủ Tam-kỳ, đã phi ngựa theo kịp để báo-cáo với quan nguyên sơn-phòng sứ:

- Sĩ-dân miền ngoài đã kéo về tỉnh-thành và còn chờ lệnh để siết chặt vòng vây.

Tiến-sĩ Trần văn Dư gật đầu nói với một giọng quả-quyết:

- Được! cho phép họ tấn-công.

Nhận được chỉ-thị của cấp trên, tú-tài Phan đình Bình quay ngựa lại, dùng gót chân thúc mạnh vào bên hông của nó, con tuấn-mã hí lên một tiếng vang trời, tể một hơi và biến mất. Đoàn dân-quân, sau một hồi nghỉ-ngơi, lại rần-rần rộ-rộ tiếp-tục cuộc hành-trình. Lúc này, hoặc vì mệt mỏi, hoặc vì dụng-ý, các vị tướng-lãnh đã lộn lại phía sau để cho binh-sĩ cái trách-nhiệm lãnh-đạo dân-chúng. Khi đã vượt qua những chữ chi chữ nhất của khúc đèo Liêu, họ có thể trông thấy phía trước nhiều tên lính đang kéo nhau đi từng cụm rồi tìm cách tẩu-thoát vào trong bụi rậm. Một sĩ-dân hốt-hoảng vội-vả chạy lại trình với vị chủ-sứ:

- Bẩm cụ lớn! có quân mai-phục!

Tiến-sĩ Trần văn Dư mỉm-cười trả-lời một cách thản-nhiên:

- Không ngại !

Vào khoảng năm giờ chiều, đoàn quân nhân-dân tới địa-phận làng Dương-yên. Tiến-sĩ Trần văn Dư trông chừng phía trước và chỉ thấy một lá cờ bay quẩn-quại trên vọng gác. Càng tiến gần, đồn-lũy lại hiện ra tiêu-điều, vắng-vẻ ở trong thung-lũng. Không một tiếng chó sủa, không một bóng người. Đoàn quân nhân dân theo cửa bắc đi vào trong thành không gặp một sự kháng-cự nào hết. Họ phân-công đi chiếm đóng các kho-tàng, dinh-thự. Tại công-đường họ tìm thấy một bản trần-tình bằng chữ nho, đại-lược như sau: "Tôi, Nguyễn đình Tự, tiến-sĩ xuất-thân, vốn sinh-trưởng nơi sân Trình của Khổng. Trải qua bao nhiêu cuộc thuyên-chuyển từ giáo-thụ, đốc-học cho tới

tế-tửu, phụ-đạo, tôi vẫn lấy việc giáo-huấn làm phương-châm, lấy nghĩa-phương làm mục-đích. Sau ngày phiến-biến, nhơn lưu trú tại kinh-thành tôi bị cường-quyền áp-bức, phải tạm nhận-chức sơn-phòng. Đó là vì nhất thời tòng-quyền, chớ không phải là bình-sanh sở-nguyện. Nay xét hoàn-cảnh đổi thay, nước nhà gặp cơn tao-loạn, lại xét mình không thể đảm-nhận cái trọng-chức này, tôi tự-nguyện xin đem ấn-kiếm, đạn-dược, thành trì nạp lại cho những bậc đến sau có tài-đức hơn tôi".

Tiến-sĩ Nguyễn đình Tự đã dự đoán những việc phải xảy ra. Trước đó một ngày, ông đã kiểm-điểm tiền-bạc, sắp đặt hồ-sơ tử-tập, niêm-phong tất cả lại một cách kỹ càng, rồi đổi tùy năm ba người thân-tín, ông về sống ẩn-dật tại làng Phú-thị, thuộc phủ Tam-kỳ.

Tiến-sĩ Trần văn Dư bèn thâu-hồi ấn-kiếm, đồn-lũy và lên giữ chức sơn-phòng sứ Dương-yên trở lại.

Bây giờ là ngày mồng năm tháng tám năm 1885.

Cùng một ngày ấy, sĩ-dân các nơi kéo về thị trấn Vĩnh-diện đông tới sáu bảy vạn người. Tỉnh-thành bị bao vây bốn mặt, việc giao-thông với bên ngoài bị cắt đứt. Tuần-vũ Nguyễn đăng Ngoạn, bổ-chánh Bùi tấn Quang, án-sát Hà thúc Quán hội họp để bàn việc đối-phó. Tuần-vũ Nguyễn đăng Ngoạn tuyên-bổ:

-Thế giặc mạnh lắm, ta nên đầu hàng để tránh những hậu-quả không hay về sau. Các ngài nghĩ sao ?

Bổ-chánh Bùi tấn Quang trả lời:

-Ta phụng mạng giữ thành-trì, chưa đánh đã lo bỏ chạy, như vậy tôi chỉ sợ quan thủ-hiến không làm tròn phận-sự.

Án-sát Hà thúc Quán nghe nói, liền đứng dậy cố-gắng mở hai con mắt lươn tí-hon ra để phản-đối:

- Gươm đã kề tận cổ rồi mà còn nói danh với nghĩa. Quan bổ-chánh có giỏi thì cứ việc mở cửa đương-đầu với họ. Tôi thì tôi sợ chết lắm.

Nói chưa xong, quan án-sát sứ đã run cầm-cập.

Ở bên ngoài, áp-lực của dân-quân mỗi lúc mỗi cứng rắn thêm. Tiếng người, tiếng chó sủa, tiếng ngựa hí chen lẫn với tiếng chiêng, tiếng mõ, tiếng trống, tiếng tù-và làm cho lòng người càng thêm giao-động. Biết thế không chống-cự nổi, tuần-vũ Nguyễn đăng Ngoạn bèn ra lệnh cho binh-sĩ đóng chặt cửa thành, rồi cho người đứng trên vọng-lâu dùng ống loa mà truyền xuống:

" Quan tỉnh chúng tôi vâng mệnh-lệnh nhà vua giữ thành-trì và quyền hành-chánh, tức là giữ-gìn cho quý ông và toàn-dân nữa. Nay quý ông muốn nhận lấy cái trọng-trách ấy thì quan tỉnh tôi sẵn lòng mà nhường lại cho. Vậy quý ông nên mau mau phái đại-biểu vào trong thành để lo việc giao nhận"

Tiếng loa vừa mới truyền ra được vài hiệp thì thương-biện tỉnh-vụ Nguyễn duy Hiệu đã dùng thang nhảy ra ngoài thành để gia-nhập với đám sĩ-dân.

Dân chúng đều vỗ tay reo mừng, ai nấy cũng muốn tôn ông lên làm lãnh-tụ. Thương-biện Nguyễn duy Hiệu không dám nhận lời và chỉ nói vồn-vẹn có một câu:

-Tôi không có thể làm một điều phạm-thương.

Người ta chất-vấn mãi, ông mới chịu trả-lời:

-Tôi chỉ là một kẻ thừa-hành. Việc lãnh-đạo dân-chúng đã có quan sơn-phòng sứ Trần văn Dư.

Một lần nữa, sĩ-dân lại vỗ tay reo hò inh-ỏi.

Bây giờ là lúc phải đưa người vào thương-thuyết với chính-quyền địa-phương. Công chúng cứ bàn tán mãi, chưa biết nên chọn người nào, thì ấmsanh Ông ích Cung, tục gọi là Ông ích Hoét, thứ nam của Đốc-binh Ông ích Khiêm, đã lẻn vào trong thành, chạy một mạch về phía cửa tiền, vừa chạy vừa nói với mấy tên lính gác:

- Quan tuần-vũ ra lệnh đã lâu mà các anh cứ chần-chờ mãi !

Nói chưa dứt lời, ấmsanh Ông ích Cung đã xông-xáo tiến về chỗ cái then vuông bằng gỗ lim nằm chắn hai cánh cửa như một cái gạch nối. Mấy tên lính giảnh mặc áo quạ lờ mờ màu chàm nhung-nhục, tưởng thật, chỉ biết khoanh tay đứng nhìn chăm-chú. Ấmsanh Ông ích Cung không để cho họ có đủ thì giờ suy-luận hay nhận-xét và nhanh như chớp kê cái vai vào thanh gỗ mà nông thật mạnh. Hai cánh cửa mở toang. Dân-chúng ủa vào như nước phá bờ, chỉ trong khoảnh-khắc đã tràn đầy cả thành-nội. Họ phân ra làm nhiều tốp, đi lục lạo các ti-tào, dinh-thự để vớ-vét tiền bạc và khí mẫn. Họ không chừa một vật gì hết: họ khuôn cho tới cái nồi cái niu, cái chén, cái bát.

Chẳng bao lâu họ đã dọn sạch chiến-trường, toán nào toán nấy cũng có nhận được chiến-lợi-phẩm xứng đáng với công-lao của mình. Chỉ có toán dân-quân của Tiểu-La Nguyễn Thành là biết nhìn xa thấy rộng. Họ chỉ lo chuyên chở những vật liệu cần-thiết cho việc dụng-binh như quân-nhu, quân-khí. Họ cố-gắng lôi kéo mấy tấn đạn-dược và mấy khẩu súng đại-bác. Về sau này Nghĩa-hội lên nắm chính-quyền và có thể duy-trì đến hai ba năm là nhờ có tấm-lòng nhiệt-thành của sĩ-dân hai hạt Thăng-bình và Quế-sơn vậy.

Cuộc khởi-nghĩa đã chấm-dứt. Nguyễn duy Hiệu bèn giữ lại trong tỉnh thành một số văn-thân để tạm-thời duy-trì công việc hành-chánh dưới sự lãnh-đạo của nha sơn-phòng Dương-yên. Ông còn cho một phái-đoàn hộ-tổng tuần-vũ Nguyễn đăng Ngoạn và các vị quan-lại Nam-triều về nguyên-quán. Xong rồi ông sai binh-sĩ lấy đất lấp chặt cửa tiền lại, chỉ cho phép nhân-dân ra vào ba cửa hậu, tả, hữu, vì mọi người đều cho rằng để mở cửa tiền là một điềm không tốt.

Phản-ứng đầu tiên của quân Pháp

Thống-tướng Cua-Xy sang nhậm-chức tổng-trú-sứ Đông-dương vào ngày ba mươi một tháng năm năm 1885. Ông chỉ lưu lại ở Bắc-kỳ một thời gian rất

ngắn. Trong thượng-tuần tháng bảy năm ấy, ông phải vào Thuận-hóa để trao đổi giấy tờ về việc phê-chuẩn hòa-ước năm quý-mùi, tức là năm 1883, tu-chỉnh bởi hòa-ước năm Giáp-thân, tức là năm 1884. Cuộc điều-định không đem lại kết-quả, vì gặp sự phản-đối của hai vị trọng-thần là Nguyễn văn Tường và Tôn thất Thuyết. Kế tiếp theo đó, cuộc khởi-nghĩa của binh-sĩ tại kinh-thành trong đêm mùng bốn tháng bảy năm 1885 và việc xuất-bôn của vua Hàm-Nghi ra Tân-sở lại làm cho tình-hình mỗi ngày mỗi thêm bối-rối. Để văn-hội trật-tự ở trong nước, thống-tướng Cua-Xy phải nghĩ ngay đến việc tổ-chức và tăng-cường quân-đội. Trước khi ông vào Thuận-hóa mở cuộc thương-thuyết với chính-phủ Nam-triều, lực-lượng viễn-chinh của Pháp ở tại miền Trung-việt gồm có chín đội thủy-lục quân: ba đội thủy-lục-quân đóng tại nha Công-sứ, một đội thủy-quân, một pháo đội thủy-quân đóng tại Mang-cá, hai đội thủy-quân tại cửa Thuận-an, một đội thủy-quân tại cửa Đà-nẵng và một đội thủy-quân tại cửa Qui-nhơn. Ngoài ra lại còn có chiếc pháo-hạm Ra-Phan đậu thường-xuyên tại Huế và đặt dưới quyền chỉ-huy của đại-ủy hải-quân Ba-Bô. Muốn tăng-cường những lực-lượng ấy, thống-tướng Cua-Xy phải rút bớt nhiều đơn-vị lục-quân và thủy-quân đóng tại Bắc-việt. Lúc mới vào Thuận-hóa, ông đã mang theo một đại-đội lính Bắc-phi đặt dưới quyền điều-khiển của thiếu-tá Mết-danh-Ghe, một pháo đội thủy-quân và một trăm lập-bộ binh thuộc về đại-đội thứ mười một. Về sau ông còn lấy thêm hai đại-đội thủy-lục-quân đặt dưới quyền chỉ-huy của trung-tá Sô-Mông, một pháo đội thủy-binh và số lập-bộ-binh còn lại thuộc về đại-đội thứ mười một. Như vậy tất cả quân đội của Pháp ở tại Trung-việt có thể lên tới sáu đại-đội lục-quân và ba pháo-đội, nghĩa là vào khoảng hai ngàn người. Về mặt khác, thống-tướng Cua-Xy phải gọi một sĩ-quan có khả-năng vào Huế để tổ-chức lại quân-đội. Ngày mười bảy tháng bảy năm 1885, thiếu-tướng Bờ-Ruy-Đôm vào nhận chức tổng-chỉ-huy tại Trung-việt và chia quân-đội Pháp ra làm ba nhóm có vị-trí khác nhau. Nhóm thứ nhất đặt dưới quyền chỉ-huy của trung-tá Mết-danh-Ghe, gồm có những đơn-vị hiện đóng trong hoàng-thành Huế. Nhóm thứ hai, đặt dưới quyền chỉ-huy của trung-tá Sô-Mông gồm có hai đại-đội thủy-lục quân. Nhóm này phụ-trách việc chiếm-đóng các tỉnh ở về miền bắc, từ Quảng-trị đến Thanh-hóa. Nhóm thứ ba đặt dưới quyền chỉ-huy của trung-tá Bét-Nô, cũng gồm có hai đại-đội thủy-lục-quân. Nhóm này phụ-trách việc chiếm-đóng các tỉnh ở về miền nam từ Thừa-thiên cho đến Bình-thuận. Tuy vậy trung-tá Bét Nô không mở rộng những vị-trí sẵn có từ trước và chỉ tập-trung quân-đội vào ba thị-trấn Thuận-hóa, Đà-nẵng và Qui-nhơn. Tại cửa bể Đà-nẵng có ba chiến-thuyền đặt dưới quyền chỉ-huy của trung-tá Tu-Sa. Tại cửa bể Qui-nhơn, cũng chỉ có hai chiến-thuyền đặt dưới quyền chỉ-huy của trung-tá hải-quân Gô-Rét. Phần lớn binh-lực viễn-chinh phải đồn-trú tại Thuận-hóa. Khi nào có một tỉnh bị văn-thân uy-hiếp, trung -tá Bét-Nô cho rút bớt nhiều đơn-vị để đi tuần-tiểu một thời-gian, rồi lại kéo về vị-trí của mình y như cũ. Việc tổ-chức quân-đội đã hoàn-thành, thống-tướng Cua-Xy cho mời trung-tá Bét-Nô sang nha công-sứ và hỏi một cách đột ngột:

- Ngài có nhận được tin-tức ở Quảng-nam không ?

Trung-tá Bét-Nô lấy khăn lau tay ra lau đi lau lại cái trán ướt đầm mồ-hôi, như có vẻ nghĩ-ngợi điều gì, rồi mới chịu trả lời:

- Không! tôi chỉ biết một điều là sau ngày tỉnh-thành bị quân phiến-loạn chiếm-đoạt, tình-hình trong tỉnh lại trở nên nghiêm-trọng.

Thống-tướng Cua-Xy ngắt lời và dẫn từng tiếng:

- Hết sức nghiêm-trọng !

Rồi ông giải-thích:

- Hiện nay ta không có một cơ sở để duy-trì sự an-ninh ở trong tỉnh. Thành Vĩnh-diên đã thất thủ. Chánh-quyền địa-phương đã tan-rã, khắp các nơi bọn thân-hào lại nổi lên như bướm-bướm. Họ chế-tạo vũ-khí, chiêu-mộ binh-sĩ, rồi xố-trống dựng-cờ, mi người chiếm-cử một vùng nhất-định y hệt như các vị phiến-hầu ở trong thời-kỳ Trung-cổ. Theo những tin-tức mới nhận được, tiến-sĩ Trần văn Dư đóng tại Dương-yên và kiểm-soát cả huyện Hà-đông; ẩm-sanh Nguyễn Thành khởi-nghĩa ở vùng Quế-sơn, Thăng-bình, tú-tài Lý thừa Trạch xây-dựng căn-cứ ở tại vùng Hội-an; phó-bảng Nguyễn duy Hiệu lãnh-đạo vùng Điện-bàn; phó-bảng Phạm thanh Lương nắm vùng Duy-Xuyên; ngự-sử Huỳnh bá Chánh hoạt-động ở hạt Hoà-vang; còn tú-tài Trần Thừa một mình lại xưng-hùng xưng-bá ở miền Đại-lộc. Đó là chỉ kể những hạng người kiệt-hiệt, có thể-lực và uy-tín đối với dân-chúng. Còn những thứ giặc cỏ thừa cơ nước đục để làm loạn và bóc lột nhân-dân thì kể làm sao cho xiết. Nếu không sớm diệt trừ cái nạn cường-hào ấy thì về sau này ta sẽ gặp không biết bao nhiêu là tai-hại.

Thống-tướng Cua-Xy trình-bày chưa hết thì lại nghỉ một hồi để lấy thùng quẹt và xì-gà ở trong túi ra. Thấy cơ-hội thuận-tiện, trung-tá Bét-Nô bèn cướp lời và hỏi một cách trịnh-trọng:

- Xin Thống- tướng cho biết những hậu-quả ấy !

Vui cười, tỉnh-táo, thống-tướng Cua-Xy nói tiếp:

- Có nhiều thứ hậu-quả khác nhau: hậu-quả thứ nhất là uy-tín và thể-diện của nước Pháp sẽ bị tổn-thương; hậu-quả thứ hai là chính-phủ Nam-triều sẽ bị suy-yếu dần dần; còn hậu-quả thứ ba là các họ đạo ở trong tỉnh sẽ bị uy-hiếp.

Trung-tá Bét-Nô nghe tới đây, hình như chưa hiểu rõ, liền đứng dậy chất-vấn một lần nữa:

-Xin Thống-tướng cho biết mấy đội thủy quân ở tại Đà-nẵng không có thể can-thiệp được hay sao ?

Với một cái giọng lần này nửa khô-hài, nửa hòa-nhã, thống-tướng Cua-Xy lại tiếp- tục giải- thích:

- Không có thể được. Nhiều sở đạo hẻo-lánh ở về miền sơn-cước đã bị văn-thân tiêu-diệt hoàn toàn. Tại sở đạo Tân-an, thuộc về huyện Quế-sơn, hầu hết các tín-đồ không chịu bước qua cây thánh-giá và bị dân chúng bắt trói xấp kẻ đem liệm xuống dưới sông. Tại sở đạo Phú-bình, cũng thuộc về hạt Quế-sơn, tất cả con chiên đã tuần-tiết một cách thâm-thâm, vì không muốn để cho văn-thân ghi hai chữ "tả-đạo" vào trên má. Hiện nay, nuôi-dưỡng bởi các

vị lãnh-tụ cực-đoan, phong-trào " Bình Tây sát tả" đương bành-trướng ở miền thôn quê, nếu ta không đề-phòng gấp rút, một khi tất cả các đường giao-thông bị cắt đứt, ta có muốn đối-phó thì cũng không thể nào kịp! Bây giờ trung-tá Bét-Nô đã thấy rõ tình-thế khó khăn của cha-sở May-Da tại nhà chung Phước-thượng và cha sở Bờ-Ruy-De tại nhà chung Trà-kiệu, nên không có vẻ hần-học y như trước nữa, ôn-tồn trung-tá nhìn vào mặt vị chủ-súy mà hỏi để xin điều chỉ-thị:

- Sự thế đã như vậy! thống-tướng dạy tôi nên hành-động thế nào để tránh hậu-hoạn.

Thống-tướng Cua-Xy đứng dậy và trả lời một cách cương-quyết:

- Ngài phải lập-tức mở một cuộc hành-binh để chiếm đoạt lại tỉnh thành Quảng-nam và cho một phân-đội lưu-trú thường xuyên tại đây.

Dặn-dò xong-xuôi, thống-tướng Cua-Xy bắt tay trung- tá Bét-Nô thật mạnh, rồi mới quay gót trở vào tư-thất.

Ngày mười một tháng tám năm 1885, người ta thấy hai tiểu-đội thủy-lục-quân khi-hành từ Huế để mở một cuộc chinh-phạt. Họ lên thuyền tại cửa Thuận-an theo con đường bể, vượt qua cửa Tư-hiền, đổ bộ tại Lăng-cô, rồi lại mượn con đường Hải-vân mà vào Đà-nẵng. Tới đây họ phải thuê ghe mành vào Hội-an vì con đường thiên-lý bị văn-thân kiểm-soát. Tại nhiều nơi, sĩ-dân lấy trái mù-u, hoặc lấy giống mây rải trên công-lộ và cho quân-đội mai-phục ở hai bên. Khi trông thấy người Pháp gần tới, dân chúng kéo ủa ra khiêu-chiến, rồi lại giả thua bỏ chạy để nhử kẻ thù vào chỗ hiểm-yếu để mở cuộc tấn-công thật sự. Những trận giao-tranh ấy, mệnh-danh là "giặc mù-u" hay "giặc giống" thường không đem lại cho Pháp một sự tổn-thất nặng-nề nhưng cũng làm cho họ phải e-dè, kiêng-nể. Một cuộc giao-tranh thí-nghiệm ở tại Cẩm-lệ lần đầu tiên đã cho họ một bài học khá đau đớn. Bị tấn-công một cách bất-ngờ, họ phải dồn vào khúc cầu eo hẹp, rồi vấp phải những trái mù-u vừa mới hái còn nhớt-nhát như lá mồng-tơi, bổ té la-liệt, kẻ nằm sắp người nằm ngửa trông như một bầy cá vừa mới bỏ giỏ. Tức thì dân chúng ở hai bên bờ sông dùng ná mọi bắc tên có tẩm thuốc độc vào tua-tủa, làm cho một số ít binh-sĩ phải thiệt mạng. Trận giặc Cẩm-lệ không có tiếng vang dội lớn lao trong lịch-sử và cũng không có thể gây nên một ảnh-hưởng sâu rộng trong hàng ngũ viễn-chinh, nhưng đã giúp ích rất nhiều cho văn-thân trong việc trì-hoãn cuộc tấn-công chớp-nhoáng của quân địch. Một khi đổ-bộ tại Hội-an, binh-sĩ Pháp còn phải mượn con lạch Thanh-hà để chuyên chở vật hạng, rồi mới kéo về phía tỉnh-thành Quảng-nam. Bây giờ họ tiến lên một cách dễ-dàng, không phải phí một viên đạn nhỏ nào hết, vì mấy ngày về trước Nguyễn duy Hiệu đã hạ lệnh cho quân-đội và nhân-viên rút lui về các miền địa-phương, thành-trì công-sở đều bỏ ngỏ. Cuộc chiếm đóng vĩnh-viễn đã xảy ra một cách hòa-bình và yên-lặng.

Lương-giáo phân tranh

Tại làng Thanh-mỹ, phủ Thăng-bình, ẩm-sanh Nguyễn Thành tức Tiểu-La đương ngồi tiếp chuyện mấy vị khách trong ngôi nhà từ-đường. Ở về bên phải có tiến-sĩ Trần văn Dư, hoàng-giáp Phạm như Xương, người ở làng Ngân-câu, phủ Điện-bàn, cử-nhơn Phan bá Phiến, tức Ân-Hổ, người ở làng Bảo-an; ở về bên trái có phó-bảng Nguyễn duy Hiệu và tiến-sĩ Phạm Tuấn, một ngôi sao chói lọi nhất trong đám ngũ-phụng tề-phi. Họ đương thảo-luận những công-tác của văn-thân hạt Thăng-bình mà họ vừa mới quan-sát trong buổi sáng. Tiến-sĩ Phạm Tuấn nói trước hết:

- Tôi đã xem xét rất kỹ lưỡng những lò đúc ở trên núi Chóp-chài và núi Cao-ngạn. Nguyên-liệu chở lên cho tới đỉnh núi thì có phần khó khăn, nhưng than gỗ ở đây lại tốt và dồi-dào. Tôi thiết-tưởng trong một thời-gian ngắn, chúng ta có thể sản-xuất đủ số đạn-dược cần thiết cho dân chúng và không phải lệ thuộc vào các thị-trấn nữa.

Tiếp theo lời của ông tiến-sĩ Xuân-đài, cử-nhơn Phan bá Phiến cũng cất giọng để cho biết những điều nhận xét của mình:

-Tôi cũng đã quan-sát tỉ-mỉ những căn nhà đất dùng làm trại giam cho tín-đồ Công-giáo, nằm rải-rác từ truông Đồng-linh cho tới chợ Vinh-huy. Tôi đếm tất cả là hai chục. Tôi thấy cột và nền có hơi thấp, những người bị an-trí có thể thiếu ánh nắng và không khí nhưng tường vách và cửa ngỏ lại vững-vàng, chắc- chắn. Đó cũng là một cái ưu-điểm nhưng tôi thiết-tưởng chúng ta nên tập-trung những căn nhà ấy lại một chỗ duy-nhất thì tiện việc kiểm-soát hơn.

Ẩm-sanh Nguyễn Thành đứng dậy trả lời:

-Việc canh phòng chỉ cần thiết ở về miền ngoài mà thôi. Ở đây chúng ta đã sẵn có những con mắt tinh-vi của đồng-bào địa-phương. Mỗi hành-động, lời nói, cử-chỉ của tội-nhân đều được mọi người chung quanh nhận-xét, suy-luận và báo-cáo lên cấp trên. Vì vậy không thể có một con muỗi nào đi lọt khỏi cái hàng rào của nhân-dân.

Rồi ông nói thêm:

- Cái lưới người nào có khác cái lưới trời. Thật là " thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu"

Câu chuyện về việc kiến-thiết ở Thăng-bình vừa mới chấm dứt thì người nhà đã bưng lên một mâm gỏi cá với một chồng bánh tráng mè nướng phồng lên như mặt nước có nổi bong bóng sau một trận mưa rào. Đây tổ sắp đặt xong thì Ẩm-sanh Nguyễn Thành tuyên-bố:

- Vừa sáng nay tôi cho bày tré lên bến đò Tân-an mua được một con cá rói khá to, thân hình dài tới một thước tây, bề ngang không dưới bốn tấc. Tôi đã rước một người nấu ăn thiện-nghệ và họ sẽ trình-bày ra đây hai món rất phổ-biến tại địa-phương, thứ nhất là món gỏi bóp với rau đọt thơm và thứ nữa là món cháo cổ-điển. Xin quý ngài thật tình cảm-đũa cho biết cái hương-vị ở miền sơn-cước.

Ông vừa mời-mọc, vừa luôn tay cầm chai rượu mai-quế-lộ rót vào mấy cái chén tiểu màu nguyệt-bạch sắp chung quanh một cái đĩa bài thơ. Ông nói

tiếp:

- Nhon cơ-hội này, chúng ta cũng nên nâng chén rượu để chúc mừng cụ hoàng-giáp Ngân-câu đã trở về tỉnh nhà và từ đây có thể hợp-tác với chúng ta một cách đặc-lực hơn.

Ai nấy cũng tán-thành ý-kiên của Tiểu-La tiên-sinh, cũng nâng chén rượu ngang mày rồi cùng uống với nhau một cách hoan-hỉ. Trong khi thù-tạc, tiến-sĩ Trần văn Dư không quên nhắc nhở ông hoàng-giáp Ngân-câu về phận-sự của một người viễn-khách:

-Ông đi xa mới về, lẽ tất-nhiên phải cho chúng tôi biết những việc mới xảy ra tại li-sở và những điều tai nghe mắt thấy ở trên đường.

Hoàng-giáp Phạm như Xương bèn thuật lại cuộc khởi nghĩa nhân dân ở tại Phú-yên như thế nào, ông bị tạm giam như thế nào, án-sát Huỳnh Côn, lãnh-binh Nguyễn văn Hanh bỏ trốn được, tá-lý Lương xuân Huyền được vào lãnh chức Bồ-chánh như thế nào, thị-dộc Cao Đệ lãnh chức án-sát để thay thế. Ông cũng kể lại việc Tuy-Lý Vương bị phát-vãng tại sông Cầu và nhờ ông tìm mọi cách nâng đỡ mới có thể trở về kinh thành được.

Sau câu chuyện thời-sự, Tiến-sĩ Trần văn Dư lại đề-cập tới vấn-đề văn-chương. Người nào có sáng-tác được một vài bài phải đem ra ngâm vịnh để cho cử-toạ thưởng-thức chung. Bị mời mọc trước nhất, Ấm-sanh Nguyễn Thành cứ khẳng-khăng từ-chối, viện cớ rằng từ nhỏ chí lớn ông chỉ ham đọc kinh truyện, chớ không sở-trường về thi ca. ông chỉ nhớ mang-máng vào một mùa xuân nào đó, ông có lên chơi Ngũ-hành-sơn và có làm ra hai câu thơ chữ nho mà thôi. Ông lấy giọng ngâm lên một cách miên-cưỡng:

Đăng cao dục tá từ-bi kiết,
Trảm trận niên lai kỷ não sâu.

Nghe xong hoàng-giáp Phạm như Xương tiếp lời:

- Tiểu-La tiên-sinh có một mối âu-sầu hết sức đặc -biệt. Thảo nào ông lại sở-trường về quân-sự và chính-trị. Tôi cũng có nỗi buồn riêng do hoàn-cảnh hiện tại tạo nên, tôi xin đọc ra cho quý ngài duyệt lãm. Ông lấy chiếc quạt thanh sắn cầm ở trên tay, gõ nhịp vào bộ phản ngựa mà ngâm với một giọng uyển-chuyển. Đây là bài "Cảm-sự" mới nghĩ ra sau khi về tới Quảng-nam:

Võng-lọng nghênh-ngang giữa cõi trần,
Biết ai là Chúa, biết ai thần ?
Ngu-thiếu tài hết chưa nghe phụng,
Lỡ-sư tu rồi, chẳng thấy lân.
Mỏi mắt Hy-Di trời Ngũ-quí,
Nhọc lòng Gia-Cát đất tam-phân.
Thôi thôi, đã thế thì hay thế,
Nhờ lượng cao dày cứu lấy dân. (1)

Tất cả quan-khách đều cảm-động khen hay. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu nói một cách khẩn-khoản:

-Cụ hoàng-giáp Ngân-câu thể theo lời yêu-cầu của quan sơn-phòng-sứ mà

đọc một bài thơ rất chân-thành. Nay tới lượt tôi đề-nghị, lẽ nào ngài lại có thể từ-chối được.

Biết rõ ý của phó-bảng Nguyễn Duy Hiệu, lần này hoàng-giáp Phạm như Xương chỉ nói một vài câu phi-lộ, rồi ngâm nốt bài "Cu-li hề" mà ông đã viết ra ở Phú-yên để phản-ảnh tình trạng nước nhà.

Ông đọc với giọng vừa miả mai vừa hài-hước:

Cu-li hề !!

Cu-li quân hề !

Cu-li thần !

Cu-li quan hề !

Cu-li dân !

Cu-li khoa hề !

Cu-li văn !

Cu-li tú- tài hề !

Cu-li cử-nhân !

Hoàng-giáp Phạm như Xương vừa dứt lời, mọi người vỗ tay khen ngợi. Tiến-sĩ Phạm Tuấn nói:

- Không những cụ Ngân- câu có biệt-tài về văn-chương mà lại còn có một giọng thần-tinh, vừa nghiêm-trang, vừa nhí-nhỏm. Thật là danh bất hư-truyền vậy.

Lúc thấy bọn đầy-tớ đã xuống dưới bếp hết, Ấm-sanh Nguyễn Thành bèn xoay qua địa-hạt chính-trị. Ông nói:

- Hiện nay người Pháp đã chiếm-đoạt lại tỉnh-thành Quảng-nam. Chúng ta phải có chính-sách thích-ứng đối-phó lại với họ.

Hoàng-giáp Phạm như Xương khuyên cử-tọa nên tìm cách thương-lượng với các cha sở để lôi cuốn tín-đồ Công-giáo về phe mình, theo ông con-chiên không phải là xấu hết, phương-chi việc chia rẽ nhân-tâm là việc phải tránh cho kỳ được.

Cử-nhơn Phan bá Phiến không tán- thành lập-trường ấy và trả-lời một cách hần-học:

- Ai lại không biết bọn Công-giáo bán đứng tổ-quốc cho quân xâm-lăng Pháp. Nếu ta trừ-khử được bọn nội-công đó thì lũ Tây-nô tự nhiên sẽ yếu thế như cua mất càng, ta lo gì mà không thắng-lợi được.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu cũng góp ý:

- Tôi cũng không chủ-trương nuôi ong tay áo. Nhưng bây giờ các vị thừa-sai đương trông cậy vào sự hiện-diện của người Pháp ở Vĩnh-diện và Đà-nẵng. Họ cũng chuẩn-bị chiến-tranh một cách ráo-riết. Ngày đêm họ lo luyện-tập binh-sĩ, chế-tạo khí-giới và rào làng chiến-đấu. Chúng ta tấn-công vào các họ đạo thì chắc-chắn họ sẽ đánh lại và họ sẽ nắm phần thắng-lợi. Ta phải xử-trí như thế nào ?

Mọi người im-lặng ngó mặt nhau để tìm câu trả-lời. Cuối cùng Ấm-sanh Nguyễn Thành nói:

- Tôi có một ý-kiến muốn trình bày ra đây. Câu chuyện hơi dài-dòng nhưng

lại cần-thiết lắm. Tôi không biết quý ngài có vui lòng ngồi lại một thời-gian để nghe tôi bày tỏ hay không ?

Tiến-sĩ Trần văn Dư thay mặt cho công-chúng, vội-vả phúc-đáp:

- Ông cứ nói. Dầu chúng tôi có phải thức suốt đêm nay để lãnh-hội tôn-ý, chúng tôi cũng cam-tâm.

Ấm-sanh Nguyễn Thành trình-bày như sau:

-Ở về miền sơn-cước thường hay có tục vây-hội. Mỗi khi trong thôn có một con hổ tham mồi về quấy-nhiều dân-chúng và cứ nằm lăm-lì trong khu rừng cấm. Ai nấy cũng phải ra tay đốn cây phát gốc làm một hàng rào tạm bợ để giữ con ác-thú. Tin-tức loan xa, khách thập phương kéo về xem đông đúc . Trên các nẻo đường, đâu đâu cũng thấy võng ngựa linh-đình, áo-quần sặc-sỡ, làm cho bầu không khí yên-lặng nơi miền sơn-cước bỗng chốc trở nên rộn-ràng như ngày Tết. Sớm cũng như chiều, dân-chúng lại chặt thêm cây cối ở bên trong chiến-lũy để khép vòng vây cho nhỏ dần lại. Một khi phạm-vi thu hẹp, con mãnh-thú đã hiện ra muông-tượng ở trong bụi rậm, người ta mới đua nhau nổi mỗ hồi một, gióng trống ngũ-liên. Bây giờ ai nấy cũng xúc-động: ngày đại-hội đã tới. Bên ngoài, khán giả mỗi phút mỗi đông lên âm-ì, huyên-náo. Bên trong, vị chúa rừng chốc-chốc lại găm thét lên nặng-nề, dữ-dội, bức-bách đến tận cùng bởi những đêm thao-thức, những cơn đói-khát kéo dài. Đá rỗng được tung vào trong bụi để chọc hổ nháy ra. Hăng máu nó liền đứng chồm dậy, đánh một vọt tới sát bờ thành, vồ lấy những tảng đá mà nhai cho hả dạ, y hệt như khi nó xé con mồi ở trong chốn thâm-sơn cùng-cốc. Người ta không để cho nó yên thân. Nhanh nhẹn, một tên võ-sĩ đã từ trên tháp canh liệng cho nó một cái thòng-lọng. Lần đầu tiên nó với được sợi dây dừa và toan nhảy về phía địch-thủ để thí-nghiệm những vấu chân lười-liềm đã hé mở, nhưng từ bên tả, bên hữu nhiều võ-sĩ khác cũng kịp ném vào nó hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy cái vòng liên-tiếp. Nó tránh-trở được tất-cả. Chỉ trừ một vòng làm nó phải bối-rối. Sợi dây đã lọt qua đầu, từ từ rơi xuống cổ. Bây giờ nó vung-vẩy, nhảy tới nhảy lui, vật qua vật lại, làm rung-chuyển cả một khu rừng. Càng tung-hoành phá-phách chừng nào thì vòng dây, dưới sức lôi kéo của những cánh tay gân-guốc lại càng siết chặt thêm lên. Giờ tận-số của nó đã sắp đến. Từ bên ngoài, nhiều võ-sĩ khác đã vọt qua bức chiến-lũy và dùng những mũi giáo sáng-quắc để tặng cho nó một đòn tối-hậu. Cuối cùng bị đâm nhiều vết ở hông, ở cổ, mệ-mỏi đuổi sức, nó ngã lăn ra, gãy-dựa năm ba cái rồi tắt thở.

Ấm-sanh Nguyễn Thành vừa kể xong, người nhà đã mang lên một đĩa vùng nhợ, một đĩa hạt gấm rang, một việam đường, và một tô ương-bay. Chủ-nhân lại đứng dậy mời quan-khách:

- Đây cũng là thổ-sản miền sơn-cước. Xin quý ngài dùng mỗi thứ một ít cho biết mùi vị.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu lấy dao bổ quả giáng-hương màu vàng và nói thông-thả:

- Nhưng chúng ta cũng không nên quên mục-đích câu chuyện vừa mới tường-thuật.

Cử-nhơn Phan bá Phiến góp ý:

- Tiểu La tiên-sinh đã dạy chúng ta một bài học xác-đáng. Ngay bây giờ chúng ta phải bao-vây các làng công-giáo và buộc họ phải ra đầu-hàng y hệt như con mãnh-thú trong chốn sơn-lâm.

Thấy mọi người tán-dương sáng-kiến của mình, Ấm-sanh Nguyễn Thành tỏ vẻ hài-lòng và cho thêm một vài nhận-xét:

- Tuy vậy giữa người và thú-vật vẫn có chỗ khác nhau. Con mãnh-hổ phải đơn-thân độc-mã trong vòng chiến-đấu, còn giáo-dân có thể nhận được sự tiếp-viện của người Pháp từ Vũng-Thùng đưa lên hay từ Vĩnh-diện kéo vào. Nếu không chuẩn-bị cẩn-thận, chúng ta còn phải gặp nhiều khó-khăn hơn nữa.

Tiến-sĩ Trần văn Dư ngồi nghe cuộc bàn-luận một hồi rồi góp ý

- Quý ngài nên chọn một ngày duy-nhất để mở cuộc tấn-công. Chúng ta sẽ đánh tất cả các họ đạo một lượt và phải làm gấp rút để tránh sự can-thiệp ở bên ngoài.

Cử-tọa đều tán-thành chủ-trương ấy. Tiến-sĩ Trần văn Dư lên đường về Dương-yên, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, cử-nhơn Phan bá Phiến phải cấp-tốc trở về miền bắc để kịp thời huy-động quần-chúng.

Ngày mồng một tháng chín năm 1885, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu vượt sông Thu-bồn kéo binh tới đóng tại ngôi chùa làng La-tháp, thuộc phủ Duy-xuyên. Các vị tướng-lãnh cũng đã tề-tụ đông đủ. Ngoài sân chùa, trên mấy chiếc bàn gỗ đầu lại một, có bày hương đèn, vàng bạc, một con trâu, một con heo và một con dê đã làm thịt. Cách dãy bàn chừng ba thước tây có một cái trụ trên chóp treo một lá cờ vàng với bốn chữ "Tiết-Chế Khâm-Sai" thêu bằng gấm. Tiếng kèn, tiếng trống, tiếng bu lu nổi lên inh ỏi, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu và các tướng-lãnh đương làm lễ tế cờ giữa muôn ngàn binh-sĩ. Một khi điệu nhạc bát-âm đã im-lặng, người ta mới phân công đi bao vây các làng công-giáo.

Tại họ đạo Phú-cường thuộc huyện Quế-sơn và họ đạo Ngọc-kinh thuộc huyện Đại-lộc, giáo-dân cầm cự được một tuần lễ, rồi mới phản-công. Văn-thân chống chọi không nổi phải bỏ trận-mạc mà kéo về Trà-kiệu.

Tại họ đạo Phước-thượng, thuộc huyện Hòa-vang, cha sở May-Da, đã tổ-chức cuộc kháng-cự một cách tỉ-mỉ. Văn-thân tấn-công nhiều lần mà không thể nào vượt qua bức chiến-lũy. Bức mình họ phải lấy rơm bồi chất dày bốn phía và chuẩn bị phóng hỏa. Thấy tình-thế có vẻ nguy-cấp, giáo-dân kéo ra, dùng súng tấn-công. Trong khi đó mấy chiếc pháo thuyền Pháp đậu ngoài Vũng-thùng lại bắn đại-bác từng hồi để yểm-hộ. Bị uy-hiếp vì hoả-lực của đối-phương, văn-thân phải bỏ chiến-trường chạy dài và phải chịu tổn-thất nặng nề. Lúc bấy giờ là ngày mười một tháng chín.

Ở Trà-kiệu, cuộc chiến đã gay go ngay trong những phút ban đầu. Dân-quân vừa mới hạ trại, chưa kịp thổi cơm chiều, thì giáo-dân đã tháo đập Vĩnh-trinh. Nước suối chảy về như xiết, tràn ngập cả xóm làng, làm cho một số binh-sĩ phải bị thiệt mạng. Nhưng rạng ngày mai, văn-thân đã tập-trung lực-lượng đánh chiếm được hòn núi Chiêm-sơn ở về phía tây, sau đó tấn-công và

chiếm nốt vào hòn Non Trục, tức là hòn Bửu-châu, ở về phía đông. Như vậy hai phòng tuyến bảo-vệ cho trung-tâm làng đạo ở dưới chân núi Trà-kiệu đã bị chiếm-đoạt. Thất-trận, giáo-dân phải rút lui về giữ ngôi nhà chung. Họ ra sức cầm-cự được non hai tuần lễ thì nước uống và lương-thực ở bên trong chiến-lũy đã cạn hết. Thừa sai Bờ-Ruy De phải hạ lệnh cho con chiên mở cuộc phản-công và chiếm-cứ lại những vị-trí đã mất. Sau nhiều trận khó-khăn, họ đã tái chiếm núi Chiêm-sơn và đánh bại được những cuộc tập-kích của văn-thân.

Bây giờ trong hàng-ngũ văn-thân lại có sự mâu-thuẫn. Tú-tài Trần Thừa, người ở làng Gia-cốc, huyện Đại-lộc, vừa mới kéo binh qua chùa sồi một ấm nước chè, lại tức-tốc kéo trở về, làm cho nhiều tướng-lãnh phải hoang-mang và mất tinh-thần chiến-đấu. Biết tình-thế càng ngày càng thuận-lợi cho mình, Thừa-sai Bờ-ruy-De lại đốc-thúc giáo-dân đánh chiếm hòn Non-trục. Cuộc tranh-chấp vị-trí xung-yếu này đã xảy ra một cách hết sức ác-liệt. Về bên văn-thân, lãnh-binh Trần Tý, người làng Bình-nhai và Tán-tướng Huỳnh Đăng, người làng Bình-yên bị tử-thương. Phó-bảng Phạm thanh Lương, người làng Mã-châu lên thay thế đã cho một đoàn tượng-binh xuất-trận để yểm-hộ cho dân chúng. Giáo-dân phải dùng hoả-công để làm cho mấy thớt voi khiếp-sợ rồi đánh xáp lá cà để mở đường. Hai bên còn đương giằng co, chưa phân thắng phụ thì bất ngờ quân Pháp đã vượt qua bến đò Chợ-củi và bắn phá lung-tung. Biết thế không chống cự nổi, văn-thân phải rút lui và cuộc chiến-tranh lương giáo từ đây phải chấm-dứt.

Tú-tài Huỳnh Quý, người làng Giảng-hòa, huyện Đại-lộc, có làm một bài "Vè sát tả" như sau để làm chứng:

Vè vè vè ve,
Cái vè đánh đạo.
Tĩnh-thành lạo xạo,
Tả đạo đốt nhà.
Trà-kiệu kéo qua,
Quân ông kéo trước,
Các tướng bắt-chước,
Xổ trống dựng cờ.
Danh-hiệu lờ-mờ,
Mà truyền quân-sĩ:
"Nay ta chuẩn-bị,
"Chiến-đấu lâu dài.
"Súng có hỏa-mai,
"Thần-công, đại-bác.
"Lại thêm giáo mác,
"Thuốc nổ chứa đầy.
"Hỏa-hổ dầu tây,
"Củi chà, rơm bồi.
"Còn như làm xối,

"Độc nhứt mưu-mô,
"Hái trái mù-u,
"Rải trên đường cái.
"Rồi ta trá bại,
"Ta cứ chạy ngay,
"Lũ nó chươn giày,
"Đuổi cho té sắp.
"Lấy súng ta đập,
"Nó phải chết ngay.
"Kế nọ rất hay,
"Tây nô phải khiếp.
Nói rồi vừa tiếp,
Quân-báo chạy về,
Súng ống bốn bề,
Tây qua chợ Củi.
Khi đó lụi-bụi,
Chưa kịp tấn-công.
Tiếp nghe ùng ùng,
Súng nổ Hòn-Trước.
Ta thay chiến-lược,
Ta chạy cho mau.
Tướng nhỏ chạy sau,
Tướng to chạy trước.
Tưởng là đánh được,
Bắt Chúa Du-Di.
Nhà phước đá đi,
Nhà chung quét sạch.
Không hay lập-nhập,
Non một tháng trời.
Đạo ví chạy cời,
Thất-kinh trốn mất.
Khá chi lắc-xắc,
Tướng ghé tướng trâu,
Phú-thuận tướng râu,
Phước-yên tướng lé.
Nói càng thậm tệ,
Xấu cũng xấu chung,
An-phước tướng khùng,
Chết mà phỏng lửa.
Còn hai tướng nữa,
Bàn-lãnh Phú-bông,
Tướng bị đập tròn,
Tướng kêu lổ óc.
Ngồi voi phách đốc,

Tướng Lương mã Châu.
Cố gã tướng điều,
Trời sinh một mắt.
Nhứt kỳ nhứt khắc,
Tấn thủ Bình-sơn.
Thật là tướng hơn,
Làm nên ông Tấn.
Ông về quê-quán,
Kéo miệt quân qua.
Kéo thẳng về nhà,
Thật là đi lọng.
Mấy ông trọng-vọng,
Mà chẳng thấy chi !
Những tướng xù xì,
Mà làm đâu xiết.
Trời sao ở nghiệt.
Bẻ lá không hằng.
Mấy ông có văn,
Chết không kịp cựa.
Những người đồng-sự,
Chết đã cam đời.
Lo kẻ theo chơi,
Ngủ quên mà chết.
Kể làm sao hết,
Còn đoạn Đông-yên.
Tướng Xảo lộng-quyền,
Kinh-binh phóng hỏa.
Có thẳng xã Trá,
Ở tại Ô-gia,
Đánh vịt, đánh gà.
Đánh chi là đạo ?
Khen cho làm lão,
Cờ xỏ trống rung.
Cái mặt bù hung
Cũng ra làm tướng.
Còn nơi Phú-thượng,
Để cỏi thế nào,
Tướng là tài cao,
Hay đâu trí thấp.
Mắc mưu đạo sập,
Tướng chạy lạc quân.
Bình-yên bỏ quần,
Đa-hòa bỏ võng.
khen cho các ông,

Lòng hỡi bền lòng,
Tuy có xấu sòng,
Cũng không dờ bạc.
Khá chi chạc-rạc,
Sở đạo Ngọc-kinh,
Đánh chẳng nên hình,
Lại thêm mắc-cỡ.
Không hay không dờ,
Là sở Phú-cường.
Chết khỏi vãng xương,
Ấy là kha khá.
Đặt làm quấy quá,
Buồn để nói chơi.
Nghe bấy nhiêu lời,
Như tư như dĩ.

(1) Bài này đã sửa lại theo " Chương dân thi-thoại"

Trận Dương-yên

Ngày mồng ba tháng mười theo âm-lich là một ngày mưa lụt vì dân chúng cho rằng vào ngày ấy "ông có tha, bà cũng không tha". Vào khoảng đầu tháng mười năm Ất-dậu, quả thật trời mưa dầm-dề làm cho quang-cảnh miền sơn-cước trở nên buồn-bã. Tiến-sĩ Trần văn Dư ngồi hết giờ này đến giờ khác trong một bức thành mỗi lúc một thấu hẹp dần vì sương chiều đã xuống nặng hột, chìm đắm cả muôn vật trong một lớp áo tang. Ông để cho mấy vết lằn sâu rộng trên trán khép chặt lại rồi lại giãn ra y hệt như mấy tia sét trong một bầu trời u-ám. Những cuộc thất-trận liên tiếp tại Phú-cường, Ngọc-kinh, Vĩnh-diện và nhất là tại Trà-kiệu làm cho ông phải nghĩ-ngợi. Ông tự hỏi "ta nên tiến hay nên thoái" và không thể nào tìm ra một câu trả-lời. Chính trong lúc ấy, ở ngoài kinh-đô, thiếu-tướng Bờ-ruy-Dôm đương ngồi trong phòng giấy và cũng đương băn-khoăn về một vấn-đề nan-giải: -Tình-hình ở Quảng-nam lại phức-tạp thêm lên. Ta làm thế nào mà văn-hồi trật-tự ?

Ông vẫn biết rõ những thắng-lợi vừa mới chiếm-đoạt. Ngày mười một tháng chín năm nay, đi tuần-trấp ở Qui-nhơn trở về, ông có ghé lại cửa bể Đà-nẵng và có nghe rõ mồn-một những loạt súng nổ tại nhà chung Phước-thượng. Cuộc chiến-đấu anh-dũng của tín-đồ công-giáo tại Trà-kiệu vẫn đem lại cho ông ít nhiều tin-tưởng, nhưng từ đấy cho đến ngày bình-trị, con đường tiến-thủ vẫn còn xa lơ xa lắc, ngặt-ngheo hiểm-trở. Hết trận này văn-thân lại bày trận khác, họ đâu có chịu khoanh tay đầu-hàng. Thở một hơi dài, ông dùng

hai nắm tay đập thật mạnh lên trên đồng hồ-sơ bỏ gối-ngang mà than-thở:

- Người ta không bao giờ thôi với chiến-tranh!

Trung-tá Bét-Nô từ phòng giấy bên cạnh, nghe tiếng động vội-vả chạy sang:

- Thiếu-tướng có việc gì cần xin nói cho tôi rõ ?

Thiếu-tướng ngúc đầu chỉ cái ghế trống trải ở bên cạnh cho Trung-tá ngồi, nhiên-hậu mới khởi-sự chất-vấn:

- Ngài phụ-trách về Quảng-nam, Ngài có kế-hoạch gì để bình-định xứ ấy không ?

Trung-tá Bét-Nô suy-nghĩ một hồi lâu mới dám trả-lời:

-Nếu tôi nhớ không sai, ngày mười một tháng tám vừa rồi, chúng ta chiếm-đoạt tỉnh-thành và còn giữ thường-xuyên ở tại đây hai tiểu-đội thủy-lục-quân. Tiếp theo đó, vào khoảng cuối tháng tám, chính-phủ Nam-triều lại phái Châu đình Kế vào nhận chức Tuần-vũ Quảng-nam để tổ-chức lại nền hành-chánh tạm-thời bị gián-đoạn. Từ ấy đến nay công việc không thể tiến-triển được là vì thiếu quân-số, lực-lượng của chúng ta ở Vĩnh-diện phải bị cưỡng-bách mãi trong tình-trạng bất-động. Phương chi sự hiện-diện của tiến-sĩ Trần văn Dư tại vùng sơn-cước và sự tồn-tại của nha sơn-phòng Dương-yên lại khiến cho văn-thân mỗi ngày mỗi làm càng, làm dữ. Hồi Thống-tướng Cua-Xy còn lưu-trú tại kinh-thành, ngài đã nói với tôi rất nhiều về vấn-đề ấy. Ngày mười chín tháng chín, ngài đi dự lễ tân-tôn vua Đồng-Khánh tại điện Thái-hòa và có gọi riêng tôi mà nói:

- Khi nào nha sơn-phòng và tiến-sĩ Trần văn Dư còn đứng vững thì chúng ta không có thể ngồi yên được.

Ngày hai mươi tháng chín, ngài trở ra Bắc-việt và có gọi tôi một lần nữa để căn-dẫn tỉ-mỉ :

- Việc tiêu-hủy hai pháo-đài tại Dương-yên và Trà-my có phần khó-khăn thật đấy vì đường sá xa-xôi, hiểm-trở, binh-lực của chúng ta chưa được dồi-dào; nhưng tôi thiết-tưởng với sự tận-tâm của đoàn quân Bắc-phi, chúng ta có thể vượt qua mọi trở ngại.

Rồi ngài lại vỗ vai tôi mà khuyến-khích :

- Lúc nào cũng vậy, chúng ta cũng phải tin rằng chữ bất-khả không có trong ngôn-ngữ của người Pháp.

Thiếu-tá Bét -Nô trình-bày vừa xong thì thiếu-tướng Bờ-ruy-Dôm đã tiến lại gần và nói khẽ:

-Tôi sẽ giúp mọi phương-tiện để mở cuộc hành-binh thứ hai. Ngài có vui-lòng đăm-nhận công việc ấy không ?

Thiếu-tá Bét-Nô trả-lời đanh-thép:

-Tôi xin vâng lệnh!

Ngày mười hai tháng mười một năm 1885, thiếu-tá Các-Đô khởi-hành từ Huế với một trăm lẻ một binh-sĩ thuộc về trung-đội lập-binh thứ nhất đặt dưới quyền chỉ-huy của đại-úy Đa-ni-en và thiếu-úy Bút-tờ-phờ-roa. Họ nhổ neo tại cửa bể Thuận-an, vượt phá Cầu-hai, đổ-bộ tại Lăng-cô, rồi len-lỏi qua đèo Hải-vân. Mùa mưa đương hoành-hành, đường sá lầy-lội, hư-hỏng nhiều

nơi, họ phải mất một tuần lễ mới vào tới Đà-nẵng. Con đường quốc-lộ không thể dùng được, họ phải thuê mười bốn chiếc ghe mảnh để vào Hội-an. Theo con lạch Thanh-hà, họ đi thẳng lên Vĩnh-diện. Tuần-vũ Châu đình Kế chưa có thể cung-cấp đủ số ghe thuyền và phu-phên cần-thiết cho việc chuyên-chở, họ phải ở lại tỉnh-thành một thời gian khá lâu. Ngày ba mươi tháng mười một, cuộc hành-trình mới được tiếp-tục. Hai binh-sĩ đã chết ngoài khơi vì chứng dịch-tả, bữa nay đoàn quân viễn-chinh gồm có chín mươi chín người thuộc trung-đội Đa-ni-en, sáu mươi tám người thuộc hai đội thủy-lục-quân đóng tại Vĩnh-diện và ba chục lính Việt-nam vừa mới chiêu-mộ dùng làm hướng-đạo. Họ đi bằng đường thủy trên bốn chục chiếc ghe mảnh do chính-quyền địa-phương cung-cấp và phải noi theo con sông Trường-giang. Số phu khuân-vác gồm có một trăm hai mươi người, phải theo con đường thiên-lý. Ngày mồng hai tháng chạp, vào lúc bảy giờ sáng, họ tới vạn Tam-kỳ, huyện Hà-đông. Thiếu-tá Các-Đô lưu lại ở đây một phân-đội để giữ ghe thuyền, săn-sóc cho những binh-sĩ bị đau ốm, rồi hiệp với số phu phen, theo con đường quốc-lộ, họ tiến về cánh đồng Lớn. Ngày mồng ba tháng chạp, họ tới huyện-lỵ Tiên-phước gặp lúc trời đương mưa lụt. Đoàn công-binh phải lo bắc một cái cầu tre qua con sông Bà-tự. Ngày mồng bốn họ mới lên đường, vượt qua làng Thanh-bình, băng qua đèo Liêu, qua khỏi dốc họ trông thấy ngay thành-trị nằm lẫn-khuất trong đám sương chiều. Con đường dẫn vào lỵ-sở đã bị văn-thân lấp kín, họ phải noi theo một khúc tiểu-lộ mới có thể tiến lại gần. Đồn Dương-yên nằm trên một khoảnh đất rộng rãi, mỗi cạnh dài tới ba trăm năm chục thước tây. Chung quanh bức thành xây bằng đá rồng có một cái hào sâu. Trên chiếc bao lơn có nhiều lỗ châu-mai, nhiều ụ súng đại-bác. Núp sau chiến lũy, người ta có thể chống-cự được nhiều ngày. Tuy vậy, quân văn-thân đã chạy trốn một cách gấp rút bỏ lại ngổn-ngang trong đồn một số quân nhu gồm có một trăm năm chục chiếc súng trường kiểu xưa, sáu chiếc súng thần-công, năm trăm gươm-giáo, một ngàn năm trăm quan tiền, một số pháo lói chưa đốt và nhiều bao gạo, bao thuốc nổ. Thiếu-úy Bút-tơ-phờ-roa cho lính phá-hủy tất cả những thứ vũ-khí đã tìm được, lấy sắt chèn vào mấu khẩu súng đại-bác, rồi mới phóng-hỏa tiêu-diệt xóm-làng và đồn trại. Ngọn lửa cháy rùng-rã nửa ngày và một đêm làm cho dân-chúng miền sơn-cước phải một phen khiếp-sợ.

Hạ xong thành Dương-yên, trời đã nửa chiều. Thiếu-tá Các-Đô bắt quân-lính phải đăng-trình ngay tức-khắc. Họ phải vượt qua năm khúc sông bị nước ngập tới bờ, phải đập tan một cái chiến-lũy bằng tre mới có thể vào làng Trà-my được. Tới nơi họ cũng chỉ thấy một cái đồn bỏ trống nằm vắng teo trên tả ngạn con sông Tranh. Thành này cũng làm bằng đá ong, cũng có hào sâu lũy rộng, cũng bị ngự chế bởi những chiếc vọng-lâu cao vòi-vọi, nhưng mỗi cạnh chỉ dài chừng một trăm năm chục thước tây mà thôi. Đi vào bên trong, người ta cũng thu-hồi được một số quân-trang quân-dụng: mười lăm chiếc súng trường, hai mươi sáu chiếc súng đại-bác, năm trăm tạ gạo và nhiều bao thuốc nổ.

Thiếu-úy Bút-tơ-phờ-roa lại phóng hỏa đốt cả thành-trị miếu-vũ. Sau một

đêm sống giữa chốn thâm-sơn cùng-cốc với những bầy heo rừng, bầy cọp gấm, ngày mồng năm tháng chạp năm 1885, người Pháp quay gót để trở về tỉnh-ly.

Cuộc tấn-tiêu đã kéo dài non một tháng mới chấm dứt được.

Anh-hùng mặt-lộ

Mặt trời chỉ còn một đòn gánh, tỏa những tia sáng vàng-võ trên làng An-trắng, một làng sơn-cước ở về phía tây phủ Tam-kỳ. Trong căn nhà rường tám cột lợp ngói âm-dương, cử-nhơn Phạm đạo Mẫn đương ngồi tịnh-dưỡng trên ghế trường-kỷ, mình ngả lơ lơ về phía sau, hai chân xếp bằng. Vừa mới đi câu cá vọp ở ngoài suối Đồi, cá không bắt mỗi, ông lúi-thúi ra về. Bây giờ ngồi rảnh-rỗi, ông cứ để mặc cho tâm-hồn theo giòng thời-gian mà trôi chảy. Bỗng chốc trong sự im-lặng triền-miên của buổi chiều, ông nghe văng vẳng những tiếng vó ngựa mỗi lúc mỗi gần thêm, lốc cốc, lốc cốc...

Lặng tai nghe một hồi lâu, rồi một khi tiếng ngựa đã hí vang ở ngoài cánh đồng, ông vội xỏ chân vào đôi hài, đứng dậy ra mở cánh cửa bàn-khoa mà nhìn tứ phía. Giây lát, một người khách rất quen thuộc đã thấy hiện ra dưới mái hiên khiến bầy chó săn trung-thành đổ xô ra sủa vang trời dậy đất.

Người khách choàng sợi dây cương năm bảy vòng vào gốc dâu bầu ở nơi góc sân, rồi thông-thả bước lên trên mấy bậc tam-cấp, nhìn chủ-nhân mà nói:

-Tôi để những người tùy-tùng ở bên kia ngoạo Giàn-xay vì thấy trời đã gần tối. May quá không thì phải ngủ ở giữa rừng với những con chim đạo-đàng trông thấy mà phải sợ ! Bây giờ thì hãy cho cơm ăn mau lên ! Tôi đi suốt một ngày không có hạt cơm nào ở trong bụng!

Người khách nói xong thì nằm duỗi mình trên bộ phản ngựa mà thở hển-hển. Một chập lâu thấy sức khỏe đã dần dần trở lại, y mới ngồi chồm lên, rí vào tai chủ-nhân thì-thầm mấy tiếng:

-Nha sơn-phòng đã thất-thủ !

Hình như không hiểu rõ nguyên-nhân, cử-nhơn Phạm đạo Mẫn cau mày lại hỏi một cách nôn-nóng:

- Vì sao?

Người khách trả-lời:

- Vì Tây lên tấn-tiêu!

Câu trả-lời nhát-gùng này không làm cho cử-nhơn Phạm đạo Mẫn vừa lòng.

Ông ngồi xít lại gần hơn một tí nữa mà nói như có ý muốn trách-móc:

- Mình không kháng cự ?

Người khách bức-tức vì lỗi chất-vấn oái-oăm ấy, trả-lời ngắn-gọn:

- Kháng-cự thế nào được ?

Rồi y ngồi thừ ra, hai con mắt nhìn đăm-đăm về một phía như cố-ý hồi-tưởng lại một điều gì quan-trọng. Hết suy-nghĩ viễn-vông, y lại nhìn thẳng vào mặt chủ-nhân mà kể-lể:

- Tây kéo lên đông lắm, lô-nhô lúc-nhúc trên các nẻo đường. Họ có súng ống

tổ-tân, còn mình chỉ có gươm-giáo ! Địch làm sao nổi với giặc ! Tôi đã ra lệnh cho binh-sĩ giải-tán và một giờ sau thành-trì đã bị chiếm-đoạt.

Cử-nhơn Phạm đặc Mẫn hỏi lại:

- Thế bây giờ ông định đi đâu ?

Người khách trả-lời:

- Tôi cũng chưa biết. Vì vậy tôi phải ghé vào đây để tham-khảo ý-kiến.

Người khách ấy chính là quan sơn-phòng-sứ Trần văn Dư, vừa mới thất-trận tại Dương-yên và phải chạy lạc.

Hai vị tân-chủ còn đương hàn-huyên to nhỏ với nhau thì người nhà đã bưng lên một bát nước súc miệng và một mâm cơm đầy mạp những thức ăn. Cử-nhơn Phạm đạo Mẫn vừa hạ bớt mấy chồng đĩa xuống dưới chiếu vừa mời mọc:

- Xin ông cầm đũa.

Rồi cả hai ngồi lại dùng cơm tối một cách tự-nhiên, thành-thật y hệt như hai anh em ruột trong một nhà, tiến-sĩ Trần văn Dư muốn lợi-dụng cơ-hội để bàn về lối xuất-xử của mình:

- Thành-trì đã tan-vỡ. Ông bảo tôi nên tấn-thối như thế nào ?

Cử-nhơn Phạm đạo Mẫn dừng đũa suy-tính rồi mới chịu nói:

- Có nhiều lối hành-động khác nhau. Một là tiếp-tục chiến-đấu, giấu mình trong vòng khói-lửa và chịu đựng tất-cả những sự hiểm-nghèo của nó. Hai là xuất-thú, hợp-tác với giặc, tìm chỗ yên thân. Ba là dốc tâm tu-hành, sống với cỏ cây, tìm các lạc-thú tinh-thần. Mỗi lối đi của cuộc đời đều có những cái ưu, cái khuyết, muốn noi theo con đường nào là tùy theo cái sở-nguyện bình-sanh của mình, tôi khuyên-nhủ làm sao được !

Thấy tiến-sĩ Trần văn Dư vẫn còn phân-vân mãi, cử-nhơn Phạm đạo Mẫn lại trình-bày tiếp:

- Tôi quên nói tới một lối sống thứ tư là tạm-thời nấn-ná chờ cho thời-cuộc kết-liều. Lúc bấy giờ chúng ta phải lo tránh nanh-vuốt của nhà cầm quyền, hàng ngũ văn-thân sẽ bị tan rã, kẻ nào còn sống sót sẽ di-cư vào Bình-định Tư-nghiã, và biết đâu họ sẽ không vào Đồng-nai lục-tĩnh, qua Xiêm-la, Miến-điện, vượt trùng-dương để lập sự-nghiệp y hệt như Cơ-tử ngày xưa!

Hai người bạn đồng song trò chuyệ lân-la từ canh một cho đến canh tư. Bây giờ mặt trời đã sắp lên, dọi tia sáng vào những chòm cau, những ngọn mít và làm cho bầu chim hoang-dại bay về kêu thỏ-thẻ ở trên cành. Tiến-sĩ Trần văn Dư đứng dậy để cáo-thối và cho biết cãm-tưởng của mình:

- Có lẽ những điều nhận-xét ấy sẽ thành sự thực.

Chưa muốn để cho người bạn của mình lên đường quá sớm, cử-nhơn Phạm đạo Mẫn trì chéo áo lại và nhần-nhó nói:

- Thư thả một chút !

Vớ lấy chiếc quạt Thanh còn mới tinh để ở trên chồng sách, ông sè ra một cách nhẹ-nhàng và đưa ra ngoài ánh-sáng để xem lại bức tranh mai-hạc in sẵn giữa hai lớp lụa mỏng. Làm xong công việc ấy, ông lấy ra một cây bút lông, nhúng vào trong cái đĩa son, xe đi xe lại đến năm bảy lần. Một khi chất mực đã ăn khá nhiều, ông rút lui cánh tay, khom khom cái lưng xuống viết

thoăn-thoắt. Lần lượt những giòong chữ nôm trong bài " Điều Khuất-Nguyên" của nữ thi-sĩ Phạm thị Lam-Anh hiện ra mềm-mại uyển-chuyển:

Quốc nhơn giai túy như giai trọc,
Duy ngã độc tình nhì độc thanh.
Trên hôn, hôn chưa tỏ dạ trung-thành,
Còn nấn ná nữa chi cho bận!
Cô-phấn khí thành, thiên khả vấn,
Độc-tình nhơn khứ quốc cơ không.
Giòng Mich-la dù đục đục trong trong,
Đèn bắt-dạ hời soi người thiên-cổ.
Bát-ngát buổi gian thiên dục mộ,
Tiếng ngư ông còn đồng-vọng đâu đây.
Nghĩ thôi ai cũng xót lây.

Viết xong bên mặt, cử-nhơn Phạm đạo Mẫn dừng bút để giải-thích:

- Nữ thi-sĩ Phạm thị Lam-Anh, người ở phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam là một ngôi sao sáng nhất trong văn-đàn nước nhà vào khoảng đầu thế-kỷ thứ mười tám. Tôi xin ghi thêm ra sau đây bài " Vịnh Trương lưu Hầu" có in trong " Chiến cổ Đường-thi tập" mà tác-giả đã viết để gửi tặng cho nhà văn-sĩ Nguyễn dưỡng Hiền, người ở phủ Duy-xuyên:

Trương lưu-hầu là Hàn công-tử,
Dối năm đời chung-đỉnh đai-cân.
Liều một dùi chưa trả nợ cổ-quân,
Uống ba tấc phải đem mình thờ Hán chúa.
Thuốc độc phun Tồn rơi đến Sở,
Mùi thơm ngậm Hán sún cho Hàn.
Trong năm năm gầy một mối giang-san,
Trả nghĩa củ, ơn xưa đà vẹn xông.
Trường phú-quí xem bằng mây mỏng mỏng,
Túi Xích-tòng đồng-đánh với quan-san,
Nhục-vinh gác chuyện Tiêu-Hàn.

Viết xong, cử-nhơn Phạm đạo Mẫn đọc lại một lần, rồi xếp quạt trao cho người bạn mà nói:

- Ông quyết-tâm đi xa, tôi có giữ lại cũng không được. Trong giờ lâm-biệt tôi xin tặng một vật nhỏ mọn để làm kỷ-niệm.

Tiến-sĩ Trần văn Dư hỏi:

- Sao ông biết ?

Cử-nhơn Phạm đạo Mẫn trả-lời:

-Tôi dự-đoán.

Cuối cùng hai người phải dứt-khoát chia tay. Tiến-sĩ Trần văn Dư phi ngựa đi một hơi về tới làng An-mỹ-đông, gọi người con gái lên mà căn-dẫn:

- Ngày mai thầy phải đi kinh. Coi mượn hai tên phu vồng thật lanh-lẹ và dờn khăn gói qua bên xóm, rồi về ngay có việc !

Cô tiểu-thư ngoan-ngoa ra đi chưa khỏi sân, ông còn kêu với trở lại và hỏi

một cách hấp-tấp:

- Hình như tháng nay nhà mình chưa cúng lộ
- Cô tiểu-thư ngẩn cạp lông mày lên để nhớ lại:
- Bẩm thầy chưa !

Tiến-sĩ Trần văn Dư lại dặn tiếp:

- Đi mua ít hương đèn vàng bạc để cúng gà trước khi thầy lên đường.
- Vừa lúc ấy bà con quen thuộc nghe nói chạy tới thăm viếng rất đông. Một người chú họ chuyên về nghề tướng-số, nhìn thấy chiếc quạt Thanh mở ra xem và nói to tiếng:

- Ồ chữ đẹp quá ! Có phải là nét bút ông cử An-tráng không ?

Tiến-sĩ Trần văn Dư đương bận lo tính việc nhà cũng phải miễn-cưỡng quay lại để trả-lời:

- Phải rồi! phi ông cử An-tráng thì ai có được lối chữ ấy.

Người chú họ đọc đi đọc lại hai bài thơ, hiểu ý, bèn chờ cho mọi người ra về hết mới lại ngồi sát bên cạnh tiến-sĩ Trần văn Dư mà đàm-luận:

- Bao giờ ông ra kinh ?

Tiến-sĩ Trần văn Dư đáp:

- Ngày mai !

Người chú họ nói tiếp :

- Ra để xuất-thú!

Tiến-sĩ Trần văn Dư không phúc-đáp lại mà chỉ gật đầu năm ba cái rất khẽ. Lúc bấy giờ người chú họ mới để ý xem-xét quan sơn-phòng-sứ một lần từ đầu cho tới chân, từ giọng nói sắc mặt cho tới điệu bộ cử-chỉ. Trước khi ra về ông không quên gọi cháu ra ngoài hiên mà bỏ nhỏ :

- Lần này phớ kinh, ông nên bắt phu-trường đi một hơi cho tới Đà-nẵng và nhớ đừng ghé lại tỉnh-thành vì sẽ gặp điều bất-trắc.

Hình như sợ tiến-sĩ Trần văn Dư không lưu-ý đến phần quan-trọng trong lời khuyên-nhủ của mình, ông cứ nhắc đi nhắc lại dẫn từng tiếng :

- Vào tỉnh-thành thì sẽ gặp chuyện bất-trắc nguy hại đến bản-thân!

Cuộc đàm-thoại này xảy ra vào lúc chạng-vạng. Trong khi hai người đương trò chuyện thì một con cú mèo tha-phương lại bay về đậu trên cây mít ngoài sân kêu vồn-vện có ba tiếng như để tỏ sự đồng-ý:

- Tu-hu ! tu-hu ! tu-hu !

Điềm lành hay điềm dữ ? tiến-sĩ Trần văn Dư nào có lưu-ý.

Ngày mười ba tháng chạp năm 1885, ông ra tới Vĩnh-diện. Nằm trong chiếc võng điều, ông lấy tay khoát tấm dìm xanh và hỏi mấy tên phu ở đàng trước:

- Tới chỗ nào rồi hở Năm ?

Tên phu cẳng phúc đáp :

- Dạ bẩm tới cửa hữu !

Tiến-sĩ Trần văn Dư tự nói lầm-nhầm một mình:

- Tuần-vũ bây-giờ là Châu đình kể một người rất quen thuộc. Ngày trước ta ngồi tế-tử ở trường Giám hẳn có lui tới để nghe giảng kinh-sách. Can chi mà lo ngại ! Ta vào thăm viếng cho theo phép lịch-sự rồi luôn thể nhờ hẳn

bấm về triều-đình, công việc của ta ở kinh-đô cũng sẽ được thập phần dễ-dãi.

Tiến-sĩ Trần văn Dư ghé lại tỉnh thành đi thẳng vào phòng giấy quan tuần-vũ mà không cần báo trước. Châu đình Kế, người thâm thấp, hơi gầy, trán hẹp, mũi nhỏ, miệng tròn, hai con mắt ít linh-động, đương ngồi bệ-vệ trên một chiếc ghế mây, nói chuyện với một người Pháp bận quân-phục. Phía bên ngoài hai vị quan-chức ấy là một cái bàn nhỏ trên mặt có bày một bộ trà màu nâu và một cái bình điều bằng sành nổi dài bởi một cái cần tre ngà uốn vòng bán-nguyệt. Phía bên trong là một viên thông-ngôn trẻ tuổi đứng tựa vào một tấm bình-phong bằng gỗ trắc có chạm nổi mấy chữ "Tráng trường thành" thếp bằng vàng lợt. Phía bên trong nữa là hai tên lính giản mặc áo dẫu đứng bất-động y hệt như một cặp hạc ở trong một đền thờ. Viên sĩ-quan Pháp ngồi đối-diện có vẻ ôn-hoà, trầm-tĩnh còn tuần-vũ Châu đình Kế lại ăn nói liến-thoảng như một tên mại-bản. Vừa mới trông thấy tiến-sĩ Trần văn Dư, hắn đã cất giọng mắng-nhiệt:

- Anh là quân khi-ngụy! Anh không theo giặc cho trọn kiếp, còn về đây làm gì?

Tiến-sĩ Trần văn Dư không dẫn nổi sự tức-giận cũng lớn tiếng mà đối-đáp lại:

- Ừ phải! ta là quân khi-ngụy! Còn bọn quan-thầy của anh là gì? Vua tôi của anh là gì? Anh làm tay sai cho Pháp, anh là phường bán nước buôn dân!

Nghe nói như vậy, tuần-vũ Châu đình Kế liền đứng dậy đập bàn mà dọa-nạt:

- Thằng khốn-nạn! Mày đã lọt vào trong tay ta mà còn dám hống-hách! Mày sẽ coi lưới gươm sắc bén của ta!

Không làm thế nào được nữa, tiến-sĩ Trần văn Dư cũng đánh liều mà thách-đố:

- Ta là một nhân-vật của triều-đình. Mày xúc-phạm đến thân-thể của ta, mày cũng phải tan xương nát thịt!

Hai bên còn đương cãi-cọ ầm-ĩ thì chẳng may thiếu-tá Các-Đô đi dự trận ở Dương-yên cũng vừa về tới nơi. Nghe có sự huyền-náo ở trong công-đường, viên sĩ-quan này hấp-tấp chạy vào và khoanh tay đứng nhìn ngơ-ngác.

Thiếu-tá hỏi:

-Người này là ai?

Tuần-vũ Châu đình Kế liền chỉ thẳng vào mặt tiến-sĩ Trần văn Dư mà nói:

- Đây là sơn-phòng-sứ Dương-yên, vị thủ-lãnh của toán quân phản-ngịch vừa mới bị bắt!

Hai tiếng phản-ngịch thốt ra làm cho thiếu-tá Các-Đô phải đổ quáu. Tức-khắc viên sĩ-quan này mở cái ví da cầm sẵn ở trên tay, rút ra một tờ giấy trắng, viết nguệch-ngoạc năm ba giòng chữ rồi đưa lại cho tuần-vũ Châu đình Kế mà nói với một giọng cương-quyết:

- Phải thi-hành ngay trong nửa tiếng đồng-hồ!

Liền khi ấy người ta điệu tiến-sĩ Trần văn Dư ra ngoài cửa Tiễn. Dân-chúng những vùng lân-cận hay tin, chạy lại xem đông như kiến, nhưng ai nấy cũng đều sợ hãi, không dám nói ra một lời.

Trước giờ lâm-chung, quan sơn-phòng-sứ xin mở trói, hướng về phía bắc lạy

bốn cái để tạ ơn nhà vua, hướng về phía nam cũng lạy bốn cái để đền công-lao cha mẹ, xong rồi mới xin bút mực để viết bài cảm-thuật. Ngồi mãi mà vẫn không tìm ra lời, ông sức nhớ khi còn làm tri-phủ Nam-sách ở Hải-dương, một vị tướng Trung-hoa có xem diện-mạo của ông và có phán-đoán mấy lời như sau: "Ngài có tướng ngũ-lộ, đồ rất cao, làm quan lớn, nhưng về sau phải chết vì gươm đao". Ông nghe nói không tin mà chỉ cười ruồi. Bấy giờ ông mới biết lời nhận-xét ấy là đúng. Liền tay ông hạ bút viết bốn câu thơ tứ-tuyệt để làm di-tích:

Thiên sanh ngô mạng diệt ký-kỳ,
Trung-hoa thuật-giả bất ngô khi.
Hà-đông tiến-sĩ đa hoành-tử,
Học-giả tương-lai mạc vọng-kỳ.

Một giờ sau khi hành-quyết, tuần-vũ Châu đình Kế mới nhận được tờ chỉ của vua Đồng-Khánh truyền đem quan sơn-phòng-sứ Trần văn Dư ra kinh-đô. Viên tuần-vũ cầm mệnh-lệnh của nhà vua vâng-vâng trong tay nửa mừng nửa sợ.

Thành-lập Nghĩa-hội

Trong tuần lễ vừa qua, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu không được thơ-thối trong mình. Nhiều việc không may-mắn đã xảy ra trong hàng-ngũ văn-thân. Trước hết là việc người Pháp lên tấn-tiêu nha sơn-phòng Dương-yên, thành-trị bị phá tan-hoang; kế tiếp theo đó là sự hành-quyết tiến-sĩ Trần văn Dư tại thị-trấn Vĩnh-diện. Từ khi đem chí lớn ra đảm-đương việc nước, ông chưa bao giờ nghĩ đến những biến-chuyển mau lẹ như thế, nhất là những sự đổi chiều xoay hướng trong tâm-trí con người. Sự qui-thuận của tiến-sĩ Trần văn Dư đã làm cho ông phải một phen sửng-sốt. Ngồi dựa vào lưng một chiếc ghế trường-kỷ trong căn nhà riêng của mình, ông cứ bàn qua bàn lại, tính tới tính lui, hết suy-nghĩ vẫn-vơ lại than-dài thở-vắn. Ông bắt đầu cảm thấy do-dự, lè-loi trên con đường khởi-nghĩa. Bên cạnh ông vẫn có nhiều vị nhân-sĩ lỗi-lạc, nhiều bậc khoa-bảng trứ-danh. Ở Thăng-bình có Tiểu-La Nguyễn Thành, ở Hòa-vang có ngự-sử Hoàng bá Thanh, ở Điện-bàn có hoàng-giáp Phạm như Xương, tiến-sĩ Phạm Tuấn. Còn nhìn xa hơn nữa, ông lại nhận được sự nâng- đỡ của phong-trào Cần-vương. Cử-nhơn Mai xuân Thường ở Bình-định, cử-nhơn Lê trung Đình ở Quảng-ngãi đã phái người ra cộng-tác thường-xuyên, còn tiến-sĩ Phan đình Phùng ở Hà-tĩnh vừa mới gửi một phái-đoàn vào để mở cuộc thương-thuyết. Qua sự trung-gian của những tình lân-cận, ông lại có thể tiếp-xúc với thân-hào, chí-sĩ ở khắp bốn phương. Dầu sao đi nữa, tất cả những sự ủng-hộ ở bên trong và bên ngoài cũng không bồi đắp nổi chỗ thiếu-sót một khi sơn-phòng-sứ Trần văn Dư đã lìa trần. Có nhiều phen ông đã thân-hành lên Phú-thị mời tiến-sĩ Nguyễn đình Tự ra lãnh-đạo quần-chúng, nhưng vị hủ-nho này, sau ngày rời bỏ nha sơn-phòng

Dương-yên, vẫn trùm chần nằm một xó và không muốn tham-gia hàng-ngũ kháng-chiến. Bực mình ông lại trở về làng Thanh-hà, đóng cửa không chịu tiếp khách và hết giờ này đến giờ nọ cứ ngồi gác tay lên trán suy-nghĩ vẩn-vơ. Chính trong lúc ông chưa tìm thấy một lối giải-thoát, còn đương e-dè, phân-vân thì từ một phương trời xa-xăm lại nghe văng-vẳng những lời khuyên-nhủ mỗi phút mỗi gần-gũi, rõ-rệt, hiền-hoà, của một vị anh-hùng tiền-bối: " Hường-lô Nguyễn duy Hiệu, đưa con thân mến của ta ơi! người hãy mạnh-dạn tiến lên! ai lại mặc cả với non sông"

Ừ ! ai lại mặc-cả với non sông ! phó-bảng Nguyễn duy Hiệu vừa uốn mình, vừa đọc lầm-nhầm mấy tiếng nói cuối cùng trong lời căn-dặn mà ông vừa mới nghe thoảng qua nửa như hư, nửa như thực. Ông tự hỏi : " phải chăng đây là tiếng gọi của núi sông, lời thân-mật của tâm-can hay câu mật-niệm của các vị tiền-bối ?" Không! đây chỉ là cái dư-âm của những chiếc lá vàng khô rơi nhẹ-nhàng trên mặt đất. Nhưng dầu sao đi nữa, sau những phút bỡ-ngỡ đầu tiên ấy, ông đã tìm được sự yên-tĩnh trong tâm-hồn, ông đã có thêm nhiều sinh-lực trong xác thịt. Từ đây ông có thể hy-sinh đến giọt máu cuối cùng để trả thù cho non sông, rửa nhục cho giống-nòi, làm gương cho hậu-thế. Ông sẽ theo đuổi cuộc kháng-chiến cho tới khi trời nghiêng đất lở mà không phải bận tâm vì thành-công hay thất-bại. Những ý-nghĩ ấy làm cho ông cảm-thấy phấn-khởi ở trong lòng. Ông vội-vã đứng dậy, nhìn khắp đông tây một lượt và thấy cử-nhơn Lê tấn Toán ngồi khít bên cạnh mình, tay cầm chặt-chẽ quyển bác-vật-học in bằng chữ nôm của tiến-sĩ Phạm phú Thứ. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu có vẻ bối-rối:

- Bẩm thầy tới đã lâu ?

Cử-nhơn Lê tấn Toán nhìn lên, để bộc lộ hẳn một cái trán đã nhăn-nheo, hai con mắt đã sâu, hai cái má đã tóp, một chòm râu dài đã bạc phơ nhưng con người gầy gầy mảnh-dẻ vẫn còn quắc-thuốc, nhanh-nhẹn lắm:

- Tôi sang đây vào lúc xế trưa. Thấy ông ngủ ngon-lành quá, tôi không dám đánh thức.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu chắp hai tay lại để xin lỗi:

- Như vậy thì ra con quấy lắm ! xin thầy vui lòng tha-thứ cho !

Cử-nhơn Lê tấn Toán mỉm cười, rồi nói một cách thông-thả:

- Không hề chi ! Bây giờ ông mặc quần áo, rồi sang bên Hà-lộc có tí việc cần.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu vừa mới ra tới ngưỡng cửa, lại quay trở lại, tiến về phía ông thầy học mà hỏi với một giọng kính-cẩn:

- Bẩm thầy ! Có việc gì quan-trọng hay không ?

Cử-nhơn Lê tấn Toán ôn-tồn trả-lời:

- Hôm kia tôi qua đây, nghe nói ông đi vắng, tôi liền thảo một tờ hiệu-triệu cho sĩ-dân trong tỉnh. Hiện bây giờ họ đã tề-tựu đông-đủ. Ông phải sang ngay để tìm cách đối-phó với thời-cuộc.

Chỉ trong chốc lát hai thầy trò đã lên ngựa đi về miệt biển. Tới làng Hà-lộc, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu trông thấy cờ đuôi cheo bày la-liệt khắp các nẻo đường và dân chúng kéo về dự-hội rất đông.

Cuộc hội-nghị bắt-đầu khai-mạc.

Cử-nhơn Lê tấn Toán ra đứng trước bàn thờ tổ-quốc nhìn lên ngọn quốc-kỳ lung-linh mà tuyên-bố đại-khải:

- Từ ngày khởi-nghĩa, thối-thoát năm tháng đã qua. Ta chưa có đủ thì-giờ để tổ-chức mọi công việc. Chẳng may gần đây bọn Tây nô lại tấn-tiêu nha sơn-phòng Dương-yên. Thành-trì đổ vỡ tan-tành; tiến-sĩ Trần văn Dư lại bị hành-quyết. Ta đương lâm vào một tình thế nan-giải. Muốn gỡ ván cờ này, sức-lực một hai người không làm nổi, mà cần có sự đóng-góp của toàn thể nhân-dân. Như vậy cuộc kháng-chiến cần-vương có thể duy-trì hay giải-tán là do nơi nguyên-vọng của quần-chúng, chứ không phải do một vài nhà tai-mắt đưa ra. Bữa nay, giờ phút quyết-liệt đã đến, ta không còn có thể do-dự được nữa. Ta nên tiến hay nên thối, nên đánh hay nên hòa, xin quý ngài nói thật ra để chúng tôi biết mà định-liệu.

Cử-nhơn Lê tấn Toán vừa nói dứt lời thì cử-tọa lại chia làm hai nhóm. Kẻ bàn nên lui, người bàn nên tới, nhưng không ai chịu đứng ra phát-biểu ý-kiến.

Cuối cùng phó-bảng Nguyễn duy Hiệu phải lên khán-đài để hiểu-dụ:

- Nha sơn-phòng và tỉnh-thành đã bị tấn-tiêu tan vỡ. Công việc chưa kịp sắp-đặt cho nên chúng ta phải ở trong một cái thế "ky-hổ nan-hạ". Xin quý ngài nhớ điều ấy cho và người nào muốn chủ-chiến, người nào muốn chủ hòa thì xin đứng ra một bên để cho tiện việc thảo-luận "

Tiếng loa vang ra khắp nơi. Tức thì phái bạo-động hội họp riêng và quyết-nghị như sau: "thà đi tới mà chết, vì tới lui cũng chết"

Phái bạo-động chiếm đa-số trong hội-nghị đã thắng-thế. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu phải lên khán-đài kêu gọi một lần thứ hai :

- Sĩ-dân làm việc nghĩa phải có kế-hoạch, chính-sách và phải đứng vào một tổ-chức chung. Về cương-lĩnh như quý ngài đã biết, chúng ta lấy việc cần-vương và bình-tây sát-tả làm chính-yếu. Còn về chương-trình và hàng-ngũ, chúng ta vẫn chưa có một kế-hoạch rõ-rệt.

Tôi đề-nghị nên lấy hai chữ " Nghĩa-hội" làm danh-hiệu cho phái văn-thân chúng ta, và nên chọn làng Trung-lộc ở về huyện Quế-sơn làm tỉnh-ly mới. Quý ngài nghĩ như thế nào, xin cho biết ý-kiến.

Mọi người đều tán-thành.

Liền khi ấy sĩ-dân phải tụ họp lại để thảo một bản nội-quy cho nhóm văn-thân và cử những bậc danh-vọng lên cầm-đầu Nghĩa-hội. Ban chấp-hành toàn tỉnh gồm có phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, hội trưởng, Nguyễn Thành, tức Ấm-Hàm và Phan bá Phiến tức Ấm-Hổ. Còn việc thu-nhận nguyệt-liễm, kết-nạp nghĩa-sĩ tại các phủ huyện thì tạm-thời giao cho các vị thân-hào sau này đảm-nhận: ở huyện Hà-đông có cử-nhơn Phạm đạo Mẫn, tú-tài Phan đình Bình; ở phủ Thăng-bình có cử-nhơn Nguyễn Duật; ở huyện Quế-sơn có cử-nhơn Lê Giải, thương-biện Phạm trọng Thắng; ở phủ Duy-xuyên có bổ-chánh Biên-Huyễn, phó-bảng Phạm thanh Lương; ở phủ Điện-bàn có hoàng-giáp Phạm như Xương, tiến-sĩ Phạm Tuấn, tú-tài Lý thừa Trạch; ở huyện Hoà-vang có ngự-sử Hoàng bá Chánh; ở huyện Đại-lộc có tú-tài Trần Thừa tức Trần Đình và cụ Ô-Gia Đặng sơn Tấu.

Nghĩa-hội thành-lập xong, người ta mổ bò u, vật trâu cổ để lấy huyết làm lễ tuyên-thệ, xong rồi mới chịu giải-tán.

Bây giờ là hạ-tuần tháng chạp năm 1885.

Cuộc hội-nghị bế-mạc được một ngày thì ban chấp-hành cũng phải lên đường về Tân-tĩnh. Họ vừa mới ra khỏi cổng làng thì đã trông thấy cử-nhơn Lê tấn Toán ra đứng chờ sẵn nơi trường-đình. Hai bên nhìn nhau nghẹn-ngào, rồi cùng dắt nhau vào một điểm canh để nói chuyện.

Cử-nhơn Lê tấn Toán lên ngồi trên bức sập tre, chờ cho phó-bảng Nguyễn duy Hiệu tiến tới sát bên cạnh mình, mới rí vào tai mà nói:

- Tôi có một điều muốn căn-dẫn ông nhưng chưa tiện trình-bày. Đất Trung-lộc chưa phải là một nơi an-toàn, vì miền ấy nằm trong một cái lòng chảo eo-hẹp, nghèo-nàn và thông-thương với bên ngoài bằng hai con đường hiểm-trở. Nếu nhất đáng, quân Pháp kéo lên chiếm đèo Rập-cu ở về phía nam để cắt đứt sự liên-lạc với những hạt Thăng-bình, Quế-sơn và đồng-thời chiếm cả khúc sông Thu-bồn từ làng Trung-phước cho tới Đại-cà-tang, nghĩa-binh phải bị bao-vây chắc-chẽ, không thể nào trốn thoát được. Hình như tỉnh-ngộ bởi những lời nhận-xét ấy, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu cau mày lại, rồi nhìn vào mặt thầy hỏi:

- Nếu quả thật như vậy, thầy dạy con toan liệu ra làm sao ?

Cử-nhơn Lê tấn Toán suy-nghĩ một hồi lâu mới trả-lời :

- Trong sách có câu " Giảo thô tàng tam quật". Tôi thiết-tưởng ông nên theo đó mà thi-hành.

Rồi sợ những người đối-diện không thể lãnh-hội ý-kiến của mình, cử-nhơn Lê tấn Toán lại nói tiếp:

- Đất Trung-lộc chỉ là đợt thứ nhất trên con đường kháng-chiến. Ở bên kia đèo Rập-cu là miền Quế-sơn và xa hơn nữa là miền Hà-đông với những núi non trùng-trùng điệp-điệp, với những con sông quanh-co khuất-khúc, vô cùng hiểm-yếu. Tại sao ta không phái người sang đây lập một chiến-khu thứ-hai, để lâm-thời có chỗ mà rút lui. Nếu thực-hiện được việc ấy, ta có thể kéo dài cuộc khởi-nghĩa ít nữa là mười năm và có thể nêu một cái gương tốt cho hậu-thế.

Cử-nhơn Lê tấn Toán còn muốn trình-bày nhiều hơn nữa. Thấy ba vị chiến-sĩ đứng trước mặt chưa có thể am-hiểu tường-tận, nhà cách-mạng lão-thành lại mò trong túi áo lấy ra một bản họa-đồ, trải ra trên sập mà chỉ thoăn-thoắt:

-Ta bắt-đầu với hạt Quế-sơn và ngược theo giòng sông Thu-bồn. Đây là vạn Phước-sơn và miền Thảo-huy Thảo-đế. Công việc thứ nhất phải làm là khuếch-trương nhàn-điền, biến vùng này thành những cánh đồng phì-nhiều, những thôn-xóm trù-mật. Kế tiếp theo đó, ta lại theo con sông Tiên-giang vào địa-phận những hạt Thăng-bình và Hà-đông. Xã An-lâm, một căn-cứ thuận-tiện về quân-sự nằm bên tả-ngạn. Công việc thứ nhì phải làm là tích-trữ lương-thực, kiến-thiết tại vùng này nhiều thương-khố để nuôi-dưỡng binh-sĩ. Rồi ta cứ đi lên, đi lên mãi mãi. Bây giờ ta vào một cái thung-lũng khá rộng có núi-non bao bọc tứ-vi. Ta sẽ làm quen với những làng mạc xa-

xôi, bí-hiểm. Đây là Tiên-lâm, Tiên-hội và Tiên-châu.Ồ xinh quá !! Tương-truyền ngày xưa, hai vị Xích-Tùng và Hoàng-Thạch giáng xuống miền này, sau lại dạo qua núi Bàn-cờ ở hạt Duy-xuyên, thử-sức với nhau rồi biến mất. Ta có thể thiết-lập ở đây nhiều đồn-trại, xây đắp nhiều hào-lũy. Công việc thứ ba phải làm là biến vùng này thành một chiến-khu vững-chắc, bền-bỉ. Còn như muốn đi xa hơn nữa, ở về phía cực tây, ta lại có Na-sầm, Phú-thạnh, những xã thôn ở trên trời ơi đất hỡi, Tây nó lặn-lội năm bảy kiếp cũng không thể tới được; ở về phía nam, vượt qua một bình-nguyên, ta lại vào miền Bồng-miêu, Đức-bổ nối liền với tỉnh Quảng-ngãi bởi trăm nghìn dãy núi non trùng điệp. Ở bên kia vùng hầm mỏ là những thung-lũng nằm phơi mình dưới ánh nắng với những cánh đồng phì-nhiều, mênh-mông bát-ngát. Con sông Tứ-chánh tức là sông Ba-kỳ, phát nguyên trong vùng sơn-lâm này, lượn mình uốn khúc nhiều vòng, rồi chảy vào cửa Đại-áp. Ta phải thiết-lập tại đây một căn-cứ-địa thứ ba nữa để yểm-trợ cho khu Tiên-giang thì mới có thể chế-ngự quân-địch.

Trình-bày xong cử-nhơn Lê tấn Toán lấy bút son gạch hai đường ngoằn-ngoẻo trên bản họa-đồ, một đường chạy từ nam ra bắc bao-bọc chiến-khu thứ nhì từ suối Đá cho tới núi Cao-ngạn, và một đường nữa cũng chạy theo ven núi từ đông sang tây, bao-bọc chiến-khu thứ ba, rồi gấp lại đưa cho phó-bảng Nguyễn duy Hiệu mà nói:

-Muốn bảo-vệ chiến-khu Tứ-chánh ở về phía nam huyện Hà-đông, ta phải xoi hào Kỳ-hưng; còn muốn bảo-vệ chiến-khu Tiên-giang ở về phía tây, ta phải xây lũy Đá-rồng. Hai công-tác ấy phải tiến-hành song song với nhau và không được trì-hoãn.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu ghi nhớ tất cả những lời thầy khuyên-nhủ, rồi chuẩn-bị lên đường trở lại. Ba con ngựa Kim vạm-vỡ hí vang trời dậy đất và sải theo hàng một mà tể thật nhanh. Chỉ trong giây lát hình ảnh ba vị chiến-sĩ đã lẩn-khuất trong đám sương mù.

Cử-nhơn Lê tấn Toán đứng bên chiếc lũy tre xanh mà nhìn theo, vẻ mặt bơ-phờ y hệt như một người rối-trí. Một hồi lâu sức-tĩnh lại, vị nho-sĩ già-nua mới chắc lưỡi mà than-thở một mình:

- Lần này là lần cuối cùng thầy trò mới gặp nhau !

Nói xong tay cầm quạt lông, tay chống gậy trúc, cử-nhơn Lê tấn Toán lui-thủi đi vào trong thôn xóm.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu lên tới nhiệm-sở, lo xây đắp thành Tân-tĩnh, tổ-chức các cơ-quan hành-chánh, có bổ-chánh-sứ, Án-sát-sứ cầm đầu; thiết-lập các cơ-quan quân-sự có tán-tướng quân-vụ đứng chỉ-huy và luyện tập dân quân gọi là quân "Đoàn-Kiết" có quản-cơ, đội trưởng, đốc-binh, lãnh-binh thống-suất. Ở trước cửa văn-miếu ông lại bắt thợ tô một câu đối-liễn như sau:

" Anh-hùng dụng-võ phi vô-địa,
Quân-phụ chi thù bất cộng-thiên"

Hơn nữa ông lại bắt sĩ-dân khai mỏ sắt Trung-lộc lấy nguyên-liệu rèn đúc vũ-khí, giao cho tú-tài Phan đình Bình phụ-trách việc xoi hào Kỳ-hưng, dựng lũy Đá-rồng. Phái thương-biện Phạm trọng Thăng lên Phước-sơn để khai-khẩn nhàn-diễn. Sắp-đặt xong xuôi, ông còn bắt nha-lại sao bài hịch " Nghĩa-sĩ Cần-Vương" để phổ-biến trong dân-chúng.

Theo song-nguyên Huỳnh thúc Kháng bài về này phát-xuất từ miền Nghệ-tĩnh. Có một hôm vị đầu xứ Hoàng phan Thái đi xem biểu-tình cần-vương, nhưn ghé qua nhà quan án-sát Ngụy khắc Đản, thấy dân chúng lấy sạn gạch ném vào bên trong mà hô đả-đảo.

Án-sát Ngụy khắc Đản đồ Thám-hoa, cùng đi sứ với hiệp-biện Phan thanh Giản, tham-tri Phạm phú Thứ sang Pháp chuộc ba tỉnh miền đông xứ Nam-việt vào năm 1862. Lúc còn là học trò, Ngụy khắc Đản vào dự đình-thí, làm một bài kinh-nghĩa xuất-sắc, được vua Tự-Đức phê tặng bốn chữ " Hạc lập Kê môn". Vì vậy sĩ-dân mới kéo tới tập hợp trước nhà và đọc hai câu thơ sau này để chỉ-trích:

Hạc bay sang tận phương Tây,
Hạc hòa với giặc, hạc về chi đây ?

Cảm-kích vì hai câu lục-bát ấy, vị đầu-xứ Hoàng phan Thái làm ra bài hịch Nghĩa-sĩ Cần-vương. Ta ghi bài thơ ấy ra sau để làm tài-liệu:

Tưởng thuở thái-bình thổ-võ, bề khuôn-tượng để mặc khách thiên-chung.

Tới nay di-dịch ra đời, lòng tiết-nghĩa phải dưỡng lời lực-quán.

Nhà hầu ngã con còn biết chống, chi để cha bị kẻ Tôn-Ngô;

Giặc đương loạn tôi phải ra ngăn, chi để chúa nhớ người Pha-Mục (1)

Xưa có kẻ hồ-Nhung Kiệt-Ngạo;

Đời lại thêm quân-tử Kinh-Luân.

Lỡ trọng Liên nghĩa bất để Tần, phận nho-gia lòng lo vũ-trụ;

Văn thừa-tướng trung-phò chúa Tống,

Bước lưu-ly nặng gánh cương-thường.

Người còn hay từng-bá lúc cùng đông;

Ta há để chiêm cầu khi mặt hạ.

Trước đã có ba ngàn hùm lạy; giúp rồng bay còn đợi khói lang;

Sau lại thêm hai cội tầm ăn, đoái nhận-trạch đành dời bóng tỏ.

Câu kiến-nghĩa bất-vi vô đồng;

Chữ tội-nhơn giai đặc nhi tru.

Giận Tây-di đem thói thù Châu;

Ghét Tả-đạo tìm mưu trợ Kiệt.

Vả tả-đạo cư nhà ô-thước;

Ơn chưa đền chầu lại chống xe; (2)

Mà Tây-di cáo giả oai-hùng; lớn chi bấy rắn toan nuốt tượng (3)

Nhà Tả-đạo làm cùng cả nước;

Khuyến phê ngư chằng sợ phép Cao-Dao;

Đất Nam-triều đầy khắp bốn phương;
Miêu nghịch Thuấn chẳng kiên oai Bá-Võ.
Trước đã rút gươm trời hỏi tội; ai chẳng mừng Hoàng-Đế chinh Vưu.
Sau lại đem ngọc dụ cầu thân; người tướng có Bạch-Thị thối Lỗ.
Hay đâu nổi ngự nhung thượng sách;
Còn chưa thanh được loạn trung-nguyên.
Vì liên-miên cỡi bắc xưng qua; trên chưa quyết hòa Ngô phạt Ngụy;
Nếu thử thứ chinh tây thối lỗ; dưới thôi đành diệt quắc giả Ngu.
Phụng thê Ngô chi sá lỗ nuông Tây; mà nữ đế Đồng-nai làm u-Kế (4)
Rồng hưng Bái chi sơ loài Khỉ Sở; mà đành nơi Bình-thuận hận Hường-Câu.
Tuy chẳng qua là thánh trí chi tư; trước đã liều Thiên-Vu phụ Hán;
Tuy tam kiếp côn-di chi hảo; dạ đâu quên Câu-Tiến thù Ngô.
Liều sáu thành cho Võ quang-Trung; ấy là chước lấy đầu khi Cai-hạ
Dùng một cỡi để Tần Hàm-cốc; ấy là mưu cột cổ lúc Đạo-bàn.
Trong chín trùng lường toán đã cao;
Ngoài trăm họ lòng còn xót tủi.
Tủi là tủi của thần-tôn, thánh-tổ; lúc trung-hưng , khi tái-tạo, xưa gian-nan
mới có cỡi bờ này;
Thương là thương dân xích-huyện, thần-châu, đạo đã lớn, mai lại giành; cơn
luân hãm còn mong trời đất cũ.
Ngoài Bắc-hạt trông tin điều-phạt, mười sáu năm uất-tức, ôm tấm lòng Tô-
Võ chẵn dề;
Trong Nam-kỳ gặp lúc nhiễu-nhương, ham một tình lăm-than, toan trở dạ
Nhượng-dương đả hổ. (8)
Và sức cộp trăm người khôn địch, phận hiệu-nhi còn dám xả nhất-sinh;
Muốn đánh Tây tám cõi đều ưng, lòng sĩ-khí chi từ vạn tử.
Gầm búa sắt chẳng từ cây cứng, nghĩ lòng son chi xiết nghĩa thần-trung;
Hưởng nước nhà nuôi sĩ bấy lâu nay, cũng đợi thuở nhờ nhau khi túng-rối.
Mây nghi-ngút che trời hơn một kỷ,
Cùng nên ra tắm nhứt lúc âm-yêu.
Trước là đền nợ nước nga-quan, cho trên biết dân đen mà máu đỏ
Sau cho khỏi phân-minh tả-nhấm, vậy mới người mặt trắng cũng gan vàng.
Sá chi nhau thân-phận mất còn;
Là vì nổi văn-chương u-ám.
Nếu để di-dịch đặc-chánh, ắt ngu-kinh chi khỏi lửa Tồn;
Bằng mà tả-đạo trưởng dân, thời thập-tự chắc treo nhà Khổng.
Nếu để vậy ắt di hậu-hoạn,
Chi bằng ta tảo xướng tiên thanh.
Thức thời-vụ tại hồ tuần-kiệt, chớ sợ Tây mà hổ với bắc-phương cường;
Đói nhơn-tâm vì kẻ tiểu-nhơn, chớ ghê Tả mà hư danh nam-nhi tráng.
Nó dẫu có tâm bền sủng chắc;
Ta há không lòng sắt dạ đĩnh.
Nó dù khoe Tồn phụ Hạng Cường;
Ta đã có Châu nhơn Hán nghĩa.

Chữ chánh-danh tất thẳng, sợ chi mà cắt đất nhượng Tây-di.
Câu nghịch-đức giả-vong, là không thoát lưới trời trong Nam-việt.
Lòng dân nghe, trời nọ cũng nghe.
Dạ chúng quyết, ai mà chẳng quyết.
Việc binh-cách dầu mà có thất, thất thời theo Trương Hàn, Lưu Nhạc cũng thơm danh.
Hàng Tây-di may cũng đặt an, an cùng lũ Lan-Luật, Ban-Cương còn nhớ tiết.
Xin liệt-vị cao-khoa quý-thẩm, luận hà mưu cho Tề có Sy-Ngô.
Khuyên tứ-khoa hào-kiệt, anh-hùng, luận hà-kế cho Lỗ nhiều quân-tử.
Khuyên những kẻ sống còn tư Hán, ra mà hay Mãnh-Hoạch lúc thất cầm
Khuyên những người thác chẳng theo Châu, ra mà hộ muôn dân khi bát đảo.
Khuyên những kẻ hung-tàn binh-giáp, ra mà hay ngựa lúc non cương.
Khuyên những người thủ-đoạn kinh-luân, ra mà gỡ cuộc cờ khi túng nước.
Thân sử tý, tý sử chỉ, làm sao cho Tà thị đạo tiêu.
Tâm đồng lực, lực đồng tâm, làm sao cho Tây-di tả thối.
Binh thì nơi làng đông xã cả; một kẻ theo thì muôn kẻ cùng theo;
Lương thì nơi phú-hộ, lực-điền, một người nạp thì muôn người cùng nạp.
Ai không theo thì có câu loạn đảo nghịch nhân khởi bất dung tru;
Ai không thuận thì có chữ bửu giám tạo hình nan ẩn-thoát.
Trên đã có nghiêm răn phép nước, nỡ nào đem ngọc-lũ thể can-quà.
Dưới tôi đành sống thác cũng theo, quyết một dạ đá vàng thân thổ-võ.

Ấm-sanh Phạm phú Đường và tú-tài Huỳnh Qùi

Đức Chánh-Mông, con thứ ba Kiến-thái-Vương được tấn-tôn ngày mười chín tháng chín năm 1875 tại điện Thái-hòa, lấy niên hiệu là Đồng-Khánh.
Kiến-thái-vương, em ruột vua Tự-Đức, còn hai người con nữa là Kiến-Phúc và Hàm-Nghi. Kiến-Phúc bị Nguyễn văn Tường ép phải uống thuốc độc mà chết; còn vua Hàm-Nghi, sau ngày kinh-đô thất-thủ, phải xuất-bôn ra Tân-sở, sống lưu-lạc giang-hồ. Thời bấy giờ dân chúng bắt đầu truyền-tụng hai câu sấm Trạng-Trình:

Một nhà sinh đặt ba vua,
Vua còn, vua mất, vua thua chạy dài.

Vào thượng-tuần tháng giêng năm 1886, vua Đồng khánh cho mời nhà chí-sĩ Nguyễn lộ Trạch, người làng Kế-môn, tỉnh thừa-thiên vào tiền-điện mà chất-vấn:

-Càng ngày người Pháp càng hoành-hành, áp-bức chính-phủ Nam-triều. Ta phải làm thế nào để hạn-chế sự xâm-lấn của bọn Tây-di ấy ?
Nguyễn lộ Trạch suy-nghĩ một hồi lâu mới trả-lời:

- Sống nơi thôn-dã, hạ-thần không dám đề-cập tới những chuyện quốc-gia đại-sự. Gần đây hạ-thần nghe tin ấm-sanh Phạm phú Đường, thứ nam của tiến-sĩ Phạm phú Thứ đã rời Hương-cảng trở về nước. Nhà cách-mạng trẻ tuổi ấy thi-chung vẫn có tấm lòng nhiệt-thành đối với tổ-quốc, mà lại được xuất-dương du-học, tai nghe xa, mắt thấy rộng; xin bệ-hạ cho gọi về kinh-thành để hỏi ý-kiến thì chắc-chắn Bệ-hạ sẽ được thỏa-mãn.

Những điều phát-giác ấy làm cho vua Đồng-Khánh ngạc-nhiên vô cùng.

- Tại sao đình-thần từ thượng-thư Nguyễn Thuật cho đến tể-tửu Khiếu năng Tịnh không có ai hiểu rõ việc ấy ?

Nguyễn lộ Trạch biết rằng câu hỏi này không thuộc về phạm-vi giải-quyết của mình, nhưng cũng phải tìm lời phúc-đáp:

- Ấm-sanh Phạm phú Đường thâm nho học nhưng lại chịu ảnh-hưởng của phái canh-tân. Khi còn ở nhà, ông đã xem những bản điều-trần của Nguyễn trường Tộ và tập Tây-hành nhật-ký của phụ-thân là tiến-sĩ Phạm phú Thứ. Nhờ có hoàn-cảnh thuận-tiện trong gia-đình, ông đã sớm giác-ngộ về phương-pháp lãnh-đạo nhân-dân và đường-lối giải-phóng cho đất nước. Ông thường lui tới thành-phố Hội-an để giao-thiệp với mấy nhà cự-thương Trung-hoa, rồi một hôm ông bí-mật từ-gia quê-hương, lên một chiếc ghe mảnh để sang Hương-cảng học Anh-ngữ. Ông ra đi biệt-tầm biệt-tích đã bảy năm, gần đây mới nghe tin ông trở về cố-quốc. Hạ-thần thiết-tưởng vì lẽ-lỗi sinh-hoạt, vì xu-hướng chính-trị, một nhà học-giả uyên-thâm không có thể tiếp-xúc với mấy vị trọng-thần ở trong nước và không tìm ra một mảnh đất thích-hợp để thi-thố cái tài-hoa lỗi-lạc của mình.

Nghe trình-bày xong, vua Đồng-Khánh hỏi :

- Khanh có thể mời nhà cách-mạng ấy ra Huế để Trẫm nói chuyện được không ?

Nguyễn lộ Trạch trả-lời một câu cuối cùng như để kết-luận :

- Hạ-thần không dám từ-nan, nhưng muốn cho mau chóng hơn, xin Bệ-hạ gửi mật-chỉ vào Quảng-nam thì tức-khắc ấm-sanh Phạm phú Đường sẽ về triều bệ-kiến.

Vua Đồng-Khánh bằng lòng và hai người phải tạm-biệt.

Một tuần lễ về sau, ấm-sanh Phạm phú Đường ra Huế, được nhà vua đón tiếp một cách trọng-thể tại cung Càn-thành. Thượng-thư Hồ Lê và tể-tự Khiếu năng Tịnh có tới dự cuộc tiếp-tân này.

Sau một vài câu xã-giao khách-sáo theo thường-lệ, vua Đồng-Khánh đi ngay vào trọng-tâm vấn-đề:

- Hiện nay người Pháp đã chiếm-cứ miền lục-tĩnh, đặt nền đô-hộ tại Trung-việt và Bắc-việt. Trẫm chỉ sợ với chính-sách tầm-thực mỗi ngày mỗi tăng tiến ấy rồi đây không những họ sẽ giành hết chủ-quyền trên lãnh-thổ Việt-nam, mà còn làm cho triều-đình phải thất-diên bát-đảo nữa. Trẫm nghe nói khanh ở ngoại-quốc mới về, Trẫm mừng rỡ khôn xiết. Vì vậy Trẫm cho mời khanh ra đây để luận-bàn thời-cuộc và xem thử khanh có ý-kiến gì hay có thể cứu-vãn được tình-thế hay không ?

Ấm-sanh Phạm phú Đường đứng dậy trả-lời :

- Theo chỗ hạ-thần trộm nghĩ bây giờ tình-thế đã muộn-màng lắm rồi. Bệ-hạ nên tìm cách chia-xẻ bớt thế-lực của người Pháp thì hơn.

Vua Đồng-Khánh gật đầu và hỏi lại :

- Ta phải làm thế nào để hạn-chế ảnh-hưởng của người Pháp ?

Ấm-sanh Phạm phú Đường nhún hai cặp lông mày lại như để hồi-tưởng một việc gì, rồi mới từ-từ trình-bày :

- Các nước Âu-Mỹ đã dòm ngó nội-bộ Việt-nam từ lâu, nhưng họ chưa tìm ra cơ-hội để can-thiệp. Muốn kiềm-hãm bớt sức bành-trướng của người Pháp, Bệ-hạ phải nhờ đến bàn tay ngoại-quốc. Bây-giờ Triều-đình đã ký hiệp-uớc nhượng quyền ngoại-giao cho Pháp-quốc rồi, việc tiếp-xúc với Tây-phương không còn dễ-dàng như trước nữa. Muốn vượt qua sự khó-khăn ấy, Bệ-hạ nên tìm cách giao-thiệp bí-mật với nước Huê-kỳ và Anh-cát-lợi. Bệ-hạ phải hứa nhượng cho họ một ít quyền-lợi về chính-trị và kinh-tế. Một khi ngoại-bang đã đặt chân lên lãnh-thổ Việt-nam, Bệ-hạ sẽ lợi-dụng uy-thế của nước này để kiềm-chế sự xâm-lấn của nước kia. Nhờ có sự tranh-chấp ngầm-ngầm giữa các dân-tộc Âu-Mỹ với nhau, Bệ-hạ sẽ tìm thấy một sự quân-bình có thể giúp cho triều-đình tồn-tại và phát-huy ảnh-hưởng trên chính-trường quốc-tế.

Vua Đồng-Khánh ngồi nghe một cách chăm-chú những điều trần-thuyết ấy, rồi gật đầu và hỏi thêm:

-Khanh có tin rằng những biện-pháp ấy sẽ giúp cho Trẫm thành-công hay không ?

Ấm-sanh Phạm phú Đường suy-nghĩ một chặp rồi mới chịu nói tiếp :

- Hạ-thần đã tâu với Thánh-thượng rằng tình-thế bây giờ đã trở nên hết sức khó-khăn. Nhưng dầu sao đi nữa, Bệ-hạ cũng nên cố-gắng một lần cuối cùng vì trể còn hơn không.

Vua Đồng-Khánh cho câu trả-lời ấy là chí-lý, gật đầu năm ba cái, rồi đứng dậy tiến về phía diển-giả mà nói rất khẽ:

- Khanh có thể vì Trẫm đi công-cán một phen sang Hương-quốc để mưu-cầu việc ấy không ?

Nghe mệnh-lệnh nhà vua, ấm-sanh Phạm phú Đường có vẻ bối-rối trong giây lát, nhưng sau đó trấn-tĩnh được ngay:

-Hạ-thần tự xét mình còn trẻ tuổi, tài-sơ đức-bạc, nhưng Bệ-hạ đã tính-nhiệm, hạ-thần nguyện đem hết sức-lực bình-sinh ra thi-hành phận-sự để mong báo-đền ơn tri-ngộ.

Vua Đồng-Khánh liền cho gọi quan tham-tri nội-các vào để thảo ủy-nhiệm-thư, rồi cầm tất cả giấy tờ vàng bạc trao cho vị tân khâm-sai mà dặn-dò một cách hết sức cẩn-thận:

- Khanh nhớ không nên tiết-lộ việc ấy với bất cứ người nào hết, dầu là thân-tín ruột-rà cũng vậy.

Ấm-sanh Phạm phú Đường lạy tạ nhà vua xong quay gót ra về. Thượng-thư Hồ Lệ và tế-tử Khiếu năng Tịnh cùng đi một lượt. Ba người còn đương đứng ngoài điện Cần-chánh thì có tên lính thị-vệ chạy ra nói một cách hấp-tấp : - Hoàng-thượng xin mời quan lớn vào chánh-điện !

Ấm-sanh Phạm phú Đường đi trở lại, vừa bước lên bậc tam-cấp thì đã trông thấy nhà vua tiến về phía mình, gót hài lê nhẹ-nhàng trên mấy viên đá cẩm-thạch :

- Ồ ! Trẫm quên hết một việc. Khanh về Quảng-nam nên tìm cách liên-lạc với phó-bảng Nguyễn duy Hiệu và bảo hẩn ra đầu-thú. Trẫm sẽ bảo-vệ tính-mạng và còn cho hẩn được phục-hồi nguyên-chức.

Ấm-sanh Phạm phú Đường không dám trả-lời. Nhà vua phải nhắc đi nhắc lại, dần từng tiếng:

- Đó chẳng qua là nhất-cử lưỡng-tiện, có thể gặp thì nói, còn không thì thôi! Cẩn-dẫn xong xuôi, vua Đồng-Khánh lui bước để trở vào tư-thất.

Ấm-sanh Phạm phú Đường đi thẳng về nhà trọ, thu-xếp hành-lý rồi khi-hành tức-khắc. Năm suốt một tuần-lễ trong chiếc võng điều, ông cảm thấy mệt-mỏi và suy-nghĩ vẩn-vơ. Có lúc nhìn chiếc mai cáng uốn hình bán-nguyệt ở trên đầu, ông liên-tưởng đến một dải ngân-hà với muôn ngàn vì tinh-tú. Có lúc nhìn chiếc đòn tre nhẹ-nhóm bám chặt trên vai mấy tên lính trạm, ông lại nhớ đến chuyện ả Chức chàng Ngưu trong thời-kỳ tiền-sử và tự nói một mình : " Chỉ thiếu mấy con chim ô-thước là ta có một bức tranh tuyệt-diệu ". Chính trong lúc ông còn đương mê-mẩn thì từ một phương trời xa-xôi lại đưa về mấy tiếng kêu nghe vắng-vắng : " Cu-a ! Cu-a !" Ông liền vén tấm dìm xanh, nhìn ra phía bên ngoài. Thoạt tiên ông thấy một giòng nước lũ mênh-mông đương cuộn cuộn chảy ra miền bể giữa hai làn phù-sa luôn luôn chuyển-động; ông lại để ý tới mấy chiếc ghe bầu đương nhẹ-nhàng lướt sóng, buồm căng thẳng trông tựa như một đám điều-hâu, cuối cùng ông mới nhận ra mấy búng dâu, mấy nà bắp xanh mơn-mơn, nằm yên-lặng ở trong cánh đồng; một bức tranh rất quen thuộc hiện ra ngay trước mắt giúp ông ý-thức được vị-trí của mình trong giờ phút hiện tại. Ông thở dài một cách khoan-khoái:

- Tới rồi ! Đây là con sông Thu-bồn! Đây là bến đò chợ-Củ!

Liền khi ấy hai người bạn học vắng mặt từ lâu, một người là Học Ý ở huyện Hà-đông, một người nữa là Tú Quỳnh ở phủ Duy-xuyên, từ phía sau cổ rượt theo chiếc võng mà kêu thật to :

- Đại-kha ! Đại-kha !

Ấm-sanh Phạm phú Đường bảo mấy tên lính trạm dừng lại, bước xuống chờ cho hai người bạn học tới sát bên cạnh mình, mới cất giọng hỏi khẽ :

- Hai chú đi tìm ý thơ ?

- Không! tú-tài Huỳnh-Quì trả-lời , hai tớ xuống vạ Bần-thạch, thấy đại-kha vén dìm biết là cố-nhân nên phải cho thuyền cập bến!

Ấm-sanh Phạm phú Đường hỏi tiếp :

- Hai chú đi chơi rong hay có việc gì ?

Học Ý đương còn đứng nhìn mây nhìn nước, bỗng chốc phá sự im-lặng mà nói oang-oang như mấy vị học-giả ở miền sơn-cước :

- Đi tìm thịt nướng để nhấm rượu ! Đại kha có muốn nhập cuộc thì hãy dẹp ngay võng-lọng và chuẩn-bị lên thuyền ! Một chốc nữa hai tớ sẽ xuôi về miền bể!

Ấm-sanh Phạm phú Đường lại hỏi tiếp để kéo dài câu chuyện :

- Hai chú đi tìm thịt cầy ?

Tú-tài Huỳnh Qùi vội-vàng trả lời :

- Thịt gì hai tớ cũng xài được! thịt cá ở dưới nước, thịt chim ở trên trời, cho chí thịt dã-thú ở trên rừng, thịt người ở chốn hang cùng ngõ hẻm!

Nói xong Tú Qùi phá lên cười.

Ấm-sanh Phạm phú Đường đưa tay lên ra dấu:

- Nói khẽ đấy chứ !

Tú-tài Huỳnh Qùi lại phá lên cười rang-rang một lần nữa :

- Việc gì mà phải e-ngại ! Đại-kha có sợ tai-tiếng thì vào ghe cắm ở dưới bến mà trò-chuyện cho được tự-do hơn!

Một lát sau họ đã ngồi xếp bằng trong mạn thuyền và phóng mắt nhìn mấy khúc gỗ đương trôi nổi bênh-bồng trên mặt nước. Tú-tài Huỳnh Qùi quay về phía người bạn học mà hỏi :

- Đại-kha ở Huế vào:

- Tại sao chú biết ?

- Vì nghe mấy tên lính trạm nói giọng trọ-tre!

Rồi tú-tài Huỳnh Qùi hỏi tiếp:

- Đại-kha ra kinh-đô làm gì ? Nói lại cho hai tớ rõ với, ở trong xứ Quảng này chỉ có loạn-lạc và thanh-toán lẫn nhau, buồn nhứt xương!

Ấm-sanh Phạm phú Đường giả-vờ không nghe những câu chất-vấn ấy cứ điềm-nhiên ngồi theo dõi mấy khúc gỗ lạc-loài đã bị nước lũ lôi cuốn về tận nơi chân trời xa tít. Tú-tài Huỳnh Qùi phải thúc-giục đến năm bảy lần, cuối cùng ấm-sanh Phạm phú Đường mới chịu dẫn-giải :

- Hai chú phải giữ bí-mật tôi mới dám trình-bày!

Rồi thông-thả, ấm-sanh Phạm phú Đường thuật lại một cách rành-mạch những việc xảy ra từ khi nhận được mật-chỉ của triều-đình, những lời huấn-dụ của nhà vua tại điện Cần-chánh và những nỗi thắc-mắc bản-thân của mình.

Tú-tài Huỳnh Qùi chờ cho người bạn học chấm dứt câu chuyện, mới rung đùi mà cười khanh-khách :

- Rành là những chuyện trẻ con ! Thôi hãy tạm gác những chuyện chính-trị lại một bên. Bây giờ đại-kha nên cùng hai tớ xuôi ghe về Bàn-thạch mà nhậu nhẹt một bữa cho say tuý-lúy, rồi qua Hội-an, tìm cách xuất ngoại rồi ở luôn bên ấy cho xong kiếp, còn cứ lờn vờn ở tại quê nhà thì chắc-chắn không có thể bảo-toàn tính-mệnh.

Nghe nói xong, Phạm phú Đường cau mặt lại ra vẻ bức-bội lắm:

- Tại sao chú lại bi-quan đến thế ! Tôi còn phải nấn-ná ở lại quê-nhà ít nữa vài ba tháng để giải-quyết cho xong hai công việc mà Hoàng-thượng đã giao-phó, rồi về sau nữa, có ra sao thì ra. Dầu sao đi nữa, tôi ở ngoại-quốc mới hồi-hương, không hiểu rõ tình-thế ở địa -phương, chú cũng nên nói sơ-lược cho tôi được am-hiểu.

Tú-tài Huỳnh Qùi liền thể theo lời người bạn mà nói tiếp :

- Hiện nay trong tỉnh nhà có hai phe đối-lập với nhau, một bên là triều-đình,

là người Pháp, còn bên kia là văn-thân, là Nghĩa-hội. Cả hai phe đều có quân-đội, có tiền-bạc, có thủ-hạ để bày mưu lập kế mà sát-hại lẫn nhau, chỉ có những hạng người đứng ở cửa giữa là phải bị cảnh đầu rơi máu chảy.

- Trong trường-hợp này, chú liệu đứng về phe nào ?

Tú-tài Huỳnh Qúi suy-nghĩ một giây lát rồi trả-lời với một giọng vừa lạnh-lùng vừa thản-nhiên :

- Đứng về phe nào cũng không thuận-tiện. Theo triều-đình, theo vua Đồng-Khánh thì lại không theo đúng chính-nghĩa, con người ở vùng Ngũ-hành-sơn không có thể nào mang tổ-quốc lên trên gót giày. Còn theo Nghĩa-hội thì không những đắc-tội mà thôi, lại không có thể tìm ra lối-thoát.

Bây giờ Phạm phú Đường mới tỏ vẻ ngạc-nhiên :

- Theo Nghĩa-hội là theo vua Hàm-Nghi, là chống lại người Pháp, lại làm đúng với nguyện-vọng của nhân-dân, tại sao chú lại còn nói tới công với tội. Huỳnh Qúi nhanh-nhẹn trả-lời:

-Được phụng sự cho nhân-dân, cho tổ-quốc thì còn phải bàn nói làm chi! Ở trong Nghĩa-hội cũng có một số người tâm-huyết, nhất là những vị lãnh-tụ như phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, như ấm-sanh Nguyễn Thành. Đó là hạng người sống vì lý-tưởng, hạng trung-quân ái-quốc. Nhưng các bậc lãnh-đạo trung-kiên ấy thì có rất ít, một tỉnh được năm ba người là nhiều lắm. Ngoài ra, đa số trong hàng-ngũ Cần-vương là những hạng kiệt-thân, võ-biên. Những người vừa mới hôm qua còn bị liệt vào hạng du-thủ du-thực, còn bị gát ra ngoài lề xã-hội, bữa nay nhờ có hoàn-cảnh đổi thay, họ đã nhảy ra múa máy, tự phong cho mình những tước-vi thật to lớn, rồi tha-hồ mà bóc-lột, mà sát-hại dân-chúng. Người dưới đã làm bậy, người trên lại không có đủ uy-quyền để ngăn cản, cho nên dần dần Nghĩa-hội phải tiến vào con đường bí-hiểm.

Rồi Huỳnh Qúi rung đùi mà ngâm bài " Vịnh hát bội" mình vừa sáng-tác. Vừa ngâm-nga, vừa nhấn mạnh vào hai câu phá, câu thừa như muốn cho người bạn có thể trông thấy cái nạn xôi-thịt trong xã-hội:

Nhỏ mà không học, lớn làm ngang,

Trống đánh ba hồi đã thấy quan.

Ra rạp đứng trên ba đứa hiệu,

Vô buồng ngồi dưới mấy ông làng.

Mượn màu son phấn, ông kia nọ,

Cổ lột cân đai, chú điểm đàn.

Tuy chẳng ra chi nhưng cũng sướng,

Đã từng trợn mắt lại phùng mang.

Huỳnh Qúi vừa mới hạ giọng thì Học Ý, sẵn có chai rượu mai qu lộ trong ghe, từ từ rót từng chén chung đầy mà dâng lên ngang mày, chén bên tả cho mình, còn chén bên hữu cho ấm-sanh Phạm phú Đường. Hơi men bốc lên làm cho Học Ý có vẻ chuếch choáng, hai mắt lơ đãng, nước miếng trong hai khóe mép chảy ra thành giòng. Chiếc thuyền không có người lái đã tự ý rời khỏi chiếc bến cỏn con, đưa đẩy bởi những làn gió tây nhẹ nhẹ, trôi-nổi bênh-bồng như một chiếc lá phiêu-lưu. Huỳnh Qúi cầm từng chén rượu mai-

quế-lộ mà uống ngon lành, vừa uống vừa ngâm hai câu liền đối :

Chích bóng gương loan, một thảm, một sầu, mười bức-tức,
Bẻ mai chèo quế, ba chìm, ba nổi, sáu lênh-đênh

Đó là hai câu liền đối tuyệt-tác, rất được truyền-tụng ở vùng lương Quảng, Huỳnh Qúi đã sáng-tác một hôm khi thi hỏng trở về quê-quán và dừng bước tại bến đò Lãng-cô. Lúc bấy giờ có mười hai người đàn bà góa đương làm lễ cầu-siêu cho mười hai người chồng làm nghề chài lưới vừa mới bị chết đắm ở ngoài bể. Thế theo lời thỉnh-cầu của gia-chủ, ông chỉ đòi hỏi có một chai rượu mai-quế-lộ, lấy cán bút viết thoăn-thoắt một hơi được tất cả là hai vế hai mươi hai chữ thật đẹp, rồi cũng người bạn là Học Ý cặp dù tiến về phía đèo Hải-vân. Gần tới hai dãy núi rất quen thuộc đối với những người bộ-hành trên con đường thiên-lý, tục gọi là Hòn Vay, Hòn Trá, ông dừng bước lại, thách bạn là Học Ý phải làm cho được một bài thơ tức-cảnh thật hay, rồi mới chịu mở nút chai ra đánh chén. Bây giờ hơi rượu đã ngà ngà, ông không nhớ hết cả tám vế cho rành mạch, bèn gọi Học Ý đang nằm bắc chân chữ ngũ ở trong mạn thuyền mà nói một cách đồng-dục :

- Anh thử ngâm hai bài Hòn Vay Hòn Trá cho đại kha thưởng-thức luôn một thể, vì khi bài ấy ra đời, đại kha còn miệt-mải kinh-sử ở nước ngoài. Học Ý nửa say, nửa tỉnh, đáp lời lại mà ngâm những câu thơ bất-hủ sau đây với một cái giọng lạnh lạnh :

Hỏi thăm giàu có mấy năm nay,
Mà tiếng người đồn trả với vay.
Sạn đá vốn kia chồng-chất mãi,
Cỏ cây lời nợ nảy ra hoài.
Hẹn-hò ngày tháng chim năn-nỉ,
Tờ khế năm mùa lá đổi thay.
Gánh nợ tang-bồng âu trả đặng,
Dầu quên còn có đất trời hay.

Ngâm đến câu thứ tám, giọng của Học Ý tự-nhiên hạ xuống rất thấp rồi tắt hẳn chìm đắm như tiếng kêu của một con chim lạc-loài trong nước trời mây man-mác. Không chỉ một mình Học Ý, mà cả hai người bạn đồng-hành trên chiếc ghe mảnh đã theo cảnh vật ban chiều mà đi vào trong cõi hư-vô theo men rượu.

Ba ngày sau, trong vùng Ngũ-hành-sơn, dân-chúng sừng-sốt khi biết tin ấm-sanh Phạm phú Đường đã bị bắt tại làng Đông-bàn, đồng một thời với đốc-học Huỳnh Dương cũng ở làng Đông-bàn, tri-huyện Nguyễn Thiên ở làng An-quán, cả ba người đã bị lính Nghĩa-hội áp-giải về Tân-tỉnh.

Cử-nhơn Lê tấn Toán.

Trong một cái dinh xưa, tối tăm, ẩm thấp nằm về phía đông tỉnh-thành Quảng-nam, ngỏ thẳng ra một cái sân hình cung lát toàn bằng đá ong màu xám, tuần-vũ Châu đình Kế đương ngồi tại bàn giấy của mình chăm-chú đọc một tờ truyền-đơn viết bằng chữ nho có đóng dấu son khá to ở phía dưới. Đó là bài "Vè Khâm-sai" mà bọn thám-tử đã tìm thấy dán tại các cổng đình, cổng chùa, các ngả ba tấp-tập và tấp-tức đem về nộp cho quan sở-tại. Truyền đơn viết như sau :

Lặng-lặng mà nghe,
Cái vè sai đạo.
Danh vi trấp đạo,
Vụ dĩ an-dân.
Khâm-sai đại-thần,
Kéo vô Đà-năng.
Tướng quân đều sẵn,
Tán-lý, tán-tương.
Chú bang, chú thưởng,
Chú đề, chú lãnh.
Quân rông tướng mạnh,
Các đội, các cơ,
Đánh trống, mở cờ,
Kéo vô tỉnh củ,
Phát băng thượng-du.
Thác-cá, Rạp-cu,
Đôi đường tấn-tiêu,
Văn-miếu đồn binh.
Ai thấy cũng kinh,
Gọi Khâm-sai giỏi.
Kêu dân tới hỏi.
Rằng Nghĩa đã tàn.
Hạnh hoặc tương an,
Thị vi thanh sự.
Sau lên Phong-thủ,
Nghĩa đồng tư-vi.
May chẳng hề chi,
Nhờ ba chú Pháp.
Thâu qua Yên-giáp,
Trở lại La-thành,
Từ ấy thất-kinh,
Và làm và sợ.
Tướng chi, tướng dờ,
Vi luyện quân tinh,
Chẳng có Tây binh,

E không khỏi chết.
Chước chi cũng hết,
Năm ngoái, năm ni,
Làm chẳng ra chi,
Lại thêm ăn bậy.
Lũ quân đi lấy,
Các tướng về chia.
Thôi đã tràn đìa,
Cái chi cũng rách.
Cái quần đã rách,
Cái áo tả-tơi,
Cùng giành mà quơ,
Huống chi cái khá ?
Kẻ thì đào mả,
Người lại phá nhà.
Những chó, những gà,
Những heo những vịt,
Bắt mà ăn thịt,
Lại bán lấy tiền,
Đem về Thừa-thiên,
Nghĩa-bình, Quảng-trị.
Thâm-vi khả bỉ,
Quân lệnh khâm-sai,
Thiên-hạ ai ai,
Chớ tin mà mắc.
Thác từ đánh giặc,
Hai ngã bình-dân,
Thiên-địa, quỷ-thần,
Nguyện kỳ chiếu giám.
Nói càng thêm thảm,
Chẳng biết làm sao.
Hiệu lệnh dường nào,
Quân gia đến thế ?
Hà mưu hà kế,
Hà lự ha tư !
Viên những đồ hư,
Để đi ăn giựt.
Bên nào đắc lực,
Tấn-trật, thắng-quan.
Lớn bé một đoàn,
Vô sở bất chí.
Nhơn dân nghị nghị,
Thùy lạc chi tùng.
Sự thế nhứt cùng,

Quảng-nam ở lỗ.
Trời làm chi khổ,
Thất-đào bát-điên!
Nói lắm cũng phiền,
Như tư, như dĩ.
Nghĩa-hội đồng ký.

Châu đình Kế đọc bài về một hơi từ đầu chí cuối, rồi ném xuống dưới bàn mà đập một cái thật mạnh có vẻ bức-tức lắm. Tức thì một người lính giản mặc áo khách màu xanh, quần vải ta trắng, chít khăn lược đen, từ phía ngoài vòng hai tay chạy vào. Trông thấy người lính hầu-cận hằng ngày, tuần-vũ Châu đình Kế cất giọng:

-Điều mày !

Châu đình Kế ngậm cái điều bằng tre ngà có đốt nhạt, kéo một hơi thật dài, hít vào lồng phổi một ít làn khói, phần còn lại thì phì ra ngoài khoảng trống thành những đám mây màu tro nhạt. Rồi quan tuần-vũ ngồi một mình mà suy-nghĩ vắn-vớ, hai con mắt lim-dim, như đang chìm đắm trong một thế-giới xa-xăm huyền-ảo. Từng khắc, người ta lại nghe những tiếng chắc lưỡi, những câu nói thì-thầm thốt ra từ đáy tâm-cang của vị thủ-hiến. Ngài đương hồi-tưởng lại những ngày hành-dịch vừa mới trải qua bên cạnh hai vị đại-thần, một người là quan Khâm-sai Phan thanh Liêm, thứ-nam của tiến-sĩ Phan thanh Giản, từ kinh-đô mới phái vào; một người nữa là quan nghĩa-định chiêu-thảo-sứ Nguyễn Thân, vừa mới ở Quảng-ngãi ra để hiệp-sức với chính-quyền địa-phương mà đi hiếu-dụ. Phái-đoàn lên tới Phong-thủ, bị lính đoàn-kiết và nhân-dân bao-vây chắc-chẽ không thi-thố được việc gì, phải kéo lên Ái-nghĩa, kéo sang Quảng-huê, tới đâu cũng gặp sức phản-ứng ngấm-ngấm của dân-chúng, cuối cùng phải rút về tạm đóng tại nhà văn-thánh ở làng Phước-kiều, thuộc phủ Điện-bàn, rồi kéo thẳng vào miền sông Trà-khúc. Nghĩ đến những sự thất-bại đau-đớn của mình, quan tuần-vũ vừa có vẻ thẹn-thùng, vừa có phần căm-tức. Ngài tự nói một mình:

- Ta sẽ thẳng tay đàn-áp cho chúng nó biết mặt. Vừa mới hôm qua đã trừ được một tên tướng giặc lợi hại. Ta đã bắt lý-hương làng Khai-đồng lên Tân-tĩnh, sào-huyệt của bọn khi-ngụy, để dẫn tên ngự-sử Hoàng bá Chính về cho ta nghĩ xử. Kế ấy rất hay, ta cứ đánh đầu đánh cổ bọn lý-hương là xong chuyện, rồi một hai ba bốn tên phiến-nghịch phải ra đầu-hàng. Tên lãnh-tụ Nguyễn duy Hiệu có giỏi thì tìm cách mà giữ lại cho khỏi lọt vào nanh-vuốt của ta. Ta sẽ giết hết, giết, giết hết !!! Vừa nói quan tuần-vũ vừa nghiêng rằng lại thật chặt, hai tay thì ấn mạnh xuống dưới bàn, còn hai con mắt lơnh thì nhú lại như cố-gắng gượng lấy sức để nhảy chồm tới y hệt như một con mãnh-thú trước khi xông vào xé một con mồi đã chực sẵn ở phía trước. Chính trong lúc ấy, một người lính giản xồng-xộc chạy vào, vòng tay thưa lên :

-Bẩm cụ lớn có khách.

Từ phía ngoài hiên, một vị bộ-lão đã ngoại thất-tuần, râu tóc bạc phơ nhưng

nét mặt còn có vẻ cứng-rắn, quắc-thước, đương thông-dong tiến vào. Tuần-vũ Châu đình Kế đích thân ra tiếp vị tân-khách và cả hai người cùng ngồi tiếp chuyện trên bộ trường-kỷ đặt song song hai bên một cái bàn gỗ lim có lát đá màu cẩm-thạch. Vị bô lão bắt đầu xin lỗi trước :

- Tôi nhận giấy mời đã lâu, nhưng vì mấy ngày gần đây trong mình cảm thấy bần-thần, tôi không thể vào hầu quan sở-tại tức-khắc được. Xin ngài thứ-lỗi cho cái tội khinh-xuất ấy.

Tuần-vũ Châu đình Kế nhanh chóng ứng đáp lại :

- Tôi cũng có ý mong-mỏi gặp thầy ở tại tỉnh-đường để bàn về một vài việc có liên can đến tình-hình trong nước. Thầy cũng nên hiểu cho tôi rằng lúc này chiến-sự đã trở nên gay-gắt, tôi không thể nào bỏ trú-sở một giờ một khắc được.

Rồi vị thủ-hiến lấy tay chỉ bản địa-đồ treo ở trên bức tường mà nói tiếp một cách dõng-dạc :

- Người Pháp đã kiểm-soát tất-cả miền bắc tỉnh Quảng-nam gồm có bốn hạt Điện-bàn, Duy-xuyên, Đại-lộc và Hòa-vang. Hiện nay họ đã thiết-lập xong hai cứ-điểm nữa tại Bà-rén và Hà-lam. Nhờ có hai tiền-đồn ấy, họ sẽ mở rộng phạm-vi chiếm-đóng vào miền rừng núi, và chẳng bao lâu nữa họ sẽ kiểm-soát luôn bốn hạt Thăng-bình, Quế-sơn, Tam-kỳ, Tiên-phước ở về phía nam. Lúc bấy giờ bọn phiến loạn khó lòng mà trốn khỏi nanh-vút của chúng ta được!

Cử-nhơn Lê tấn Toán chờ cho vị thủ-hiến dứt lời mới bắt đầu cho nhận-xét:

- Sống trong chốn lậu-hạng, tôi không biết rõ cuộc chiến-tranh này sẽ đem lại thắng-lợi hay thất-bại cho bên nào, nhưng tôi thiết-tưởng người Pháp càng mở rộng phạm-vi chiếm-đóng chừng nào thì lại càng làm cho nhân-dân Quảng-nam phải chết chóc, tù-đày, nhục-nhã mà thôi!

Tuần-vũ Châu đình Kế ngắt lời:

- Thầy cũng nên biết rằng nhờ có tôi vào giữ chức tuần-vũ tỉnh này, nhân-dân mới có thể tránh được nhiều tai-họa kinh-khủng hơn nữa. Ở tại miền Bắc-kỳ và cả miền Nam-kỳ nhân-dân còn phải tủi-nhục, khổ-sở gấp trăm, gấp nghìn lần hơn thế nữa. Tôi mà rời khỏi cái ghế thủ-hiến này thì thầy sẽ trông thấy ngay tức-khắc.

Tuần-vũ Châu đình Kế vừa nói vừa nhóm đứng dậy như muốn bày tỏ cho kẻ đối-diện có thể ý-thức rằng mình cũng không thềm địa-vị và có thể sẵn-sàng khước-bỏ tất cả chức-tước, quyền-lợi nếu cần. Rồi y nói tiếp:

- Không nói đâu xa, ngay tại vùng Bình-định này, một bàn tay của quan đốc-phủ-sứ Trần bá Lộc cũng đủ làm cho dân chúng phải khiếp sợ. Kéo binh từ Sài-gòn ra để tấn -tiêu miền Bình-phú, quan đốc-phủ-sứ dừng lại làng nào thì tức-khắc bọn lý-hương phải lo cung-cấp cho đủ heo bò, gạo nếp. Nếu trễ một giờ, một khắc là tất cả các vị bô-lão và chức-sắc đều bị tử-hình, hoặc chém bằng gươm hoặc giết bằng súng. Còn những hạng trẻ con vừa mới lên ba lên năm có tính hiếu-kỳ thì bọn lính cho đánh trống khua chiêng để tụ-tập lại cho thật đông, rồi chúng nó bắt từng đứa một dõ lên trên không cho rơi xuống dáo mác mũi nhọn ở phía dưới. Tôi chắc rằng thầy không muốn cái

trò nô đùa ấy tại diễn ở tại vùng Quảng-nam này bao giờ hết!

Cử-nhơn Lê tấn Toán suy-nghĩ một hồi lâu, rồi mới ứng-đáp:

- Tôi nghe nói người Pháp đóng tại chợ Hà-lam thường hay tổ-chức những cuộc hành-binh về miền sơn-cước. Mỗi khi họ kéo quân như vậy về phía chợ Vinh-huy, Việt-an hay Đông-phú, họ lấy bọn lưu-manh, du-thủ du-thực đi trước để làm hàng rào cho mình. Tới đâu bọn bất-lương này cũng dờ cái thủ-đoạn giết người cướp của y hệt như những miền đang trong, tệ hơn nữa họ còn bắt đàn bà con gái đem về đồn-lũy để thỏa-mãn cái thú nhục-dục của mình. Ngài tính quân-thù đã tới nhà, đã vào trong xó bếp thì làm sao mà tránh cho được những cái họa tày trời ấy!

Tuần-vũ Châu đình Kế trả lời ngay:

- Tôi có thể tránh được tất cả, miễn là thầy vui-lòng giúp-đỡ tôi trong việc bình-định xứ sở này. Vì vậy bữa nay tôi mới rước thầy tới đây, và tôi có thảo sẵn một bản hiệu-triệu để kêu gọi bọn văn-thân ra đầu-thú, trở về hợp-tác với triều-đình. Đó là phương-tiện duy-nhất để chặn đứng cuộc chiến-tranh tàn-khốc này. Thầy là người có uy-tín nhất trong hàng-ngũ Cần-vương, hễ thầy nói ra một lời thì dân chúng phải tuân theo muôn người như một. Tôi xin cam-đoan với thầy rằng một khi đất nước đã trở lại yên-ổn, cái công-lao của thầy không phải là nhỏ, tôi sẽ thân-hành trở về kinh-đô để trình-bày công việc cho Hoàng-thượng biết.

Nghe nói tới đây, cử-nhơn Lê tấn Toán hơi biến nét mặt. Với giọng run run vì xúc-động, ông tìm những lời lẽ thích-hợp để từ-chối :

- Tôi không bao giờ nệ-hà một việc gì miễn là việc ấy có thể đem lại sự an-vui dầu là nhỏ-mọn cho dân chúng. Nhưng ngài cũng nên biết rằng tôi là một kẻ xuất-thân nơi sơn-Trình cửa-Khổng, chẳng lẽ tôi lại đem tàn-lực ra làm một việc trái với chính-nghĩa.

Lúc bấy giờ tuần-vũ Châu đình Kế hăm hăm vẻ mặt và trợn dộc hai con mắt lên :

- Chính-nghĩa là gì! Triều-đình trông mong nơi thầy đào-luyện học-trò thành tài để ra giúp ích cho nhà nước, ngờ đâu thầy dạy được một tên học-trò như phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, chính là một thằng giặc.

Nghe dứt câu nói ấy, tức thì cử-nhơn Lê tấn Toán cảm thấy rùng-rờ, tâm-thần choáng-váng. Trong tay đương cầm chén nước trà, ông liền đứng dậy, đập vỡ vào mặt bàn, nghiêng rãng, trợn mắt mà bảo vị thủ-hiến:

- Thời thế này! quan lớn biết ai là vua, ai là giặc mà dám ăn nói ngang-nhiên như vậy!

Vừa mới dứt lời, ông đã ngã gục xuống ghế và chết hần, thần-sắc vẫn còn oai-hùng, quắc-thước y hệt như khi còn sống.

Thi-hành xong cái thủ-đoạn ghê tởm của mình, tuần-vũ Châu đình Kế đứng nhìn thi-hài của vị danh-sư một cách hết sức lạnh-lùng, thần-nhiên, rồi bủm môi nói thầm:

- Ta ví Nghĩa-hội như một con người, với một cái đầu, với hai tay chân và một cái bụng khổng-lồ. Nay ta vừa mới chặt xong cái thủ-cấp, ta chỉ còn lo liệu cho kỳ-diệt một vị tướng-lãnh nữa ở miền Chín-xã sông con tức là ta đã

chặt luôn cả tứ-chí, rồi ta chỉ còn mỗi một việc nữa là thực-hiện chính-sách dĩ độc trừ độc, chờ cho văn-thân mâu-thuẫn với nhau, chia rẽ với nhau mà phải tan-rã dần dần. Lúc bấy giờ chỉ còn một mình ta sống sót lại trong cuộc chiến-đấu gay-go, cam-khổ này, ta sẽ điềm-nhiên mà hưởng phú-quí. Nghĩ đến cái tương-lai tốt đẹp ấy, vị thủ-hiến kín đáo mỉm cười.

Chiếc võng điều

Tú-tài Trần-Thừa, tục gọi là Trần Đình, ở làng Gia-cốc, huyện Đại-lộc, một người rất có danh-tiếng trong đám Nghĩa-hội, lại bị chột hết một con mắt. Một hôm ông Trần Thừa mời nhà thi-sĩ Huỳnh Quì đến nhà mình uống rượu cho khuây-khỏa. Hai bên chén tạc chén thù với nhau đã quá say-sưa, tú-tài Trần Thừa liền bảo:

- Ma mà bắt anh đi! khuyên làm không làm cứ ở lăm-lì trong xó bếp thơ từ xỏ lá mãi! nào anh tức-tịch tặng tôi một bài, nếu cạn chén này mà không xong thì xin anh phải biết rằng ở đây việc gì cũng chỉ lấy quân-pháp tòng-sự. Thi-sĩ Huỳnh Quì vâng mệnh đọc mới được có hai câu :

Bình-Tây sát-tả thiếu chi người,

Nhắm lại anh-hùng chỉ một người

Tú-tài Trần Thừa đứng dậy, vội-vả ngắt lời :

- Đã lại xỏ ! Thôi xin bác đừng đọc nữa .

Tú-Tài Trần Thừa chiếm cứ một dải đất bao-la chạy từ thị-trấn Đà-nẵng cho tới con sông Thu-bồn, tây có núi Trường-sơn, đông có biển-Đông, án-ngũ cho cả một thành Tân-tĩnh ở về mặt bắc. Vốn là tay lão-luyện về võ-ngệ, lại am-hiểu về lục-thao tam-lược, ông đã xuất tiền bạc ra chiêu-mộ dân-chúng ở miền Chín-xã sông-con, tổ-chức thành đoàn quân Nam-dông có hàng ngũ chỉnh-tề, có kỷ-cương chắc-chẽ. Binh lính của ông đều theo một lối đồng-phục, áo bà-ba màu nâu cho khác hẳn với màu lá chàm rất thông-thường ở Quảng-nam, quần cộc màu trắng, chân đi không, đầu chít khăn hồ-hoàng hay nguyệt-bạch, hài tua giáp vòng ra đằng sau và buông lòng-thòng như một cái đuôi chồn ở phía sau ót. Đoàn nghĩa-binh ấy chỉ có những thứ vũ-khí hết sức thô-sơ, cái khiên bằng rơm để tự-vệ, cái giáo, cái mã-tấu để lâm-thời tấn-công và họa-hoảng lắm, trong mỗi đội, mỗi cơ, người ta mới trông thấy dăm ba chiếc súng-trường bằng gang, bằng đồng đã cướp của người Pháp trong những trận phục-kích tại Văn-li, tại Phong-thủ hay đã chiếm của người công-giáo trong những trận bao-vây họ đạo tại Trà-kiệu, tại Phước-thượng. Thứ hỏa-khí mà họ năng sử-dụng là một chiếc hỏa-mai làm bằng một gốc tre khô đã chẻ ra làm hai để xoi lòng và nhập lại một, siết lại thật sát bởi những cái niền tròn bằng sắt. Trước khi phát hỏa, họ phải tháo súng ra để nạp mã-tử, một thứ thuốc nổ gồm có hai chất lưu-huỳnh và than sấu-đâu đã nghiền nhỏ cho thành bột. Lưu-huỳnh là một chất hiểm hoai lắm, họ phải có những kẻ mỗi láis nằm chực sẵn ở Hội-an, ở Đà-nẵng mới có thể này lại được một ít. Về sau người Pháp kiểm-soát chắc-chẽ hơn việc mua bán

với bên địch, họ phải tìm cách sáng-chế ra tất cả những vật-liệu cần-thiết cho việc dụng-binh và nghe nói Tiểu-la Nguyễn Thành là người đầu tiên đã khai-thác ra được nhiều lưu-huỳnh ở miền núi. Những viên đạn đúc bằng chì, bằng đồng thì hay xoáy hình khu ốc và có một tầm hoạt-động rất ngắn-ngủi. Mỗi khi muốn phát hỏa, người lính Nam-dống phải dỡ chiếc hồ bao ra, lấy một con dao xếp đánh thật mạnh vào một hòn đá lửa cho tia sáng văng tứ tung, rồi lấy bụi-nhùi làm mồi mà châm vào chất mã-tử. Bắn xong một phát, lòng súng bị phủ bởi một chất mờ-hôi đặc ngàu y hệt như chất nhựa thuốc lào ở trong chiếc ống điếu, lại phải dùng một cái nòng, lau súng cho thật sạch ở bên trong, mới có thể nạp viên đạn thứ hai. Nghĩa-binh không có hỏa-lực hùng-hậu, nhưng sức chiến-đấu, tấm lòng quả-cảm thì người Pháp không thể nào so-sánh cho kịp được. Nhờ có đội quân tinh-nhuệ ấy, tú-tài Trần Thừa, một mình, vẫn có thể đương đầu với chính-quyền địa-phương của tuần-vũ Châu đình Kế, với các họ đạo Thiên-chúa ở tại Trà-kiệu, tại Phước-thượng và nhất là với đoàn quân viễn-chinh của người Pháp. Những trận chiến-thắng thường hay đem lại cho ông một sự tự-tín vô-biên vào tài-nghệ của mình và làm cho ông có tính tự-cao tự-đại. Từ ngày văn-thân họp tại làng La-tháp và thành-lập Nghĩa-hội có đại-biểu Quảng-nghĩa và Bình-định ra dự, các vị thân-hào nhân-sĩ đều giải-tán quân-đội của mình và gia-nhập thật sự vào tổ-chức mới, uống huyết ăn thề trước mặt quần-chúng. Duy có đoàn quân Nam-Dống là đứng biệt-lập và vị chỉ-huy tối cao ở miền Chín-xã sông-con lại có một thái-độ không được rõ-rệt. Vào thượng-tuần tháng tám năm 1885, ông cũng kéo binh lính qua bao-vây họ đạo ở làng Trà-kiệu, đóng tại Hòn-Trước một thối-gian, rồi bất-hòa với ban chỉ-huy mà bỏ về một cách lặng-lẽ. Vào thượng-tuần tháng chín năm 1885, ông cũng hiệp-sức với nhóm văn-thân qua bao vây họ đạo Phước-thượng ở huyện Hòa-vang, nhưng cha-sở May-De kháng-cự mãnh-liệt. Và lại cứ-điểm này được sự ủng-hộ của hạm-đội Touchard đóng ở ngoài Vũng-thùng, ông biết thế không đánh nổi, phải rút quân về giữ đồn Phúc-hưng, cách nhà thờ Phú-thượng chừng năm cây số. Ông rất khinh-thường lực-lượng Nam-triều của tuần-vũ Châu đình Kế đóng ở Vĩnh-điện và ít khi giao-phong mãnh-liệt. Vị thủ-hiến tỉnh Quảng-nam là một người khôn-ngoan và nhút-nhát, suốt ngày ở thu mình trong đồn lũy của mình, chỉ chờ cho người Pháp đi đánh dẹp xong là chạy giấy về triều-đình để lập công. Đối với người ngoại quốc, ông hết sức dè-dặt, không bao giờ mở những trận-địa-chiến ồ-ạt, chỉ núp lén trong bờ trong bụi, dùng lối đánh du-kích để tiêu-hao lực-lượng bên địch. Mãi cho đến cuối năm 1885, đạo quân viễn-chinh Pháp cũng không thường-trú trong tỉnh Quảng-nam, ngoại trừ một hạm-đội của thiếu-tá Touchard đậu ở ngoài khơi thị-trấn Đà-nẵng. Ông phải lo tổ-chức những cơ-quan tình-báo ở trong lòng địch, phải thiết-lập nhiều đơn-vị phòng-ngự, theo dọc con đường thiên-lý. Ngày mồng bốn tháng chạp năm 1885, thiếu-tá Cardot dẫn quân đi tấn-tiêu miền sơn-cước, triệt-hạ tất cả những hệ-thống phòng-thủ của tiến-sĩ Trần văn Dư tại Dương-yên. Khi rút về tạm trú tại tỉnh thành Vĩnh-điện, thiếu-tá Cardot một mặt phái đại-úy Daniel dẫn một trung-đội thủy-lục-binh vào biểu-diễn lực-

lượng tại ngã tư Hà-lam thuộc phủ Thăng-bình, hộ-tổng cho hai anh em ông phó-bảng Nguyễn Thuật trở về kinh-đô; một mặt khác lại phái một trung-đội lập-binh ra Đà-nẵng phối-hợp với bốn chục thủy-binh thuộc hạm-đội Touchard đậu ở ngoài Vũng-thùng để tảo-thanh miền bắc Hòa-vang và khu Phước-thượng. Nghe thám-tử chạy về báo-cáo, tú-tài Trần Thừa lập tức cho rút quân Nam-Dông ra khỏi đồn Phúc-hưng và kéo về đóng tại vị-trí cũ. Vào khoảng tháng hai năm 1886, ở Pháp quốc có cuộc tranh-chấp sôi-nổi về vấn-đề Đông-dương và có sự thay-đổi nội-các. Thiếu-tướng Prudhomme từ trước đến nay vẫn chỉ-huy lực-lượng viễn-chinh ở Thuận-hóa phải rút hết những quân-đội dưới quyền điều-khiển của mình ra Hà-nội để chuẩn-bị về nước. Lúc ban đầu, việc di-chuyển này không khỏi gây ra một mối giao-động rất lớn trong chính-phủ Nam-triều cũng như trong Nghĩa-hội. Tú-tài Trần Thừa bèn lợi-dụng thời-kỳ giao-thời này để phản-công và đem lại thắng-lợi cho mình. Lúc bấy giờ bộ tham-mưu Pháp đương lo tu-chỉnh gấp rút con đường thiên-lý nối liền hai thành-phố Thuận-hóa và Đà-nẵng để chuẩn-bị cho việc đồn trú binh-lực và thiết-lập nền cai-trị tại miền nam xứ Trung-kỳ. Ngày hai mươi sáu tháng hai năm 1886, đại-úy Besson dẫn ba viên hạ-sĩ-quan thuộc toán công-binh và sáu người lính Pháp vào làng Nam-trung, thuộc huyện Hòa-vang, để chỉ-huy số phu bản-xứ vừa mới chiêu-mộ. Tới nơi, mặt trời đã lặn. Sau bữa cơm tối, đại-úy phải tạm-trú với tiểu-đội người Pháp trong những căn nhà lá của dân chài nằm rải-rác ở trên bờ bể, viên thông-ngôn Trần Quế và tất cả nhân-công thì vào trọ trong xóm ở về phía bên kia con đường thiên-lý. Từ lúc chạng-vạng, dân chúng đã dời hết đồ đạc ra ngoài đồng, ngoài rú, họ làm việc một cách hết sức âm-thầm, bí-mật. Bọn chài lưới đã nhận được lệnh giữ nguyên tình-trạng để tránh sự nghi-ngờ của bọn người da trắng. Viên thông-ngôn Trần Quế và phu phen đều có mục-kích những sự di-chuyển bất-thình-lình này, nhưng ai nấy cũng không muốn tố-giác. Đại-úy không biết rõ những âm-mưu đang diễn-biến một cách bất-lợi cho mình. Có một viên hạ-sĩ-quan chạy tới khẩn-khoản xin đại-úy vào Đà-nẵng nhận lương-bổ cho mình vì quân đội đã hết tiền bạc tiêu dùng từ lâu. Đại-úy vui-vẻ trả-lời:

- Hãy thư-thả một chút ! chờ cho công-việc ở đây hoàn-tất, sẽ khi-hành một lượt cũng không muộn.

Bất ngờ vào ngày mồng một tháng ba năm 1886, một toán quân Nam-Dông của tán-tướng Trần Thừa, đông tới chừng một trăm người lính, ồ ạt kéo tới làng Nam-trung. Viên chỉ-huy nghĩa-binh ngồi trên mình một con ngựa, bắn một tiếng súng để làm dấu hiệu, rồi sau một tiếng hô xung-phong vang trời, toán quân ấy chia ra từng tốp đột-kích vào những căn nhà lá của người Pháp trong khi đại-úy và cả tiểu-đội còn đương ngủ yên thiêm-thiếp. Nghĩa-binh hạ-sát hết những người da trắng, lấy đầu của viên đại-úy, rồi phóng hỏa đốt tất cả những căn nhà lá ở dọc hai bên đường. Ngọn lửa bùng lên rất cao, chiếu sáng cả một bầu trời, soi sáng mấy dãy núi ở dưới chân đèo Hải-vân và ghe thuyền đậu tại Vũng-thùng. Dân chúng thành-phố Đà-nẵng phải trải qua một đêm kinh-hoàng. Rạng ngày mồng hai, các nhà chức-trách đến tận

nơi xem xét, chỉ còn thấy dân chúng, ngồi quanh một đồng tro tàn. Khi bị hỏi:

- Các ông có điều gì kêu ca với chính-quyên hay không?

Mấy vị bộ-lão trả-lời:

- Chúng tôi vui-lòng hy-sinh vì chính-nghĩa.

Trận Nam-quan vừa chấm-dứt, đem lại sự hoang-mang cho một vài người và niềm tin-tưởng cho nhiều kẻ khác. Ngày mồng bốn tháng ba năm 1886, thiếu-tá Bouttefroy lại dẫn ba chục lập-binh đi từ Thuận-hóa vào đèo Hải-vân để thay gác cho đội thứ nhất và đội thứ ba thuộc đại-đội thứ mười một. Hai đơn-vị sau này phụ-trách canh-giữ mấy cái tiểu-đồn ở trên chóp đèo nhưng vừa được lệnh phải vào cửa Hàn để lên tàu về Pháp. Sau khi làm lễ bàn-giao xong, họ vội-vã lên đường, dưới sự chỉ-huy của đại-úy Lelardeux thuộc về đoàn thủy-lục-quân. Họ vừa mới tới địa-phận làng Quan-nam, trên con đường thiên-lý thì gặp ổ phục-kích của tán-tướng Trần Thừa. Lính Nam-dống nằm lúp-xúp trong những bụi rậm, bất-thần xuất-hiện. Thời may lúc bấy giờ đại-úy Lelardeux nhanh mắt trông thấy lập tức ra lệnh cho quân-đội của mình dừng lại. Người Pháp kháng-cự rất mãnh-liệt mới có thể thoát khỏi cuộc mưu-sát. Trận Quan-nam không đem lại cho Nghĩa-binh một thắng-lợi lớn lao nhưng đã làm cho kẻ thù phải một phen kinh-hồn mất vía. Vì vậy bộ tham-mưu Pháp ở Huế phải mở một cuộc hành-binh để biểu-dương lực-lượng.

Ngày mồng mười tháng ba năm 1886, trung-đội lập-binh thứ tư lại được phái vào tỉnh thành Quảng-nam để đi tuần-tráp. Ngày mười bốn tháng ba họ tới đóng tại chợ Quảng-huế, thuộc huyện Đại-lộc. Bắt dân chúng đi làm tiên-phong, họ vượt qua sông và tiến về phía làng Gia-cốc, sào-huyệt của tán-tướng Trần Thừa. Lính Nam-dống núp sau lưng bờ đê làng Quảng-đại mà bắn trả lại nhưng vô-hiệu. Trong giây lát họ đã triệt-hạ được những tháp canh, hào-lũy của dân-quân và tới bao vây ngôi đồn chính nằm ở giữa một cánh đồng. Tán-tướng Trần Thừa phải rút lui sau khi để trên bãi chiến-trường một số xác chết và một số người bị thương. Đánh dẹp xong, người Pháp kiểm-điểm lại quân số thấy không có ai bị thiếu sót, bèn theo con đường Cây Sanh mà kéo về một cách nhanh chóng. Mỗi khi đi băng qua một thôn-xóm trù-mật, họ lại dừng bước để trò chuyện vui-vẻ với dân-chúng y hệt như không có việc gì đáng tiếc xảy ra. Bọn lý-hương, những kẻ sợ sệt lại hốt ổ trứng gà bỏ vào trong thúng cời đem ra đặt ở đầu làng làm tặng phẩm. Thấy vậy bọn lính Pháp liền đưa tay ra càn quét hết, bỏ vào trong bị rết, vừa đi vừa nói bập bẹ năm ba tiếng việt nam mới học lóm "tốt lắm, An-nam tốt lắm". Họ về gần tới làng Quảng-đại thì gặp dân chúng đương tụ-họp bàn-tán xôn-xao. Nhiều gã thanh-niên tò mò trèo lên cây sanh để xem ngọn lửa bốc cháy sáng cả một góc trời và chưa kịp trèo xuống. Viên chỉ-huy Pháp tưởng là Nghĩa-binh kéo ra chặn đường, bèn hạ lệnh cho bộ-đội của mình bắn xả vào đám người vô tội. Trận Gia-cốc kết-liệu bằng một cuộc đổ máu lần thứ hai thê-thảm và trầm-trọng hơn. Để cầu-siêu cho những chiến-sĩ trận-vong, tú-tài Huỳnh Quý có làm một bài văn tế, nay còn truyền-tụng mấy vế như sau:

Đồn Gia-cốc thử chơi một trận, chết hăm mốt, bị thương cũng hăm mốt, nợ quân-vương trả đặng bấy nhiêu người.
Đường cây Sanh kéo thẳng hai tua, lên trăm hai, mà về cũng trăm hai, trách trời đất có sao riêng vị nó

Tin thất-trận đưa về tới Tân-tĩnh. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu cấp-tốc hội họp bá-quan văn-võ để trình-bày:

- Đồn Gia-cốc án-ngũ cho tỉnh-thành ở về mặt đông bắc. Nay người Pháp đã vượt qua sông con, đã vào miền cấm-địa, tức là tỉnh-thành chúng ta đã bị uy-hiếp. Tôi xin quý ngài, ai nấy cũng bày tỏ ý-kiến để tìm cách đối-phó cho kịp thời.

Thấy không có người phát-biểu, quản Hách, một nhân-vật tại làng Ngô-cang, thuộc huyện Quế-sơn đứng dậy nói:

- Tôi nghe phong-phong tú-tài Trần Thừa muốn bắt tay với giặc để làm phản lại Nghĩa-hội. Tuần-vũ Châu đình Kế thường hay bí -mật cho người ra vào để dụ-dỗ. Nếu ta không sớm liệu tìm cách trừ tên gian-thần ấy thì mỗi nguy-cơ sẽ xảy đến trong giây lát.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu nhìn chăm-chú vào cử-tọa rồi hỏi lại :

- Làm cách nào mà trừ?

Quản Hách lại đứng dậy, thó người cao lớn, nổi bật hẳn trong đám quần-chúng và nói tiếp:

- Bây giờ cử binh ra bắt hãn thì sợ không tránh nổi cuộc nội-chiến, huynh-đệ tương-tàn. Trong vùng Chín-xã sông-con ngày trước, có nhiều vị thân-hào hay kéo binh-lực riêng của mình mà thanh-toán lẫn nhau, vì một cơ bên này bắn một người không nộp thuế, hay có tội-lỗi về xét-xử, bên kia lập tức tới đánh giải-vây, hãn đứng ở trên không làm trọng-tài, mà lại kéo quân tới đàn-áp cho nên đã xảy ra nhiều vụ rối-loạn không hay. Ta không nên theo chiến-thuật ấy. Bây giờ hãn vừa mới thất-trận, ta nên viết thư khuyên hãn vào đây để bàn về vấn-đề quân-sự. Lẽ tất-nhiên hãn phải đến và một khi hãn đã đem thân nộp vào cửa công, ta sẽ có phương-pháp đối-phó "

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu gật đầu có vẻ bằng-lòng lắm và nói một cách đồng-dạc:

- Được rồi, tên phụ-khí ấy phải đền nợ cho tổ-quốc!

Ngày sau, tức nhằm vào ngày hăm hai tháng hai năm bính-tuất, tại dinh quan phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, người ta có bày một bữa tiệc linh-đình. Quan văn quan võ đến tề-tự đông đủ, người nào kẻ nấy ăn mặc lễ-phục theo phẩm-trật, chức-tước của mình. Lính tráng bỗng sừng canh gác ở bên ngoài, bên trong một cách chỉnh-tề, nghiêm-trang lắm.

Tán-tướng Trần Thừa đi một chiếc võng điều tới phó hội. Khi ông vào hội-trường, cử-tọa đều đứng dậy chào hỏi một cách niềm-nở.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu nói một vài lời chào hỏi thân-mật rồi tuyên-bố lý do:

- Miền Chín-xã sông-con là cửa trước và cửa chính của tỉnh-thành. Nay nhất

thời quân Pháp tấn-tiêu, mình phải rút lui, đó cũng là một cái kế rất hay, nhưng thiết-tưởng một khi nó đã về thì cũng có lúc nó trở lại. Ta nên tìm một biện-pháp thích-ứng để ngăn-ngừa bọn Tây nô ấy để an lòng dân. Trước khi vào vấn-đề, tôi xin mời cử-tọa cùng tôi nâng chén rượu lạt để cầu-chúc cho Thánh-thượng, còn đương phải xuất-bôn, được khánh-thọ, giang-sơn mau được khôi-phục.

Mọi người vỗ tay hoan-ngênh và cùng nhau đưa chén rượu lên tận trán mà cúi đầu xuống một cách cung-kính. Chính trong giây phút trầm-ngâm yên-lắng ấy, một việc không may lại xảy ra. Cái chén xưa, màu nguyệt-bạch, từ tay vị tổng-đốc rơi xuống chạm mặt bàn tạo ra một âm-thanh khô-khan sắc-bén và vỡ ra làm nhiều mảnh. Nghe ám-hiệu, tức thì một tên lính mặc áo đen quần đen, chít khăn vải tàu điều, từ trong phòng kín nháy ra, đi siêu một vài vòng, rồi tiến sát về phía tán-tướng Trần Thừa mà hô to một tiếng "phản tặc". Vị tướng lĩnh này chưa kịp quay mặt lại thì đã bị tên đao-phủ tặng cho một lát gươm hết sức mạnh, đầu bị đứt rơi hẳn xuống dưới đất, máu phun vọt ra lai-láng.

Tin lành, tin dữ đồn ra như tên bắn. Trong chốc lát, trên con đường tỉnh-lộ chạy từ làng Trung-lộc cho tới bến đò Trung-phước, dân chúng tụ-tập bàn-tán xôn-xao. Giữa đám đông có một chiếc võng điều vừa tiến tới, phu phen phải chịu khó nhọc lắm mới bước từng bước một, vì trăm con mắt tò-mò cũng đều muốn phanh đim ra để xem cho biết. Họ hết sức ngạc-nhiên vì lúc mới vào Tân-tĩnh, trên chiếc võng này, họ đã trông thấy tán-tướng Trần Thừa nằm bình-tĩnh xem sách. Bây-giờ họ cũng gặp lại vị tướng-lĩnh ấy với một cái đầu đã rời hẳn thân xác. Nhìn nhau một cách lặng-lẽ, họ nói thầm với nhau vì sợ bọn thám-tử nghe được:

- Nồi da xáo thịt!

Nam Nghĩa phân tranh

Bây giờ là mùa hạ năm 1886. Tỉnh Quảng-nam vừa trải qua một giai-đoạn tai-ương hoạn-nạn, hết nạn sâu-bọ đủ các loại, nạn châu-chấu phá-hoại mùa-màng, hoa cỏ, lại tới nạn đậu-trời, nạn giặc-giã làm cho dân-chúng chết chóc, mười phần hết năm, hết bảy. Quân Pháp mở rộng phạm-vi chiếm-đóng, kiểm-soát cả miền sơn-cước, thiết-lập tới ba mươi sáu đồn lũy từ nam chí bắc, từ biển Đông tới dãy núi Trường-sơn. Gái trai, già trẻ phải lo chôn cất cửa-cải vàng bạc rồi kéo nhau tản-cư vào trong rừng núi, che lều làm trại mà ở, chịu đựng không biết bao nhiêu là sự khổ nhọc.

Tức cảnh sinh tình, tú-tài Huỳnh Qúi có viết một bài thơ "Cảm-ngộ" như sau:

Mưa từng trận, gió từng hồi,
Mới đó giang-sơn nước khóa rồi.
Lũ kiến bắt tài tha trứng chạy,
Chòm râu vô-dụng kết bè trôi.

Chít-chiu rừng rậm chim kêu đói,
Lồm-chồm giường cao chó nháy ngồi.
Nỡ để dân đen bùn lấm thế,
Nào ông Hạ-Võ ở đâu ôi!

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu nghe bài ấy và nhất là bài "Vịnh hát bội" đã truyền-tụng về trước, có ý giận lắm, bèn đòi vào dinh-thự của mình ở Tân-tĩnh và muốn tra cho cái tội phỉ-báng. Vị thủ-hiến chỉ con để nhủi đương bay qua bay lại bên ngọn đèn dầu hỏa mà bảo rằng:

- Ông hay thơ lắm, thử đọc lên một bài nghe mau!

Tú-tài Huỳnh Qùi ứng-khẩu đọc ngay tức-khắc:

Kiến chẳng phải kiến, voi chẳng voi,
Trời sinh để nhủi cũng chơi-chơi.
Ngăn cánh, lên trời bay chẳng thấu,
Co tay vạch đất, cũng khoe tài.
Mưa sa, nước chảy, lên cao ở,
Lửa đỏ, dầu sôi, nháy tới chơi.
Quân-tử có thương, xin chớ phụ,
Lắm-xăm bay nháy để mà coi!

Đọc đến câu nào, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu cũng rung đùi quay mặt lại hỏi ông Nguyễn đình Quynh, đặc-phái-viên của tiến-sĩ Phan đình Phùng, từ miền Nghệ-tĩnh, mới theo đường thủy vào đương ngồi dự-thính bên cạnh.

- Ngài có cho bài thơ này là tuyệt-bút hay không?

Vị thượng-khách gật đầu không trả lời, rồi ba người hòa nhau lại, rượu chè trò chuyện một cách thân-mật. Giờ lâu họ mới phân-tán, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu mời vị thượng-khách sang hành-cung dự cuộc tập-hợp bất-thường do Nghĩa-hội triệu-tập.

Trong buổi hội-nghị, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu bắt đầu trình-bày về chiến-sự tại miền nam xứ Trung-kỳ, gián-tiếp đặt dưới quyền lãnh-đạo của mình.

-Sau ngày kinh-đô thất-thủ, vua Hàm-Nghi xuất-bôn, gởi lại giang-sơn cho thần-dân qua một tờ mật-chiếu. Tại Quảng-nghĩa, cử-nhơn Lê trung Đình, người làng Phú-nhơn, phủ Sơn-tĩnh và tú-tài Nguyễn tự Tân, người phủ Bình-sơn cho người tới thương-thuyết với chánh-quyền địa-phương. Tuần-vũ Lê Thụy hứa sẽ nộp thành-trì và tham-gia cách-mạng. Một mặt khác, cử-nhơn Lê trung Đình lên hội-đàm với sơn-phòng-sứ Nguyễn Thân, lúc bấy giờ còn đóng quân tại xã Vạn-lý, thuộc huyện Mộ-đức. Nguyễn Thân cũng bằng-lòng và hứa sẽ đem quân về trợ-lực. Một khi cử-nhơn Lê trung Đình đã ra về, Nguyễn Thân viết thư hỏi ý-kiến nhạc-gia là cụ Thượng Hàng Xoài, ở tại phủ Bình-sơn và sau đó thay đổi lập-trường. Nguyễn Thân cho người xuống nói với tuần-vũ Lê Thụy và án-sát Nguyễn đình Cung nên cố-gắng cầm-cự, lính sơn-phòng sẽ kéo về đánh giải-vây. Ngày mười bốn tháng bảy năm 1885, tú-tài Nguyễn tự Tân ra lệnh cho võ-sĩ Trần Thú, người ở chợ Thu-xà, thuộc huyện Tư-nghĩa, xông vào đồn Cổ-lũy, hạ-sát viên Tây thượng-chánh, rồi đốc-xuất dân-chúng tới hiệp với lực-lượng của cử-nhơn Lê trung Đình mà bao-vây tỉnh-thành. Tuần-vũ Lê Thụy không dám ra đương đầu với giặc, phải

giao việc chỉ-huy cho án-sát Nguyễn đình Cung. Hai bên cứ đánh cầm chừng, bên nào cũng có ý chờ viện-binh, nhưng lúc ấy Nguyễn Thân vẫn ở yên tại miền sơn-cước. Không chịu nổi, cử-nhơn Lê trung Đình phải cho nghĩa-binh dùng thang trèo lên vọng gác, lén trà trộn vào trong đám lính triều-đình, tới chiếm-đoạt cửa thành. Cử-nhơn Lê trung Đình dẫn quân ồ-ạt tiến vào, đi một mạch tới công-đường, bắt án-sát Nguyễn đình Cung chém ngay tại chỗ và bắt tuần-vũ Lê Thụy giam giữ để chờ ngày luận tội. Đoạn, cử-nhơn Lê trung Đình vào nhà lao giải-phóng cho đức Tuy-Lý, con vua Minh Mạng, bị phát-vãng tại Quảng-ngãi, từ khi xảy ra vụ án Hồng Bảo và tôn ngài lên làm Phụ-quốc-vương. Cuộc đảo-chính đã hoàn-thành mau chóng làm cho Nguyễn Thân phải một phen bối-rối. Liền sau đó, Nguyễn Thân lại viết thông-diệp gửi cho cử-nhơn Lê trung Đình xin đem toàn lực về hợp-tác. Các vị văn-thân tướng là thiệt, nên không lo đề-phòng. Ngày hai mươi tháng bảy năm 1885, Nguyễn Thân dẫn một toán lính mọi lấy ở những vùng Ba-tơ, Trà-bồng và Đá-vách rầm-rộ kéo về tỉnh-lỵ trước sự hoan-hô nhiệt-liệt của dân-chúng. Cử-nhơn Lê trung Đình, tú-tài Nguyễn tự Tân thân-hành ra nghênh-đón tại cửa chính tây. Nguyễn Thân đi trước, ngồi trên một con ngựa ô cao lớn, đoàn tùy-tùng mang súng ống theo hầu hai bên, oai-nghiêm, đông-dặc như một vị tướng-lãnh đương ca khúc khải-hoàn. Đoàn quân giải-phóng vừa mới dừng lại trước dinh quan tuần-vũ, các vị chỉ-huy vừa mới bước lên bậc tam-cấp để tiến vào khán-đài, bất thành-linh từ trong đám quần-chúng có tiếng loa vang lên nghe rõ mồn một:

- Tôi nghĩa-định sơn-phòng-sứ Nguyễn Thân, có trách-nhiệm về đây để tiêu-trừ bọn phiến-loạn. Tôi ra lệnh cho tất-cả sĩ-dân phải tức thời giải-giáp và ra qui-hàng. Những kẻ bất-tuân sẽ chiếu theo quân-luật mà nghiêm-xử.

Cử-nhơn Lê trung Đình, tú-tài Nguyễn tự Tân biết mình đã bị mắc-mưu, vội-vả lánh mình để tìm cách đối-phó, nhưng vừa mới quay gót thì đã bị quân sơn-phòng giữ lại. Trong giây lát họ phân nhau đi chiếm cứ các nơi xung-yếu. Nghĩa-binh bị tấn-công bất-ngờ, thiếu cấp lãnh-đạo, mất tinh-thần, phải giao lại tất cả đồn trại, dinh-thự mà tẩu-thoát. Cuộc đảo-chánh lần thứ hai này đã xảy ra một cách ôn-hòa, mau chóng hơn lần thứ nhất. Làm chủ được tình-thế, Nguyễn Thân bèn đem cử-nhơn Lê trung Đình, tú-tài Nguyễn tự Tân và mười hai vị chiến-sĩ nữa, ra chém tại bến đò sông Trà-khúc. Vài tuần lễ sau, võ-sĩ Trần Thù cũng bị bắt và bị hành-hình tại bể Hà-khê, trên bờ sông Vệ. Cuộc khởi-nghĩa Cần-vương đã bị dập tắt ngay trong thời-kỳ phôi-thai.

Còn tại Bình-định, tình-hình cũng biến-chuyển một cách mau chóng.

Sau ngày kinh-đô bị thất-thủ, cử-nhơn Đào doãn Địch, người làng Tùng-giang, huyện Tuy-phước, lúc ấy đương làm quan tại Huế, liền rời bỏ trú-sở để về quê-hương tổ-chức cuộc khởi-nghĩa chống Pháp.

Tổng-đốc Bình-định là Lê bá Thận, án-sát là Nguyễn danh Cung bằng lòng hợp-tác. Nghĩa-binh gồm có sáu trăm lính Nam-triều và một số người vừa mới chiêu-mộ, trang-bị bằng súng thần-công, giáo sào, lưỡi mác, bắt đầu giao-phong với đoàn quân tinh-nhuệ của Pháp, tại Cần-úc thuộc huyện Tuy-

phước. Bị thất-bại, cử-nhơn Đào doãn Địch phải rút lui về giữ thành Bình-định, rồi thấy tình-thế bất-lợi, lại cùng với các vị văn-thân lên lập căn-cứ tại đèo An-khê. Khi ấy có cử-nhơn Mai-xuân Thường và nhà cách-mệnh Tăng bạt Hổ ra giúp sức. Vào tháng mười năm 1885, cử-nhơn Đào doãn Địch phải lâm-bệnh và mất tại miền sơn-cước, cử-nhơn Mai xuân Thường lên thay thế, làm lễ tế cờ tại bãi Cây-muồng, thuộc về xã Phú-lạc. Từ đấy, nghĩa-binh thường hay kéo về miền duyên-hải, đánh xáp lá cà với Pháp tại những trận Cẩm-văn, trận Thủ-thiện, làm cho đối-phương phải kinh sợ. Sau những trận kịch-liệt ấy, viên chỉ-huy lực-lượng Pháp tại Bình-định là đại-tá Dumas phải trở về Sài-gòn để xin viện-binh. Cử-nhơn Mai xuân Thường cũng phải lo gởi người vào Phú-yên, Khánh-hòa để thôi-thúc các vị văn-thân và đưa thư ra Quảng-ngãi hiều-dụ sơn-phòng-sứ Nguyễn Thân lúc bấy giờ đã rời bỏ miền sơn-cước và đã kéo binh về chiếm-đoạt tỉnh-thành. Nguyễn Thân bằng lòng. Ngày mồng hai tháng tám năm 1885, cử-nhơn Mai xuân Thường kéo một toán quân, đông chừng năm ngàn người, ra Quảng-nghĩa để phối-hợp với Nguyễn Thân mà giữ miền sông Trà-khúc. Chẳng ngờ viên sơn-phòng-sứ đã ngấm-ngầm theo giặc Pháp từ lâu, đã phục-binh sẵn tại đèo Bình-đê. Toán quân Bình-định vừa mới ra khỏi làng-mạc, tiến vào rừng núi, thì ở hai bên con đường thiên-lý tiếng súng nổ lên vang trời dậy đất. Kế tiếp theo đó, lính Quảng-nghĩa từ trong những bụi rậm lại ồ ạt xông ra, lấy mã tấu và giáo sào mà huyết-chiến. Toán quân Bình-định phải bị đại-bại, nằm chết ngổn-ngang, rong-rã một tháng mà không có người chôn cất. Thật là một tấn-tuồng thê-thảm trong lịch-sử nội-chiến của dân-tộc Việt-nam. Sự phản-bội của Nguyễn Thân đối với cử-nhơn Mai xuân Thường và nhất là việc hạ-sát nhà chí-sĩ Lê trung Định, bẻ gãy hẳn cái trục Nam-Nghĩa-Định, đã gây ra một mối hiềm-khích rất lớn trong dân-chúng. Cuộc bang-giao giữa hai tỉnh Quảng-nam và Quảng-nghĩa, do đó càng ngày càng trở nên trầm-trọng. Trước hết phó-bảng Nguyễn duy Hiệu viết thư cho sĩ-dân miền sông Trà-khúc, đòi phải trả Phan Dịch, người Quảng-nam, lúc bấy giờ làm tri-phủ Sơn-tĩnh. Nguyễn Thân không chịu, lại còn yêu-cầu sĩ-dân miền sông Thu-bồn phải giao-hồi kẻ thù của ông là ấm-sanh Nguyễn bá Loan, thứ nam của tổng-đốc Nguyễn bá Nghi, người Quảng-nghĩa, đương giúp việc cho phó-bảng Nguyễn duy Hiệu. Hai bên cứ thư qua thư lại mãi, không có bên nào chịu nhượng-bộ. Lúc ban đầu, đôi bên còn dùng lời lẽ khiêm-tốn, nhã-nhặn, nhưng về sau, Nguyễn Thân cậy thế có người Pháp trợ-lực ở đằng sau, bèn gởi cho phó-bảng Nguyễn duy Hiệu một bức thông-điệp vừa ngạo-mạn, vừa có ý hăm-dọa:

" Tỉnh tôi sát hại cử-nhơn Lê trung Định, tú-tài Nguyễn tự Tân là để văn-hồi an-ninh trật-tự cho dân-chúng. Quý chức vẫn lấy việc bình-Tây sát tả làm tự-hào, nhưng thiết-tưởng tại cửa Hàn và tại làng Trà-kiệu, người Pháp vẫn tụ-tập như thường. Quý chức không đủ lực-lượng bảo-toàn những nơi ấy, mà còn lăm-le lấn-bức tỉnh chúng tôi. Tiến-sĩ Trần văn Dư khởi-nghĩa như thế nào, thành-công như thế nào ? Cái gương xe úp kia không còn xa nữa, quý hội hãy tỉnh lấy".

Lời lẽ đó làm nhiều sĩ-dân Quảng-nam phùng-phùng nổi giận, quyết-tâm trừ

diệt Nguyễn Thân, bàn tính với nhau đem binh-lực vào Quảng-nghĩa mà đánh trả thù. Tán-tướng quân-vụ Nguyễn Thành tức Tiểu La, giữa hội-nghị đã tìm đủ các lý-lẽ để khuyên ngăn :

- Nghĩa-binh của Nguyễn Thân từ nha sơn-phòng kéo về gồm có nhiều đơn-vị tinh-luyện, có đủ súng ống đạn dược do người Pháp cung-cấp; còn lính Quảng-nam chỉ có những dân quân toàn trang-bị bằng những thứ vũ-khí thô-sơ. Thực-lực của Nghĩa-hội Quảng-nam chưa vững chắc mà không lo nuôi-dưỡng, cứ tìm cách khiêu-khích lẫn nhau, gây ra cái cảnh anh em tàn-sát lẫn nhau, chỉ lưu lại một dấu vết không tốt về sau.

Đa-số sĩ-dân không tán-thành những lời phân-giải ấy. Họ hội-hợp riêng để tìm cách lôi kéo phó-bảng Nguyễn duy Hiệu vào con đường tác-chiến. Cuối cùng phe bạo-động thắng-thể và bầu hai vị tướng-lãnh là tham-mưu-trưởng Nguyễn Duật, cử-nhơn Trần Hoàn lên để điều-khiển cuộc viễn-chinh. Tán-tướng Nguyễn Thành tức Tiểu La không tham-dự trận này.

Nguyễn Duật, người làng Hà-lam, phủ Thăng-bình, là em ruột phó-bảng Nguyễn Thuật, một vị túc-nho không những có nét bút tinh-xảo như Vương hy Chi mà lại còn có cái tài học rộng của Vương an Thạch. Phó-bảng Nguyễn Thuật, thường gọi là cụ Hà-đình, lúc bấy giờ làm thượng-thơ tại triều-đình. Nguyễn Duật lãnh chức bá-hộ, về sau lại đỗ cử-nhơn nên được gọi là cử-bá. Lúc phong-trào văn-thân mới nhóm dậy, Nguyễn Duật cũng dựng cờ khởi-nghĩa, cũng chiêu-mộ binh-sĩ để gây uy-thể cho mình. Tại Hội-an, đồng thời, có tú-tài Lý thừa Trạch, thường gọi là đội Sơn, cũng là một người vừa hào-hoa phong-nhã, vừa có khí-tiết. Trong nhà của họ Lý, ở làng Minh-hương, bao giờ cũng có tiệc tùng ca hát. Thời bấy giờ ở vùng Điện-bàn, Duy-xuyên người ta còn truyền-tụng câu phương-ngôn :

Văn-chương phú-quí, nhất Lý nhì Trương

Nghĩa-hội thành-lập, Lý thừa Trạch bèn viết thơ cho cử-nhơn Nguyễn Duật để bày tỏ chí-hướng của mình :

- Người đại-trượng-phu vui cùng vui chung, thời lo cũng lo chung. Ngày nay không phải là ngày bọn ta vui sướng được nữa.

Từ đây, Lý thừa Trạch bãi việc chơi bời và tự-xuất gia-xuy để rèn đúc khí-giói, chiêu-mộ binh-sĩ rồi kéo về hiệp với cử-nhơn Nguyễn Duật mà theo Tân-tĩnh.

Vào mùa thu năm Ất-dậu, Nguyễn Duật nhận được lệnh về đóng quân tại nhà bà Quắc, ở ngay trên bờ sông Tràu, cách chợ Việt-an chừng non hai cây số để trấn-giữ miền sơn-cực.

Nghe tin Nghĩa-hội sắp đến, gia-đình bà Quắc và người cháu gái là Dương thị Út, tục gọi là cô Chín Út, phải tản-cư về bên họ ngoại ở làng Phú-cốc, huyện Quế-sơn. Nguyễn Duật tới nơi, vừa mới xuống ngựa, thấy nhà bỏ vắng, liền gọi lý-hương đến mà phán rằng :

-Nếu trong hai ngày cô chín Út không lo liệu trở về thì các anh phải chịu trách-nhiệm.

Đúng kỳ hạn, bọn lý-hương dẫn một cô con gái xinh đẹp về đứng khóc sụt-mướt tại cửa hành-dinh. Trông thấy nét ngây-thơ của người mỹ-nữ, Nguyễn

Duật phải lòng ngay và tỏ ý muốn cưới nàng về làm vợ lẽ. Cô Dương thị Út cứ nằng-nặc từ-chối:

- Em còn non dại mà lại thô kệch, quê-mù, quan lớn là bậc danh cao tước trọng, ở dưới trướng thiếu gì kẻ hầu người hạ, xin quan lớn thương tình mà tha-thứ cho em .

Nghe như vậy, Nguyễn Duật liền đập bàn mà quát tháo một hồi, ra vẻ giận-dữ :

- Thôi tôi biết rồi! có nói quanh nói quất cũng chỉ vì cô chê cử-nhơn này đã già .

Rồi ông lại nói dịu giọng:

- Nay, tôi bảo thật cho cô biết cử này già mà còn xấp ba tụi trẻ. Cử này còn đủ sức để...cho cô mỗi lần đến ba tiếng đồng hồ mà không hề thấy mệt-mỏi! Hai bên cứ tiếng qua tiếng lại mãi làm cho bọn trai cày phải chạy ra phía sau tường, để lỏ tai vào kẻ trống mà nghe lóm. Ngậm miệng không được, chúng lại phá lên cười rúc-rích rồi kéo nhau mà chạy, gây náo-động lên. Tức giận, Nguyễn Duật gọi bọn lý-hương vào trách mắng và ra lệnh:

- Các anh không bắt mấy thằng ranh con ấy mà đem vào đây thì các anh phải liệu hồn.

Một lúc sau, bọn lý-hương dẫn tới trước sân một đoàn người gồm có năm bảy tên nông-dân nét mặt xanh xao, hốc-hác. Nguyễn Duật bắt bọn lý-hương phải lấy nọc cắn chúng nó ra đánh cho mỗi đứa ba chục roi mây thật đau, mới tha cho về.

Vài ngày sau ở chợ Việt-an, trái với thường lệ, người ta giết một lần đến mười bảy con trâu cổ, hàng chục con bò, con heo, tiêu dùng đến hàng trăm thúng gạo, thúng nếp. Dân-chúng tụ-tập đông-đảo, huyên-náo, ông già bà cả, con nít đứng bao-bọc ở phía bên ngoài để xem mặt cô dâu và chú rể. Thật là một cảnh-tượng tưng-bừng, lộng-lẫy chưa bao giờ trông thấy trong chốn thâm-sơn cũng cốc. Cử-nhơn Nguyễn Duật và cô Dương thị Út hưởng chưa trọn tuần trăng-mật thì từ Tân-tĩnh lại có mật-lệnh đưa về phải chuẩn-bị xuất-binh. Ngày mồng một tháng tám năm 1886, tại Tân-tĩnh văn-thân tụ-tập đông-đủ để làm lễ xuất-sư. Tiếng trống chầu, tiếng tù-và, tiếng thanh-la nổi lên inh-ỏi. Tham-mưu-trưởng Nguyễn Duật, cử-nhơn Trần văn Hoàn, cỡi ngựa đi tiên-phong, nghĩa-binh chuyển mình để lên đường trong một bầu không khí nhộn nhịp. Tới chợ Việt-an, nghĩa-binh dừng bước lại để nghỉ-ngơi trong giây lát. Cô Dương thị Út ra tiễn đưa, vẻ mặt buồn rầu, khác hẳn với những ngày trăng-mật. Tiến về phía cử-nhơn Nguyễn Duật, nàng cầm chéo áo bào của phu-quân mà nói thỏ-thẻ:

- Trước kia quan lớn lấy chữ Duật mà đặt tên cho mình, chữ ấy gồm có hai phần, chữ mâu ở trên đầu và chữ uỳnh ở phía dưới. Từ khi gia-nhập Nghĩa-hội, quan lớn lại đổi tên củ, đặt tên mới là uỳnh mà thôi, bỏ hẳn phần đầu chỉ giữ cái khúc thân và tứ-chi. Em rất lo ngại cho quan lớn trong cuộc hành-trình xa-xôi, nguy-hiểm này.

Cử-nhơn Nguyễn Duật mỉm cười, lấy tay vén mấy sợi tóc trên vùng trán người mỹ-nữ, thấy có những giọt nước mắt thấm vào làn da của mình cũng

ngậm-ngùi mà phân-giải:

- Thôi, đàn bà con nít chỉ hay tin những sự di-đoan nhăm-nhí!

Nói xong hai bên phải tạm-biệt. Đoàn nghĩa-quân xuống Vinh-huy, theo con đường công-hương mà vào Cẩm-kê, vì phần nửa hạt Thăng-bình, thuộc về miền duyên-hải, đã bị người Pháp chiếm-đóng. Tới đâu họ cũng được dân-chúng hoan-ngênh nhiệt-liệt. Các tín-đồ Thiên chúa giáo bị giam-giữ từ lâu trong những căn nhà lá lụp-xụp nằm rải-rác ở hai bên cánh đồng, cố-gắng trèo lên những bức tường bằng đất mà nhìn qua lỗ thông hơi với những cặp mắt tò-mò, hăn-học. Chiều ngày mồng hai, cử-nhơn Nguyễn Duật và đoàn tùy-tùng đến chợ Bến-Ván, rạng ngày mồng ba, họ đã vượt qua sông Trà-khúc một cách yên-ổn. Lúc bấy giờ ai nấy cũng háo-hức, cũng bước thật nhanh để hiệp với đoàn nghĩa-binh từ Bình-định kéo ra mà công-hãm thành-trị. Họ không khỏi ngạc-nhiên khi nhìn về phía trước, chỉ trông thấy những cánh đồng mía bao-la nằm yên-lặng dưới ánh-sáng hiền-dịu của buổi bình-minh. Ở trên bầu trời, ở dưới đất không có dấu hiệu gì để cho biết rằng đoàn quân ứng-chiến của tỉnh Bình-định đã có mặt tại đây, đã giữ đúng lời ước-hẹn từ trước. Họ có ngờ đâu rằng, trong thời-kỳ Cần-vương, nước nhà bị cắt ra làm hai phần y hệt như lời than-vãn của dân chúng trong hai câu lục-bát sau đây:

Ngẫm xem thế-sự mà rầu,
Ở giữa Đồng-khánh, hai đầu Hàm-Nghi.

Vì vậy, lúc bấy giờ ở trong nước có hai thứ lịch, lịch Hàm-Nghi và lịch Đồng-Khánh, ngày tháng có xê xích với nhau. Do đó, khi họ gần tới đích rồi thì trong vùng An-kê, vùng An-lão, đoàn chí-nguyện-quân của Mai xuân Thường, của Tăng bạt Hồ mới bắt-đầu xuất-phát. Chờ đợi mãi không thấy tin-tức, cử-nhơn Nguyễn Duật bèn ra lệnh cho quan quân phải chuẩn-bị sẵn-sàng. Muôn người như một, hiền-ngang, dũng-cảm, lũ-lượt kéo về phía tỉnh thành. Khi họ vừa trông thấy những chiếc vọng gác nằm lẫn-khuất dưới những tàn dừa, những cành dương-liễu thì phục-binh của Nguyễn Thân từ trong bụi rậm, trong ngõ hẻm bất-thần xuất-hiện rất đông. Cuộc giao-phong khởi-sự ngay trong giây lát. Cử-nhơn Nguyễn Duật ra lệnh cho lính của mình đốt trái mù lên ném vào quân địch. Một làn khói đen nghịt, khó thở bốc ra, bao trùm cả đối-phương và lan dần tới những đám ruộng mía hai bên đường. Lợi-dụng tình-thế, nghĩa-quân Quảng-nam lấy giáo sào, mã-tấu mà tận-lực huyết-chiến, tiêu-diệt được một số quân-thù khá lớn. Bất thành-linh, ngọn gió nồm từ phương xa thổi đến khá mạnh làm cho làn khói đổi hướng bay trở về phía bắc. Nghĩa-quân Quảng-nam, đến phiên mình lại bị khói phủ kín không thấy đường để tác-chiến. Biết tình-thế đã thuận-lợi trở lại, Nguyễn Thân ra chỉ-huy mặt-trận, dốc hết lực-lượng vào cuộc chiến-đấu. Khi ngọn gió thổi về mạnh hơn làm cho mây phải tan, khói phải biến thì lính Quảng-nghĩa đã hoàn-thành cuộc tàn-sát ghê-gớm trong lịch-sử. Đoàn dân-quân của tán-tướng Nguyễn Duật, lúc ra đi mười phần, nay chỉ còn lại một phần

ba. Tuy vậy họ cũng tập-hợp lại trong cánh đồng để chống cự những trận tác-chiến liên-tiếp của bên địch và để chờ viện-binh của tỉnh Bình-định. Hai bên lại đánh xáp lá cà một lần cuối cùng nữa. Tán-tướng Nguyễn Duật, cử-nhơn Trần văn Hoán phải ngồi trên mình ngựa, tay múa siêu không ngớt để yểm-trợ cho quân-đội của mình. Lính Quảng-nghia không dám tiến đến gần, phải dùng súng trường núp trong ruộng mía mà bắn ra. Một viên đạn lướt qua, rồi một viên nữa. Hai vị tướng-lãnh của tỉnh Quảng-nam bỗng-nhiên từ trên mình ngựa lăn xuống dưới mặt đất. Sĩ-dân chạy lại bỗng xốc lên thì cử-nhơn Trần văn Hoàn đã tắt-thở, máu chảy lênh-láng. Tán-tướng Nguyễn Duật còn hấp-hối, hai cặp mắt lim-dim đã mất hẳn tinh-thần. Nhìn tướng-sĩ đứng bao quanh mình và biết giờ cuối cùng đã sắp đến, ông vẫy một tên lính đến, nắm chắc vai của hắn mà nói một cách hết-sức cảm-động:

- Về thưa với quan tổng-đốc Nguyễn duy Hiệu tôi có mấy lời tạm-biệt và sẽ gặp nhau ở nơi chín suối.

Rồi vị tán-tướng anh-dũng của tỉnh Quảng-nam phải tắt thở. Trong lúc ấy, những đợt tần-công của đối-phương vẫn tiếp-diễn làm cho trận thành Quảng-nghia này trở nên rùng-rợn từng phút một. Toán quân của Nguyễn Thân mỗi lúc mỗi đông hơn, được thẳng-thể cứ liều-mạng xông vào hàng-ngũ bên địch mà chém-giết. Bắt sống được người nào thì liền tay họ cắt tai, xé mũi mới chịu phóng-thích. Sĩ-dân miền Ngũ-hành-sơn bị mất sự chỉ-huy, binh-lính đã gãy hết hai phần ba, phải tức-tức vượt sông Trà-khúc một lần nữa để rút lui một cách rất lộn-xộn. Kẻ nào mạnh chân thì bỏ chạy thoát, người nào chậm chạp thì lại bị bắt, bị cắt tai, xé mũi rồi cứ la lết mà đi trên con đường thiên-lý dài tăm-tắp. Lính Quảng-nghia vẫn hăng máu rượt theo những kẻ chiến-bại, vẫn tàn-sát cho tới cuối cùng. Khi còn cách chợ Châu-ổ non sáu cây số, lính Quảng-nam vượt qua một con sông nhỏ và phải đốt cái cầu gỗ thì toán nghĩa-binh của Nguyễn Thân mới dừng lại. Cuộc chiến-tranh nam bắc tới đây chấm-dứt.

Để ghi nhớ trận đánh gay-go, cam-khổ ấy, dân-chúng ở vùng Bình-sơn gọi cái cầu bị sĩ-dân Quảng-nam đốt phá là Cầu-chạy.

Nhơn cuộc thất-bại này, tú-tài Huỳnh Qúi có viết một bài "văn-tế tẩm thua" như sau:

Hỡi ôi !

Rắn vẫn thay da,

Cóc không rán bụng.

Bóng ngựa qua, dẫu héo mảy nhành.

Mồ kiến ụi, khói un một đồng.

Nhớ linh xưa:

Sinh vốn không xương;

Đẻ thời có giống.

Muông-vang, sắc-mược, nói chuộng nói không.

Hồng-lão, thất-lang, mười người mười dụng.

Ăn thì lấy trong gan, trong ruột mà đền,

Ỉa cho được trên cổ, trên đầu mới trúng.
Những tưởng:
Chầy ngày dày kén, ăn từ lá, trả từ cây;
Ôm rất vác tiền, bán cái tơ nhờ cái nhộng.
Nào hay:
Nong nọ mới sang;
Buồng chưa kịp cúng.
Đít đeo chuỗi hột lòng thòng;
Đầu bịt khăn điều lưng-thụng.
Lưng không tháo lỏng, mình nước trong trong;
Bụng chẳng ươm tơ, da ngoài bưng bưng.
Đã không nên dáng nên hình;
Phải chịu ra hào ra vũng.
Con nhái xem tốt đẹp lấy càng;
Chim chuột thấy sẵn mỗi nuốt lộng.
Ồi thôi!
Đuổi nọ quạnh-hui,
Buồng kia vắng trống.
Bỏ không thếp né, nhành rang;
Biếng ngó đôn hào, cây chống.
Trông ra cửa, ra ngõ, bạn lái ươm xem thấy ngọt-ngào,
Chờ đến chốn đến nơi, lũ con hái thấy thêm rời-rụng.
Ba tuổi-tác kia là mấy, cũng chịu một đời;
Trăm dâu đổ biết mấy mươi, chẳng còn một mững.
So đo chi đó, tính chắc một chục nong, hai chục nong;
Cóc mốc gì đâu, ăn hết năm đôi bông, mười đôi bông.
Tiếc công ăn đứng mà làm;
Nghĩ lại vận còn đang ứng.
Thôi mí này còn mí khác, dầu rủi dầu may;
Khi được, có khi thua, xin đưa xin tổng.

Nghĩa-khí của Trần Châu

Chợ Đồng-phú, ở về huyện Quế-sơn thường có vẻ náo-nhiệt, nhất là về buổi sáng. Mặt trời chưa lên, dân-chúng từ bốn phương đã kéo về chật cả đường-sá, người mang theo những chuỗi tiền đồng, tiền kẽm nặng trĩu trên tay, kẻ chở vật hạng trong những giỏ bằng tre, những đôi bầu bóng-loáng. Họ đều mặc áo vải ta nhuộm màu chàm theo lối cổ-truyền của người dân bản-xứ. Những kẻ khá-giả hơn mới có chiếc áo lụa nâu dịu-dàng, tao-nhã hay chiếc áo Hồng-mao trắng xóa. Trong chốc lát, họ đã tới chiếm tất cả các gian lều quê-mùa, ẩm-thấp, xây-dựng hai bên con đường tỉnh-lộ, cười nói om-sòm, y hệt như trong một ngày vầy hội. Trên những bộ phản gỗ tồi-tàn, cũ-kỹ, những chiếc giường tre xiêu vẹo với thời-gian, hàng-hóa được bày ra la-liệt.

Những thứ hoa-quả rất quen thuộc ở miền Trung-châu, chen lẫn với những sản-phẩm xa lạ mang lại từ những vùng núi non cao thăm thẳm hay từ cửa Đại-an, Đại-áp. Vì vậy, bên cạnh những hàng vải bông, hàng tơ lụa ngoạn-mục, lại có những hàng cá kho, cá ướp sáng ngời dưới ánh bình-minh. Những tên mọi Cà-doạt, mọi Cống-vang đương ngồi bán trầm-kỳ, gặt nai và sừng tê-giác.

Sáng hôm nay, trái với thường lệ, vầng thái-dương đã lên khá cao, tỏa hào-quang trên khắp các nẻo đường mà chợ Đông-phú vẫn còn thưa-thớt. Khách mua bán chỉ gồm có một vài hàng bánh bèo, bánh đúc ngồi phe phẩy chiếc quạt mo trên tay để xua đuổi đám ruồi lảng hời-hám, một vài tên phụ-trưởng lo tìm thức ăn lót dạ để chốc lát phải quay bao tời trở về xứ sở. Ngoài những hạng người rất thân-mật ấy, ở trong ngôi đình-thị, rải-rác lại có một vài đứa hành-khất mang bị gậy đứng nhìn ngơ-ngác, một vài con chó vô-sự đương quắp đuôi chạy nghêu-ngao hay một vài con gà chọi mặt đỏ gay, đương dặt nhau đi tìm thức ăn rơi rớt. Sáng hôm nay, chợ không đông vì dân-chúng phải nghỉ việc để làm lễ kỷ-niệm ngày thành-lập Nghĩa-hội. Thấy khách-khứa vắng tanh, nhà cửa bỏ trống trải, Trần Châu cặp dù rào bước một mình, hết đi lui rồi lại đi tới như có ý tìm tòi một vật gì vừa mới bị đánh rơi. Hắn mặc chiếc quần dài bằng thao nhùng-nhục, chiếc áo lố bằng nhiễu đã chạy đụng nhiều nơi và thắt chiếc dây lưng hổ-hoàng buông lòng-thòng tới đầu gối. Hắn không chít khăn đen như các vị bồ-lão trong làng, vì từ khi có phong-trào Cần-vương, hắn đã xuống trạm Hương-an thuê người cạo hết mái tóc cho được gọn-gàng, nhẵn-nhụi. Trong một tuần lễ bãi gần đây, bỗng dưng hắn cảm thấy khó chịu trong mình. Tóc càng mọc dài ra càng làm cho hắn xốn-xang, ngứa-ngáy, gia-dĩ nhiều sợi phản-bội lại dựng lên lờm-chờm y hệt những thân cây trong một khoảng rừng vừa mới bị đốn phát. Tuy vậy, lối hót này vẫn thích-hợp với cái thân-hình vạm-vỡ, cái khuôn mặt chữ điền đầy nghị-lực của hắn và làm cho cặp mắt điều-hâu, cái thượng-đỉnh hơi khuyết-hãm của hắn có vẻ rộng rãi, sáng-sủa thêm lên một chút. Ý chừng hắn muốn đi tìm một người thợ cạo mà lại không được thỏa-mãn. Với những bước chân nhẹ-nhàng khoan-thai như một con hổ, hắn tiến về phía cây bồ-đề, chui vào trong một cái điểm, lật những tờ chỉ-thị bằng chữ nôm ra đọc lẩm-nhẩm. Mắt hắn để ý ngay tới mấy hàng chữ như sau viết bằng bút long, đường nét khá rõ-rệt:

"Theo lệnh Tân-tĩnh, nha tôi loan-báo cho đồng-bào đều biết rằng bọn Tây-nô và lũ tay sai của chúng nó đương hoành-hành phá-phách khắp mọi nơi. Vậy đồng-bào phải tận-lực diệt-trừ quân địch. Người nào giết được một tên lính Pháp, lấy đầu đem về trình-nộp sẽ được thưởng năm quan tiền, bắt sống đem về giao cho nhà chức-trách sẽ được thưởng gấp đôi, còn giết hay bắt được những tên Việt-gian bán nước, sẽ được thưởng một quan tiền và sẽ được miễn sưu-thuế, tạp-dịch trong một thời-hạn là ba năm"

Đọc xong bảng thông-cáo của viên tri-huyện Quế-sơn, hắn mừng lắm, không kịp suy-nghĩ, vội-vàng quay gót để lên đường. Hắn về tới làng Ngô-cang, chạy một hơi vào trong xó bếp, gọi vợ hắn đương lúi-húi thổi lửa ra mà nói

một cách trịnh-trọng:

- Mẹ chúng nó phải ở nhà trông nom mấy đứa trẻ, tao đi xuống phố chiều mai mới về được.

Vợ hăn không hiểu cố-sự ra làm sao, liền chặn hăn lại mà hỏi tới-tấp:

-Ông đi làm việc gì ? sao không bảo thằng cu lớn nó đi theo cho có bạn ?

Hăn không muốn trả-lời, gạt vợ ra một bên và nói một cách dứt-khoát :

- Đàn bà, con nít biết đâu đến việc quan, việc nước mà hỏi cho thêm chuyện.

Hăn nhanh chóng cởi ngay chiếc áo dài, vút bừa-bãi trên chông tre, rồi luồn tay vớ lấy cái rửa quéo cán lụi thật dài và cái gương để trên bàn thờ rồi ra đi một cách âm-thầm, bí-mật.

Tới trạm Hương-an, chỗ giáp-giới với con đường thiên-lý, hăn dừng bước lại, nhìn khắp cảnh vật một hồi. Giờ lâu, thấy hai tên mục-đồng đương đùa giỡn với con sáo-nghe trên bãi cỏ, hăn thông-thả tiến lại gần để ướm hỏi:

-Tụi Pháp đạo này có lui tới xóm mình không rứa hai chú?

Tên chăn trâu trẻ tuổi có vẻ lanh-lợi hơn, liền đứng tách ra một bên lấy con roi mây chỉ về phía bên kia sông Rù-rì mà nói như người thông-thạo:

- Có lắm chú! một tốp lính Bắc-Phi quần rộng, băng đỏ, vừa mới nghỉ chân tại Trảng-chuối, hiện giờ họ còn phải vào đồn Hà-lam để thay phiên gác.

Nhiều lắm và dữ-tợn lắm đấy! liệu hồn mà bàn-tán!

Nghe nói như vậy, hăn liền nghĩ thầm trong bụng "mấy thằng ranh con này lại học thói rung cây nhát khí. Tổ mà khiếp-nhược trước mặt bọn Tây-nô thì chẳng bèn-mãng xuống đây làm gì! Ừ, được rồi! Chúng nó mới đi vào, lẽ tất-nhiên không sớm thì chầy cũng phải trở về đồn Bà-rén. Ta cứ nấn-ná ở lại mà chờ tại ngã ba này một hai bữa. Có chạy đàng trời mới lọt! Sắp đặt xong xuôi trong tâm-trí, hăn liền ngồi bệch trên bãi cát mà nhìn vợ-vẫn. Hai con mắt hăn trong giây lát lại bị thôi-miên bởi giòng sông Rù-rì đương chảy quanh-co như một sợi chỉ bạc. Có một lúc hăn chăm-chú lắng tai và bắt gặp những tiếng vó-câu từ phương xa đưa lại mỗi lúc mỗi rõ-rệt đều- đặn thêm lên. Tâm-thần nhất-thời bị giao-động, hăn đứng phắt dậy như một người vừa mới lên đồng. Nhìn một hồi lâu, hăn thấy một viên chỉ-huy Pháp đội chiếc mũ cối trắng, mặc bộ áo ka-ki vàng, tay cầm dây cương, chân mang giày ống, đương ngồi trên mình một con ngựa kim to lớn lặng-lẽ tiến về phía nam. Một chốc nữa, người khách lạ tiến tới dần dần, trông kỹ hơn hăn lấy làm ngạc-nhiên hết sức. Không ngừng, hăn chú-ý đến cái thân-hình to lớn, chòm râu coi nón màu huyền rất xinh đẹp, cặp mắt trong sáng màu thanh-thủy, nhất là cái diện-mạo khôi-ngô tuần-tú, thái-độ hiền-hậu khoan-thai của một người da trắng mà từ trước đến nay hăn chưa bao-giờ trông thấy. Phương chi theo sau chủ-nhân lại còn có một con chó ngao màu nâu to gấp đôi gấp ba lần những loài muông-cẩu tại Việt nam đương cầm đầu cầm cổ chạy thật nhanh. Trong huyết-quản của hăn, máu nóng chỉ chạy có một vòng rồi dừng lại, tức thời hăn cảm-thấy hồi-hộp, choáng-váng! nhưng hăn đã trấn-tĩnh mỗi cảm-xúc được ngay, mạnh-dạn đứng nép vào một cái bờ giậu rậm-rạp, hăn nhón chân lên giả-vờ ngoác những cành tre khô, khoèo một vài sợi mây nước. Viên chỉ-huy đồn Bà-rén cứ việc thông-dong cho ngựa

tiến tới không tỏ vẻ lo-ngại gì hết. Lộp-cộp, lộp-cộp. Tiếng vó câu nện trên đường đá sỏi vang dội vào tâm-cang của hần, gây nên một dư-âm là-lạ, vô cùng mạnh-mẽ. Liếc mắt nhìn trộm, hần thấy địch-thủ của mình đã tiến tới thật gần, chỉ còn cách trở không hơn một vài thước mộc, vừa tầm cái roi mà hần thường ngày đã dùng để biểu-diễn thảo-ngũ-môn cho bọn lính Đoàn-kiết ở trong xã. Hần quay phắt lại, rồi nhanh như một cái chớp, vừa loan-thể, vừa nắm chắc cái rửa quéo quật cho kẻ thù một vố thật đáo để làm cho con ngựa phải đứng trông lên kêu rống ầm-ĩ. Viên chỉ-huy Pháp chao mình ngã lăn xuống đất. Lúc bấy giờ sát-khí ở trong người hần đã hiện lên rõ-rệt trong thái-độ, trong mái tóc, trong làn da và nhất là trong cặp mắt điều-hâu vừa đỏ gay, vừa sắc bén. Chẳng nói chẳng rằng, hần liền xông tới và không để cho kẻ thù chồm-ngõm ngồi dậy, nhanh nhẹn hần rút thanh bửu-kiếm đeo sẵn bên hông, tặng cho kẻ thù một nhát xuyên qua cuống họng. Thấy máu từ cổ phun ra thành vòi, chảy lênh-láng trên bãi cỏ, hần phải nín thở đứng nhìn một hồi lâu, vẻ mặt hết sức lạnh-lùng, tàn-nhẫn. Rồi một khi sát-khí đã tiêu-tan dần dần, y hết như cơn gió nồm vừa mới thổi qua hiu-hắt trên bãi cát Liêu-trì ngoài Trảng-chuối, hần vội-vàng nhặt lấy cái thủ-cấp, bỏ vào trong chiếc bị-rết, chạy một hơi về Tân-tĩnh để xin vào yết-kiến quan tổng-đốc Nguyễn duy Hiệu.

Nhiều lần, hần đã thân-hành ra tỉnh cũ ở tại Vĩnh-diện để hầu án-tiết, hần không hề cảm-thấy ngợ-ngàng một chút nào hết. Lần này là lần đầu tiên hần mới bén-mãng tới đồn Trung-lộc, mới thấy Tân-tĩnh. Thành-trì, dinh-thự, quang-cảnh ở đây vẫn không có gì thay đổi. Không hiểu tại sao vừa mới bước vào tỉnh-đường, đứng nhìn tất cả những công-trình các bậc văn-thân đã xây-dựng để làm cơ-sở cho việc chiến-đấu giành lại độc-lập cho xứ-sở, gieo tấm lòng ái-quốc trong lòng người dân, tự-nhiên hần cảm thấy bùi-ngùi với một tấm lòng thành-kính không bờ bến. Mạnh dạn, hần tiến vào phòng giấy quan tổng-đốc mà không cần phải báo trước, yên trí rằng hần có tới đây cũng vì công việc chung của tổ-quốc chứ không phải vì quyền-lợi riêng của một người nào hết. Chưa qua ngưỡng-cửa hần đã nói lên oang oang:

- Quan lớn vừa mới ra lệnh bình Tây sát tả, tuân theo chỉ-thị của cấp trên tôi đã phục-kích, hạ-sát được viên chỉ-huy đồn Bà-rén, và cắt xong cái thủ-cấp, xin đem lên nộp quan lớn để cứu-xét.

Nói vừa dứt lời hần cúi xuống, lấy cái đầu lâu trong bị rết ra đặt ngay trên chõng hồ-sơ tử-tập của vị thủ-hiến. Tổng-đốc Nguyễn duy Hiệu mừng-rỡ không tả xiết, bèn gọi lính-tráng dọn một bữa tiệc rượu và đích-thân rót một cốc mai-quế-lộ mời hần. Xong rồi lại còn lấy mười quan tiền bỏ vào trong chiếc đĩa của hần mà vỗ-về, an-ủi. Hần không chịu nhận, lấy món tiền thưởng-lạo trở ra, giao cho vị thủ-hiến, nói mấy lời từ-chối:

- Tôi lên đây không phải vì danh-vọng, vì quyền-lợi cá-nhân, tôi giết Tây để trả-thù cho đất nước, tôi chỉ mong cùng quan lớn, ngồi đối-diện chân-thành nâng chén rượu-đào một lần nữa để chúc mừng cho nghĩa-đảng.

Hết chén này đến chén khác, uống một hơi cho tới khi mặt đỏ gay, hai chân bước đi chệnh-choáng, tuy vậy hần vẫn còn đủ trí sáng-suốt để nói mấy lời

cảm-tạ ân-cần. Cuối cùng tay xách bị rết, tay chống cái rựa quéo, hấn lùi-thủi ra về trước những tiếng hoan-hô của dân-chúng. Về tới chợ Đông-phú, thấy mọi chân, hấn vào tạm nghỉ trong một cái quán xiêu vẹo ở bên đường. Sau khi uống hết hai bát nước chè đặc như thuốc bắc, hấn mới chú-ý lắng nghe bọn lái buôn, kẻ đi xuôi, người đi ngược, bàn-tán về trận phục-kích vừa mới xảy ra ngày hôm qua. Bây giờ hấn mới thấy những hậu-quả tai-hại về cuộc thí-võ của mình. Chính trong khi hấn từ-giả trạm Hương-an để chạy về Tân-tĩnh báo công-trạng thì ở đằng sau hấn, con chó ngao màu nâu và con ngựa kim, hai con vật rất khôn ngoan và trung-thành, đã vội-vàng theo con đường củ quay trở về đồn Bà-rén để báo tin dữ. Tức thì bọn lính Á-rập kéo từng tốp đổ xô ra đi tìm khắp nơi. Một khi tới chặng ngã-ba nơi vừa mới xảy ra vụ phục-kích, thấy vết máu còn dính loang-lổ ở hai bên đường và biết đích-xác chủ-nhân đã bị sát-hại, chúng bèn chia súng vào trong thôn-xóm mà bắn phá tan-tành, làm cho nhiều người già trẻ phải bị chết. Hấn không tự-hào là một vị anh-hùng như nhiều người quá hâm-mộ muốn gán cho hấn, hấn cũng không có cảm-tưởng gì rõ-rệt về những hành-động của mình, nhưng một khi về đến nhà, sức nhớ đến những kẻ vô-tội vì rủi-ro phải bị tử-thương, hấn lại bùi-ngùi khôn xiết. May mà hôm qua hấn đã từ-chối tất cả những thứ ân-huệ mà các vị văn-thân đã thật tình muốn ban-thưởng. Tiền bạc hấn cũng không màng, phẩm-hàm hấn cũng không thiết. Nếu chẳng may hôm qua hấn đã theo danh-lợi, đã ham mỗi phú-quí, đã dự miếng đình-chung thì hấn phải ân-hận đến bao giờ mới hết!

Pháp tấn-tiêu đồn Trung-lộc.

Cái chết bất-ngờ của viên đồn-trưởng Bà-rén đã gây ra một phản-ứng rất mạnh trong hành ngũ người Pháp. Mặc dầu mùa đông chưa chấm-dứt, đường sá bị lầy lội nhiều nơi, có thể làm cho việc hành-quân bị cản trở, ban chỉ-huy ở Đà-nẵng cũng lo chuẩn-bị gấp rút cuộc tấn-công vào đồn Trung-lộc, sào-huyệt cuối cùng của Nghĩa-hội. Ngày mười tám tháng chín năm Bính-tuất, lính Á-rập, lính Lê-dương tụ-tập rất đông tại trạm Hương-an và theo con đường tỉnh-lộ tiến về huyện-lỵ Quế-sơn. Mục-đích của toán quân thứ nhất này là xuất-kỳ bất-ý đánh bọc hậu vào Tân-tĩnh để chặn con đường rút lui của văn-thân. Họ vừa mới qua khỏi khúc đèo Mộ-da thì nghe ở phía trước có tiếng la thất-thanh:

- Tây ló! Tây ló!

Viên chỉ-huy Pháp lấy ống dòm ra nhìn và thấy lính Tàu-ô đương bỏ căn-cứ của mình mà chạy tán-loạn vào trong thôn xóm. Toán quân Á-rập cứ việc tiến lên thật nhanh, càng tiến sâu chừng nào thì càng nghe dân-chúng bỏ trận-địa mà chạy hốt-hoảng.

Hai chữ "Tây ló" của người Tàu đã thành ra phổ-biến và cứ lan dần cho đến tận những nơi hang-cùng ngõ-hẻm. Trong lúc ấy, ở tại ngôi đình làng Phước-đức, tên lính Đoàn-kiết ngồi gác một mình ở ngoài sân, liếc mắt nhìn vào và

thấy chủ-súy của mình đương ngậm cái rọc tẩu mà kéo một hơi rất ngon lành, hai con mắt vẫn còn lim-dim như chưa thoát ra khỏi một cơn mộng-mị. Gần bàn đèn, một cô thôn-nữ có vẻ quê-mùa, đương ngồi phe-phẩy chiếc quạt giấy, chốc chốc lại cúi xuống lấy chiếc que sắt khêu sợi tim bắc trong đĩa dầu lạc. Nàng nhìn cảnh-vật với hai con mắt buồn-rầu miễn-cưỡng, một phần bức-tức vì cái nhiệm-vụ mới lạ của mình, một phần e-dè vì một tên lính Đoàn-kiết khác đang đứng khoanh tay nhìn trộm mình ở bên cạnh hàng lỗ bộ. Gian nhà đã bỏ phế từ lâu và gần đây mới dùng làm trụ-sở cho Nghĩa-hội bị chìm-đắm trong cái cảnh âm-u tĩnh-mịch. Nhân-vật thứ nhất nằm sóng-soài trên bộ phản ngựa là Trần Hách hay Quản Hách, lúc bấy giờ đương chỉ-huy mặt trận Quế-sơn. Vừa mới hôm qua, y thân-hành ra làng Hòa-mỹ, ở phía dưới truông Đàng Rắn để đốc-suất dân-chúng chặt tre thiết-lập một hàng chiến-lũy cho địa-hạt của mình. Thấy bọn lý-hương làm việc có hơi chểnh-mãng, y tuốt gươm ra, giết ngay tức-khắc một vài tên để thị-uy, rồi tụ-tập mọi người lại, một tay cầm chiếc thủ-cấp của một vị bộ lão, một tay lấy con roi ngựa chỉ vào khoảng rừng ở gần đấy mà dọa-dẫm om sòm:

- Tao để cho một bữa chiều này nữa tụi bay làm không xong thì cây trong làng này đều phải phứt ngọn đi hết.

Dân-chúng biết tiếng y từ lâu, đều tỏ vẻ sợ-hải và âm-thầm nhìn xuống dưới đất để tránh một cơn giông-tổ khủng-khiếp. Sáng bữa nay hẵn mới về tới tổng-hành-dinh, nhờ có mấy điều thuốc phiện do tên lính hầu-cận tiêm giúp, nhờ có những cái mơn trớn vỗ-về của người thôn-nữ vừa mới tuyển mộ, y cảm thấy khoan-khoái, rồi không biết từ lúc nào, y đã ngủ một giấc ngon lành. Trong khoảnh-khắc y đã nằm mơ thấy mình đứng xông-pha ở ngoài chiến-tuyến, dân-chúng khắp bốn phương nghe uy-danh đều thán-phục kéo về khép-nép đứng ở dưới thềm mà kêu nài, van lơn inh-ỏi:

- Trăm lay quan lớn, chúng con đã nạp đủ số tranh tre rồi, xin quan lớn rộng lòng tha-thứ cho chúng con được một lần sống sót.

Bị lay-chuyển bởi đám biểu-tình mỗi phút mỗi đông-đảo rầy-rà thêm lên, y tỉnh dậy và nghe ở bên ngoài có tiếng còi rú, tiếng chó sủa, tiếng ngựa hí rầm-rộ, y hết như trong một cơn hỏa-hoạn. Lặng tai hơn một chút nữa, y có thể phân-biệt rõ-ràng những tiếng kêu thất-thanh, sợ hãi của đoàn quân tiên-phong vừa rút lui, vừa muốn cảnh-báo cho dân-chúng: "Tây ló! Tây ló!" Hốt-hoảng, y chồm ngồm đứng dậy nhẩy một vọt dài từ bộ phản-ngựa cho ra tới ngoài hiên. Y cầm đầu mà chạy sống-sộc một hơi, chẳng may cái quần lại mắc vào then cửa, bị toát ra làm hai mảnh mà y không hề biết đến. Lúc bấy giờ y chỉ còn giữ ở trên thân mình một chiếc áo cộc để che đậy cơ thể. Vượt qua một cánh đồng tương-đối vắng-vẻ, y liền chui vào một căn nhà tranh nằm biệt-lập hẵn ngoài thôn xóm, đẩy nhẹ cánh cửa bằng tre và hỏi với một giọng rất quen thuộc:

- Chú Tư Xề có ở nhà hay không?

Chủ-nhân hiện đi vắng, chỉ có người vợ trẻ chạy ra tiếp-đãi niềm-nỡ và có ý giễu-cợt là-lời:

- Chú Tư ấy à, chú Tư còn phải đi tập họp anh em nhà nghề để tối nay làm

ăn một mẻ cho khá lớn. Bọn họ Dương ở làng Thăng-sơn đã giàu kết-sù mà lại còn biển-lận. Không đào vách chui vào rình cả tủ bạc về làm việc dân việc nước, cứ để cho bọn ấy chất mãi trong kho mà ngấm thì phỏng có ích lợi gì cho dân-chúng. Đứng nghe câu chuyện nhưng y cảm thấy hổ-thẹn vì không có quần để mặc. Người đàn bà tinh-ranh vẫn còn đứng mãi một chỗ và đưa hai con mắt dao cau ra nhìn một cách hết sức tình-tứ:

- Mà mình phải nhớ ủng-hộ cho chú Tư với nhé. Nếu không Nghĩa-hội sẽ bắt bớ và có khi họ chặt lấy thủ-cấp, vẽ thêm một vài sợi râu ria cho thành người Pháp rồi cho kẻ thân-tín mang qua Tân-tĩnh để lãnh tiền ủy-lạo, nghe nói mỗi cái đầu như vậy là năm quan tiền kềm hăn-hoi chứ đâu có phải là ít mà dám khinh-thương, coi rẻ.

Nói tới đây người đàn bà tinh-quái lại thay đổi nét mặt cho ra vẻ nghiêm-trang rồi rí vào tai để trình-bày một việc quan-trọng:

- Mấy đạo này bọn trộm cướp hoành-hành gắt-gao làm cho dân-chúng phải than-phiền. Vì vậy quan tổng-đốc Nguyễn duy Hiệu có ra chỉ-thị cho chính-quyền địa-phương nên thẳng tay đàn-áp. Lệnh đưa ra là "bất câu vi thủ vi tùng nhất luật ứng-hành trăm-quyết". Luật chi mà ghê-gớm vồn-vẹn chỉ có mười hai chữ mà làm cho thiên-hạ sồn tóc gáy hết. Mình có nghe biết đến không?

Y gật đầu lia-lịa nhưng vẫn không quên rằng bộ y-phục của mình chỉ còn có một phen nửa ở trên. Cuối cùng người đàn bà lẳng-lơ mới chịu đi vào trong buồng-khoa, lấy ra một chiếc quần lụa còn mới tinh, thẳng tay đưa cho y và nói một câu đầy ý-nghĩa:

- Tôi biết hết rồi, một là bị con mèo nào phổng tay trên rồi lại bị mấy tên giặc Pháp làm cho phải kinh-hồn khiếp-vía như mấy lần trước. Thôi tôi xin ông đừng có làm giặc nữa! con người như rứa mà lại miệng hùm gan sứa. Xấu hổ, bực-tức y cũng muốn trả lời ngay: không làm Nghĩa-hội thì tui bây lấy gì mà bỏ vào trong mồm! Nhưng y dặng lại được ngay mỗi cảm-xúc. Tức thì y chạy thẳng vào trong xó bếp, nhặt ra một thanh củi đã, bảo người đàn bà chanh-chua ấy gài ngay chiếc cửa hông cho thật kỹ, xong xuôi y đưa tay vớ lấy chiếu, đem giải vôi-vàng lên trên bộ phản gỗ mà nằm xuống một cách nặng-nề, uể-oải. Lanh lẹ người đàn bà tinh-quái ấy chạy đi tìm hai chiếc gối mây hình lăng-trụ, đặt hết một chiếc ở dưới đầu của y, còn chiếc kia thì giữ về phần mình, rồi hai người cứ nằm sóng-soài như vậy mà nói những chuyện tầm-phào. Đến xế chiều, người đàn-bà bảy phủ ấy mới được giải-thoát và y thông-dong từ bỏ căn nhà tranh tồi-tàn, hẻo-lánh để trở về trú-sở của mình. Tới nơi y mới được biết rõ tình-hình chiến-sự. Phòng-tuyển của y đã bị tan vỡ, nghĩa-binh của y đã tự ý phân-tán mỗi người mỗi nơi, quân Pháp đã vượt qua đèo Rập-cu để tiến về Tân-tĩnh. Buồn-rầu, mệt-mỏi, chán-nản, y liền ngồi bệt xuống vạt cỏ ở bên đường công-hương, lẳng-lẽ nhìn mấy vầng mây xanh thắm đương bay qua từ từ phía sau dãy núi Tào-sơn.

Trong khi ấy, một toán quân khác của người Pháp lại dùng ca-nô đi ngược giòng sông Thu-bồn để mở một gọng kìm thứ hai, chuẩn-bị tấn-công đồn Trung-lộc về mặt bắc. Tới địa-phận làng Quảng-đại, thuộc phủ Duy-xuyên,

quân Pháp thấy một chiếc thuyền không mui đậu lơ-lửng ở ngoài khơi. Viên chỉ-huy Pháp ra lệnh cho bộ-đội của mình tiến sát lại gần, tức-khắc từ trên bờ một tên lính Đoàn-kiết chồm-ngồm đứng dậy, lúi súi dây dứa buộc vào chiếc thuyền làm cho trái thủy-lôi ở bên trong nổ lên tung-tóe. Mấy chiếc giang-đỉnh của Pháp đi lướt qua thật nhanh, không bị hư hỏng gì hết. Từ đấy rút được kinh-nghiệm, mỗi lần gặp ghe thuyền qua lại ở trên sông, họ liền xả súng bắn đề-phòng làm cho bọn chài lưới phải bị chết oan khá nhiều, vì vậy dân-chúng phải bỏ nhà đi tản-cư. Trên con đường tiến vào miền sơn-cước, quân Pháp không gặp một sự cản-trở nào đáng kể. Rạng ngày mười chín tháng chín, họ đổ-bộ lên chợ Trung-phước rồi bắn phá dữ-dội. Vị chỉ-huy của nghĩa-binh là Đỗ đẳng Tuyển, người làng Ô-gia, cố-gắng chống cự một hồi, rồi phải rút về cánh đồng Trung-lộc và phi-báo cho hậu-phương biết. Tức thì tổng-đốc Nguyễn duy Hiệu triệu-tập ban tham-mưu Nghĩa-hội lại, bàn tính kế-hoạch để đối phó. Các vị tướng-lãnh còn đương bàn-tán với nhau hết sức sôi-nổi, chưa có thể quyết-định nên dốc toàn-lực vào cuộc chiến-đấu hay nên thôi-lui về một căn-cứ khác thì thành-linh từ bên ngoài một tên thám-tử xông-xộc chạy vào tỉnh-đường cho biết lính Pháp đã từ phía nam vượt qua khỏi đèo Rập-cu và hiện đương tiến cấp-tốc về Tân-tĩnh. Ban tham-mưu liền trèo lên vọng-lâu để quan-sát tình-hình và thấy bọn lính Pháp đương bỗng súng chạy lúp-xúp trong cánh-đồng, tiếng kèn giục quân của họ đã theo chiều gió bay về nghe rõ mồn một. Không còn nghi-ngờ gì nữa, tổng-đốc Nguyễn duy Hiệu trở vào hội-nghị và hỏi ý-kiến ban tham-mưu một lần cuối cùng. Tất cả mọi người đều quyết -nghị nên bỏ đồn Trung-lộc để rút lui về An-sơn, một căn-cứ đã lựa chọn từ trước ở hạt Quế-sơn. Còn một việc nữa là phải xử-trí như thế nào đối với một số chính-trị phạm còn bị giam-giữ trong nhà lao-xá Tân-tĩnh. Có người bàn nên phóng-thích để cho về nguyên-quán, có người lại bàn nên đem theo để tránh mọi sự lo-ngại về sau. Các vị lãnh-đạo Nghĩa-hội còn đương phân-vân thì tiếng súng từ phía nam phía bắc, tất cả hai mặt, đều đã vang lên dậy cả núi-rừng. Tình-thế đã trở nên vô-cùng khẩn-cấp. Lúc bấy giờ người ta không còn tâm-trí để suy-nghĩ nữa. Một vị tướng-lãnh là tú-tài Nguyễn đình Khiêm liền đứng dậy và nói một cách đồng-dạc:

- Nếu ta không giết hết bọn Việt-gian này, thả cho chúng nó về Vĩnh-diện, chúng nó sẽ cấu-kết với bọn Pháp và sẽ tìm cách trả-thù không bỏ sót một người nào hết.

Tất cả đều tán-thành ý-kiến ấy. Tức-khắc tổng-đốc Nguyễn duy Hiệu ra lệnh cho viên đề-lao phóng-hỏa đốt nhà lao, làm cho hai mươi vị thân-sĩ trong đó có đốc-học Huỳnh Ky, người làng Xuân-đài, Âm-sanh Phạm phú Đường, người làng Đông-bàn, tú-tài Nguyễn đình Bật, người làng Kỳ-lam và một số tù-phạm về kinh-tế phải bị chết thui trong hỏa-hoạn một cách vô cùng thê-thảm. Khi ngọn lửa Tồn vừa mới dập tắt, bọn lính Pháp đổ xô vào cứu Tân-tĩnh và chỉ còn thấy một đồng tro tàn. Tất cả dinh-thự, đồn-lũy đã bị cháy sạch cùng một thời với nhà lao-xá. Ban tham-mưu Nghĩa-hội và quân-đội của họ đã rút lui được hết. Đi lục-lọi, bước xới đồng tro tàn, bọn lính Ả-rập

tìm thấy hai chiếc thây đã cháy đen đương ôm choàng lấy nhau trong giờ hoạn-nạn, cũng như trong phút vĩnh-biệt. Nhìn kỹ thì mới biết đó là thi-hài của hai vị nhân-sĩ vô-tội, bị nghi-oan là có âm-mưu với giặc: cử-nhơn Huỳnh Kỳ và ẩm-sanh Phạm-phú Đường.

Ba ngày sau, đoàn quân viễn-chinh Pháp lại âm-thầm rút về vị-trí cũ tại Vĩnh-diện. Khắp tỉnh Quảng-nam, đâu đâu người ta cũng nghe tiếng chuông, tiếng mõ của những gia-đình đương làm lễ cầu-siêu cho những vị thân-hào bị chết trong vụ biến-cổ. Trên khắp các nẻo đường, người ta có thể chứng-kiến những cảnh-tượng vô-cùng cảm-động: một người đàn bà góa còn thanh-xuân, mặc tang-phục bế một đứa hài-nhi miệng còn mẳm sữa ra đứng ngoài cổng, hai con mắt đăm đăm trông về phía mặt trời lặn, mấy đứa con nít côi-cút mỗi chiều dắt tay nhau đi thơ-thẩn ở ngoài đồng như có ý tìm một vật gì vừa mới đánh mất.

Trận đồn Trung-lộc tức là Tân-tĩnh đã hạ màn.

Bọn "phường"

Ngày nay bọn "phường" không còn kéo nhau đi lang-thang trên khắp các nẻo đường ở thôn quê. Họ là những người ăn mày rất đặc-biệt, những kẻ giàu-sang, phúc-pháp, ranh-mảnh, khôn-ngoa. Bọn phường quý-phái, mỗi năm chỉ bén-mảng một hai lần về miền sơn-cước, rồi lại biến đi mất như loại thơm hàng niên hay như mấy cái bóng ma trong một màn kỳ-giở. Thuở trước tổ-tiên của họ còn nghèo-khó, phải ăn-mày ăn-mót, phải ngủ đình ngủ quán nhưng về sau, nhờ trời ngó lại, họ đã chịu-chắt từng đồng, từng hột gạo, đã lập-gia khi-nghiệp và nghiêm-nhiên trở thành những bậc phú-hữu. Vì vậy một vài ngày trước khi cúng quảy ông bà, họ lại mang bầu xách gậy đi khắp các miền thôn-quê hẻo-lánh để ăn xin cho lấy lệ và để kiếm một ít phẩm-vật về đặt lên trên hương-án. Những lúc khác, họ cũng đi làm đi lụng cực-nhọc, cũng ươm tơ dệt vải, trồng dâu nuôi tằm, cũng tạo nên tòa-ngang dãy-dọc, cũng có ruộng sâu ao cả, lúa vựa trâu bầy như đa-số dân-chúng ở trong thôn-dã.

Bọn phường "bình-dân" quanh năm suốt tháng vẫn thấy xuất-hiện trên các nẻo đường. Họ cũng sống về nghề hành-khất, cũng không có gia-cư nhất-định, nhưng lại không ăn-mặc bê-tha rách-rưới, không bao-giờ nhận những món bố-thí quá hèn-mọn như những bạn đồng-nghiệp khác.

Bọn phường không bao-giờ vào ăn xin những gia-đình nghèo-túng hay bén-mảng đến ngưỡng-cửa một vị quan-lại thanh-khiết, một vị khoa-bảng phước-đức, hiền-tử. Họ cũng có lòng vị-tha, có tính tự-trọng. Mỗi khi bước qua chiếc ngõ vôi của một ông nghè, ông cống, một cụ án, cụ tuần, họ không khỏi có những mối dằn-đo, suy-tính. Khi nào tới địa-đầu một làng xa-lạ, họ ngó trước ngó sau, tìm-tòi một vài đứa chăn-trâu để dò-la tin-tức, điều-tra cho thật kỹ-càng rồi mới chia nhau thành từng đoàn, kẻ phụ-trách gia-đình một ông cửu, một ông chánh, một ông phó; người đi vào gõ cửa

một ông lý, một ông hương. Cái gì làm cho họ phấn-khởi hay có thể kích-thích lòng khát-vọng của họ là cái tam-quan chói-lọi của một viên bá-hộ, một phần bị che lấp ở nơi xa bởi một chòm lá dừa sum-sê, bởi trăm ngàn chiếc bông bụt. Tức thì họ băng đồng vượt suối để tiến tới, chắc-chắn về kết-quả việc làm của mình. Thuở bây giờ, viên bá-hộ còn là ngôi sao sáng nhất, còn là vị cứu-tinh của nhiều người trong thôn làng. Cái biệt-thự của một viên bá-hộ, kiến-trúc theo lối xưa, là cả một cái thế-giới bao-la bên trong nhiều lớp tường vôi, tường đá, y hệt như thành-quách của một vị phiên-chúa. Lúc bình-thường, nơi đây người nông-dân có thể tìm thấy một cái công-trường rộng-rãi để làm việc cho thỏa-thuê và cuối ngày lãnh quan-tiền bát gạo về nuôi-nấng vợ con, xây-dựng hạnh-phúc cho gia-đình của mình. Lúc sa-cơ thất-thế, những năm mất mùa, hạn-hán, thiên-tai hoặc bị giặc-giã phá-phách, họ có thể tìm thấy nơi đây một cái kho-tàng, một cái vựa lúa phong-phú để vượt cho qua một cơn đói hiểm-nghèo. Các viên bá-hộ phần đông cũng là người hiền-hòa, tử-tế chứ không phải là gian-tham, hiểm-độc. Giữa các vị địa-chủ nắm gần hết quyền sở-hữu đất-đai ở trong một vùng, một hạt, châu tô, nộp thuế và những vị tá-điền, đến mùa gặt vác đòn xóc đi gánh lúa về cho chủ-nhân của mình, sắp thành từng hàng rất xinh-đẹp trên những bờ đê quanh-co, nhỏ-hẹp, bao-giờ cũng có một sự thông-cảm, một sự liên-hệ chắc-chẽ, nếu không phải là một tình-cảm chân-thành giữa những người đồng-loại. Vì vậy, mỗi khi nhà của một viên bá-hộ bị bọn trộm-cướp phá-phách, người ta chỉ cần thối một nhíp còi, gióng một hồi thanh-la, đánh một loạt trống, tức-khắc láng-giềng từ bốn hướng, không luận già trẻ, đàn ông hay đàn bà, đều kéo tới thật đông-đủ, rựa, gậy, giáo, mác nằm sẵn trên tay, liều chết mà cứu-hộ.

Bọn phường không bao giờ sống riêng-rẻ, cô-độc. Cái bản-năng quần-tụ của họ, nhờ huyết-thống, nhờ tập-tục, đã phát-triển tới cao độ. Dù là ngủ dưới gốc một cây si cổ-thụ trong mùa viêm-nhiệt, hay chen-chúc lẫn nhau trong một ngôi chùa hoang-phế vào tiết đông thiên lạnh-lẽo, họ vẫn luôn luôn đoàn-kết với nhau. Họ dắt bà dắt con, quây bầu quây thúng đi thành nhiều nhóm riêng-biệt, hẹn gặp nhau vào một chỗ nhất-định như tại cái giếng, cái điểm ở chỗ ngã ba, cây xoài cây cóc ở bên đường. Một khi tề-tụ đông-đủ, họ mới kéo xô nhau đi vào một nhà phú-hữu. Ở đây sẵn có ngôi nhà lẫm, sân gạch rộng-rãi, họ liền quăng bị gậy xuống và cứ ngồi lăm-lì không nói không rằng, y hệt như một đoàn xin xâu trước mặt một viên công-sứ. Mỗi khi trông thấy bọn phường kéo đến đông-đảo như vậy, khổ chủ lấy làm ái-ngại vô-cùng, tự coi như mình đương phải mắc một cái tai-vạ, một cái nghiệp-báo khó xử. Lúc bấy giờ có chi thì cho nấy, người ta phải lo nạy rương-xe, mở giường-hòm, phải xúc gạo, xúc thóc, lấy tiền lấy bạc ra phung-phí một hồi, chẳng khác chi tục lệ phát bánh phát trái cho cô-hồn sau lễ cúng âm-hồn. Nếu chẳng may trong đám gia-chủ có một người vô-ý tung ra một vài lời khiếm-nhã hoặc một cô tiểu-thư xinh-đẹp, lá-ngọc cành-vàng ở miền thôn-dã chạy ra trong giây-lát, ném vào cái bị một oảng xô, một đòn bánh rồi ngoay-ngoáy ra đi, họ cũng chỉ ngồi lăm-lì, chẳng nói chẳng

rằng, cho đến trưa-ngày tối-buổi. Họ tuyệt-nhiên không hề biết phản-đối. Họ chỉ theo một đường-lối duy-nhất là bất-bạo-động, cho đến khi đối-phương phải đầu-hàng và những bạn đồng-nghiep đã được thỏa-mãn một cách hoàn-toàn, chắc-chắn. Lúc bây-giờ họ mới bằng-lòng đứng dậy, rập-ràng, mau lẹ quay gót lên đường.

Bọn phường cũng có ký-ức bền-bỉ, phong-phú. Họ có thể nhớ rõ-ràng tất-cả những ngày kỵ, giỗ của từng gia-đình một, từ những làng hẻo-lánh ở trong miền sơn-cước cho đến những làng xa-xôi nhất ở trên miền duyên-hải. Bữa nay họ chuẩn-bị đi về những vùng Đại-áp, Đại-an thì ngày mai họ lại đi ngược về làng Nhoãn, làng Tí, làng Sé, làng Nhơn-trạch, làng Dùi-chiêng. Họ có thể nhớ rành-mạch tất-cả những chi-tiết, thấy lại một cách minh-bạch những lối ăn-nói, lối cư-xử của từng gia-đình, từng cá-nhân mà không cần phải có sổ tay để ghi-chép. Vì vậy gia-chủ không lấy làm lạ, khi vừa mới đặt mâm cỗ lên trên bàn thờ tổ-tiên, là bọn hành-khất đã kéo tới, đứng chật ở ngoài sân với bao nhiêu cặp mắt chứa đầy những sự bí-mật cũng như những điều khát-vọng.

Bọn "phường" cũng có chánh-quán và trú-quán như hầu-hết mọi người công-dân trong một nước. Mỗi khi có đám tuần, đám chay ở một thôn-xóm hẻo-lánh, họ mang bị gậy tới ăn-xin, gập chủ nhà chắt-vấn một cách nghiêm-trang:

- Anh ở đâu mà lên đây ?

Tức-khắc họ trả-lời vắn-tắt, cụt ngắn : Chúng tôi ở dưới Rù-rì, ở xóm Bù-toa. Ở trong chốn thâm-sơn cùng-cốc, không có ai biết đích-xác họ ở tại làng nào, ở xứ nào, nhưng tất-cả mọi người đều tin chắc-chắn rằng, cái làng bí-hiểm mà họ vừa mới xưng-hô lên vẫn có thể nằm trong một vùng này hay vùng khác.

Trong những năm chính-biến, từ Ất-dậu cho tới Bính-tuất, giặc-giã đương hoành-hành dữ-dội, bọn "phường" phải tạm nghỉ hoạt-động một thời-gian. Nhưng đến mùa xuân năm Đinh-hợi, tức là năm 1887, họ xuất-hiện trở lại, lần này phức-tạp, đông-đảo hơn. Họ kéo nhau lên trên nguồn, phân-tán đi nhiều ngả, nhà nào họ cũng vào, đình-chùa nào họ cũng ngủ, hang cùng ngõ hẻm nào họ cũng chui rúc, cơ-quan bí-mật nào họ cũng dòm cũng ngó, rầy-rà khó chịu như những loài bò-chét ở trong sa-mạc. Gặp ai qua đường họ cũng chặn lại để xin một miếng trà, thết một điệu thuốc, khơi-mào một vài câu chuyện. Thấy dân-chúng đương vun khoai, làm cỏ ở trong cánh đồng, họ lân-la chạy tới để làm quen, dừng lại để hát năm ba câu hò khoang, chêm vào một vài câu bông-đùa, dò dò hỏi hỏi lung tung. Có đôi khi rong-rủi khắp nơi, họ trèo lên tới núi Chóp-chài, núi Cao-ngạn ở hạt Thăng-bình để dò-xét những hầm đúc kim-khí, những xưởng chế đạn-dược. Họ đã khéo thay hình đổi dạng và đã khám-phá ra nhiều trại chứa vật-liệu, nhiều kho trữ lương-thực. Cũng có đôi khi họ theo con đường công-hương dựa theo chân núi, từ chợ Vinh-huy cho đến những làng Đức-an, làng Phụng-sơn để thăm viếng những tin-đồ công-giáo bị giam lỏng trong những ngôi nhà tranh thâm-thấp, bao-bọc bởi những bức tường trét bằng đất sét. Họ đem lại cho những bị

giam cầm một niềm an-ủi, một lời hứa-hẹn: "Chẳng bao lâu nữa, Nghĩa-hội sẽ bị thất-bại". Lính Đoàn-kiết thấy họ có vẻ khả-nghi, liền bắt lại để xét hỏi, sau khi bị tra-tấn, họ mới chịu khai ra sự thật. Họ đã lỡ đại bị bọn thám-tử mua-chuộc và tổ-chức lên vũng sơn-cước để điều-tra thực-lực của Nghĩa-hội. Họ đã nhận tiền của tên Hồ Pháp, một người không biết rõ từ phương nào mới đến, nhưng nghe nói là đặc-phái-viên của tiểu-phủ-sứ Nguyễn Thân ở Quảng-nam. Trước tình-thế ấy, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu phải lo phân-tán cơ-quan.

Họp mặt ngày chạp mả.

Bây giờ là cuối mùa đông. Tại ngôi nhà rường tám cột của ông Phó Thực ở về làng An-sơn, huyện Quế-sơn người ta vừa làm lễ chạp mả xong. Trời ở bên ngoài hơi rét, một vài luồng gió bắc từ miền núi thổi về làm cho mọi người run-rẩy, khó chịu. Ở bên trong mấy ngọn nến được thắp sáng soi chiếu mấy chiếc hương-án, mấy chiếc cổ-bồng chứa đầy những nải chuối mật-mốc chín đỏ au bên cạnh những chiếc độc-bình xưa cắm đầy những cành bông hòe, bông tường-vi và bông thược-dược. Phía bên ngoài bàn thờ tổ-tiên, năm bảy vị tân-khách đương ngồi xấp-bằng trên một chiếc phản ngựa gỗ, chung quanh một cái mâm đồng to lớn. Chủ-nhân không có mặt vì còn mãi lo tiếp khách ở các ngôi nhà khác trong khu vườn um-tùm, rộng-rãi. Hai vị lãnh-tụ Nghĩa-hội là phó-bảng Nguyễn duy Hiệu và cử-nhơn Phan bá Phiến ngồi đối-diện với nhau. Nhân-vật thứ ba là Ấm-sanh Nguyễn Thành phải vắng mặt, vì còn bận xây tổ uyên-ương với người con gái của tú-tài Cao hữu Chi ở trên bờ sông Trầu, thuộc về địa-phận làng Sơn-tây, cách tỉnh-lỵ mới chừng non hai cây số. Phía bên trong hai vị lãnh-tụ Nghĩa-hội là cử-nhơn Nguyễn lý Thăng, người làng Phú-nhuận, phủ Duy-xuyên, lúc bây giờ làm kiểm-lý miền hạ-du, thương-biện Phạm trọng Thăng, người phụ-trách về sở nhan-điền Phước-sơn, nhà thi-sĩ Huỳnh Qúi bị bắt vào mùa đông năm bính-tuất và bị giam lỏng bên cạnh ban tham-mưu; cuối cùng là cô Dương thị Út, người đàn bà góa duyên-dáng vừa mới ở Việt-an lên trong giây-lát. Mọi người đều vui-vẻ, tươi-cười như có một việc gì may-mắn sắp xảy đến. Ở giữa chiếc mâm thau đầy ngập những thức ăn như thịt gà, cá sông, cá đồng, canh khoai-năn, canh khoai tréo mây. Những chén cơm khá to sắp thành vòng tròn, chen lẫn với những đĩa xôi-vò, xôi đỏ, xôi trắng, những đĩa bánh nậm ngọt, nậm lạt, bánh in, bánh xà lam, bánh khỗ-khảo, bánh chĩnh, bánh bảy lửa rất thông-dụng ở miền sơn-cước. Những đĩa bánh-tét, gói với nếp hương-bầu xanh mướt và nhuyễn-bân. Cử-nhơn Phan bá Phiến ngồi cầm khách, dõ chiếc bánh tráng nướng úp ở trên những chồng đĩa cao đến mấy tầng, vừa bẻ ra từng miếng nhỏ, vừa mời mọc. Mỗi khi thức ăn trong một chồng đĩa đã hết, người ta phải dọn hết sang một bên, tiếp-tục tấn-công vào chồng thứ hai, gắp món chi thì phải dùng món nấy, không thể nào lựa chọn được. Chốc chốc cử-nhơn

Phan bá Phiến lại cầm bình rót thêm rượu để tiếp cho các vị quan-khách. Hơi men bốc lên, làm cho ai nấy cũng say ngà-ngà, mặt bắt-đầu biến-sắc, đỏ gay, rồi đỏ tía. Bấy giờ hăng lên, người ta mới bàn đến chuyện thời-sự, nào là chuyện nhân-dân tự-động mở những trận giặc mèo, giặc nôi, giặc giống làm cho địch phải bị tổn-thương, nào là chuyện heo sấm, voi sấm xuất hiện trong ban đêm ở nhan-điền Phước-sơn, phá-hoại hết mùa-màng. Có một vị quan-khách chất-vấn, hường-lô Nguyễn duy Hiệu phải ngừng chén rượu để giải-thích. Lính du-kích thường hay bắt mèo hoang lấy giẻ rách buộc vào sau đuôi, chích lửa thả cho chúng chạy vào trong đồn-lũy của đối-phương. Ở miền bể, họ lại đào lỗ ở dưới cát để ẩn-núp, rồi lấy một chiếc nôi rách dầy lên trên, nằm chờ-đợi như vậy nhiều ngày, nhịn đói nhịn khát cho đến khi nào tên lính Pháp đóng ở gần đấy, vô-tình bén mảng đến, họ liền đứng dậy, dùng mã-tấu để chém và cắt lấy thủ-cấp đem về nạp quan sở-tại mà lãnh thưởng. Còn voi sấm, heo sấm là những thứ ma hời, những con vật vô hình, mỗi ban đêm lại xuất-hiện, kêu rống ầm-ĩ, giậm nát lúa thóc ở ngoài đồng; khi lính Đoàn-kiệt kéo ra xem, thì lại không thấy tăm dạng ở đâu hết. Câu chuyện giặc-giã vừa chấm-dứt, quan-khách bắt đầu nói bông đùa một vài câu. Chủ nhà, sau khi sắp đặt bánh trái vào thúng mưng cho bọn đầy-tớ đi cần, đi biểu xong, bước lên đứng chống nạnh bên cạnh bàn tiệc, chỉ vào hai câu liễn-đối treo ở phía trước bàn thờ mà nói:

- Hai bức liễn giấy này mới mua về, còn nguyên-vẹn, xin quý ngài vui lòng giúp cho năm ba chữ cho được mỹ-mãn hơn.

Hường-lô Nguyễn duy Hiệu đề-nghị nên làm bằng chữ nôm, cử tọa đều tán-thành. Trên hai bức liễn-đối có vẽ những hình người với nét bút tao-nhã; ở bên trái là bốn người đàn bà, người thứ nhất mặc áo trắng, người thứ nhì mặc áo đen, người thứ ba cầm một chiếc lồng đèn, người thứ tư đang thổi ống sáo; ở bên mặt là bốn người đàn ông, người thứ nhất đứng bên cạnh một lạch nước, người thứ nhì bên cạnh một chóp núi, người thứ ba cầm một ngọn đuốc sáng, người thứ tư đương nhìn ánh bình-minh chói-lọi ở nơi chân trời.

Thương-biện Phạm trọng Thăng nhìn hai bức tranh một hồi lâu, rồi cất giọng ngâm lạnh-lãnh hai vế rất sát :

Ông đào sông, ông xây núi, ông tối lại, ông sáng ra, bàn-cổ thượng hoàng
đàng chi thuyết.

Mụ áo trắng, mụ áo đen, mụ lồng đèn, mụ ống thụt, ổng-bà trung danh hiệu
chi kỳ"

Mọi người vỗ tay tán-thưởng. Lúc bấy giờ có hai đứa cháu gái của gia-chủ là con Đũa và con Chén, một đứa mới lên năm, một đứa mới lên bốn, còn ở giống tông-ngồng, ở đâu ngoài sân mới chạy vào ngồi bệt ở trên thềm, quay mặt vào các vị quan-khách. Nhìn thấy vậy, ai nấy cũng túm-tím cười, nhất là khi trong bữa tiệc có sự hiện-diện của một vị phụ-nữ. Cử-nhơn Phan bá Phiến rung đùi một cách đắc-chí lắm và hỏi nhà thi-sĩ miền Chín-xã sông con

lúc này giờ còn bận ngồi nhậu-nhẹt âm-thăm ở ngay bên cạnh mình :
- Ông giỏi về thơ trào-phúng, ông thử làm một bài tức-cảnh, hể làm hay tôi sẽ thưởng cho ba quan tiền, hể làm dở tôi sẽ tặng cho một cái giầu quạt. Chẳng từ-chối một tí nào cả, tú-tài Huỳnh Qùi, đến cất giọng ngâm bốn câu tứ-tuyệt rất tinh-xảo, làm cho cô Dương thị Ut ngồi ở trong tận cùng phải thẹn đỏ cả mặt. Bài thơ "âm-hộ" ấy chỉ gồm vốn-vẹn có hai mươi bốn chữ như sau:

Chẳng vay ai, chẳng mượn ai,
Một đời luống những ăn khoai.
Đầu xuống, cuốn lên, miệng dục,
Ngồi cười, đứng ngậm, đi nhai.

Bữa tiệc chấm-dứt với vài cuộc giải-trí thông thường như một ván cờ, một ván bung-vung, một sòng xì-lác.

Thanh-lọc hậu-phương

Ngày dời tỉnh-ly đến An-sơn được non ba tháng, vào một buổi tối, hường-lô Nguyễn duy Hiệu đòi các lý-hương đến để phân-phối công việc. Các lý-hương những vùng lân-cận đều có mặt, ngoại-trừ lý-trưởng làng An-tây là Đặng Nhạn, tục gọi là xã Nhạn khiếm-diện. Lính hương-dống ở địa-phương đến gọi một lần nữa. Lúc bấy giờ xã Nhạn còn say lèm-nhèm, nằm bắt chân chữ ngũ trên bộ phản ngựa, tay gát lên trán, có vẻ mệt-mỏi lắm. Người lính hương-dống mới bước vào ngưỡng-cửa nói với vợ vào, ra ý trách-móc:

- Cụ hường đòi gấp, so anh không chịu ra hầu.

Bị chất-vấn, lại sẵn hơi men xông lên làm rối loạn cả tâm-trí, xã Nhạn trả-lời một cách cau-có:

- Bồng quít cũng chẳng làm chi nữa là hường.

Tên lính hương-dống chạy về bẩm-báo với ban chỉ-huy Nghĩa-hội, thuê dẹt thêm một vài đường chỉ, một vài mũi kim, mọi người đều công-phần. Tức-khắc người ta bắt xã Nhạn dẫn ra hội-đồng để xét hỏi. Trước mặt bá-quan, hăn chỉ biết làm thinh vì lúc bấy giờ thật sự hăn không ý-thức được những điều vừa mới làm. Người ta truy cho hăn hai cái tội khi-quân và phạm-thượng. Theo lời đề-nghị của viên quản Hách, hăn bị dẫn ngay ra pháp-trường và bị chém một nhát đứt đầu ở dưới gốc một cây si cổ-thụ, trên bờ sông Trầu, thuộc địa-phận làng An-cường, huyện Quế-sơn.

Sau khi bị giết, xã Nhạn vẫn còn lai-vãng nơi tỉnh-ly, ý hăn để tìm cách báo-thù ban tham-mưu Nghĩa-hội. Ban đêm, oan hồn lại một mình đi lừng-lừng từ chỗ hành-thích về tới quê nhà, dạo quanh dạo quất một hồi khắp nơi rồi mới chịu biến mất. Suốt năm mười năm về sau, cái oan-hồn ấy vẫn thấy hiện lên như thế, có thể-xác, có áo quần hăn-hoi, nhưng lại thiếu cái đầu, làm cho dân-chúng hai bên con đường công-hương phải khiếp-sợ, mỗi buổi

tối phải đóng gài cửa ngõ thật chặt, tuyệt-nhiên không dám bén-mảng ra ngoài.

Thi-hành cái án xã Nhạn xong, đầu tháng giêng năm đinh-hợi, ban tham-mưu Nghĩa-hội lại triệu-tập tất-cả tín-đồ công-giáo về làng Bình-kiều. Bình-kiều là một cái làng thưa-thớt, quê-mùa, nằm trên nguồn sông Thu-bồn, ngay tại chỗ ba con sông hiệp lại thành một: con sông Tiên chảy qua hạt Tiên-phước, con sông Tranh chảy qua vạn Trà-mỹ và con sông Trường phát-xuất từ vạn Phước-sơn. Cảnh vật vùng này hoang-vu nhưng không kém phần tao-nhã. Giữa một cái lòng chảo dài tám-tấp là con sông Thu-bồn vừa mới khai-sinh, còn rụt-rè e-lệ, nhưng giòng nước đã bắt-đầu hung-hăng, nóng-nảy, cứ theo chiều xuôi mà chảy cuồn-cuộn, len-lỏi thật nhanh, quanh-co, uốn-lượn giữa những tảng đá mọc lờm-chớm, nơi nghỉ chân tạm-thời của những giống chim cô-độc. Hai bên bờ sông, những doi đất thoai-thoải trải dài uốn-lượn, đó đây lác đác mọc lên vài làng-mạc hiu-quạnh. Xa hơn nữa, những dãy núi trùng-trùng điệp-điệp nối nhau về những chân trời mới lạ với những làng Mọi cao thâm-u, bí-hiếm, xa lắc xa lơ. Trong khung cảnh thiên nhiên huyền-hoặc ấy, ban tham-mưu Nghĩa-hội mới thiết-lập một cái pháp-trường. Từ mừng tưng sáng, bọn lính Đoàn-kiết đã dẫn tới đây hàng trăm tín-đồ công-giáo bị nhốt từ lâu trong những căn nhà đất thiết-lập khắp nơi và trong trại cải-hóa tại vùng Thảo-huy, Thảo-đế. Những người bị an-trí có vẻ mặt xanh-xao, cặp mắt lơ đờ, thân hình ốm-o, tiều-tụy, một phần vì sợ hãi, một phần vì phải thao-thức nhiều đêm, phải chịu-đựng nhiều gian-lao, khổ-cực. Bây giờ họ phải bị trói với những sợi dây dừa thật chắc, phải phân ra làm nhiều toán, mỗi toán là mười hai người, phải ra đứng chờ chực số-phận của mình bên cạnh những cái lỗ sâu đã khai sẵn. Chung quanh pháp-trường, các vị chức-sắc trong làng đã có mặt; các tên lính hương-dống, lính đoàn-kiết cầm giáo mác đứng giữ trật-tự và dân-chúng tò-mò, kéo tới xem thật đông-đào. Ban hành-thích gồm có một viên lãnh-binh và nhiều người giúp việc. Họ cứ di-chuyển một cách khoan-thai, đều-đặn, hết chỗ này đến chỗ khác. Hai tên lính đoàn-kiết đi theo sau, mang một sợi dây dừa khá to lớn buộc vào nhiều cái thánh-giá bằng gỗ. Mỗi khi đi đến một cái huyết sâu, viên lãnh-binh, bận áo triều-phục, lại dừng bước nói vài ba câu giải-thích ngăn-ngủi, trong khi hai tên lính phụ-tòng cứ lo việc đóng cọc tre, móc dây và căng thập-ác. Dụng-cụ đã bày ra sẵn-sàng, viên lãnh-binh ra dấu cho mấy tên con chiên phải tiến tới và phải bước ngang qua những hình chữ-thập. Có người nhanh-nhẹn vâng-lời, được lính đoàn-kiết khen giỏi, dân-chúng vỗ tay hoan-nghenh và cho đứng riêng sang một bên. Có người lại trù-trừ, ngó tới ngó lui quanh-quẩn và sau một thời-gian khá lâu, bị thôi-miên bởi cảnh vật, bởi trăm ngàn con mắt khích-lệ của dân chúng, mới chịu chuyển mình bước qua một cách nặng-nề, miễn-cưỡng. Một lần nữa, khán giả ở bên ngoài lại reo vang ầm-ĩ. Một số lớn tín-đồ không chịu bước qua cây thập-giá, chỉ đứng chắp hai tay lại lâm-râm đọc kinh. Bị thôi-thức gì đi nữa, họ cũng không hề nao-núng, hai con mắt hơi nhắm lại hướng về những vầng mây ngũ-sắc đương bay nhẹ-nhàng trên hòn Kẽm. Những người can-trường

đó đều bị xô đẩy xuống dưới huyết sâu và bị lấp đất ngay tức-khắc. Hàng trăm, hàng ngàn người trung-thành với Chúa, muốn nêu gương tốt cho những người đồng-đạo, đã tuân-tiết một cách hết-sức thê-thảm. Tiếng rên-rỉ, tiếng gào khóc, tiếng nguyên-rủa chen lẫn với nhau, mỗi lúc lại nổi lên inh-ỏi, làm chấn-động cả một khu rừng tĩnh-mịch từ trước đến nay. Sau khi số-phận người công-giáo cuối cùng được quyết-định, những người còn sống bị lính đoàn-kiết áp-tải xuống những chiếc thuyền đậu sẵn ở bên bờ sông và chở về nhiều nơi bí-mật, không biết rõ phương-hướng nào. Từ đây về sau, dân-chúng làng Bình-kiều vẫn gọi pháp-trường ấy là Gò Đạo, để tưởng-nhớ những thiện-nam tín-nữ đã vì Chúa quên mình, đã tự-nguyện hy-sinh vì tín-ngưỡng. Ngày nay khách thập-phương khi có dịp hiếm-hoi đi ngang qua Gò Đạo, vẫn còn thấy những năm-mồ hoang năm lúp-xúp trong lau-lách, dấu vết của một thời tranh-chấp xa-xưa giữa lương và giáo, bất-giác họ không khỏi cảm-thấy đau lòng.

Tổ-chức tấn-công quân Pháp

Một khi đã tảo-thanh xong hậu-phương, ổn-định xong nội-bộ, ban tham-mưu Nghĩa-hội phải nghĩ đến việc tổng-phản-công. Vào thượng-tuần tháng hai năm đinh-hợi, thương-biện Phạm trọng Thắng, người phụ trách khu Nhàn-diền Phước-sơn được triệu-tập về mở kho tiền ở làng An-tây, nằm ngay bên cạnh đồng ruộng Hóp, chỗ khe Kiểm và con sông Trầu gặp nhau, để chi-tiêu về việc chiến-tranh. Lính Mọi vừa mới tuyển-dụng trong những vùng Trà-my, Bến-hiền, An-diêm và gần hơn, trong những làng Cĩng-vang, Bà-Xá, Cà-doạt, Tí, Sé kéo về tụ-tập tại ngôi đình làng An-tây, đông như một bầy ong đương nghỉ kiến. Mỗi người được phát năm tiền kẽm và được thết-đãi linh-đình với thịt trâu, thịt bò nấu xáo, cá-mòi dầu, cá mòi ranh xắc ra từng khúc nhỏ ăn sống. Sau mỗi bữa tiệc, lính mọi bôi những chất dầu, chất mỡ lên trên mái tóc rồi nhảy múa một cách hoan-hỉ. Một buổi sớm chúng lên đường làm quân tiên-phong, nghĩa-binh lục-tục theo sau.

Vừa tới Trảng-Chuôi, cách đồn Hà-lam chừng non hai cây số, quân tiên-phong gặp một toán quân Á-rập đương cắm trại ở giữa bưng-biền. Lính Pháp nổ súng trước, làm cho lính thượng-du hoảng-sợ phải bỏ chiến-trường rút lui một cách hỗn-loạn, vừa tẩu-thoát vừa hô thật to: "Mẹ chạy! Mẹ chạy!". Ban chỉ-huy Nghĩa-binh vừa mới đến nơi, nghe thấy như vậy, cũng phân-tán mà đi trở về, không giao-chiến. Cuộc tấn-công vào đồn Hà-lam đã thất-bại.

Tuy vậy, mấy ngày sau, dân-chúng ở những vùng thôn-quê hẻo-lánh tưởng trận đánh còn kéo dài, lại hăm-hở mài gươm giũa vuốt ở dưới ánh trăng, rồi vũ-trang với những khí-giới hết sức thô-sơ, một cái ống thụt bằng tre lồ-ồ chứa đầy ớt chuột, ớt chỉ-thiên, mũ xương rồng hòa với nước lạnh, họ vội-và lên đường để tiếp-chiến trong khi gà rừng trên đầu non vừa gáy sáng. Thấy họ cầm vũ-khí ở trên tay, đám tàn quân chặn lại hỏi:

- Các anh đi đâu đấy ?

Họ trả lời với một giọng đầy cương-quyết :

- Đi đánh bọn Tây-phương.

Họ hy-vọng sẽ xông vào trong trận-địa, sẽ bắn cho quân-thù phải diếc tai, mờ mắt. Nhiên-hậu họ sẽ lấy dao rạch bụng, lấy gươm chặt đầu, sẽ giết cho hết những giống sài-lang rồi mới chui trở về ẩn-náu dưới lũy tre xanh mà cày sâu cuốc bẫm. Họ vừa mới đến nơi thì cuộc giao-tranh đã bế-mạc.

Tên Trần Xiu, người làng Hóa-quê, huyện Quế-sơn cũng dự trận ấy. Hắn cũng theo bọn lính thượng-du để rút lui về hậu-phương và thời may, qua khỏi cầu ông Triệu, hắn nhặt được một cái thủ-cấp còn nguyên vẹn. Hắn lấy một sợi mây bên đường xâu vào đầu-lâu thật chắc, rồi mang đi tòng-tôn y hệt như cái đầu heo vừa mới tậu ở trong một tiệm bày-đáp. Hắn về tới chợ Việt-an, vào trong một cái quán tranh ngồi nghỉ một giây lát. Một chốc sau, một bọn lính đoàn-kiết từ phương xa đi tới cũng dừng chân lại để uống nước chè và ăn sáng. Hắn nhìn kỹ thấy họ khiêng những cái giỏ tre thật to lớn, có chứa những cái thủ-cấp y hệt như cái thủ-cấp hắn còn nắm chặt ở trên tay. Hắn tiến lại gần và bắt đầu tiếp chuyện:

- Các anh lấy ở đâu mà được nhiều như thế?

Bọn lính đoàn-kiết giơ chân khoèo tẩm bao tời lót ở bên trong chiếc giỏ cho bày những cái đầu người ra, cái thì trợn mắt, nhả răng, cái thì nhắm lại im thiêm-thiếp như vừa mới bị thô-miên, rồi ngó hắn mà trả-lời :

- Các phủ huyện đem về nạp ông hội, ông hội lại bảo khiêng lên nộp tỉnh, nạp ông Hường, còn ở đâu mà có thì tui tôi không biết được.

Hắn muốn hỏi thêm về lại-lich, chức-tước ông Hội mà hắn mới nghe lần đầu, nhưng lại thôi ngay. Hắn nghĩ thầm trong bụng : "có lẽ đây là ông án Hồ Phan bá Phiến, nhân-vật thứ hai trong Nghĩa-hội, hiện đương đồn-trú tại Phú-lâm, ở về huyện Tiên-phước. Ông Hường coi về miền bắc, từ Việt-an trở ra, còn ông Hội từ Việt-an trở vào nam. Hắn thầm nghĩ rằng ở địa-phương người ta chặt đầu bọn trộm-cướp và những người dân vì sợ hải phải theo Pháp để đem về tỉnh-lý mà lãnh thưởng. Những ý-nghĩ ấy đem lại được một chút yên-tâm, hắn lặng-lẽ ra đi. Khi về đến chợ Phú-bình, hắn ghé vào thăm một người quen và nói một câu rất thân-mật:

- Tôi biết anh vẽ khéo lắm, nhờ anh sửa giùm cái đầu lâu này cho tôi một tí.

Người họa-sĩ hỏi:

- Chú muốn làm cho ra Tây đen hay Tây trắng.

Không ngần-ngại, hắn trả-lời dứt-khoát:

- Tây chi cũng được miễn là chiều nay tôi đem vào tỉnh-lý, nhận cho được năm quan tiền, tôi sẽ chia cho anh bớt phân nửa.

Ngồi chờ một hồi lâu, khi mặt trời đã tắt hẳn sau hòn ông Bộn, chim-chóc đã về hết trên rừng, hắn mới từ-giả ngôi nhà tranh xiêu-veo, xách chiếc thủ-cấp đã biến-dạng, ra đi âm-thầm trong bóng tối. Gặp một vài người quen biết, hắn dừng lại, nói bông đùa một vài câu cho khỏi mệt, rồi làm ra vẻ thận-trọng, hắn căn-dặn: Ngày mai anh nhớ sang bên nhà tôi có việc, chúng ta sẽ đánh chén một bữa.

Niềm vui của hắn cũng có thời-hạn. Rạng ngày mai, hắn vào châu-chực tại

tình-ly để lãnh phần-thưởng thì lại không gặp nhân-viên tại nhiệm-sở. Một tên lính đoàn-kiết có vẻ thông-thạo, thấy hăn cứ lui lui tới tới ngoài hiên, liền chạy tới, nhìn kỹ một chặp rồi nói với một giọng mỉa-mai :

- Vẻ râu ria như thế này thì lộ mất, đối ai được!

Không bằng lòng với nhận-xét ấy, hăn cầu-nhàu trả-lời:

- Mấy dạo trước tôi thấy người ta lấy bồ hóng bôi nhem-nhuốc sơ-sài ở trên môi, trên cằm mà vẫn có năm quan tiền thưởng, sao bây giờ anh lại muốn làm khó dễ với tôi như thế ?.

Nghe hăn kỳ-kẻo, tên lính đoàn-kiết cũng bật cười cúi xuống nói nhỏ với hăn, vì lúc ấy có người vừa đi ngang qua :

- Anh đại lắm, muốn làm thế nào cũng được, nhưng phải có tay trong tay ngoài. Việc này mà lộ ra thì anh sẽ chết! phải liệu chừng đấy.

Hăn không chịu thua, cứ đứng chờ cho tới trưa ngày tối buổi mà vẫn không được lợi-ích gì hết.

Bữa ấy ở tỉnh-ly, người ta còn mắc lo đối-phó với những cuộc tảo-thanh của địch sau vụ tấn-công hụp vào đồn Hà-lam. Lính Pháp kéo vào đóng tại vạn Tam-kỳ rồi từ căn-cứ đã thiết-lập tại Hà-lam, họ mở một cuộc hành-binh rộng lớn trong hai hạt Thăng-bình và Quế-sơn. Bắt dân-chúng đi trước để làm bình-phong, quân Pháp từ từ tiến theo sau. Tới đâu họ cũng bắn phá tan-tành, tàn-sát đồng-bào, hãm-hiếp đàn-bà con gái. Bọn lưu-manh, bọn du-thủ du-thực ở các chợ búa đi theo làm tiên-phong lại thừa-cơ cướp-bóc, vơ-vét tài-sản của những kẻ giàu-có, họ khuân cả cái chày, cái cối làm cho dân-chúng miền sơn-cước phải một phen khốn-đốn. Mỗi lần có làn sóng của lính Bắc-phi, lính lê-dương tràn qua như vậy thì tất cả vàng ngọc châu báu ở miền núi lại theo thủy-triều mà rút về miền duyên-hải. Dân-chúng ta-thán không thể nào mà tả xiếc.

Sau một vài lần càn quét để thăm dò đường sá và thử-thách lực-lượng của đối-phương, vào hạ-tuần tháng hai năm đinh-hợi, lính Pháp mới lên chiếm chợ Việt-an, một đầu mối giao-thông quan-trọng của những con đường tỉnh-lộ đi về những hạt Quế-sơn, Thăng-bình, Tiên-phước.

Họ tới đóng tại ngôi nhà gạch của bà Năm, ở bên kia cầu bà Quốc, cách chợ Việt-an chừng hai cây số về phía nam. Lúc trước ngôi nhà này nằm ở trên bờ sông Trầu, mặt trước ngó ra đồng-bằng, mặt sau dựa vào sườn núi, đã từng được dùng làm trú-sở cho nghĩa-quân của tán-tướng Nguyễn Duật, vị tướng-lãnh bị thất trận và chết tại Quảng-ngãi. Ngôi nhà này phải bị bỏ trống một thời-gian. Bây giờ, lính Pháp lo chỉnh-đốn, tu-bổ lại cho kiên-cố hơn, khoét hông, đục tường để biến đổi nó thành ra một cái pháo-đài vững-chắc. Từ những lỗ châu-mai vừa mới tạo ra, người Pháp cho đặt nhiều khẩu súng trường, súng đại-bác, hòng súng chia ra phía ngoài, y hệt những sợi lông ở trên thân mình một con nhím. Chung quanh ngôi vườn um-tùm, rộng rãi, họ còn đắp nhiều ụ đất, thiết-lập nhiều lô-cốt để phòng-bị khi bị tấn-công bất-ngờ.

Ở ngay bên cạnh nhà bà Năm, có một cái lò rèn bằng tranh xây-dựng từ lâu. Người thợ cả vừa mới tàn-cư lên có mấy ngày lại bị thổ-tả mà chết. Ban

tham-mưu Nghĩa-hội bèn lợi-dụng cơ-hội hiểm-hoi này để mở một cuộc tấn-công qui-mô nhằm tiêu-diệt cứ-điểm này của địch.

Bây giờ là ngày mười chín tháng ba năm đinh-hợi. Khi gia-đình khổ-chủ đương làm lễ xuất-quan thì bất-thình-linh ngôi nhà tranh có xây lò-rèn lại phát hỏa. Khi dấu-hiệu của ngọn lửa nổi lên cao, tiếng trống-chầu được gióng lên inh-ỏi, trong khoảnh-khắc, từ trong núi, từ làng Hội-tường, làng Phú-cốc, từ chợ Việt-an, Nghĩa-binh đông tới năm sáu ngàn người ồ-ạt xông tới để công-hãm đồn trại. Một toán quân cảm-tử, ẩn núp từ trước trong những bụi rậm, đã vượt qua sông Trầu ở phía trên cầu bà Quắc, tiến tới sát những hào-lũy của bên địch. Theo sau họ, các đoàn chủ-lực của Nghĩa-binh cũng vừa kéo đến và sẵn-sàng tiếp-chiến. Bọn Pháp phản-ứng lại tức-khắc và núp ở trong nhà, bắn đạn ra không ngớt. Toán quân xung-phong thứ nhất, vừa mới phá được rào-giậu, tiến vào trong ngôi vườn chừng năm ba thước tây thì đã bị một làn đạn bắn ra như mưa, càn-quét hết tất cả. Tiếng hô xung-phong lại vang dậy khắp nơi. Một toán giã-binh thứ hai hăm-hở tiến lên, nhưng cũng bị tiêu-diệt nốt. Toán thứ ba, thứ tư cũng phải lâm vào một hoàn-cảnh tương-tự. Ở các mặt khác, nghĩa-binh cũng cố-gắng vượt qua rào lũy, nhưng đều bị bọn Pháp bắn chết quá nhiều, phải tháo lui. Bao nhiêu sự kiên-trì, dũng-cảm, bao nhiêu sự hy-sinh đều không đem lại kết-quả. Bọn lính Bắc-Phi vẫn nấp yên-ổn ở bên trong thành-lũy, tiếp-tục bắn ra như mưa. Sau ba giờ kịch-chiến, nghĩa-binh đã bị tổn-thất quá nặng-nề, hàng trăm tử-thi la-liệt ở trên mặt đất, hàng ngàn người bị thương còn nằm kêu gào trong những khóm vườn, trong hào-lũy. Biết tình-thế không có thể cứu-vãn được nữa, tán-tướng Nguyễn Thanh, vị chỉ-huy mặt-trận này phải ra lệnh thối binh. Mãi tới xế chiều ngày ấy cuộc chiến-tranh mới chấm-dứt hẳn. Đây là trận đánh lớn nhất và chuẩn-bị công-phu nhất từ khi Nghĩa-hội mới thành-lập. Thất-bại đau-đớn này không khỏi gieo một sự hoang-mang rất lớn ở trong dân-chúng. Để trấn-tĩnh nhân-tâm, một tuần lễ-bái về sau, trong lúc ban đêm, ban tham-mưu Nghĩa-hội lại kéo ngay đến bãi chiến-trường, lập đàn ở trên bờ sông Trầu mà làm lễ cầu-siêu cho những tử-sĩ.

Người ta còn tương-truyền rằng trong khi một vị văn-thân đứng lên đọc bài văn-tế sau này của cử-nhơn Phạm đạo Mẫn, người ở làng An-tráng, phủ Thăng-bình, thì ở hai bên bờ sông, ở trên sườn núi, ở trong cánh đồng vắng-vắng lại có tiếng ma kêu quỷ khóc làm cho ai nấy cũng phải khiếp sợ.

Hỡi ôi !

Gan vàng, phận bạc, bao phen người trung-nghĩa đoàn-tu;

Bể thẳm, non xanh mấy độ cuộc tuần-hoàn thay đổi.

Nhớ linh xưa :

Gặp thuở Bình-tây;

Ghét loài phản-bội.

Dân thì thúc làm đoàn, làm đồng, noi gương Nghĩa-đảng, cũng muốn cho bia-miếu muôn đời.

Lính thì vào hàng đội, hàng cơ, giữ dạ Cần-vương, họa may gặp rồng mây

một hội.

Người cất viết, theo hàng nhung-sĩ, chốn trung-thần còn để sự hồ-vi;
Kẻ rút gươm, ra chốn chiến-trường, thi hành khách cũng liều da ngựa gói.
Giản quân-chánh đều bốn mươi lẻ bảy, ai thấy tai nghe dạ nghĩ, một lệnh
sương nghiêm.

Đính tiêu-kỳ ngày mồng chín tháng ba, hàng bày trống dục, cờ rung, ba
quân rao chói.

Sĩ tốt thể mà oai-thanh lại thể, chắc đăng thư Trà, thư Phú, khi có xuôi cũng
thâu đăng thành La.

Chông gai chi mà hào-luỹ làm chi, kể đâu nhà phước, nhà chung, tưởng phá
nát chưa dứt hơi ông vọi.

Hỡi ôi !

Nào hay đâu thiên-ý còn chờ;

Cho nên nỗi nhơn-mưu chưa toại.

Kẻ chắc lập công trận thượng, liều mình bước tới, ngọn gió đưa phong-tiết
thêm cao;

Người lo giữ việc quân tiền, chặt giậu xông vào, tiếng pháo nổ trung-trinh
càng dội.

Hỡi ôi !

Hồn trung-liệt biết đâu minh-mịch, mịt-mờ trận gió thổi khắp Sơn-chà;

Ngọn hỏa-quang soi tận trùng-dương, phưởng-phất làn mây bay về Gò-nổi.

Tiếc là tiếc lòng-đinh dạ-sắt, vì nặng với ân thủy-thổ, hơn nửa giờ mà ngàn
thưở từ đây.

Thương là thương mật-nghĩa cang-trung, lại mang lấy kiếp phong-trần, thiếu
bao kẻ nên một mình khôn đổi.

Đau đớn bấy mẹ già còn tưởng trẻ, chữ du-lai đăng đó lẽ nào khuây;

Não nùng thay vợ yếu luống trông chồng,

Câu thùy-thích nghĩ ra càng thêm tủi.

Biết lấy chi chấn-ủy những người;

Phải dùng lễ đạu nông theo thói.

Một diên phổ-tế, khuyên mời kẻ dưới người trên;

Ba vạn quốc-âm, thấu nhẽ cây ngàn cỏ-nội.

Có thiêng thì về cố-thổ để xuân-tự, thu-thường, ngỏ dài hương-hỏa trăm
năm;

Có thiêng thì về giúp bốn triều cho Tây tán Tả tiêu, thâu lại giang-sơn một
mối.

Hỡi ôi!

Thấu chẳng chín suối.

Một giấc chiêm-bao.

Bí-mật di-chuyển qua làng An-lâm về hạt Thăng-bình, Hường-lô Nguyễn duy
Hiệu lưu-trú tại nhà tên Nguyễn Quới ở trên bờ sông Tiên-giang. Cử-nhơn
Phan bá Phiến tức Ân Hồ trước sau vẫn đóng tại đồn Phú-lâm, phải trở về

nhiệm-sở để kiểm-soát miền Tam-kỳ và Tiên-phước. Mỗi khi có việc binh-nhung cần kíp, phải bàn-bạc với toàn thể các tướng-lãnh, cử-nhơn Phan bá Phiến lại đi chiếc võng điều về tỉnh-lỵ. Những cuộc hội-nghị thâm hạp được khai-diễn trong Khe-cái, cách nhà tên Nguyễn Quới chừng non vài trăm thước. Sau những cuộc hội-họp bất-thường ấy, trong tỉnh-hạt, thể nào cũng phải có các cuộc giao-tranh lớn, hay những cuộc hành-thích công-khai ở ngoài mặt trận. Vì vậy mỗi khi dân-chúng trông thấy chiếc võng điều xuất-hiện, họ lại phải một phen lo sợ. Trong làng, người mà họ kính-nể nhất là hường-lô Nguyễn duy Hiệu, một nhân-vật có thái-độ nhã-nhận, nhưng lúc nào cũng có vẻ trầm-nghị khác thường. Ngay ở trước đình làng có một cái vực sâu thăm-thẳm, nơi tụ họp của những con cá hồng, hay cá hường có tiếng là ngon nhất, lớn nhất ở miền sơn-cước. Từ ngày vị đảng-trưởng Nghĩa-hội dời bước tới làng An-lâm, dân-chúng phải gọi con cá ấy là cá "chó". Mãi đến hôm nay, tên gọi ấy vẫn còn phổ-biến trong dân-chúng. Một buổi tối, vào trung-tuần tháng tư năm đinh-hợi, hường-lô Nguyễn duy Hiệu cứ nằm trần-trọc mãi, không sao ngủ được. Bực mình ông chòm-ngòm ngồi dậy ra ngoài hiên nhìn cảnh vật một hồi. Trong vườn những lùm chè, chòm cau, chòm quế, chòm mít có một vẻ yên lặng thâm-u nhưng rầy-rà, ám-ảnh khác hẳn với mọi ngày. Trên không-gian, mảnh trăng rằm huyền-bí, lạnh-lùng soi chiếu khắp các vùng đồi núi. Sương khuya nặng hột phủ xuống khắp cỏ cây, đọng lại trên những cành dầu lai, dầu trầu đương khai hoa, chốc chốc lại nhỏ từng giọt đều-đặn lên mặt đất. Trong một góc vườn, hơi nước và ánh trăng đã qui-tụ thành một chiếc cầu vồng ngũ-sắc xinh-đẹp, dài chừng năm bảy tấc ngay trên những chòm cây, bụi cỏ. Từ nơi xa xăm, vắng-vắng có tiếng gà rừng điểm canh chen lẫn trong tiếng cộp gặm, tiếng vượn hú nghe hoang-vu đe dọa không thể nào tả được. Từng ấy âm-thanh hòa với tiếng nước thác đổ dồn từ trong Ổ-ồ, núi Nhón vọng ra tạo cho miền sơn-cước một vẻ u-uất, bí-hiểm và huyền-diệu vô cùng. Nhìn cảnh vật một hồi lâu, hường-lô Nguyễn duy Hiệu lại bước vào trong nhà. Nghe tiếng động bất-thường ở chung quanh mình, tên Nguyễn Quới cũng chòm ngòm ngồi dậy, lấy tay dụi mắt cho được tỉnh-táo, rồi không biết làm việc gì lại từ từ đi xuống dưới bếp để thổi sáng. Ngồi một mình trong căn nhà tám cột im-lặng, rộng-rãi, bên cạnh một cái bàn gỗ chứa đầy hồ-sơ và sách chữ nhỏ, vị đảng-trưởng lấy que khêu ngọn đèn dầu phụng đương cháy leo-lét và luôn tay dở cuốn binh-thư của Tôn-Tử ra đọc lẩm-nhẩm cho hết thì giờ. Ông vừa mới lật qua lật lại có năm ba trang giấy cũ-kỹ, vàng-huơ, bị sùng đồ khoét thành nhiều lỗ tròn-trịa, thì từ đâu một cơn ớn lạnh lại nhẹ-nhàng bay đến. Ông vội-vàng xấp quyển sách lại, ngả mình ra đằng sau, dựa lưng vào chiếc ghế trường-kỷ, hai con mắt lim-dim như khi còn ngồi học ôn ở trường đốc. Trong cơn mơ, ông nghe vắng-vắng tiếng gõ cửa bên ngoài, lúc ban đầu còn thưa-thớt, khoan-thai, về sau lại dồn-dập, gấp rút hơn. Ông chưa kịp gọi tên lính hầu nằm ngủ yên-lành trên một bộ phản nho-nhỏ ở sát bên cạnh mình, thì hai cánh cửa đã từ từ hé mở như bị đẩy nhẹ bởi một ngọn gió bắc hui-hắt mỗi đêm khuya thường hay băng ngàn để rơi vào trong

thung-lũng. Lúc nhìn kỹ, ông thấy một vị tướng-lãnh có thân hình khôi-ngô, vạm-vỡ, nét mặt oai-phong lẫm-liệt, đương cỡi một con ngựa truy-phong, đưa mắt nhìn ông chăm-chú. Sau một một phút bỡ-ngỡ, người khách lạ cho ngựa tiến tới một bước, rồi một tay cầm chiếc trường-kiếm đưa ngang lên trán, một tay đặt nhẹ lên vai phó-bảng Nguyễn duy Hiệu mà nói những lời hết sức thân-mật : "Ồi cố-nhân! chúng ta mới xa nhau có hơn vài năm mà em tưởng chừng như là mấy thế-kỷ". Người khách lạ vừa nói dứt lời thì thân hình và nét mặt lại biến đổi. Màu trắng bạch trên bộ y-phục, trên khuôn mặt nổi bật hẳn lên trong căn nhà nửa sáng, nửa tối, làm cho phó-bảng Nguyễn duy Hiệu khiếp-sợ. Ông hỏi với một giọng run-rẩy:

- Nhà ngươi là ai mà lại bén-mãng đến thư-phòng của ta trong đêm thanh-vắng?

Người khách lạ nhẹ-nhàng lấy tay áo phất qua phất lại năm ba lần trước mặt như để xua tan sự cách-biệt giữa hai cõi âm-dương và làm cho chân-tướng của mình hiện rõ hơn. Lúc bấy giờ không cần nhìn kỹ, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu cũng nhận ra con tuấn-mã đương đứng lững-lờ ở trên không và người khách lạ chính là cử-nhơn Mai xuân Thường, nhà lãnh-tụ Cần-vương ở miền Bình-phú. Không còn ngần-ngại, Nguyễn duy Hiệu nhẹ-nhàng bước tới, cầm lấy chiếc áo-bào ở trong tay mà hỏi một cách ân-cần:

-Hiền-đệ về đây có việc gì cần kíp không mà phải thân-hành ra đi trong lúc đêm hôm khuya-khoắc?

Cử-nhơn Mai xuân Thường vẫn với vẻ thản-nhiên như khi mới vào, trả-lời một cách khoan-thai rành-mạch:

- Đại-huynh không biết rõ hay sao ? em đã từ-trần ngày hôm qua tại Bình-định, bữa nay em phải về đây để tạm-biệt anh và các thân-bằng cố-hữu. Không để cho sự ngạc-nhiên kéo dài hơn nữa, cử-nhơn Mai xuân Thường lại tiếp-tục trình-bày:

- Em đã bị tên Nguyễn Thân ở Quảng-ngãi phản-bội và bị thất-bại khá lớn ở trận Bình-đê như em đã có trình-bày với anh vào mùa đông năm Ất-dậu. Cuộc tranh-chấp tạm ngưng được một thời-gian. Vào khoảng cuối năm Bính-tuất tên Nguyễn Thân lại còn hiệp-sức với người Pháp, kéo binh sơn-phòng vào tận sào-huyệt của em tại vùng An-kê để sát-hại dân-chúng. Em liền phối-hợp với toán quân của Tăng bạt Hồ vừa mới nhóm lên và đánh cho tên phản-quốc ấy một trận thất-diên bát-đảo. Từ đấy chúng không còn dám bén-mãng vào chiến-khu của em nữa. Nhưng bọn Pháp ngoan-cố không chịu nhìn-nhận sự tổn-thất của mình, lại còn tìm cách gởi người lên miền sơn-cước để mở cuộc thương-thuyết, lấy quan-tước để dụ-dỗ, lấy binh-lực để uy-hiếp ngỏ-hầu dập tắt phong-trào Cần-vương. Mặc dầu người Pháp có binh-hùng tướng dũng, em vẫn không hề nao-núng, ngày đêm chỉ lo việc kháng-chiến để khôi-phục giang-sơn. Cuối cùng biết không thể nào dùng chính-trị mà lũng-đoạn hàng-ngũ văn-thân, viên quan cai-trị Tisant ở tại Bình-định phải vào Sài-gòn để xin viện-binh. Lần này không những lực-lượng chiến-dấu của họ đã tăng-cường rất nhiều mà trong cấp chỉ-huy của họ lại thấy xuất-hiện một vị tướng-lãnh hết sức tàn-bạo. Tên Trần bá Lộc kéo quân từ

trong miền lục-tinh ra tấn-tiêu các tỉnh Bình-thuận, Khánh-hòa, Phú-yên, rồi lần-lượt chiếm-đóng tỉnh Bình-định. Đoàn quân viễn-chinh của hãn đi tới đâu thì gieo-rắc sự khủng-khiếp, sự suy-đổi và sự tang-tóc ở trong dân-chúng. Em đã dò biết lực-lượng hùng-hậu của hãn, nên phải dùng thủy-bối-trận để đối-phó, một mặt lấy núi Kỳ-đồng làm chỗ dàn quân, một mặt lấy Bàn-tẩu ở vùng Đại-bình làm nơi hậu-thuần. Em chỉ tính chuyện một còn một mất, đánh với hãn một trận quyết-liệt để cứu-vãn tình-thế cho Nghĩa-đảng. Chẳng ngờ bọn Pháp có súng đạn quá nhiều, sĩ-tốt quá tinh-nhuệ, văn-thân không thể nào chống-cự nổi, phải chịu hy-sinh quá nặng-nề. Thấy nghĩa-binh đã lâm vào cảnh nguy-khốn, em muốn lui về Linh-động để cùng với một số chiến-sĩ bàn kế phục-thù. Em chưa thực-hiện được cái kế-hoạch ấy thì rầm-rầm rộ-rộ đoàn quân Pháp đã tràn về miền Phú-phong, bắt thân-mẫu của em giam lại một nơi và sát-hại đàn-bà con nít một cách quá thô-thảm. Tình-hình chiến-sự đã không còn hy-vọng nữa, em không muốn kéo dài cảnh dân-chúng bị máu chảy đầu rơi nên em phải đích-thân ra tiếp-kiến tên Trần bá Lộc tại ngôi đình làng Phú-phong. Tên sát-nhân này bắt-buộc em phải quy-thuận, phải làm nhiều điều có thể tổn-hại đến danh-nghĩa của đảng Cần-vương, em liền cự-tuyệt. Hãn đưa em lên đoạn đầu đài vào ngày rằm tháng tư năm đinh-hợi này. Bữa nay, trước khi lên đường về châu trời, châu Phật, em phải ghé lại hành-dinh của anh để tạm-biệt và xin hẹn với anh, trong bốn tháng nữa, cũng vào ngày này, sẽ gặp anh trong miền cực-lạc." Nói xong, cử-nhơn Mai xuân Thường lấy chiếc quạt long-châu cầm sẵn trên tay, gõ nhẹ vào góc bàn rồi ngâm trở lại bài thơ cảm-tác đã làm trong giờ hành-quyết:

Chết nào có sợ, chết như chơi,
Chết bởi vì dân, chết bởi thời.
Chết hiếu, chi nài xương thịt nát,
Chết trung, bao quản cổ đầu rơi.
Chết nhơn, tiếng để vang ngàn thuở,
Chết nghĩa, danh bia rạng mấy đời.
Thà chịu chết trong, hơn sống nhục,
Chết nào có sợ, chết như chơi.

Khi những tiếng ngân-nga đã chấm-dứt, cử-nhơn Mai xuân Thường gò dây cương quay mình trở lại để tiến ra ngoài ngưỡng cửa, lướt qua chiếc nhà võ cua thâm-thấp lợp bằng tranh. Người lẫn ngựa lại bay vút lên thật cao, thật cao để biến hãn trong làn sương khói. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu đứng nhìn cái bóng một hồi lâu và cố-gắng kêu lên một tiếng cho thật to. Trong lúc ấy, tên Nguyễn Quới đã chờ sẵn bên cạnh chiếc ghế trường-kỷ, rí vào tai nói khẽ - Bẩm thầy, thầy đừng mớ nữa! trời đã sáng rồi. Một tuần lễ-bái về sau, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu mới nhận được bản tường-thuật của tỉnh Bình-định về những thất-lợi vừa mới xảy ra, ngồi nói lầm-nhầm một mình:

- Té ra hai bên đều phù-hợp với nhau như bỏ trong một khuôn mà đúc.
- Rồi ông cho mời ban tham-mưu Nghĩa-hội đến căn-dặn:
- Bọn Pháp sắp mở một cuộc hành-binh lớn vào miền cấm-địa của chúng ta, và sẽ dùng chính-sách dĩ-độc trị-độc để tiêu-diệt lực-lượng của chúng ta, nghĩa-binh phải sẵn-sàng đối-phó.

Quan tể-tử Nguyễn đình Tự

Tên Nguyễn Dịch khi-hành từ làng Hội-lâm, ở trên bờ sông Tiên-giang vào một buổi sớm, về trung-tuần tháng sáu năm đinh-hợi. Lúc ban đầu, hắn chỉ là một kẻ nho-sinh rất thông-thường, mặc áo dài đen bằng lụa mã-châu, quần hồng-mào, chít khăn nhiễu kỳ-cầu và xách chiếc ô lục-soạn trên tay. Với lối chưng-diện ấy, hắn ra đi một cách thản-nhiên, theo những con đường tắt mà xuống chợ huyện, nhưng không ghé vào những chỗ tấp-nập, tránh những ngả tư ồn-ào. Một khi gần tới Suối đá, tự nhiên hắn đã biến thành một tên hành-khất với làn da đen đũi, bẩn-thiu, bộ mặt hốc-hác, tiều-tụy, chiếc áo vải thô màu chàm tả-tơi, rách-rưới, chiếc quần bính lòng-thòng bị chó cắn nhiều nơi để da thịt lộ hằn ra bên ngoài. Một khi vượt qua khỏi những đồn trại của Nghĩa-hội ở tại Đồng-lớn, tại Cây-sanh, hắn lại cải-trang một lần nữa. Những buổi sớm, người ta thường bắt gặp hắn tại chợ Vạn Tam-kỳ, tại Cây-trâm và tại Bến-ván. Hắn ngồi tại đình-thị, một tay cầm chiếc mo dãi để xin tiền bố-thí, một tay khác giữ chiếc quạt nan, phe-phẩy cho ruồi nhặng khỏi quấy-nhiều. Hắn cứ ngâm-ngã hoài trong miệng mấy câu nhật-tụng đã thuộc lòng ngay từ trước khi rời khỏi quê-hương để dẫn-thân trên con đường phiêu-lạc. Mỗi khi ngồi than-thở như vậy, hắn cố-gắng mở hai con mắt ra để nhìn hành-khách cho được rõ. Mấy đứa con nít tinh-ranh tụ-hợp chung quanh hắn đông-đảo, bắt chước cái giọng buồn rầu, trầm-bổng của hắn mà van lên thật to:

- Tui đui, tui tật nguyên, lạy ông đi qua, lạy bà đi lại cho tôi xin ba hột. Có nhiều đứa táo-bạo chạy tới nắm vai hắn day qua day lại nhiều lần, làm cho ruồi nhặng bu chung quanh những chỗ lở-lói bông chốc bay ra, y hệt như một đàn ong vừa bị phá tổ. Tức thì bọn con nít xô nhau mà chạy vừa lẫn nhau vừa la thật to:

-Chết! thẳng phung ớ bây.

Dân-chúng ở trong chợ vì bận rộn việc buôn-bán, lính đoàn-kiết ở ngoài đường vì mãi lo kiểm-soát cuộc giao-thông trên đường quốc-lộ, không ai có thì giờ để lưu-ý đến một tên hành-khất quá quen thuộc, do đó hắn không hề bị người ta để ý.

Một buổi sớm khác, hắn tới Dốc Sỏi, chỗ giáp-giới giữa hai tỉnh Quảng-ngĩa và Quảng-nam, rồi đi tách vào trong thôn xóm và biến mất. Một vài ngày sau, hắn lại xuất-hiện trên con đường thiên-lý với trang-phục của một thầy khóa sinh như trước. Hắn ghé lại chợ Châu-ổ, ăn uống no nê rồi đi thẳng vào tỉnh-lỵ, xin vào yết-kiến quan sơn-phòng-sứ Nguyễn Thân. Bọn lính muốn hỏi lai-lịch, hắn chỉ nói một cách vắn-tắt:

- Anh cứ trình với quan lớn là người nhà của quan tể-tửu Nguyễn đình Tự ở Quảng-nam.

Một tí nữa, bọn lính chạy trở ra để chất-vấn về mục-đích cuộc thăm viếng. Hắn cũng tiết-kiệm từng lời nói, từng cử-chỉ. Thò tay vào trong túi, lấy ra một phong-bì nho-nhỏ mà ngày trước hắn đã nhét cẩn-thận trong bầu áo khi còn giả-trang làm người hành-khất, trao lại cho mấy tên sai-nha :

- Anh cứ trình lên quan sơn-phòng là đủ.

Nhận được bức thư và biết chắc-chắn là bút chỉ của thầy học của mình, Nguyễn Thân vội-vàng chạy ra đón tiếp và hỏi một cách niềm-nở :

- Quan tể lúc này có được mệnh giới không và có phải ra hợp-tác với bọn phiến-loạn không?

Hắn liền phúc-đáp:

- Trăm lạy quan lớn, trong mấy năm gần đây, chủ tôi thường hay bị cảm gió, nhưng sức-khỏe vẫn không hề bị suy-giảm. Vào mùa hè năm Ất-dậu, chủ tôi đương làm tể-tửu Quốc-tử giám. Gặp lúc kinh-thành bị thất-thủ, nhà vua chạy ra Tân-sở, Thọ-xuân-vương lên nhiếp chánh-quyền, chủ tôi phải tuân theo mệnh-lệnh của những người đương-chức mà vào làm sơn-phòng-sứ tại Dương-yên. Chủ tôi vừa mới bàn-giao với quan tiến-sĩ Trần văn Dư được có mấy ngày thì nhân-dân lại nổi-loạn, kéo lên vây-hãm thành-trì. Biết tình-thế đã biến-chuyển, chủ tôi đem ấn-kiếm trả lại cho tiến-sĩ Trần văn Dư, rồi âm-thầm đi về làng Phú-thị, thuộc huyện Hà-đông để lánh nạn. Vào khoảng mùa xuân năm bính-tuất, quân Pháp kéo lên bắn phá vùng Dương-yên. Tiến-sĩ Trần văn Dư chống cự không nổi, phải bỏ thành-trì mà chạy về quê nhà, sau lại trở ra yết-kiến chính-quyền địa-phương và bị giết tại Vĩnh-diện. Bọn văn-thân biết thế kị-hổ nan-hạ, bèn tổ-chức đảng Cần-vương trở lại và mời những người tai-mắt ra lãnh-đạo phong-trào. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, người ở làng Thanh-hà, phủ Điện-bàn, được dân-chúng cử lên thay thế tiến-sĩ Trần văn Dư. Biết mình không có đủ uy-tín để liên-kết thân-hào, nhân-sĩ ở trong nước, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu có thân-hành đến Phú-thị hai lần với tư-cách là môn-sinh, để mời chủ tôi ra làm đảng-trưởng. Cả hai lần, chủ tôi đều viện cớ tuổi già, sức yếu để từ-chối. Từ đấy chủ tôi bị liệt vào sổ tình-nghi và thường hay bị các nhà chức-trách trong Nghĩa-hội làm khó dễ. Bọn tay sai của Nguyễn duy Hiệu về làng Phú-thị, bắt chủ tôi phải triệt-hạ hết mấy ngôi nhà gạch, lấy cớ rằng trong khi tuần-tráp tại huyện Hà-đông, quan khâm-sai Phan thanh Liêm có ghé vào nhà và có ở lại đến hai lần. Hơn nữa bọn thủ-hạ của Nguyễn duy Hiệu còn làm tờ báo-cáo về Tân-tĩnh, buộc chủ tôi vào tội ám-thông với giặc và xin đem ra trảm-quyết. Ban tham-mưu Nghĩa-hội họp lại và tán-thành ý-kiến ấy; chỉ có một mình phó-bảng Nguyễn duy Hiệu phản-đối lại và nói những lời hết sức cảm-động:

- Trước khi khởi-nghĩa, bọn ta đều biết rằng việc lớn sẽ không thành. Bọn ta vẫn cử-sự là chỉ vì hai chữ danh-nghĩa đó mà thôi. Gẫm lại cho kỹ, trên danh-nghĩa chỉ có quân-sư là điều tối quan trọng. Nay ta ra phò vua mà lại mang tiếng giết thầy, thì biết ăn nói làm sao với quốc-dân, biết lấy gì bày tỏ với hậu-thế.

Nguyễn duy Hiệu không chịu thi-hành cái án ấy và chỉ buộc chủ tôi phải dời nhà về chánh-quán là làng Hội-lâm, ở trên bờ sông Tiên-giang để tránh việc tiếp-xúc với bọn Pháp. Hơn nữa Nghĩa-hội lại còn phái hai tên lính hương đồng theo hầu sát bên cạnh để dò-xét hành-động của chủ tôi và báo-cáo lên cấp trên biết. Từ mùa hạ năm bính-tuất cho tới bữa nay là năm đinh-hợi, thắm-thoát gần một năm trời, chủ tôi phải sống y hệt như một con cá trên thớt, ngày đêm phải phập-phồng lo sợ. Nói tới câu ấy, tên Nguyễn Địch có vẻ cảm-động. Hắn cúi xuống lấy chéo áo lau nước mắt, rồi mới thưa tiếp :

- Gần đây chủ tôi xem xét tình-hình và thấy Nghĩa-hội đã đến lúc tan rã. Chủ tôi có dặn tôi vào trình lại với quan lớn rằng sự thế đã đến lúc chín muồi, xin quan lớn nên cấp-tốc cử-binh ra ngoài ấy để đánh cho bọn phiến-loạn một đòn tối-hậu. Nếu quan lớn làm được việc ấy, không những quan lớn đã cứu vớt tính-mạng cho chủ tôi, mà còn có thể chiếm-đoạt tất cả phần thắng-lợi về mình.

Trình-bày xong, tên Nguyễn Địch đứng dậy, đi qua đi lại trong phòng mà khóc. Nguyễn Thân cũng cảm-thấy khó chịu, liền bảo tên Nguyễn Địch tiến tới sát bên cạnh mình mà nói rất khẽ:

- Tôi vừa mới đi dẹp loạn Mai xuân Thường tại Bình-định. Nhờ có quan đốc-phủ-sứ Trần bá Lộc ra thay thế, tôi mới có thể trở về Quảng-ngãi để dưỡng-sức một thời-gian. Hôm qua tôi lại nhận được lệnh của triều-đình bảo tôi kéo quân ra Quảng-nam để cùng với quan Khâm-sai Phan thanh Liêm tiêu-trừ bọn phiến-loạn. Tôi sẽ có mặt ở ngoài ấy trong vòng một tuần nhật. Anh nên về thưa lại với quan tể-tửu phải hết sức thận-trọng và phải chuẩn-bị sẵn-sàng để tiếp-xúc với tôi khi lần đầu tiên cơ-hội sẽ xảy đến.

Tiểu-phủ-sứ Nguyễn Thân

Nguyễn Thân, ăm-sanh xuất-thân, vốn là người làng Thạch-trụ. Thừa kế chức-nghịệp của thân-phụ là cử-nhơn Nguyễn Tấn, Nguyễn Thân làm nghĩa-định sơn-phòng chánh-sứ, đóng quân tại làng Vạn-lý, huyện Mộ-đức để án-ngự bọn thượng-du. Sau ngày kinh-đô bị thất-thủ, y gia-nhập phong-trào Cần-vương, rồi lại phản-bội, kéo binh sơn-phòng về giết cử-nhơn Lê trung Đình, tú-tài Nguyễn tự Tân, dẹp tan phong-trào Cần-vương, thâm tóm hết chính-quyền vào trong tay. Nhờ có công tiêu-diệt văn-thân, y được người Pháp trọng-đãi, tháng năm năm bính-tuất, vua Đồng-Khánh xuống chiếu cho y được sung chức nghĩa-định chiêu-thảo xử-trí-sứ để phụ-trách việc đánh dẹp hai tỉnh Quảng-ngãi, Bình-định. Vào khoảng tháng bảy năm bính-tuất, cuộc chiến-tranh xảy ra giữa hai tỉnh Quảng-nam và Quảng-ngãi, y dùng lối phục-kích, đánh tan quân-đội của Nguyễn duy Hiệu tại trận Cầu-cháy và ngăn cản được viện-binh của Mai xuân Thường từ Bình-định kéo ra. Tiếp theo đó, văn-thân ở Bình-định lại chia ra hoạt-động tại Quảng-ngãi để tìm cách nối lại trục giao-thông giữa ba tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi và Bình-

định, y cũng dẹp tan được tức-khắc. Viên chỉ-huy toán quân Bình-định là Bùi-Điền phải rút lui về vị-trí cũ.

Mùa hè năm đinh-hợi, quân Pháp lại chuẩn-bị tấn-công mạnh hơn tại Bình-định. Công-sứ Tyrant và đại-tá Dumas thân-hành vào Sài-gòn để cầu viện-binh. Cử-nhơn Mai xuân Thường phải lo đối-phó. Một mặt, ông phái người vào Phú-yên, Khánh-hòa để thôi-thúc nghĩa-binh chuẩn-bị kháng- chiến, một mặt gửi thư ra để hiểu-dụ y trở về với chính-nghĩa. Nhận được bức thư của tỉnh Bình-định, y phúc-đáp lại và hứa sẽ hợp-tác với Cần-vương để chống lại quân Pháp. Mai xuân Thường tưởng thật, liền phái một toán quân ra để trợ-lực. Toán nghĩa-binh từ Bình-định kéo ra, vừa tới đèo Bình-kê thì bị y phục-kích, đánh cho một trận thất-diên bát-đảo. Thống-trấn Mai xuân Thường, viên phó-tướng Bùi Điền và các vị tướng-lãnh khác trong Nghĩa-hội tỉnh Bình-định, cộng tất cả là mười một người, phải lên đoạn-đầu-đài tại vùng An-kê.

Từ đấy uy-thế của y càng ngày càng lan rộng. Tháng tư năm đinh-hợi, theo lời thương-thuyết của quan trú-sứ Pháp ở tại Huế, vua Đồng-Khánh sai y đem binh ra Quảng-nam để cùng quan khâm-sai Phan thanh Liêm hiệp-tiêu. Một tháng sau triều-đình lại xuống chỉ cho khâm-sai Phan thanh Liêm vào nhận chức Thuận-khánh tổng-đốc, tất cả việc đánh dẹp tại Quảng-nam đều thuộc về một mình y đảm-nhiệm.

Ngày rằm tháng tư nhuận năm đinh-hợi, toán quân tinh-nhuệ của Nguyễn Thân xuất-phát tại làng Vạn-lý, đông tới chừng một trung-đoàn, có non hai trăm bộ-binh Pháp theo yểm-hộ. Đội quân tiền-phong mang lá cờ vàng có thêu bốn chữ "Tiết-chế khâm-sai". Vừa tới chợ Bến-ván, thuộc hạt Tam-kỳ thì bị Nguyễn duy Hiệu dẫn quân Đoàn-kiết phục-kích ở hai bên đường, chặn đánh một trận hết sức dữ-dội. Bị đột-kích bất-ngờ, lính Quảng-ngãi không kịp dùng súng đạn tối-tân do bọn Pháp chi cấp, phải dùng lưỡi lê và gươm giáo đánh xáp lá cà. Cuộc giao-tranh kéo dài đến nửa tiếng đồng-hồ, toán quân viễn-chinh bị đại-bại, nằm chết ngổn-ngang trên con đường thiên-lý chạy thoai-thoải từ ngôi đình-thị cho tới bờ sông. Máu của những người bị thương nhuộm đỏ cả một bến đò, loang-lổ nhiều nơi trên giòng nước sông Trường. Lính Quảng-nam tưởng rằng Nguyễn Thân đã bỏ mình trong cuộc hỗn chiến, rủ nhau đi lật từng cái cây để nhận mặt, không kịp thâu-hồi những thứ vũ-khí vừa mới chiếm-đoạt. Bất thành-linh, đoàn quân hậu-tập của tỉnh Quảng-ngãi cũng vừa kéo đến, Nguyễn Thân dẫn đầu, ngồi chễm chệ trên lưng con ngựa kim, có đoàn kỵ-binh theo hầu sát bên cạnh. Nghe nói đội tiền-phong của mình vừa mới bị hy-sinh, Nguyễn Thân ra lệnh cho đoàn pháo-binh tiến tới trước, bắn phá lung-tung, châm lửa đốt những lều-quán hai bên đường thành những đám cháy cao. Nguyễn duy Hiệu biết thế không chống cự nổi, liền bỏ chiến-trường mà rút lui về miền núi.

Ngày ngày ấy, tiếp-tục cuộc hành-trình, lính Quảng-ngãi tiến về Cây-trâm, dừng lại trong giây-lát. Dân-chúng tại đây không biết rõ những tấn-tuồng vừa mới xảy ra ở Bến-ván, kéo nhau ra xem khá đông-đào, bị lính Pháp xả súng trường bắn tán-loạn, một số bị tử-thương, số khác lo tìm đường tẩu-

thoát.

Rạng ngày mười sáu, Nguyễn Thân ra tới vạn Tam-kỳ, chánh-quyền địa-phương và viên đồn-trưởng Pháp ra đón-tiếp. Hai bên bàn-luận với nhau một hồi lâu, Nguyễn Thân lại vội-vã lên ngựa, hướng-dẫn đoàn quân viễn-chinh về phía tây-bắc. Khi tới chợ Quán-rường, cách vạn Tam-kỳ chừng năm cây số, họ bắt gặp một toán quân Tàu-ô, có thể nhận ra được từ xa nhờ cái đuôi sam sau gáy. Hai bên giao-chiến. Lính Trung-hoa bị thua, phải vượt qua mấy dãy đồi trọc chạy trốn, sau khi để lại trên mặt-trận năm bảy xác chết.

Nguyễn Thân cho quân-đội rẽ về phía tây, theo con đường tỉnh-lộ lên chợ Cẩm-kê, tới đóng tại làng Cẩm-kê, từ đây dùng làm căn-cứ để tấn-công vào miền sơn-cước.

Biết đích-xác lính sơn-phòng đã ra tới Tam-kỳ, Nguyễn Định phải lo chuẩn-bị ráo-riết. Một buổi tối, hắn ra đứng chờ ở phía sau ngôi đình làng Hội-lâm. Trời sáng trắng lờ-mờ, khi trông thấy một cái bóng đen từ trong xóm đi ra, tiến về phía mình, hắn vội-vàng lê bước. Khi xấp lại gần, hắn nghe được mấy tiếng nói rất khẽ:

- Tôi phải chờ cho hai tên lính hầu-cận của Nghĩa-hội đi ngủ, mới lén trốn-thoát. Tất cả mọi người đều không hay biết gì hết. Bây giờ chúng ta phải lên đường cho thật gấp.

Nguyễn Định nói:

- Cứ thư-thả! Tôi đã bố-trí đầy-đủ lắm rồi! chúng ta sẽ tới nơi trước khi mặt trời mọc.

Rồi cả thầy lẫn trò âm-thầm tiến về phía bắc. Ra khỏi giới-hạn làng Hội-lâm, Nguyễn đình Tựu trông thấy một tên nông-dân dắt hai con ngựa ô to lớn đứng chờ sẵn ở bên đường. Thầy trò nhảy phóc lên yên, kẻ trước người sau, họ băng qua ruộng Nửa. Vào giờ tý, họ tới làng Cẩm-y khi gà rừng gáy inh-ỏi ở ngoài thôn xóm. Hai người nông-dân từ trong bụi rậm bước ra chấp tay vái một cách kính-cẩn. Nguyễn Định bảo chúng nó ở lại để giữ hai con tuấn-mã, rồi dắt chủ đi ven theo rừng núi mà tiến về phương-đông. Trong chốc lát, họ đã vào tới địa-phận làng Tây-hồ. Từ đây miền hạ-du mở rộng trước mắt họ với những cánh-đồng mênh-mông, những xã thôn trù-mật. Trời bắt đầu hừng sang, lặng-lẽ họ vượt qua suối Đồi, vừa qua bờ bên kia, họ gặp một toán người vừa đi vừa nói chuyện. Lúc bây giờ hai thầy trò mới sức nhớ họ đã cải-trang trong lúc ban đêm nên không có gì đáng lo ngại. Họ tiếp bước rồi trà-trộn vào nhóm bộ-hành gồm có năm bảy vị hương-chức mặc áo dài đen, chít khăn nhiễu thật chỉnh-tề, bốn tên nông-dân chất-phác đương gánh vật-hạng trong những đôi bầu che kín. Nguyễn Định đi lủi-thủi cạnh một vị lão-thành có chòm râu quai nón đã bạc thách rồi cất giọng hỏi băng-quơ:

- Mấy cụ đi thật sớm nhỉ? khéo có lính Nghĩa-hội bắt gặp thì phải khai-trình lời thôi lắm đấy!

Vị lão-thành im lặng, nhường lời cho một người bộ-hành có vẻ bạt-thiệp hơn:

- Đạo này lính sơn-phòng Quảng-ngãi kéo ra đông như kiến! Bọn dư-đảng Cần-vương phải lo mà tẩu-thoát, còn đũa nào dám bén-mãng về đây nữa mà

phải dè-dặt!

Được khuyến-khích bởi câu nói thân-mật ấy, Nguyễn Địch đưa ra một vài nhận-xét nữa để dò dư-luận:

- Nghe nói lính sơn-phòng của ông Nguyễn Thân tàn-bạo, hung-dữ lắm, họ ra chiếm đóng tỉnh nhà thì tội mình sống làm sao nổi bác nhỉ?

Lúc bấy giờ, vị lão-thành mới đăng-hăng thật to và góp ý-kiến:

- Sự thật là thế, nhưng một cổ hai ách thì lại càng khó chịu hơn! Ngày trước, khi Nghĩa-hội còn làm sóng làm gió, bọn chức-sắc chúng tôi phải đặt hai cái châu-án, một cái ở đầu, một cái ở cuối làng. Hễ lính Pháp và lính Nam-triều kéo lên bắn phá, chúng tôi phải mặc áo rộng, mang trầu cau rượu ra lạy ở đằng trước để bảo-vệ cho dân-chúng. Bọn Pháp vừa mới rút khỏi thì các quan bên Nghĩa-hội lại xuất hiện để trả-thù ở đằng sau. Chúng tôi lại phải khấn đen, áo dài ra lạy một lần thứ hai nữa, cứ lạy hoài, lạy mãi như vậy, không biết bao giờ cho hết?

Vị lão-thành vừa nói, vừa thở dài:

- Bây giờ chúng tôi lại phải kéo vào trình-diện với quan sơn-phòng ở tại làng Đại-đồng. Nghe thiên-hạ đồn rằng quan tể-tửu làng Phú-thị cũng sắp ra đầu-thú. Những vị tai mắt trong đám văn-thân mà cũng còn theo chính-sách cầu-an, hưởng hồ là bọn hương-chức như chúng tôi.

Vị bô-lão vừa dứt lời thì ngoảnh mặt về phía hai người khách lạ vừa mới gặp mà hỏi một cách đặc-ý:

- Người ta thường nói ăn theo buổi, ở theo thì có phải thế không hai anh? Phó-bảng Nguyễn đình Tự không trả-lời, chỉ có Nguyễn Địch cất tiếng nói rất khế:

- Chúng tôi cũng nghĩ như vậy.

Một giờ sau họ đã vào tới đại-bản-doanh của quan tiểu-phủ-sứ. Tiếng loa phát ra từ trên vọng-gác cao:

- Văn phòng Nam-Ngãi định-chiêu-thảo xử-trí-sứ xin loan-báo cho quốc-dân đồng-bào được biết rằng quan phó-bảng Nguyễn đình Tự, nguyên hoàng-tử giáo-tập, nguyên tể-tửu Quốc-tử-giám, người làng Phú-thị, huyện Hà-đông, sáng bữa nay, đã ra hợp-tác với chính-phủ Nam-triều. Vì vậy, quan tể-tửu có lời kêu gọi tất cả những thân-hào binh-sĩ phải cấp-tốc ra trình-diện và sẽ bảo-đảm cho họ được yên-ổn. Những kẻ nào ngoan-cố, không chịu qui-thuận sẽ phải chiếu theo quân-luật mà xét-xử.

Sau khi bản thông-báo đã được đọc lên, dân chúng lần-lượt kéo ra đầu-thú. Từ đề-đốc Phan Ngữ ở làng Tam-thái, tới binh-đình làm cho văn-thân nghi kỵ lẫn nhau và phong-trào Cần-vương đứng trước nguy-cơ tan rã. Thấy tình-thế đã biến-chuyển một cách thuận-lợi, Nguyễn đình Tự liền vào hội-đàm với quan tiểu-phủ-sứ và xin mở ngay một cuộc hành-binh vào miền sơn-cước.

Tấn-tiêu sào-huyệt cuối cùng của Nghĩa-hội.

Ngày hăm lăm tháng tư năm đinh-hợi, Nguyễn đình Tự cho thân-tín dẫn

một toán quân sơn-phòng vượt qua lũy Đá-rồng tại làng Tây-hồ, rồi theo đường mòn ở trong núi mà tiến gấp rút về phương tây. Một toán thứ hai, dưới sự hướng-đạo của tên Nguyễn Địch, lại vượt lũy Đá-rồng tại làng Lâm-môn, cũng theo một hành-trình y hệt như trên. Hai gọng kìm ấy sẽ khép chặt lại và một buổi sớm sẽ tập-trung tại làng Tài-đá, ở cách huyện-lỵ Tiên-phước chừng hai cây số.

Dân-chúng trong thôn xóm thấy lính Nam-triều xuất-hiện bất-ngờ lấy làm hoảng-sợ lắm, kéo nhau đi tản-cư lũ-lược ở trên đường. Mấy toán nông-dân ở hạt Thăng-bình, đang vận-tải lúa thóc cho Nghĩa-hội trong lúc ban đêm, còn nghỉ chân tại cửa kho, liền quăng hết thúng mủng, đòn gánh mà chạy tán-loạn. Vòng vây lại thật hẹp dần dần chung quanh một hệ-thống đồn-lũy gồm có năm bảy căn nhà lá lúp-xúp ở giữa một khoảnh rừng.

Cuộc tấn-công bắt đầu. Nghe tiếng súng nổ tành tạch ở khắp bốn bên, lính nghĩa-dũng phá hàng rào, tranh nhau tẩu-thoát. Chỉ có tú-tài Phan đình Bình, thân-sinh nhà cách-mạng Phan tây Hồ, muốn tập-hợp dân-chúng lại để chiến-đấu, nhưng vừa mới cầm ống vọi lên vọng gác thì đã bị lính sơn-phòng xông tới bắt giải về đại-bản-doanh để chờ xét-xử. Vài ngày sau, tú-tài Phan đình Bình trốn về chiến-khu, bị văn thân tình-nghi là phản-gián và bị đem ra trảm-quyết tại làng An-mỹ, thuộc về huyện Quế-sơn. Sau khi kho lúa Tài-đan và những đồn-trại phụ thuộc đã bị thất-thủ, Nguyễn duy Hiệu liền ra lệnh cho binh-sĩ tại đồn Suối-đá và đồn Phú-lâm phải rút lui cấp tốc về làng An-lâm, thuộc phủ Thăng-bình. Chỉ trong khoảnh-khắc một phần lớn miền trung-du tỉnh Quảng-nam đã lọt vào tay của chính-phủ Nam-triều.

Nguyễn Thân cho quân-đội nghỉ-ngơi một thời-gian.

Ngày mồng một tháng sáu năm đinh-hợi lại cùng với Lê tự Khiết dẫn binh-mã tới bao vây làng An-lâm, ở ngay trên bờ sông Tiên-giang. Trước đó mấy tiếng đồng-hồ, Nghĩa-hội có bắt được tại vùng Khe-cái nhiều tên đốt than có đáng khả-nghi nên đã cấp-tốc dời hết lực-lượng vào làng Phước-sơn, một cái thung-lũng hết sức hiểm-trở nằm giữa một cái tam-giác tạo ra bởi dãy núi Trường-sơn, con sông Tranh và con sông Thu-bồn. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu và tất cả ban tham-mưu cũng đã di-cư lên Cống-vang, một làng Mọi thấp, ở cách làng Phước-sơn chừng năm bảy cây số về phía bắc.

Triệt hạ xong đồn An-lâm, Nguyễn Thân quyết-tâm rượt theo quân phiến-loạn và tiêu-diệt phong-trào Cần-vương cho đến cội rễ. Ngày mồng ba tháng sáu năm đinh-hợi, Nguyễn Thân tập-trung lực-lượng tại chợ Việt-an, thuộc về phủ Thăng-bình, rồi theo con đường tỉnh-lộ mà tiến sâu vào dãy núi Trường-sơn. Lính sơn-phòng đi năm cây số, nghỉ chân trong giây lát tại chợ Phú-bình, tục gọi là chợ Đồng-tranh, thuộc về huyện Quế-sơn, sau đó tiếp tục cuộc hành-binh. Họ lội qua sông Trầu, một chi-nhánh của sông Thu-bồn, phát-xuất từ vùng núi Cao-ngạn và chảy ngược về phương tây. Họ đi mười bảy cây số nữa mới tới làng Tân-an và tại đây họ vượt qua sông Thu-bồn, rồi băng qua làng Bình-huê trên một quãng đường dài non hai cây số. Bây giờ họ gặp một dãy núi vẽ một hình bán-nguyệt, phần giữa bao-bọc làng Phước-sơn về phía đông và hai đầu nối liền với dãy Trường-sơn để tạo thành một

Điện-biên-phủ hết sức hiểm-trở. Ngày trước người Chiêm-thành đã dùng vùng này làm sào-huyệt cho cuộc chiến-đấu bảo-vệ đất nước. Từ khi dân-tộc này bị suy-vong, thung-lũng theo thời-gian trở nên hoang-phế. Sau khi thành-lập Nghĩa-hội, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu muốn biến những đất-đai phì-nhiều ở đây thành nhàn-điền để có thể hậu-thuần cho cuộc trường-kỳ kháng-chiến và giao công việc khai-khẩn cho Thương-biện Phạm trọng Thảng, người làng An-tây, huyện Quế-sơn.

Muốn vào miền vô-nhơn chi-địa này, Nguyễn Thân phải đi qua một cái truông dài chừng năm cây số, tục gọi là truông Nước, phải lội qua một cái suối khá nguy-hiểm, tục gọi là Khe-gai và thường phải chiến đấu với Nghĩa quân ẩn núp hai bên đường. Ngoài ra lính sơn-phòng còn phải chịu đựng sức phá-hoại của thiên-nhiên, phải làm quen với ma-thiêng nước-độc, lam-sơn chướng-khí và muôn loài thú dữ ở trong rừng. Một khi lên tới chóp đèo, họ có thể mục-kích những cánh đồng bát-ngát chạy mãi cho đến tận chân trời, những bầu trâu cổ màu đen, màu huyền dương dầm lau lách trong những đám ruộng lầy để chuẩn-bị cho mùa bát-ngoạt sắp đến. Con sông Trường, cội-nguồn của sông Thu-bồn chảy quanh-co, khúc-khuỷu giữa cánh đồng như một sợi chỉ bạc. Qua khỏi đèo, họ tới vạn Phước-sơn, nơi giao-thiệp giữa người kinh, người thượng, cũng là nơi buôn-bán những thứ trầm dác mà bọn các-lái đã chịu khó đi mua đổi từ những làng Mọi cao thăm-thẳm. Lính Nguyễn Thân triệt hạ ngay một cái đồn, chiếm đoạt một kho tiền của Nghĩa-hội, làm cho lính đoàn-kiết và nông-phu phải chạy tản-mác. Theo đuổi cuộc hành-trình gay-go, nguy-hiểm này, họ băng qua một cánh đồng dài tầm-tắp, cuối cùng họ phải tiếp-xúc trực-tiếp với dãy núi Trường-sơn. Nghỉ chân một hồi lâu để thối cơm nước ăn lót dạ, họ lại phải nghe tiếng loa, tiếng cồng dương vang dội ầm-ĩ trong chốn rừng-rú. Bây giờ với lương-thực nặng trĩu trên vai, giáo mác súng ống cầm sẵn ở trên tay, họ cùng nhau đi vào một cái truông thâm-u dài chừng hai cây-số, tục gọi là truông Mò-ó vì ngày trước ở đây có rất nhiều chim-ó về đậu ở hai bên đường.

Sau khi qua khỏi đèo, họ đi vào hai cái thung-lũng nằm san-sát với nhau như hai chị em ruột trong một gia-đình. Đó là thung-lũng Bà-Huỳnh, Bà-Xá, hai làng hỗn-hợp có người kinh người thượng ở lẫn-lộn với nhau, tiếp-xúc với Mọi Cống-vang ở về phía bắc, với Mọi Rằm, Mọi Trà-my ở về phía nam, với Mọi Cà-doạt, Mọi Khâm-đức ở về phía tây. Ở giữa khu Bà-Huỳnh, họ trông thấy một cái đồn vừa mới thiết-lập và nhiều con trâu dương ăn cỏ một cách vô-tư bên ngoài hào-lũy. Bước vào trong thung-lũng, đi tới đâu họ cũng bị cỏ may bám chặt vào quần áo y hệt như có một bàn tay vô-hình đã chiều-cổ đến thân-phận của dân-chúng. Khi tiến tới gần vị-trí đồn Cỏ-may của Nghĩa-hội, họ dùng súng trường bắn chỉ-thiên năm bảy phát để thị-uy. Từ trong những căn trại thật dài, lợp bằng tranh, lính đoàn-kiết xuất-hiện đông như kiến bị động ổ. Cuộc giao-tranh xảy ra. Toán pháo-binh của người Pháp đi tiên-phong, phá được rào giậu mở đường cho quân tiêu-phủ xông vào trong đồn lũy. Nghĩa-binh chống cự không nổi phải tìm đường tâu-thoát. Các vị tướng-lãnh như ẩm-sanh Nguyễn Thành, tham-mưu-trưởng Hồ-Học, các

quan bộ-hạ như hoàng-giáp Phạm như Xương, thương-biện Phạm trọng Thảng đều bị bắt trong cơn hỗn-loạn với hai mươi hai nhân-vật khác. Chỉ có phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, cử-nhơn Phan bá Phiến, hai vị thủ-lãnh tối cao của Nghĩa-hội, trốn thoát được, chạy trở về làng Cống-vang để lánh-nạn. Gia-đình của phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, gồm có một mẹ già đã được 85 tuổi, một vợ chính, một vợ lẽ, ba người con trai, hai người con gái còn nhỏ tuổi, chạy ra ẩn-núp ngoài rừng, nhưng một ngày sau phải ra đầu-thú. Lính Nam-triều thâm-thập được rất nhiều thuốc đạn, súng ống, lương-thực, ấn-kiếm trong trận đột-kích này. Hơn nữa, theo lời chỉ dẫn của bà Mai thị Liễu, người vợ chính-thất phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, người ta còn tìm thấy ở ngoài rừng, nhiều kho thuốc đạn, năm cái ấn, chín trăm cuốn sổ thuế, hai trăm năm mươi cái bằng tổng-lý và một thốt voi mà Nghĩa-hội đã bắt được trong trận phục-kích tại huyện Hà-đông.

Sau khi tiêu-diệt xong hai đồn Bà-Huỳnh và Phước-sơn, Nguyễn Thân liền ca-khúc khải-hoàn, kéo quân ra tạm đóng tại làng Bình-huê, ngay chỗ hiệp-lưu của sông Tràu, sông Tranh và sông Tiên-giang. Lúc bấy giờ viên tiêu-phủ mới bắt đầu xét-xử các tội-nhân chiến-tranh. Trước hết thân-mẫu của vị thủ-lãnh Nghĩa-hội, hai người dâu, năm người cháu bị đóng gông, xiềng tay và đưa vào giam tại Quảng-ngãi trong một thời-hạn là ba năm. tất cả nhà cửa đều bị tiêu-hủy. Trong số hai mươi lăm vị tướng-lãnh vừa mới bị bắt, chỉ có nhà cách-mệnh Nguyễn Thành tức Tiểu-La được tại-ngoại hậu-cứu, về sau được tha-bổng vì trong lúc làm tán-tướng không tham-dự vào trận đánh tỉnh-thành Quảng-ngãi. Hoàng-giáp Phạm như Xương và mười nhân-vật khác phải bị giải về tỉnh-lỵ để chờ triều-đình cứu-xét. Tham-mưu-trưởng Hồ-Học, thương-biện Phạm trọng Thảng và mười một quan-chức còn lại phải bị ghép vào tội tử-hình và phải bị trảm-quyết. Ngày mồng tám tháng sáu năm đinh-hợi, noi theo gương mười đồng-chí của Mai xuân Thường ở Bình-định, mười ba đồng-chí của Lê trung Đình ở Quảng-ngãi, tham-mưu-trưởng Hồ Học đã mạnh dạn bước lên đoạn-đầu-đài tại làng Bình-huê, huyện Quế-sơn. Rồi lần-lượt đến mười một liệt-sĩ kế-tiếp trong Nghĩa-hội Quảng-nam. Tội-nhân thứ mười ba là thương-biện Phạm trọng Thảng, người làng An-tây, quận Quế-sơn, trốn thoát được, chạy về ẩn-núp tại núi ông Bốn. Thương-biện Phạm trọng Thảng, trong những ngày sống-sót, vẫn nuôi-dưỡng được chi-hướng, đã hợp-tác với nhà cách-mệnh Nguyễn Thành để phục-hồi lại Nghĩa-đảng, dưới một hình-thức mới là "phong-trào đông-du", tiền-phong cho cuộc khởi-nghĩa của vua Duy-Tân sau này.

Những bước gian-truân

Thuở xưa, ở miền sơn-cước, nhất là ở hai hạt Thăng-bình, Quế-sơn, dân-chúng chỉ sống về nghề đi trầm đi dác trong dãy núi Trường-sơn. Quanh năm họ phải đi lên trên cao và chỉ trở lại miền đồng-nội có một hai lần vào những tiết xuân, hạ, thu, đông. Có những năm sớm hơn, vào thượng-tuần tháng

sáu, họ đã chuẩn-bị hành-lý, tập-hợp lại thành từng đoàn một và bắt đầu tạm-biệt miền rừng già u-ám để trở về với ánh-sáng mặt trời. Họ rất đổi vui mừng khi ra tới vạn Phước-sơn, một cái thị-trấn nho-nhỏ, rất náo-nhiệt nằm ngay tại ranh-giới giữa miền kinh và miền thượng. Họ dừng bước tại đây một vài ngày để xem-xét giá-cả, thăm viếng bà con, giao-thiệp với bọn Hoa-thương. Một khi tiêu-thụ xong các thứ lâm-sản, họ liền chia tay nhau để trở về quê-quán. Khi vừa về nhà, chưa có đủ thì-giờ để dùng cơm nước, để tỏ niềm thân-mật với vợ con, họ đã thấy sức-khỏe trong con người bắt-đầu tiêu-tán, tay chân rụng-rời, thân-hình uế-oải. Họ mở chiếc khăn gói, lấy hết tiền bạc vớt ra trên đầu giường, rồi nằm lẫn ra ngủ say-sưa hết ngày này cho đến ngày khác, y hệt như một con gấu sau khi đã xơi hết chất mật trong một tổ ong ruồi. Họ không có thể kể lại cho thân-bằng, cố-hữu nghe những việc đã làm, những điều đã trông thấy ở những nơi tuyệt-vời xa tít, một xứ có nhiều phong-lan cực-kỳ diễm-lệ, có giống mọi ăn người, có những bụi ngải linh-thiên, những cây quế rừng bí-hiểm. Họ không có thể nhớ lại một cách rõ-rệt những giờ phút hiếm-ngheo khi phải đi lạc vào những làng mọi có đuôi, khi phải vượt qua con sông Nước-mỹ lô-nhồ, lúc-nhúc cá sấu trên một sợi mây song dài tằm-tấp. Họ đã trải qua những đêm rừng-rợn ở ngoài trời, bên cạnh một ngọn lửa trại, khi phải giống thỉnh-la suốt năm canh để chiến-đấu với những bầy chó sói táo-bạo, những bầy cọp ham mồi, những bầy tê-giác hung-hăng hay những bầy voi lì-lợm. Họ là những người lính mộ trung-thành, những người phu đồn-điền tận-tụy, những tay thợ rừng vô-tư trầm-mặc. Họ không muốn kêu ca, bàn-tán gì hết trước khi cây cỏ bớt hân-hoan, chim-chóc bớt líu-lo, dân-chúng bớt xôn-xao, thôn xóm trở lại nếp sống bình thường. Chỉ có bọn các-lái là hơi bận-rộn một chút mà thôi. Trong lúc mọi người còn đương nghỉ-ngơi để bồi-bổ sức-khỏe, bọn các lái còn phải lo tổ-chức những cuộc thám-hiểm khác tốn kém và khó nhọc hơn. Họ phải chạy tiền bạc, phải sắm vật-hạng, phải mộ thêm chiến-sĩ, nhất là phải dàn-xếp công việc cho tất cả mọi gia-đình. Một khi dụng-cụ, lương-thực đã lót vào giỏ xong xuôi, phu-phen đã triệu-tập đông-đủ, họ giết trâu bò để cúng tổ-tiên, để ăn nhậu linh-đình. Cuộc vui còn đương kéo dài thì bỗng chốc giờ khỉ-hành đã vang-dội khắp nơi. Miễn-cưỡng họ phải tạm gác bữa tiệc lưu-giảng để ra đi. Họ dừng gót lại một vài phút, nói một vài lời để từ-giã hàng-xóm, để yên-ủi vợ con, rồi ngậm-ngùi tiến lên trước đi về những miền xa-lạ, những xứ còn nguyên-ven, mơ-hồ huyền-ảo như một cô gái đồng-trinh. Chỉ trong chốc lát, đoàn người tiên-khu ấy đã sắp thành một hàng dài, tuần-tự diễn-hành trên những bờ đê khúc-khủy. Hình ảnh của họ lẫn-khuất dần dần sau những cụm rừng xanh, trong những đám sương mờ. Làng xóm lại trở nên tiêu-điều, vắng-vẻ, chẳng khác một buổi chiều tà trong vùng sa-mạc. Vào trung tuần tháng sáu năm đinh-hợi, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, cử-nhơn Phan bá Phiến, ngự-sử Huỳnh bá Chánh bị thất-trận tại đồn Cỏ-may, phải chạy về nương-náu tại làng mọi Cống-vang, quận Hiệp-đức. Được ít ngày bọn thượng-du đã dò biết được tình-thế, tỏ ra ương-ngạnh, không chịu cung-cấp đủ số gạo nếp y như thường lệ. Sự nghi-kỵ mỗi lúc mỗi trầm-trọng

hơn. Các vị lãnh-tự Nghĩa-hội phải lén từ-giả miền rừng núi, vượt qua sông Thu-bồn tại làng Bình-kiều, băng qua làng Nhơn-trạch, và một buổi sớm, trong lúc gà rừng đương gáy xao-xuyến khắp mọi nơi, họ đã tới làng Tân-an, một cái ấp khá trù-mật, ở ngay tại giao-điểm ba con sông Trầu, sông Tranh và sông Tiên-giang. Lúc bấy giờ dân-chúng đã ra ngoài đồng làm lụng. Con nít thì dắt trâu lể cỏ ở trên những bờ đê khúc-khuỷu chìm-đắm trong lớp sương-mù rất quen thuộc ở miền sơn-cước trong buổi bình-minh. Người lớn, hầu hết là đàn bà thì đương lom-khom nhỏ cỏ trong những khoảnh ruộng lầy có lúa bát-ngoạt mọc lên xanh tươi mơn mớn. Một người con gái, vào tuổi trăng tròn, đứng phắt dậy nhìn khắp bốn bên như để quan-sát tình-hình, và đưa tay lên mân-mê cái khăn xéo bằng vải hồng-mao màu trắng phủ kín hết chùm tóc như một hình tháp; xong rồi lại dùng cánh tay thứ hai xằng hai ống quần vải ú lên cho thật tròn để hở những chiếc đùi màu ngà voi trông rất ngoạn-mục. Làm bao nhiêu công việc mà chưa thấy vừa ý, người thôn-nữ còn lấy vạt áo sau gấp lại, giắt thật chắc vào lưng quần cho khỏi vấy bùn lầy, rồi rửa một lượt vạt trước cho sạch những giọt nước li ti rồi khoan-thai dùng tay buộc lại thành một cái gút khá to lớn, treo lơ-lửng ngoài chiếc yếm-thao. Nàng làm duyên làm đóm như vậy không biết bao nhiêu lần trong một ngày. Vài khi, đương ở trong khoảng đồng bao-la, vắng-vẻ, nàng còn vớ lấy chiếc khăn ăn trầu có nhiều thứ khoen tròn bằng mã-não màu ngũ-sắc, mở một cách khoan-thai cái dây ra, lấy cau trầu đã tẽm sẵn, thuốc Thanh-sơn đã xắt thật nhỏ mời những người bạn còn mãi chăm-chú vào công việc đồng-áng bên cạnh mình. Mọi người trao-đổi với nhau một vài câu chuyện phiếm, cười oà lên trong giây lát, rồi cúi xuống làm việc trở lại. Bữa nay, không rõ vì đâu, khi ngược nhìn những dãy núi cao chót-vót trùm lên vùng thung-lũng Thảo-huy, Thảo-đế mênh-mông mọc đầy một thứ cỏ may chiếm hết thức ăn béo bở của cánh đồng, một mối cảm-xúc bao la tràn ngập cả tâm-hồn, bất-giác nàng gờ lên không gian, núi rừng tâm-sự của mình:

Vì ai nên nổi sầu này ?
Hái rau quuyến-nhỉ khôn đầy giỏ nghiêng.

Nàng chưa dứt lời thì đã nghe vắng-vắng tiếng gọi bên tai:

- Cô Nữ

Vừa kịp ngoảnh lại nàng đã thấy phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, hoàng-giáp Phạm như Xương và cử-nhơn Phan bá Phiến tiến về phía mình trên một cái bờ đê khá cao. Nàng luýnh-quýnh một hồi lâu vì ngạc-nhiên, vì mừng rỡ, nhưng tức-khắc nàng đã trấn-tĩnh, bước thẳng lên bờ đê để tiếp chuyện.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu hỏi trước :

- Mấy ngày gần đây tình-hình ở trong thôn xóm có được yên-ổn hay không ?

Nàng suy-nghĩ một chập, cắn môi dưới với hàm răng lảnh hột huyền, mím cười duyên-dáng, rồi trả lời rất khẽ :

- Từ một tháng nay, dân-chúng đã lên hết trên núi Mọi để tìm trầm, tìm dác,

chỉ có đàn bà con nít ở lại nhà coi việc nột-trợ, ta cứ đi về rồi sẽ tính chuyện. Nói xong, nàng để cho hai vị văn-thân đi trước, còn mình thì lủi-thủi bước theo sau. Ra khỏi cánh đồng, họ len vào một con đường hẻm, cuối cùng họ trông thấy một cái gò khá rộng, có lau-lách mọc um-tùm. Ở bên kia khoảng đất bằng này là một dãy núi chưa có tên trên hữu-ngạn sông Thu-bồn. Đỉnh cao nhất là núi Kẽm, ở Trà-linh, núi Quắp ở Trung-phước, núi Chúa ở làng Mỹ-sơn, núi Trà-kiệu ở Duy-xuyên, và hòn Tàu tức là Tào-sơn ở làng Gia-thượng, hòn Nồi-bầu tức núi Ông-bộn, ở làng An-tây. Ta tạm gọi hệ-thống núi non ấy là chòm Quế-lãnh. Từ những thung-lũng của dãy núi danh-tiếng ấy, một cái khe tục gọi là khe Cái chảy ra trong veo, trong vắt, uốn khúc ở dưới chân đồi, ở ngay bên cạnh ba người chiến-sĩ. Tiếng nước róc-rách mãi trong những lùm sim, lùm móc đương khai-hoa, những bụi vải dây đương chín trái, làm cho cảnh vật thêm phần hoang-sơ hiên-hòa. Phương chi mặt trời từ phương đông vừa thấp sáng những chóp cau, ngọn mít trong thôn xóm, đánh thức những bầy chim rừng đương ngái ngủ. Những con gà trống trong những vườn-tước xa xa tỉnh giấc đập cánh gáy lên vang- vọng. Sơn-thủy hoang-vu trong buổi bình-minh ở miền sơn-cước, làm người lữ-khách phải bồn-chồn, thốn-thức. Người thôn-nữ ngồi trên một tảng đá dăm dăm nhìn hai nhà lãnh-tụ Cần-vương rồi nói:

- Ở vùng này cũng vẫn có những tên thám-tử của Nguyễn Thân đi qua đi lại. Tên Hồ Pháp, một cọng-sự đắc-lực nhất của hắn có ghé lại đây một ngày, dặn-dò những bộ-hạ ở trong thôn-xóm, rồi vượt sông Thu-bồn, qua làng Đông-an, chưa thấy trở lại.

Hoàng-giáp Phạm như Xương ngắt lời:

- Dân-chúng ở xã Tân-an đều vắng mặt, ta có thể lưu chân ở vùng này một thời-gian để chờ cơ-hội hay không ?

Người thôn-nữ trù-trừ, chưa kịp trả-lời thì phó-bàng Nguyễn duy Hiệu đã lên tiếng :

- Không được! dầu vùng này có an-toàn đi nữa, mà nhà cửa người ta đều vô chủ, đàn ông thì ở tận trên rừng, trên rú lâu ngày, chỉ có đàn bà con nít ở lại giữ trại, ta nên tìm một nơi khác để tạm-trú thì tốt hơn.

Cử-nhơn Phan bá Phiến từ nãy đến giờ vẫn ngồi im-lặng, nhìn đoàn chim xanh bay sắp đụng vào một cái lưới rập cu treo lơ-lửng trên không, giật mình quay về phía mấy người bạn đồng-sự mà nói:

- Muốn đi xuôi về miền đồng-bằng thì phải bắt liên-lạc trước. Vả lại hiện nay việc canh-phòng ở mạn dưới có vẻ nghiêm-nhặt lắm. Ta nên vào trong rừng-rú mà tạm lánh một thời-gian, và chờ triệu-tập đại-hội xong, ta sẽ liệu một phương-sách khác.

Mọi người đồng ý. Dưới sự hướng-dẫn của người thôn-nữ dịu-dàng có bước chân thoăn-thoắt, mấy nhà cách-mạng Cần-vương cứ đi ngược giòng Khe-cái, trèo qua những tảng đá khổng-lồ, vượt qua những cánh rừng hoang-vắng. Chẳng bao lâu họ đã tới một cái hang cộp khá rộng rãi ở về địa-phận làng Tân-an. Thấy ở đây có nhiều hòn đá ong bằng phẳng, có thể nhất-thời biến thành những cái giường thiên-nhiên khá tốt, họ liền dừng bước, mỗi

người ngồi tréo mày trên một hòn đá mà tán chuyện thân-mật với nhau. Cử-nhơn Phan bá Phiến, có tính hay bông đùa, quay mặt về phía người thôn-nữ vừa cười vừa nói:

- Đây là một nơi thắng-cảnh mà thượng-đế đã dành riêng cho vị chủ-súy của chúng ta trong bước đường cùng. Chúng ta sẽ tạm-trú ở chốn sơn-thủy này một thời-gian khá lâu. Mỗi một người của chúng ta sẽ in dấu-vết cũng như hình-ảnh của mình ở trên cảnh-vật. Chúng ta là những người không đáng kể, sống tạm-bợ như con phù-du ở trước bóng đèn, như làn mây ở trước cơn gió, nhưng chủ-súy của chúng ta sẽ là người sẽ còn sống mãi trong tâm-linh của dân-chúng. Tôi chắc về sau này dân-chúng sẽ có cơ-hội để phê-phán hành-động của những vị anh-hùng cái-thế. Vì vậy tôi đổ cô Nở biết được người ta sẽ lấy cái tên gì mà đặt cho cái thắng-cảnh lịch-sử này.

Nhanh-nhẹn, người thôn-nữ đứng dậy chắp tay trả lời:

-Thưa quan án-sát, chủ-súy của chúng ta giữ chức hường-lô tự thiếu-khanh ở trong triều-đình, thì về sau tất-nhiên người ta phải gọi cái hang này là hang ông hường chớ sao?

Mọi người vỗ tay khen phải, rồi cùng nhau dùng bữa cơm sáng, mang sẵn theo trong những chiếc mo lột buộc kín trong thân hình trong lúc đi đường. Cơm nước xong, họ lại ngồi tán-chuyện một hồi lâu. Ai nấy cũng cảm thấy khoan-khoái trong lòng sau một cuộc hành-trình khó-khăn, nguy-hiểm. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu nhìn về phía nam thấy núi non trùng-điệp, rồi lại nhìn về phía bắc thấy sương-mù che khuất cả đường chân trời. Bất-giác, vị thủ-lãnh Cần-vương hồi-tưởng lại những ngày tạm-trú tại kinh-đô, những cuộc hội-hợp bí-mật ở trên bờ sông Hương-giang, có đủ mặt các vị quan-lại trung nam bắc tham-dự, những buổi ăn thề, những lời cam-kết trước giờ chia tay để mỗi người trở về tỉnh nhà tổ-chức cuộc khởi-nghĩa. Từ đấy sự giao-thông bị cắt đứt, sự phản-bội của nhiều đồng-chí đã làm cho cuộc kháng-chiến phải bị cô-lập, cuối cùng đưa tới sự thất-bại hết sức bi-đát. Nghĩ tới nông-nỗi ấy, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu lại thấy tấm-tức ở trong lòng, vì bao nhiêu sự-nghiệp của các tiền-triều, từ Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, bao nhiêu công-trình oanh-liệt của các vị anh-hùng liệt-sĩ, từ Lý thường Kiệt, Trần hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ chỉ trong giây lát đã bị đổ vỡ tan-tành. Cái mộng tái-tạo giang-sơn bây giờ đã thành ra mây khói. Để mặc cho mấy người bạn đồng-hành trò chuyện với nhau, vị thủ-lãnh nghĩa-hội ngồi suy-nghĩ vắn-vơ, hết kinh-thành Phú-xuân lại đến núi Nùng, sông Nhị, ở khắp đâu đâu người và vật cũng bày ra mơ hồ huyền-ảo như trong một cảnh thần-tiên. Trong lúc cảm-hứng, nhà cách-mệnh sông Thu lâý bút giấy ra viết bài "Thắng-long hồi ký" như sau:

Kỷ độ phiến ba, kỷ độ kinh,
Long-thành hồi-cổ bất thắng tình.
Long hồ dĩ biến tam triều đình;
Ngưu đầu phân tranh bá chiến thành.
Nông-lãnh phù-vân kim cổ sắc;

Nhĩ hà lưu-thủy khốc ca thình.
Cầm hồ đoạt sáo nhờn hà tại ?
Thùy-vị giang-sơn tẩy bất bình.

Từ đây mỗi ngày hai lần, người thôn-nữ lên xuống miền núi để tiếp-tế lương-thực cho ba vị cách-mạng và luôn tiện để làm cái gạch nối giữa đảng viên Cần-vương với các vị thủ-lãnh.

Nghĩa-hội bây giờ đã tan-rã gần như hoàn-toàn. Một số lớn các đồng-chí đã ra xuất-thú tại nhà quan tế-tửu Nguyễn đình Tự ở tại làng Suối-đôi, một số nữa đã bị bắt và giải vào Quảng-ngãi. Những quan-lại ngày trước đã giúp cho phó-bảng Nguyễn duy Hiệu tổ-chức vùng Quảng-nam thành một quốc-gia thì nay đã bỏ hàng-ngũ mà tìm chỗ trốn tránh để nghe-ngóng tình-hình và chờ-đợi cơ-hội.

Vào hạ tuần tháng tư năm đinh-hợi, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu mở đại-hội tại khe Nước-giê, thuộc về núi Ông Bồn. Thắng cảnh này chỉ cách chiếc động thiên-nhiên có năm bảy cây-số theo đường chim bay, nhưng đường-sá ở vùng này lại hết sức hiểm-trở. Ở đây có một cái thác lớn cao tới chừng ba chục thước tây, nước chảy lâu đời đã biến rừng rú thành ra một cái hồ sâu thẳm, rất xinh đẹp. Nước nguồn từ trong dãy Quế-lãnh chảy ra, mạnh như một giòng sông rơi vào trong mặt hồ, bắn ngược tung tóe lên cao, tạo ra tiếng ầm ầm đầy uy-lực vang dội núi rừng, đôi khi ánh-sáng vằng thái-dương chiếu thẳng vào giòng thác đang rơi tạo thành chiếc cầu vồng ngoạn-mục. Các nhà cách-mạng dự đại-hội, ngồi san-sát với nhau trên những tảng đá tạo-hóa bày la-liệt chung quanh mặt hồ, có thể phóng tầm mắt nhìn cảnh-vật khắp tứ bề : hòn Tàu nằm hiền-lành ở phía đông, hòn Kẽm nguy-nga, lộng-lẫy ở phía tây, núi Nhón, núi Răng-cưa ở phía nam, núi Thiên-ấn, núi Bàn-cơ cao vòi-vọi ở về phương bắc, nơi dừng chân của những vị Hoàng-thạch, Xích-tùng trước khi về miền Tiên-hội, trên bờ sông Tiên-giang. Cuộc đại-hội đã thất-bại vì trong hàng ngũ văn-thân, chỉ có mặt thương-biện Phạm trọng Thăng, tú-tài Cao hữu Chí ở làng An-tây, cử-nhơn Bùi Tích, tri-phủ Nghĩa-hội, trú-sở làng Phước-cang, phủ Thăng-bình. Các phủ-hội, huyện-hội khác và các vị tướng-lãnh khác đều vắng mặt. Trong lúc mọi người đương trò-chuyện thân-mật, kiểm-điểm công-tác và trù-định kế-hoạch để cứu-vãn tình-thế thì đồng-chí Lê-Trước, tục gọi là Cai Trước từ dưới đồng-bằng hấp-tấp chạy lên và nói với một giọng hết sức cương-quyết:

- Chúng ta phải dời địa-điểm ngay tức-khắc để bảo-vệ tính mạng cho chủ-súy. Bọn mật-thám của Nguyễn Thân đã dò biết được sào-huyệt, hiện nay hầu hết các ngã đường đã bị đối-phương mai-phục, chúng ta khó lòng tìm ra một lối thoát.

Lê Trước, nguyên là chánh-tổng Thuận-an, phủ Thăng-bình, trong thời-kỳ vua Hàm-Nghi còn đương tại vị. Một hôm, khi nhận được cái trát của viên tri-phủ Thanh-bình về việc đi lùng nã các nhà cách-mạng Cần-vương, ông liền xé tờ công-văn ra thành từng mảnh nhỏ, ném vào mặt tên lính lệ mà nói rằng:

- Quan-phủ của anh có muốn bán nước cho Pháp thì cứ làm một mình, được thì nhờ, thua thì chịu; còn thằng này chỉ biết đem thân ra phụng-sự cho tổ-quốc.

Rồi đuổi ngay tên lính lệ ra khỏi nhà. Ông đi tìm phó-bảng Nguyễn duy Hiệu ở tại An-lâm và từ đây ngày đêm theo phò vị thủ-lãnh Cần-vương. Bữa nay đi dò xét tin-tức ở các phủ huyện, ông nghe nói toán quân Quảng-nghĩa rất quen thuộc trong việc đánh giặc ở miền núi, đã lén vào trong rừng-rú và tiến dần về phía hang ông Hường, ông liền chạy về Xai-nước Giê để phi-báo. Túc thì Lê Trước hướng-dẫn ba nhà cách-mạng lên đường, trèo non vượt suối, đi về ngã đèo Rằm, thuộc địa-phận làng An-tây, lọt hẳn ra ngoài trùng-vi của lính triều-đình. Trong ban đêm, tiếp-tục cuộc hành-trình, họ băng qua đèo Đá-bon, ở làng Võ-xá, và lúc nửa đêm, đuổi sức, tiều-tụy, họ đã tới làng Gia-các, trong khi gà rừng ở khắp mọi nơi đã bắt đầu gáy inh-ỏi. Dừng bước trên bờ sông Ly-ly, một con sông phát-nguyên cách đây không bao xa, đổ về sông Trường-giang, họ lấy khăn xéo ra lau bớt những lớp sương mù còn bám vào đầu tóc, áo quần. Hơi đất ở miền sơn-cước bốc lên nghi-ngút làm cho cảnh-vật mơ-hồ như trong một giấc mộng. Ở trên cao, phía đèo Le, phía hòn Tàu, mảnh trăng hạ-huyền còn ngự chơi-vơi trên những làn mây xám đương bay nhanh về một nơi vô-định. Thời-tiết biến-chuyển báo-hiệu một cơn mưa rào sẽ đổ xuống trên cánh đồng hoang-dại, uy-hiếp cả người lẫn cảnh vật. Lê Trước ngồi trên một tảng đá, châm điếu thuốc Thanh-sơn màu nâu sẫm, hít phì-phào vài hơi, rồi quay về phía cử-nhơn Phan bá Phiến mà nói khe-khe:

- Bây giờ ta không nên đi vào trong thôn xóm, vì làng Gia-cốc chỉ cách nha Quế-sơn chừng năm sáu cây số mà thôi, ta nên đưa chủ-súy vào một chỗ an-toàn hơn, rồi sau sẽ tùy cơ ứng-đối.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu nghe được câu chuyện, muốn biết rõ hơn:

- Không vào trong dân-chúng thì biết đi lánh ngã nào?

Lê Trước liền đứng dậy mà phúc-đáp:

- Mấy năm trước tôi đi săn nai ở làng Phước-long, nhơn hăng-say đuổi theo con mồi, tôi lạc vào địa-phận làng Gia-các và có tìm ra một cái động hết sức kín-đáo, tôi sẽ hướng-dẫn chủ-súy lên tạm-trú tại đây, chờ khi nào liên-lạc với các đồng-chí ở địa-phương, ta sẽ tiếp-tục cuộc hành-trình.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu gật đầu rồi cùng với đoàn tùy-tùng, thừa lúc ban đêm, đi về phía chòm Quế-lãnh. Sau này dân-chúng cũng gọi chỗ nhà cách-mạng Cần-vương tạm-trú trên bước đường hoạt-động là "hang ông Hường" y hệt như cái động ở tại làng Tân-an vậy.

Ba ngày sau, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu lại cùng nhóm người thành-tín từ-giã miền rừng núi để đi xuôi về miền duyên-hải. Họ vượt qua đèo Đá-mái một cách nhọc-nhẫn, khó-khăn vì lối đi nhiều khúc đã bị cây-cối xâm-chiếm hoàn toàn. Một buổi sớm, mọi người đã hạ-sơn, và chờ cho tới khi trăng mọc, mới dám len-lỏi vào làng Trà-kiệu, trên bờ sông Thu-bồn.

Gặp lúc trời mưa dữ-dội, phải vào ẩn núp trong lãng Cao-hoàng-hậu, hai nhà thủ-lãnh Cần-vương ngồi lúp-xúp ở trong nhà bia, còn Lê Trước đứng ở ngoài

bình-phong để canh-gác. Trong lúc chờ mưa dứt, Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu nói chuyện với cử-nhơn Phan bá Phiến:

- Hồi xưa ở trong vùng này có một người đàn bà góa chồng thuộc về tộc Đoàn, thường ngày hay cùng chúng bạn, những người thôn nữ còn trong-trẻo, xách giỏ ra ngoài bưng dâu để tìm thức-ăn cho mấy nông tằm sắp lên bủa. Vô-tư, những người thôn-nữ cất tiếng hát hà hát hồng, dư-âm vang vọng cả bầu trời, lay chuyển cả một vùng cỏ cây bao-la, man-mác. Vào lúc ấy, một vị hoàng-tử uy-nghi, lộng-lẫy trong bộ đồ triều-phục tại miền thượng-du, theo giòng sông Thu-bồn, nhẹ-nhàng xuôi về miền hạ ban trên một chiếc thuyền rồng êm như tiếng thở. Tiếng hát của người góa-phụ từ trong bưng dâu theo gió vang xa hòa với tiếng sóng lao xao làm rung động cõi lòng của vị hoàng-tử:

Vua tôi đi ngự thuyền rồng,
Cảm-thương phận thiếp góa chồng lênh-đênh.

Vị hoàng-tử trên thuyền rồng là chúa Sãi-vương, con thứ ba của chúa Gia-Dũ đương ngự-trị tất cả miền đàng trong của Kinh-đô Phú-xuân. Giữa cảnh trời mây nước bao-la thi-vị, đấng hoàng-tử cảm-kích sâu xa và ra lệnh cho chiếc thuyền rồng ngừng tay chèo tay lái ở tại bến sông. Mọi người ngưỡng mặt trông lên bưng dâu thì trông thấy một người con gái bước đi khoan-thai giữa những cành dâu không cao hơn vài thước mộc. Vị hoàng-tử chú-ý thấy hễ mỗi khi người đàn bà tiến lên một bước thì đám mây ngũ sắc ở trên trời, kết-hợp lại thành một cái táng xinh đẹp cũng di-chuyển theo để che cho người ly-phụ khỏi bị ánh nắng gay-gắt của vầng thái-dương. Những người thôn-nữ khác cũng đương hái dâu ở trong bưng lại không được hưởng điểm-phúc ấy. Hoàng-tử cho gọi người goá-phụ xuống mạn-thuyền. Sau khi trao đổi vài câu-chuyện để cho một bậc đế-vương ở nơi cung-cấm và một tiên-nữ ở chốn thiên-nhiên có thể thông-cảm với nhau, hai người bắt đầu chén-thù chén-tạc. Nhà vua nhìn vào mắt người ly-phụ và nói nửa như nghiêm-trang, nửa như bỡn-cợt:

- Rõ chẳng rõ chịt, rõ chín mười phần.

Không may may xao-xuyến vì câu thách-đố chân-thành ấy, người góa-phụ đứng dậy khếp-nép, nhanh-nhẹn trả lời:

- Yêu nước, yêu nhà rồi yêu thiên-hạ.

Từ đấy, người góa-phụ ở luôn trong thuyền rồng, không kịp từ-giả cha mẹ và những người bạn gái thân để về kinh-đô đóng vai-trò một vị quốc-mẫu. Khi tạ-thế, thể theo nguyện-vọng của bà trong lúc bình-sinh, nhà vua đưa thi-hài về yên-nghỉ tại nơi quê-quán.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu kể xong câu chuyện của Cao-hoàng-hậu thì ở bên ngoài mưa đã nhỏ hột, vầng trăng hạ-huyền đã xé tan những đám mây hắc-ám, gởi xuống nhân-gian một vài tia-sáng hiền-lành, êm-dịu. Lê Trước thấy trời đã tạnh, bước vào giục-giã hai vị thủ-lãnh lên đường. Lúc bấy giờ nhà cách-mạng sông Thu mới ra đứng trước mộ, chắp hai tay lại, cúi đầu

xuống khăn-vái lâm-râm:

- Bữa nay, ngày hai mươi tháng tư năm đinh hợi, thần ghé lại đây trên con đường về quê-quán. Hoàng-hậu có linh-thiên, xin phò-hộ cho tổ-quốc được mau thoát ra khỏi ách nô-lệ, dân-tộc Việt-nam có thể tránh khỏi cái họa diệt vong.

Rồi ba người âm-thầm vượt sông Thu-bồn dưới ánh-sáng lờ-mờ của trăng sao trong khi dân-chúng ở hai bên thôn xóm vẫn còn say-sưa trong giấc ngủ.

Phong-thái của những bậc anh-hùng

Làng Thanh-hà, ở cách tỉnh-lỵ Hội-an chừng hai cây số, là một vùng nổi tiếng về nghề hầm ngói. Trên con đường từ Vinh-diện ra tới bể, qua khỏi cánh đồng La-quả rộng man-mác, qua khỏi mấy uông cát thâm-thấp, dọc theo cái hói khá xinh đẹp, là những lò gạch khổng-lồ, cao chót vót, lợp bằng tranh in hết những tổ ong vỏ-vẻ nằm san-sát trên mặt đất. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu đứng tần-ngần một hồi lâu trước những cái hỏa-lò rất quen thuộc ấy, đưa mắt nhìn chăm-chú những khúc gỗ khô-khan, nặng-nề đương cháy nghi-ngút trong đồng lửa, chốc chốc lại phun ra ngoài trời những làn khói đen nghịt, bao-phủ những căn nhà tranh thâm-thấp nằm chen-chúc dưới chân đồi. Bất-giác nhà cách-mạng lão-thành sức nhớ đến những ngày êm-đềm, vô-tư trong thời-kỳ thơ-ấu, khi chiến-tranh chưa bùng nổ, khi dân-chúng còn hưởng sự thanh-bình, quê-hương đất nước có vẻ thi-vị, xinh-tươi như một bức tranh thủy-mặc. Càng đi sâu vào quá-khứ, ông càng liên-tưởng đến những buổi học ôn ở tại trường Hà-lộc. Những lời khiển-trách dịu-dàng, nhã-nhận của vị tôn-sư, hình ảnh cử-nhơn Lê tấn Toán cứ theo thời-gian mà sống lại, oai-nghi, lẫm-liệt, rồi lại tan đi, nhường chỗ cho hình ảnh những cuộc thảo-luận sôi-nổi ở trên giòng sông, những lúc ngâm-hoa vịnh-nguyệt với chúng bạn. Thưở xưa, mỗi lần bãi học, ông lại rủ một vài người tâm-giao ra ngồi chơi trên bờ hói, bàn-luận đến những vị anh-hùng, liệt-nữ, những văn-nhân thi-sĩ vùng sông Thu. Chính lúc bây giờ, những âm-điệu thâm-trầm, uyển-chuyển trong bài "Quá giang" của tổng-đốc Hoàng-Diệu lại theo gió bay về, neo thuyền mãi ở trong không-gian, âm-vang lờn-vờn trên chòm cây, bụi cỏ, từng chữ một rung động vào tâm:

Quá bước tầm phương bóng tới đây,
Khen cho con tạo khéo trưng-bày.
Sông e biển cạn, bù thêm nước,
Núi sợ trời nghiêng, đỡ lấy mây.
Rạc rạc sóng cồn che mặt đất,
Ào ào gió cuốn thổi rừng cây.

Nửa về, nửa ở, lòng chưa quyết,
Ngán nỗi trời hôm đã xế tây.

Nhà cách-mạng đọc đi đọc lại lăm-nhắm trong trí hai câu kết của bài đường-thi, vì tâm-sự của người xưa khi chuẩn-bị sang sông cũng có nhiều chỗ thích-hợp với hoàn-cảnh của mình. Một khi đã qua khỏi xóm lò gạch, ông rẽ về phía bên trái, theo một con đường hẻm chạy ngoằn-ngoèo ở giữa những căn nhà tranh lúp-xúp, băng qua một vài nông cát, có dương-liễu mọc sum-sê, cuối cùng mới dừng bước ở ngoài một cái cổng vôi có nhiều chà gai làm chướng-ngại-vật. Ông nhìn vào trong ngôi vườn bỏ hoang, ngậm-ngùi thổn-thức trong giây-lát. Đẹp ngay những mối xúc-động trong lòng, ông quay lại nói với cử-nhơn Phan bá Phiến còn đứng tĩnh ruội ở đằng sau như một pho-tượng:

- Chúng nó đã thiêu-hủy tất cả sự-nghiệp của tiên-nghiêm tôi để lại!
Tỏ bày hết nỗi-niềm của mình, ông mạnh bạo đẩy mấy gốc tre ra một bên, trèo thêm một vài bậc tam-cấp, đi thẳng vào cái sân lát gạch có rêu xanh mọc lún-phún nhiều nơi. Những cây hòe, cây bông bụt, cây tường-vi đương tiếp tục nở hoa ở một góc. Hai nhà cách-mạng đi dạo một hồi chung quanh mấy cái nền nhà bỏ trống, xem xét lại những cây mít, cây xoài thâm-niên còn đứng trơ-vơ với thời-gian, bày lên ở trên cao vút những cành khô đen-đùi, dấu vết của một cơn hỏa-hoạn ác-liệt. Ở bên cạnh ngôi vườn hoang-phế có một ngôi vườn khác nhỏ hẹp, với một cái lều tồi-tàn, xiêu vẹo. Nghe tiếng động, một người nông-dân với nét mặt tê-tái, dáng-điều bơ-phờ, vội-vã chạy sang, nhìn hai người khách trong nháy mắt, rồi không cầm được nỗi ngạc-nhiên, liền chạy vụt về phía phó-bảng Nguyễn duy Hiệu mà nói hơi lớn:

- Ủa, chú đã về!

Nhà cách-mạng đưa tay lên để ra dấu cho người bà con mình nói khẽ xuống một chút, rồi hỏi tiếp

- Mấy lúc nay vợ chồng anh làm ăn ra sao ?

Người nông-dân lắc đầu uể-oải, buồn-bã trả-lời :

- Không ra chi hết chú ạ, tội Pháp, tội quan-trưởng kéo tới đốt nhà, bắn phá tứ tung. Chúng nó còn dọa-dẫm, khủng-bố gia-đình chúng tôi nữa là khác. Từ khi ông bên nhà quá-cổ, chú đi vắng lên miền thượng-du, vợ con tôi hết chỗ nương-tựa, tình-thế càng ngày càng quẩn-bách. Mấy đứa con nhỏ dại đã theo mẹ nó mà qua đời hết trơn hết trọi, tôi còn sống-sót dây-dưa, muốn kêu trời về bắt tôi chết theo vợ con cũng không được

Người nông-dân vừa kể-lẽ, vừa để hai giòng nước mắt chảy ra ràn-rụa. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu khuyên y nên dẹp ngay những nỗi uất-ức trong lòng, nên nói hết sức khẽ cho hàng xóm không nghe-ngóng được, đoạn mới dò hỏi đến gia-đình của mình. Người nông-dân im-lặng một chập lâu như để dẫn lại nỗi buồn và hồi-tưởng lại những kỷ-niệm xa-xăm mà thời-gian đã làm cho phai lạt rồi nói vừa đủ nghe:

- Bà Mai thị Liễu, chánh-thất của chú với chín con; bà hầu, với một con, đều bị xiềng-xích và bị giải vào Quảng-ngãi để thuộc quyền ông Nguyễn Thân

xét-xử. Từ ấy đến nay họ bị giam-giữ một cách nghiêm-nhặt, cho nên không thể nào biết tin-tức được.

Trình-bày xong, người nông-dân thở một hơi thật dài kết-luận :

- Gia-biễn! ông bà ngày trước có làm gì đâu, mà đến nay con cháu phải lâm-than như thế.

Rồi y lão-đảo tiến về phía một cái miếu còn bỏ sót lại ở trong một góc vườn, vén tấm màn ngũ-sắc lên, chỉ mấy tấm bài-vị sắp đặt ngổn-ngang ở trên bệ mà khóc. Lúc bấy giờ mặt trăng đã nghiêng hẳn về phương tây. Trong thôn xóm một vài con gà thấy ánh-sáng trắng tưởng là bình-minh ló dạng, vội-vàng đập cánh thi nhau gáy thất thanh. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu giục người bà con hướng-dẫn mình đi ra thăm ngôi mả của thân-phụ.

Một khi tới nơi, ông cúi sát xuống mặt đất, kính-cẩn lạy bốn lạy để trả nợ sinh-thành, xong cùng với cử-nhơn Phan bá Phiến băng cánh đồng đi về miền duyên-hải. Hai người lặn-lội nhiều ngày trong làng Hà-my, ngay trên bờ bể, lẩn-lút trong nhà đồng-chí hay cải-trang làm ngư-phủ, cho thuyền trôi-nổi lênh-đênh trên giòng sông Đẽ-vống. Có một hôm, cử-nhơn Phan bá Phiến thôi-thức ra đi, vì tình-hình càng ngày càng khẩn-cấp. Một mặt lệnh tầm-nã đã loan-báo khắp nơi, mặt khác, bọn thám-tử của viên tuần-vũ Quảng-nam, bọn lính sơn-phòng của Nguyễn-Thân cứ về tận những vùng thôn-quê hẻo-lánh để rình-mò, khám-xét và uy-hiếp tinh-thần dân-chúng. Trong những giây-phút ấy, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu vẫn bình-tĩnh trả-lời một cách tự-nhiên:

- Tôi cũng muốn di-chuyển đến một nơi khác xa-lạ, kín-đáo hơn, nhưng hiện nay còn hai công việc cũng khá quan-trọng tôi muốn chu-toàn. Trước hết tôi phải chờ cho tới húi-nhật của thầy học chúng ta là cử-nhơn Lê tấn Toán ở tại làng Hà-lộc, vì chúng ta không thể nào vong-ân bội-nghĩa đối với một bậc tôn-sư. Thứ nữa tôi đã hứa gặp mặt một vài đồng-chí ngay tại đây; nhiên-hậu, chúng ta mới có thể có một thái-độ dứt-khoát, còn bây giờ thì tiến thoái đều lưỡng-nan cả. Thời-gian bay qua vùn-vụt đối với những kẻ bàng-quan, nhưng cũng dài ngàn thu đối với những người trong cuộc. Các đảng-viên ngày trước thì trốn-tránh nhiệm-vụ, không dám lui tới. Mãi tới phút cuối cùng, mới thấy tú-tài Lý thừa Trạch, tức là đội Sơn, ở làng Minh-hương phủ Điện-bàn và thương-biện Phạm trọng Thăng ở làng An-tây huyện Quế-sơn mạo-hiểm về tập-hợp cấp-tốc trong lúc ban đêm. Tú-tài Lý thừa Trạch nói :

- Tôi đã thuê xong một chiếc ghe mảnh ở Hội-an và sẽ chọn những người tín-cần để lèo-lái. Xin chủ-súy cùng chúng tôi đi trở về thị-xã cho gấp để tiện việc xuất-ngoại, còn mãi nấn-ná ở lại chốn này, thì không thể nào lọt ra ngoài trùng-vi của địch.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu suy-nghĩ một hồi lâu rồi trả-lời với một giọng răn-rỏi:

- Bỏ trốn là một điều hèn-nhát, không xứng-đáng với một người quân-tử.

Tú-tài Lý thừa Trạch thưa lại:

- Đành vậy, nhưng lần này chủ-súy chỉ đi lánh mặt một thời-gian để mưu-đồ đại-sự về sau. Như vậy chúng ta vẫn theo đúng tôn-chỉ của Nho-giáo và

không có điều gì phải thắc-mắc đối với dân-chúng.

Nghe câu ấy, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu nhìn cử-nhơn Phan bá Phiến ngồi diêm-nhiên ở một bên, mỉm cười và nói:

- Quan-án nghĩ sao thì nghĩ, riêng về phần tôi, tôi thấy bỏ các đồng-chí, xa rời cơ-sở để tìm chỗ yên thân, ở bên Trung-hoa hay bên Hương-cảng, dẫu cho tạm-thời đi nữa, cũng là đắc tội với tiên-triều, với tổ-quốc. Tôi sẵn-sàng hy-sinh để chịu tội với các vị tiên-liệt.

Cuộc gặp mặt chớp-nhoáng phải chấm-dứt ngay, ai nấy cũng phải ngậm-ngủi trong giờ lâm-biệt.

Rạng ngày mai, hai nhà lãnh-tự Cần-vương lại cải-trang, chờ lúc dân-chúng đi hết ra khơi, kẻ đi nhặt sài-hồ về bán lại cho các tiệm thuốc bắc, người bơi mùng đi câu tôm cá, họ mới dám cùng nhau tiến về làng Hà-lộc. Tối nơi, thấy cảnh vật thay đổi rất nhiều sau ba năm xa cách, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu lên tiếng gọi cửa. Người con trưởng-nam mặc áo-chế đã nhùng-nhục chạy ra đón tiếp, không khỏi ngạc-nhiên vì cuộc gặp-gỡ:

- Thầy tôi đã vắng từ năm ngoái khi bị tình đòi vào Vĩnh-diện. Trong thời-gian còn sống, thầy tôi thường nhắc đến chú luôn và không giờ phút nào là không cầu-nguyện cho Nghĩa-hội được thắng-lợi.

Nói chưa dứt lời, không thể dằn được mỗi cảm-xúc, y lấy vạt áo tang ra lau nước mắt chảy ràn-rụa trên hai gò má. Mấy đứa cháu nhỏ đứng nhìn khách trò-chuyện, thấy vậy cũng bùi-ngủi bỏ đi lánh xuống dưới bếp. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu đi về phía bàn thờ, chỗ rất quen thuộc ngày trước, lấy một thẻ hương, bật diêm châm vào cho cháy ngùn-ngụt, cắm vào trong cái lư đồng ở trên châu-án. Ông cúi sát xuống mặt đất, kính-cẩn lạy bốn cái, xá ba cái, y hết như cách đó không bao lâu, ông đã làm trước ngôi mộ song-thân, một lần cuối cùng trong những giờ phút quyết-liệt. Cũng chỉ từng ấy cử-chỉ, từng ấy lời tâm-niệm, nét mặt bao giờ cũng rắn-rỏi, cương-ngहि, không mấy-may để lộ ra bên ngoài một niềm xót thương, một vẻ đau-đớn. Người ta chỉ thấu-nhận được mấy câu phân-trần ngắn-ngủi mà nhà chí-sĩ Cần-vương đã thốt ra trong giờ ly-biệt:

- Tôi muốn chờ tới ngày húy-nhật để về lạy bàn thờ và trả nợ sách đèn cho thầy, nhưng hiện nay tình-thế không cho phép.

Rồi phó-bảng Nguyễn duy Hiệu vội-vả lên đường. Một khi ra ngoài cổng, ông quay lại nói khề với cử-nhơn Phan bá Phiến:

- Bây giờ ta đã trút được hai gánh nặng ở trên vai, chỉ còn lo trả nợ cho tổ-quốc. Ta phải theo bờ bể đi ra núi Ngũ-hành-sơn, luôn tiện viếng mộ quan ngự-sử Huỳnh bá Chánh, rồi nhiên-hậu, ta sẽ bàn đến những công việc phải làm.

Cử-nhơn Phan bá Phiến gật đầu, cùng với chủ-súy đi bằng qua một cánh rừng thông có nhiều bụi cỏ gấu mọc lổm-chổm dưới chân. Vài đứa con nít đi nhặt lá vàng đứng nhìn ngơ-ngác. Chẳng bao lâu họ đã trông thấy bể Thái-bình-dương bao-la, xanh thẳm với những làn mây trắng nhẹ-nhàng ở trên quần-đảo Chiêm-thành. Hai người cứ dọc theo vùng duyên-hải mà đi về hướng bắc, men theo con đường mòn trên bãi cát, vừa đứng ngó họ tới làng

Khái-đông, bên cạnh dãy núi Ngũ-hành-sơn. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu vào ẩn núp trong một cái động, chờ lúc mặt trời gần lặn, vắng người, mới trèo lên Vọng-hải-đài ngồi xem phong-cảnh. Chim chóc từ những thôn xóm chung quanh đã rủ nhau bay về tổ trong hang đá, thi nhau kêu riu-rít. Chùa Non-nước tĩnh-mịch, mấy tiếng chuông thanh-tao, huyền-ảo theo chiều gió vang lên, mỗi lúc mỗi nhỏ dần rồi rơi hẳn vào chốn hư-vô man-mác. Nhà lãnh-tự Cần-vương nhìn khắp cảnh-vật một hồi lâu và trong giây-lát, sức nhớ đến hai câu thơ của Trương đặng Quế, một nhân-vật trong triều Tự-Đức, đã sáng-tác trên con đường ra Huế nhậm-chức, khi vừa mới đến Hải-vân quan:

Thức mục đông-minh duy hữu hải,
Hồi đầu nam lãnh, cánh vô sơn.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu quay mặt về phía cử-nhơn Phan bá Phiến ngậm-ngùi, thốn-thức mà nói:

- Cần-vương ở miền nam, nhất là ở ba tỉnh Nam-Ngãi-Định thì ông và tôi thật cầm đầu. Tôi liệu chừng phong-trào ở Thanh-Nghệ-Tĩnh, ở Bắc-Việt cũng sẽ thất-bại, binh-bị sẽ phải tan-rã. Không sớm thì muộn tất cả sĩ-phu cần-vương trong ba tỉnh ắt bị người Pháp bắt giết hết. Việc đã không thể làm thì chỉ có chết mà thôi. Nhưng hai chúng ta cùng hy-sinh một lúc là vô-ích. Vậy ông nên chết trước thì hơn để đền nợ cho tổ-quốc. Còn tôi, tôi phải nấn ná một thời-gian để hoàn-thành nhiệm-vụ của một người thủ-lãnh, nhiên-hậu tôi sẽ noi theo gót ông mà cùng về nơi chín-suối. Tôi sẽ giải-tán Nghĩa-hội và sẽ đem thân cho Pháp bắt. Một khi ra trước tòa-án, tôi sẽ tìm lời giải-thoát cho các đồng-chí. Một mình tôi chết thì không đáng tiếc, nhưng còn người sống thì Nghĩa-hội sẽ còn tồn-tại. Nếu ngày sau có kẻ noi theo cái chí-hướng của ta mà thành-công tức là ta còn sống đó.

Cử-nhơn Phan bá Phiến bằng lòng ngay, khảng-khái đứng dậy, lấy bộ triều-phục ra mặc vào, mang đai, đội mũ, quay về Trường-an mà lạy nhà vua năm lạy, rồi quay về phía phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, kính cẩn lạy mà nói:

- Thôi ông hãy gắng-sức ở lại, tôi danh-vị thấp hơn, cho tôi xin đi trước.

Nói xong cử-nhơn Phan bá Phiến liền mở chiếc khăn gói, lấy ra một cái túi thuốc độc đã trữ sẵn từ trước. Như phần đông các chiến-sĩ Cần-vương, ông có chí phò vua, chống Pháp cho đến lúc chết mới thôi. Ông chưa kịp nhắm liều thuốc độc chứa đầy chính-khí, thì phó-bảng Nguyễn duy Hiệu đã vội-vàng chạy tới, cầm lấy tay đỡ lên thật cao mà nói:

- Khoan đã ! ông là người có công với Nghĩa-hội hơn tôi nhiều lắm, xin mời ông ngồi lên cho tôi lạy sống ông năm lạy, còn hơn là ngày sau đứng trước bàn thờ mà lạy thần-chủ.

Cử-nhơn Phan bá Phiến lắc đầu, chấp hai tay lại mà vái thật nhanh, rồi luôn tiện bưng lấy gói thuốc, bỏ vào miệng một cách thản-nhiên mà nhắm mắt. Bây giờ là hạ-tuần tháng tư năm đinh-hợi. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu đứng nhìn người bạn rảy-rụa một hồi lâu cho tới khi thân-thể tứ-chi đã lạnh ngắt, quả tim đã ngừng đập hẳn, mới từ từ hạ-sơn, đi tìm một cái nhà tranh ở dưới

chân núi để báo:

- Tôi là hường-lô Nguyễn duy Hiệu, người cầm đầu Nghĩa-hội, mấy lâu nay bị chính-phủ Nam-triều ra lệnh tầm-nã. Tôi có một đồng-chí nữa vừa mới tự-vận ở trên Vọng-hải-đài. Xin anh đi trình công việc này với nhà chức-trách cho tôi và cứ trối tôi dẫn tới tỉnh-đường mà lãnh-thưởng.

Người nông-dân sợ tái mặt, cúi đầu xuống sát đất, lạy chí-tử mà nói :

- Tôi có nghèo cực thì tôi chịu, chớ không bao giờ tôi có thể làm việc ấy. Xin ngài tạm-trú với tôi một đêm, ngày mai tôi sẽ có diệu-kế.

Vừa nói xong, người nông-dân ra sập chiếc màn, gài then cho thật kín, rồi xuống bếp thổi lửa nấu cơm để khoản-đãi vị quý-khách.

Trong khi ấy, nghe tiếng động, một người hàng xóm, cũng là một nông-dân có biết chữ, chuyên về nghề thợ đá, rón-rén chạy sang, nhìn qua khe phen nửa, hiểu biết hết công việc, liền trở về thu-xếp đồ đạc, dặn-dò vợ con, rồi tức-tức chạy lên nha báo với quan huyện sở tại. Rạng ngày mai, một mặt, nhà chức-trách tới chùa Non-nước khám-xét tử-thi, lập ngay biên-bản, mặt khác viên tuần-vũ Quảng-nam phái lính tới bao-vây làng Quán-cái khắp bốn mặt. Lúc bấy giờ phó-bảng Nguyễn duy Hiệu đã từ-giã người nông-dân và trèo lên hòn Mộc, một trong năm hòn núi Ngũ-hành, nằm nghỉ trong một cái động. Lính Nam-triều tìm thấy, hô-hoán lên và chạy tới hỏi:

- Ông có phải là phản-tặc Nguyễn duy Hiệu hay không?

Vị thủ-lãnh Cần-vương gật đầu một cách thông-thả nói:

- Chính tôi là thủ-lãnh Nghĩa-hội, các anh cứ bắt tôi mà đem nộp cho nhà chức-trách.

Bọn lính Nam-triều lấy dây dừa trối xấp-ké bị can mà giải về tỉnh-ly.

Sau đấy hai hôm, Nguyễn Thân từ Quảng-ngãi lên đường ra Vĩnh-diện ngay và hạ lệnh cho viên tuần-vũ sở tại bỏ nhà chí-sĩ Cần-vương trong một cái củi heo, rồi đem biểu-diễn khắp mọi nơi, từ thành-thị cho đến những miền thôn-quê hẻo-lánh.

Đoàn quân áp tải theo con đường quốc-lộ, ra Cẩm-lệ lên chợ Túy-loan, trở vào Ái-ngĩa, và băng qua miền Chín-xã sông-con. Thỉnh-thoảng họ lại dừng bước tại những nơi tẩu-tập để cho dân-chúng có thể mục-kích tường-tận. Cụ Sơn-tẩu Đỗ đăng Tuyển ở làng Ô-gia, lúc ấy mới có mười tám tuổi, trông thấy nhà cách-mạng Cần-vương, liền nắm tay lại vỗ ngực thật mạnh mà nói với quần-chúng:

- Tôi thề sẽ báo-thù cho đến lúc chết.

Liền khi ấy, ông trở về nhà, lấy mã-tiền thạch-tín bỏ sẵn vào trong một cái túi áo, và đi liên-lạc với các đồng-chí để tiếp-tục cuộc tranh-đấu.

Ở làng Phú-thuận, thuộc phủ Duy-xuyên, cử-nhơn Nguyễn tử Thăng, nguyên kiểm-ly hạ-du trong Nghĩa-hội, vẫn còn nằm mê-mạn trên giường bệnh. Từ ngày bị cảm nặng ở vùng suối Nóng, hạt Quế-sơn, phải thuê người vồng về quê-hương, bệnh tình của ông không hề thuyên-giảm. Có nhiều đêm ông nằm chiêm-bao, thấy phó-bảng Nguyễn duy Hiệu thân-hành đến thăm viếng và hai người trò chuyện với nhau một cách thân-mật. Bữa nay ông vừa mới trải qua một cơn sốt trầm-trọng, nghe tin chủ-soái bị bắt, nhốt vào trong

một chiếc cũi đem đi khắp nơi để trấn-tĩnh dân-chúng, ông trợn mắt, thở ra một cái rồi cắn-khẩu mà chết không kịp chạy chữa.

Chính trong lúc ấy, đoàn quan quân, kèn, trống thính la đi trước, vẫn theo truông Phường-ranh vào chợ Trung-phước, vượt qua đèo Le, dừng lại một đêm tại chợ Việt-an, rồi theo đường núi vào làng Phú-lâm. Nghe tin chủ-súy bị bắt, tú-tài Lý thừa Trạch, tức Đội-Sơn cùng với một vài đồng-chí ra đứng chực ở bên đường cho tới khi chiếc cũi đi qua, ứa nước mắt dầm-dề cả hai vạt áo, mới chịu trở về. Từ đấy, ông cho dời tất cả vợ con vào miền sơn-cương để cho khỏi bị quân Pháp hành-hạ. Khi có lệnh đầu-thú, ông vẫn một mực phản-đối mà nói :

- Anh-hùng làm việc, không quay đầu bao giờ.

Ông trốn mãi trong núi Trà-cai, thuộc về huyện Tiên-phước, sống ẩn-dật cho tới khi chết.

Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu phải tiếp-tục cuộc hành-trình, theo gót giày của quân-thù, theo các điệu nhạc bát-âm của các quan sở-tại. Ra tới chợ Mới, Cẩm-kê, thuộc phủ Tam-kỳ, đoàn áp-tải dừng chân một vài phút để nghỉ chân. Lúc bấy giờ một số đảng viên đương vào ra ngôi nhà quan tế-tửu Nguyễn đình Tự ở làng Phú-thị, cách đấy chừng vài ba cây số. Họ là những kẻ thấy cùng đường phải ra đầu-thú qua sự trung-gian của một vị khoa-bảng ở trong tỉnh. Nghe tin chủ-súy bị bắt và bị dẫn đi trình-diện cho dân-chúng họ chạy ra để nhìn mặt một lần cuối cùng. Gặp nhau trở lại ở bên đường sau nhiều ngày xa cách, họ lặng đi trong đau buồn. Tất cả những kỷ-niệm xa xưa của một thời-kỳ đấu-tranh oanh-liệt lại theo cơ-duyên mà hiện về trong tâm-trí. Nhưng họ phải bó tay mà chịu, vì quân-thù trang-bị vũ-khí tối-tân, vũ-khí Việt-nam lại quá thô-sơ, lạc-hậu. Ai nấy nhìn vị thủ-lãnh ngôi tỉnh-ruội ở trong lồng mà ngậm-ngùi thương-xót. Phó-bảng Nguyễn duy Hiệu cũng cảm-xúc mãnh-liệt. Biết rằng một lát nữa đoàn áp-tải sẽ lên đường và mình phải vĩnh-biệt các đồng-chí thân-mến, ông liền xé vạt áo, cắn đầu ngón tay, lấy máu thấm vào cán bút lông rồi viết thoăn-thoắt một bài thơ "cảm-tác" như sau :

Tây Nam vô-địch xích đồng tri,
Tảo cập kim thời thượng khả vi,
Nhược sử giang-phong vô ảo viện;
Hà nan chung đỉnh thác cường di.
Hàn sơn kỷ đặc cô tùng kình,
Đại hạ an năng nhất mộc chi.
Hảo bả đơn tâm triều liệt thánh;
Trung thu minh nguyệt ban ngô qui.

Viết xong, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu cầm tấm vải ném ra ngoài đường vào chỗ có nhiều người tụ-tập để tiễn-biệt. Một chiến-sĩ cần-vương nhật lấy bài thơ đem phổ-biến ra trong dân-chúng. Vị thủ-lãnh Nghĩa-hội phải bị áp-tải

về tỉnh-ly Quảng-nam, tại đây người con trai của ông đã bị bắt được nhốt chung vào trong cũi. Đoàn quan quân tiếp-tục cuộc hành-trình, đưa chiếc cũi lịch-sử từ Vĩnh-diện cho tới Thuận-hóa, trên con đường thiên-lý dài dằng-dặc.

Đoạn kết của một bậc anh-hùng

Thời bây giờ, giòng Hương-giang đã mất đi vẻ êm-đềm, thi-vị. Triều-đại vua Tự-Đức và Hàm-Nghi, thành-phố Huế đương vang rộ dưới gót giày của các vị tướng-lãnh, dưới bàn chân của nhiều thứ binh-chủng. Lục-quân với những cái gươm cái giáo sáng quắc, những khẩu súng thần-công nặng-nề, chậm-chạp, những bộ triều-phục kèn-càng, yếu đuối. Thủy-binh với những mái chèo nhịp-nhàng, uyển-chuyển, những chiến-thuyền với hàng trăm thủy-thủ ngồi sắp hàng dài hai bên khoang. Sớm cũng như chiều, những chiếc xuồng nho nhỏ lướt sóng để vận tải hàng quà bánh hoặc lương-thực cần-thiết cho đám quân-nhân. Thỉnh-thoảng chen lẫn vào những giang-đỉnh cổ-truyền, là một vài chiếc thuyền rồng xa-hoa đương trôi nhanh theo làn gió, mang theo những vị công-chúa yêu-kiều điểm-lệ.

Hai bên bờ sông, không còn bóng dáng của những ông hoàng-thân phong-lưu, si-tình hay theo chọc-gheo những cô gái xinh xinh bắt gặp ở hai bên đường. Bến Thương-bạc cũng vắng đi những bậc công-tử ăn dưing ngồi rồi, mỗi ngày tụ-tập để ngâm thơ, vịnh cảnh, làm nên những câu thơ, câu hò bất-hủ. Thời-đại bây-giờ là thời-đại chiến-tranh, tác-phong bây-giờ là tác-phong thượng-võ. Tuy ở trong thành-nội có bày ra viện Tập-hiến, tuy ở miền Vỹ-dạ, văn-nhân thi-sĩ thỉnh-thoảng có gặp nhau để xướng-họa, tuy Mạc-vân thi-xã của hai ngài Tùng-Thiện, Tuy-Lý có trở nên nổi tiếng trên toàn quốc, nhưng ở khắp đâu đâu trong kinh-đô, người ta cũng luyện-tập võ-nghệ, cũng rèn đúc khí-giới để chiến-đấu với quân-thù. Dọc theo hai bờ sông Hương-giang, không có chỗ nào là không có những trại thủy-quân lợp tranh, nằm san-sát với nhau. Trên mặt nước, những nhà thủy-tạ, có đôi khi là những câu-lạc-bộ cho văn võ bá quan, nhưng cũng có đôi khi dùng làm biệt-thự cho các vị thủy-quân đô-đốc. Những ngôi nhà này đã bị người Pháp đã đốt cháy để lấy ánh-sáng chiếu vào thành-nội trong nhiều trận giao-chiến. Du-khách có dịp viếng thăm thành-phố Huế, đứng nhìn giòng nước lờ đờ, trong giây-lát, họ có thể ngậm-ngùi trước một triều-đại đã qua, luyện-tiến cái vẻ cổ-kính còn bàn-bạc trên những cung-điện, những lăng-tẩm. Họ đâu có nghĩ tới những tấn-tuồng bi-thảm, những cảnh-sắc huy-hoàng, những trang-sử oai-nghiêm, hùng-tráng đã diễn ra trong thời kỳ vàng son xa xưa ấy.

Vào thượng-tuần tháng tám năm đinh-hợi, trại Võ-lâm, trên bờ sông Hương-giang, lại có vẻ xôn-xao, rộn-rịp hơn lúc thường. Dân-chúng kéo nhau tới xem đông như kiến và vì không hiểu rõ việc gì, cứ bảo thăm với nhau " giặc !

giặc ! ". Nhiều người hiếu-kỳ chen-chúc vào tới trong võ-khố, bị hàng rào lính thủy ngăn chặn lại, phải tháo lui, gặp ai muốn hỏi thì đứng chống nạnh mà nói ra vẻ thông-thạo:

- Cọp! cọp!

Quần-chúng nghe nói như vậy liền xông tới, bu kín-mít chung quanh diễn-giả mà chất-vấn :

- Cọp thật đấy, lớn hay nhỏ thế hờ anh ?

Một vài đứa con nít ra vẻ thức-thời lắm, cũng trèo lên một đồng gỗ kê sát bên tường, rướng chân lên mà nói leo một câu cho thỏa dạ :

- Cọp thật đấy các bà con ơi! một con vằn, một con vện !

Có nhiều vị bô-lão, đứng nghe ngóng mà chưa hiểu rõ cố-sự ra làm sao, liền át tiếng bầy ranh con, mắng khế:

- Con nít biết chi việc triều-đình mà cũng xốn mày, xốn mặt lên ?

Trong khi ấy, một người lính giản, từ phía bên trong tòa nhà vừa mới mở cổng bước ra, dân-chúng lại bỏ dở câu-chuyện, rủ nhau quay-quần chung quanh người lính để tìm hiểu manh-mối. Nhưng vị quân-nhân này cũng không biết gì hơn, chỉ nghe lóm câu chuyện nửa được, nửa mất từ cửa miệng một người bạn đồng-sự, liền bịa-đặt một vụ vây cọp ở trên miền sơn-cước để lừa dối đồng-bào và lánh đi chỗ khác cho dễ-dàng hơn. Không ngần-ngại, hắn liền nói:

- Cọp thật đấy! một con lớn, một con nhỏ.

Có người hỏi thật to:

- Chết hay sống thế hờ anh ?

Người lính xua tay trả lời một cách cương-quyết:

- Còn sống mà lì! vây hội ở trên núi, làm sao mà chết được?

Sự thật thì bữa ấy, ở tại kinh-sự, không có voi, không có cọp như người ta hay tưởng-tượng, ở các tỉnh lân-cận cũng không có một con ác-thú nào sập hầm hay mắc bẫy. Chỉ có một vị anh-hùng cái-thế, một bậc công-thần nguyên-luân, người đã châm ngọn đuốc cho phong-trào cần-vương, chống Pháp cứu nước ở Việt-nam, phải lọt vào nanh-vuốt của bọn quan-lại bán nước, phải sa vào lưới sắt của bọn thực-dân. Sự thật là như vậy!

Sau khi bị bắt tại Ngũ-hành-sơn, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu bị nhốt trong một cái cũi sắt với người con trai và cứ y như thế mà giải về Thuận-hoá. Cũi dài ba thước tây, rộng hai thước. Người con trai vừa được mười lăm, mười sáu tuổi. Vào tới kinh-đô, tù-nhân vẫn bị nhốt trong cũi sắt và được đưa vào để trong trại Vô-lâm, làm cho dân-chúng phải một phen thắc-mắc.

Khâm-sứ Pháp ở Trung-việt là Louis Baille thương-lượng ngay với chính-phủ Nam-triều và thành-lập một hội-đồng hình-quan để tra xét.

Cuộc thẩm-vấn diễn ra một cách dễ-dàng, mau chóng vì bị can lúc nào cũng thản-nhiên, bình-tĩnh, khai-báo một cách hết sức rõ-ràng, dứt -khoát. Hình-bộ thượng-thơ Nguyễn Thuật muốn hỏi-tị và đề-nghị nên đưa vụ này ra xét-xử trước hội-đồng cơ-mật, vì bị can đã thẳng tới hàm hồng-lô tự Khanh, mà lại còn thuộc về hàng phiến-loạn đặc-biệt. Hai chính-phủ Nam-triều và Bảo-hộ đều thỏa-thuận như vậy.

Ngày mười ba tháng tám năm đinh-hợi, các vị đại-thần trong viện cơ-mật mới hội họp đông đủ tại nhà Di-luân: người đại-diện cho Bảo-hộ là Khâm-sứ Louis Baille và quan đốc-phủ-sứ Diệp văn Cương; đại-diện phía Nam-triều có Lại-bộ thương-thư kiêm viện-trưởng cơ-mật Nguyễn trọng Hiệp, các vị thượng-thơ Nguyễn Thuật, Hồ Lê, Tôn-thất Phan, quan tham-tá Nguyễn Hoàng và phủ-thừa Tôn thất Bá. Đúng tám giờ sáng phiên tòa phải khai-mạc. Trước đấy chừng vài khắc, chương-vệ Nguyễn hữu Văn phải thân-hành ra trại Võ-lâm để đưa bị can xuống thuyền, theo con sông Ngự-hà, đục xuyên qua thành-nội mà tiến về ngã Lục-bộ. Chiếc thuyền vừa mới cập bến, mấy lính áp-tải còn đương chuẩn-bị đưa bị can lên mặt đất, thành-linh một cái dùi nhọn bằng sắt từ trong góc cũi văng ra thật nhanh, rơi một cách nặng-nề xuống nước. Lúc bấy giờ ai nấy cũng hết sức ngạc nhiên; trong thâm-tâm, mọi người đều yên-trí rằng bị can đã có âm-mưu với bên ngoài để thoát lìa cũi đời trước giờ bị xét xử. Tuy vậy người ta cũng không có quyền phán-đoán, bàn-luận phù-phiếm, vì từ trong pháp-đình, một hồi-trống châu đã vang lên, rầy-rà, thúc-giục. Mấy tên lính áp-tải chỉ biết thu-nhặt lấy tang-vật để trình lên thượng-cấp, rồi vội-vã lên đường.

Trong chốc lát, chiếc cũi lịch-sử đã lọt vào trong phòng hội-đồng chiếm hết một vị-trí khá rộng. Bị can không được phép ra khỏi chuồng giam trong trường-hợp nghiêm-trọng này, cứ ngồi im-lặng trên lá cốt tre ở một góc cũi, mình bận một cái áo the đen hơi nhàu-nhàu, đầu chít cái khăn nhiễu màu đen còn nguyên-vẹn, hai chân xếp bằng gọn-gàng, tròn-trịa theo kiểu nhà Phật, hai tay dựa trên một cái hộp cau trầu lát xa-cừ, đặt ngay bên cạnh. Chốc chốc bị can lại dơ tay lên, phe-phẩy chiếc quạt giấy một vài cái như để xua đuổi bớt làn không-khí nặng-nề, áp-bức trong phòng họp, rồi khoan-thai nhìn quanh-quất với cặp mắt đen như củ tam-thất, long-lanh, bình-tĩnh. Bị can trạc ngoại tứ-tuần, dung-mạo tuấn-tú uy-nghi, trán bích-lập, mũi điều-hâu. Ở góc bên kia, người con trai cũng ngồi theo kiểu ấy, thân-hình tiêu-tụy, mặt tái-mét, bơ-phờ vì những đêm thao-thức, những cơn mệt nhọc liên-tiếp ở trên đường thiên-lý mà tuổi-tác, tính-tình không cho phép y chịu đựng nổi. Người thành-niên hiền-lành chất-phác ấy sẽ không phải tù-tội, mất đầu vì một lẽ giản-dị là y không có chân trong Nghĩa-hội và không bao giờ tham-dự các cuộc bạo-động tại miền sơn-cước. Tiểu-phủ-sứ Nguyễn Thân chỉ bắt-buộc y phải gia-nhập vào đoàn lính-tập sơn-phòng và phải vào lưu-trú vĩnh-viễn tại Quảng-ngãi.

Lúc phiên tòa khai-mạc, tìm cách che-chở cho các đồng-chí trong Nghĩa-hội đông tới chừng vài trăm người, bị can bình-tĩnh và với một giọng ôn-tồn răn-rỏi một mực khai rằng:

- Ở miền nam này, trong hàng ngũ sĩ-phu Nghĩa-hội, tôi là người khởi-xướng thành-lập, tôi là thủ-lãnh chịu trách-nhiệm quyết-định mọi công-việc, là người duy-nhất có quyết tâm khởi-nghĩa mà thôi. Những người khác từ hoàng-giáp Phạm như Xương, tiến-sĩ Phạm Tuấn sắp xuống, đều là người thừa-hành của tôi cả, bị tôi ép-buộc mà phải miễn-cưỡng vâng-lời, chớ tự họ, họ không có ý gì khác. Nếu họ không nghe theo tôi, như trường-hợp tú-

tài Trần Thừa, thì sẽ có lưỡi gươm của tôi kề ngay tận cổ. Xin chém một mình tôi, đừng nhọc lòng hỏi tội những hàng phụ-thuộc.

Nghe bị-can cung-khai như vậy, hình-bộ thượng-thư Nguyễn Thuật lật chồng hồ-sơ ra xem một lần nữa, thấy bị-can thủy-chung vẫn giữ một lập-trường duy-nhất, mặc dầu bị quan trên đổ-dành, hay bị lính sơn-phòng tra-tấn một cách tàn-nhẫn. Trên những tờ giấy trung màu la-ngà, những nét mực đen của bị-can vẫn còn bày sờ sờ ra đấy: "Quảng-nam Nghĩa-hội duy Hiệu nhất nhân tự Hiệu dĩ-hạ do Hiệu áp-bức". Hình-bộ thượng-thư Nguyễn Thuật đọc xong tất cả giấy tờ một lượt, lạnh mình và hỏi bị-can một lần chót:

- Ngài còn muốn khai điều gì nữa không ?

Bị can lắc đầu một cách thản-nhiên và sè chiếc quạt cầm sẵn trên tay ra phe-phẩy một vài cái nhẹ-nhàng, khoan-thai.

Cuộc thẩm-vấn đã kết-thúc. Các vị đại-thần rủ nhau đi vào trong phòng kín để luận tội. Chỉ có Khâm-sứ Louis Baille, đốc phủ-sứ Diệp văn Cương, phủ-thừa Tôn thất Bá không đi theo mà sang một phòng khác, ngồi mạn-đàm. Câu chuyện quây quanh vấn-đề phiến-loạn. Khâm-sứ Louis Baille lấy ra một cuốn sổ nhật-ký, lật nhanh một vài trang, đưa cho đốc-phủ-sứ Diệp văn Cương xem :

Hồng-lô Nguyễn duy Hiệu bị bắt giữa Hội-an và Đà-nẵng. Người này còn trẻ tuổi, học giỏi và có nghị-lực phi-thường. Sau khi vua Hàm Nghi chạy ra Tân-sở, bị can khởi-nghĩa tại Quảng-nam, hoạt-động tại miền rừng núi, kết-hợp các đồng-chí văn-thân thành một đảng cách-mạng duy-nhất có chủ-trương, kế-hoạch hần-hoi và dần dần đã nổi tiếng ở trong dân-chúng, qui-tụ những tình phụ-thuộc gần thành một tiểu-quốc. Tính-tình nghiêm-nghị, trầm-lặng, răn-rỏi bị can đã hướng-dẫn quần-chúng chống lại triều-đình hiện tại và biến phong-trào phiến-loạn ở Quảng-nam thành một cuộc khởi-nghĩa rộng lớn, kéo dài từ biên giới Nam việt cho tới Hải-vân-quan. Chẳng bao lâu, bị can đã gieo-rất được tinh-thần ái-quốc, ý-chí quật-cường cho dân-chúng, đã thức-tỉnh những khối-óc từ trước đến nay vẫn ngây-thơ, mộc-mạc. Bị can đã kích-thích xúi-giục phong-trào bài-ngoại. Sách lược của bị can cũng khá đơn-giản, chỉ nhằm một mục-đích duy-nhất là tiêu-hao lực-lượng địch bằng lối du-kích chiến. Vì vậy những toán quân viễn-chinh của Pháp phải bị quấy-rầy không ngớt, không có đêm nào là các vị-tướng lục-lâm không tới khiêu-khích một vị-trí này, tấn-công một đồn-lũy khác, rồi bỏ trốn tức-khắc để tránh những cuộc truy đuổi. Nếu không nhờ tới sự hợp-tác của tiểu-phủ-sứ Nguyễn Thân, một vị tướng-lãnh cực-kỳ thông-minh, đã ghi được nhiều thành-tích vẻ-vang trong cuộc chinh-phục xứ Quảng-nam, chính-phủ bảo-hộ còn phải chịu nhiều sự thảm-họa hơn nữa. Sự đầu hàng của bị can tại núi Ngũ-hành-sơn là một việc bất-đắc-dĩ. Trong thâm-tâm tất cả mọi thành-phần dân-chúng từ các vị quan-lại có trọng-trách trong triều-đình đến các hạng tráng-đinh cùng vô sở xuất, ai nấy cũng mến-phục cái lòng khảng-khái, cái tính cương-nghị của bị can. Do đó những kẻ có thẩm-quyền trong vụ án-tiết này, cũng không thể nào có một sự phán-đoán chính-xác, hợp-tình hợp-lý để có thể tránh khỏi những lời thanh-nghị của hàng trí-thức, những dư-luận của quần-chúng

trong nhiều thế-kỷ trở về sau. Nói cho thành-thật, bị can không thể nào được miễn-tố, được ân-xá, được áp-dụng trường-hợp giảm-khinh hay là hưởng một sự khoan-hồng nào khác của chính-phủ. Bị can đã chống-chất nhiều sự phá-phách, nhiều sự chém-giết ở trên vai rồi. Chính theo mệnh-lệnh của bị can mà nhiều tín-đồ công-giáo đã bị sát-hại tàn-nhẫn tại Bình-kiều, tại Tân-an, tại Phú-bình, tại Trà-kiệu, và nhiều nơi khác nữa. Chính theo mệnh-lệnh của bị can mà nhiều bậc văn-thân có uy-tín trong dân-chúng phải bị giam-giữ tại nhà lao-xá Nghĩa-hội ở Tân-tĩnh và bị thiêu-hủy một cách hết sức thê-thảm. Chính theo mệnh-lệnh của bị-can mà đại-úy công-binh Besson đã bị phục-kích tại làng Nam-quan, gần đèo Hải-vân với nhiều tên lính tùy-tùng và bị hành-thích một cách hết-sức dã-man. Chỉ mỗi một việc sau này cũng có thể gạt sự trặc-ấn ra khỏi tấm lòng của một viên sĩ-quan cai-trị Pháp.

Đốc-phủ-sứ Diệp văn Chương vừa đọc xong đoạn nhật-ký, thở dài một cái, nhìn sang bên cạnh, thấy các vị đại-thần đã lục-tục kéo ra. Bây giờ hội-đồng cơ-mật họp lại để tuyên-án. Thượng-thư Hồ Lê đứng lên đọc bảng cáo-trạng một cách đồng-dục:

- Chiếu-chi vào năm giáp-tuất, Hường-lô Nguyễn duy Hiệu có ra Thuận-hóa họp mặt với Tôn thất Thuyết, Nguyễn văn Tường, Nguyễn thiện Thuật, Phan đình Phùng để âm-mưu chống lại chính-phủ Bảo-hộ.

Chiếu chi vào năm â-tậu, sau ngày vua Hàm Nghi khởi loạn, bị can đã cùng với tiến-sĩ Trần văn Dư ở Quảng-nam, cử-nhơn Lê trung Đình ở Quảng-ngãi, cử-nhơn Mai xuân Thường ở Bình-định lập ra Nghĩa-hội, chiếm-đoạt tỉnh-lỵ, tổ-chức chính-quyền, tạo thành nhiều thảm-họa ở trong dân-chúng.

Chiếu chi theo phong-tục và luân-lý Việt-nam thì sau khi thân-mẫu già đến ngoại bát tuần bị bắt, bị giam-giữ và bị tra-tấn, bị can phải tự mình ra xuất-thú để chuộc tội cho những bậc sinh-thành. Việc này đã không xảy ra. Chiếu chi, bị can, không những không cải-tà qui-chánh mà lại còn tìm cách chống cự với triều-đình, tiếp-tục cuộc đấu-tranh với chính-phủ Bảo-hộ, làm cho binh-sĩ phải nhọc lòng đi chinh-phạt, phải tổn nhiều xương máu. Chiếu-chi bị can là một kẻ phản-loạn đã coi thường cái tư-cách của một vị công-thần, đã làm mất cái thanh-danh của một nho-sĩ.

Vì những lẽ ấy, hội-đồng cơ-mật xử:

- 1.- Bị can phải bị tội trảm-quyết,
- 2.- Đầu phải chớ về bên lại tỉnh nhà,
- 3.- Thân mình phải bị chặt ra làm bốn mảnh để đem trưng-bày tại các ngả chợ.

Nhờ có Khâm-sứ Louis Baille chính-thức can-thiệp, các vị đại-thần mới duyệt lại khoản thứ ba nên việc phân thân mới bị bãi-bỏ. Chiều bữa ấy, lại-bộ thượng-thư Nguyễn trọng Hiệp vào cung Càn-thành để yết-kiến vua Đồng-Khánh và dâng bản án lên cho Hoàng-thượng cứu-xét.

Nhà vua đọc xong lời phán-quyết, suy-ngĩ rồi nói:

- Đức Thế-tổ tiêu-diệt nhà Tây-sơn, sát-hại các vị tướng-lãnh: Trần quang Diệu, Bùi thị Xuân, Nguyễn văn Thành, Đặng trần Thường một cách hết sức

tàn-nhân, mà đến nay con cháu nhà Nguyễn vẫn còn ở trên ngai vàng. Từ ngày lên chấp-chánh Trẫm mới giết có một quan thượng-thư Phan đình Bình mà thôi, nay phải thêm vào lý-lịch một nhân-vật thứ hai nữa để cho hậu-thế khỏi có lời dị-nghị.

Đoạn nhà vua lấy một cái cán bút son, vạch một cái dấu tròn nhỏ xúi ở phía dưới bản án, cái dấu rất quen thuộc quyết-định sự sống còn của dân-chúng. Nhà vua trả tất cả hồ-sơ lại cho quan thượng-thư mà căn-dặn kỹ-lưỡng:

- Trẫm rất bằng-lòng và trông cậy nơi ngài để vụ tử-hình này được thi-hành tức-khắc.

Thượng-thư Nguyễn trọng Hiệp phụng-mạng ra về.

Cách một ngày sau, vào lúc năm giờ sáng, bọn lính Võ-lâm vào thức bị can dậy, và bùng sẵn ở trên tay một mâm cơm đầy những thức ăn khá sang-trọng. Biết giờ quyết-liệt đã đến, bị can thay quần áo, bịt khăn đen thật chỉnh-tề và lấy sổ tử-vi ra xem. Sau đó, vào lúc tám giờ, lại có một vị hình-quan, mặc triều-phục vào dừng bước trước cổng trại và ra dấu cho binh-sĩ khởi-hành. Mấy tên lính áp-tải đưa chiếc cũi xuống dưới bến, đặt vào khoang thuyền đi ngược giòng lên cầu Bạch-hổ, theo con sông đào mà ra chợ An-hòa. Trên một chiếc thuyền hộ-tống, đi trước, có một tên lính cầm một tấm gỗ sơn son thiếp vàng, chốc chốc hấn lấy đuôi gỗ thật mạnh vào cái thỉnh-la treo ở bên cạnh rồi đọc lệnh xử trảm của nhà vua cho mọi người được biết. Nghe có tiếng huyền-náo, dân-chúng chạy ra xem đen nghịt và đứng nhìn ngơ-ngác. Chẳng bao lâu chiếc thuyền đã dừng lại, bọn lính áp-giải dẫn bị can ra pháp-trường. Liên khi ấy, một lũ người đông-đảo tập hợp lại trên bãi cỏ tạo thành một bối-cảnh hết sức linh-hoạt. Ở phía giữa khoảnh đất trống-trải tiếp-giáp ngay với con đường quốc-lộ, theo thủ-tục hướng-hành, người ta có đào một cái huyết khá sâu, lát dăm-bào, và trồng một cái cọc dài chừng một thước tây. Cỏ dại ở hai bên miệng hầm đã được giẫy trơ tru bóng láng như trong một ngày Tết. Trên mặt đất vừa mới dọn-đẹp, mấy tên giáp-trưởng làng sở-tại còn rắc một lớp cát mịn-màng, trắng trẻo. Người ta đã chuẩn-bị một cách tỉ-mỉ để đón tiếp hai vị đại-diện của chính-phủ trực-tiếp chứng-kiến vụ tử-hình này. Họ đã thân-hành tới dự buổi lễ, ngồi chễm-chệ trên hai con voi ngà cao lớn, đầu che lọng vàng, mình bận áo triều-phục. Ở về phía bên trái, người ta đã bố-trí hai tên lính mặc áo dậu, một người cỡi một con ngựa kim, tay cầm một cái giáo dài, lưng đeo một chiếc ống vọi. Không nhần-nại được, mấy con tuấn-mã, từng chặp, lại giẫm chân, xù lông hí lên rộn-rã làm cho mấy tên lính giản khiêng thỉnh-la đứng ở bên cạnh và phưởng nhạc bát âm, ngồi bệt ở dưới đất, cũng phải xôn-xao trong tắc dạ. Ở về phía sau là nơi tiếp xúc với thôn xóm, người ta đã huy-động nhiều toán lính khố xanh, kẻ mang súng trường, người đeo mã-tấu, để giữ-gìn trật-tự. Họ còn đương tụ-hợp chuyện trò với nhau, nhưng một lát nữa họ sẽ phân-tán để tạo-thành một tấm bình-phong vững chắc giữa hội-trường và dân-chúng. Còn về phía trung-tâm, sát với miệng hầm người ta có đặt một cái châu-án với một bộ bút-nghiên và năm bảy tờ giấy trắng. Mấy tên đao phủ thủ đều bịt khăn đen, mang hài xám, mặc áo cổ y, và buộc ở giữa thân hình

một tấm vải điều màu sắc sỡ. Trên vạt đất mới mẻ, tròn trịa như một cái tán mặt trăng, họ còn đi qua đi lại một cách tự do, y hệt những vị tử thần trước giờ sát phạt, cầm sẵn ở trên tay một cái gươm thật dài, hình cong cong, mũi nhọn hoắt. Bỗng chốc từ phương xa, một tiếng vọi nổi lên, vang dậy khắp nơi, rồi tắt dần trong không khí. Ở tại hội trường, mấy tên kỵ-mã cũng hưởng ứng theo tiếng vọng xa xăm mà gọi lên đồng dục, làm cho cử tọa phải rùng rờ, tê tái:

- Giờ trăm-quyết đã đến.

Lệnh truyền ra tất cả mọi người đều phải bận rộn: mấy vị hình quan phải lo chỉnh đốn cân đai, mấy tên lính khố xanh phải lo chạy qua chạy lại lảng xảng, mấy con voi ngà phải lo nguýt đuôi, mấy con ngựa kim phải lo nhảy nhót, trống phải gióng, chiêng phải khuua, phường nhạc bát âm phải lo cử bài mật niệm. Đáng chú ý hơn hết là đoàn quân áp tải còn đứng chầu chực ở bên đường quốc lộ, họ không có thể nghe điều gì, nói điều gì, thấy điều gì hết trước khi bị can đã vào pháp trường. Hình như tên đao phủ thủ cũng có những mỗi cảm xúc tương tự, cho nên một khi nhận được lệnh thượng-cấp, hắn liền tách rời các bạn đồng nghiệp, vọi vàng chạy ra ngoài cổng để hưởng dẫn bị can lên đoạn đầu đài.

Bây giờ hai nhân vật tiến bước song song trên lối cỏ mòn, giữa những điệu nhạc bát âm buồn rầu, thảm đạm, những tiếng kêu vang, những lời nguyện rửa của một lũ người huyền ảo. Nhưng những lời thanh-nghị của sĩ phu, dư luận của quần chúng bị trấn áp ngay, chỉ trong chốc lát an-ninh lại được vẫn hồi y như cũ. Mặc dầu bị nhốt lâu ngày trong một cái cũi chật hẹp, bị đối xử tàn-tệ hơn những con súc-vật trong gánh hàng của một nhà thương-mại, bị can vẫn ăn nói, cử-động một cách tự-nhiên, không mảy may tỏ vẻ mệt nhọc. Vào tới trung tâm pháp trường, bị-can đứng dựa vào chiếc cọc tre, khoan-thai nhìn đồng-bào một lần cuối cùng, rồi kín-đáo nhoẻn miệng cười. Chẳng muốn để cho một kẻ tử-hình hưởng tự-do nhiều hơn nữa, tên đao-phủ-thủ tiến lại gần, mở khuy áo của bị can, lật bầu xuống cho tới ngực, rồi nói khe khẽ:

- Ngài có muốn trời-trần điều gì hay không?

Bị can sức nhớ đến mấy nhà cách mạng tiền-bối, lên tới máy chém mà vẫn còn múa bút làm thơ, không hề luyến-tiếc cuộc đời, không có một tí gì là sợ sệt. Bị can cũng muốn noi theo cái truyền-thống hào-hùng, cái khí-phách ngang-nhiên, siêu thoát ấy và trả lời:

- Tôi có vài câu tâm-sự, muốn bày tỏ cùng toàn-thể quốc-dân, nhưng lại thiếu phương tiện.

Tên đao phủ thủ hiểu ý ngay, liền chạy đi tìm những thứ dụng cụ văn phòng cần thiết, đem lại trao cho bị can và nói:

- Hiện nay chúng ta chỉ còn tối-đa là mười phút, xin ngài làm cho thật nhanh, quẻo nữa tôi lại bị khiển trách.

Bị can lấy bút mực ra, mỉm cười nhẹ nhẹ lần thứ hai như có một ý-tưởng vui-tươi, hiền-hòa vừa mới chạy thoáng qua trong tâm-trí, rồi cúi xuống viết một hơi bài "Tuyệt mệnh" như sau:

Cần-vương thế dữ bắc nam đồng,
Vô-nại khuôn tương lộ vị-thông.
Vạn-cổ can-thường vô ngục tháo;
Bách-niên tâm sự hữu Quan Công
Thiên-thơ phận dĩ sơn-hà định;
Địa-thế sâu khan thảo-mộc cùng
Ký-ngữ phù trâm tư thế giả
Hữu-tương thành bại luận anh-hùng

Viết xong, bị can nhìn đi nhìn lại những giòng mực đen chạy ngoằn ngoèo trên tờ giấy trắng tinh-vi, sắc-sảo chẳng khác một tấm thiếp lan-đỉnh ngày xưa rồi đứng dậy nói với tên đao-phủ-thủ:

- Thôi! Tôi xin đi, ông hãy giúp cho tôi được yên-ổn.

Bị can chưa dứt lời thì một hồi trống-chầu đi song song với một hồi thỉnh-la bỗng chốc nổi lên inh-ỏi. Tiếp theo đó, phường nhạc bát-âm cũng bắt đầu hoạt-động trở lại, gieo vào hội-trường những âm điệu lạnh-lùng bi-đát. Tên đao-phủ-thủ liền đưa bị can tới chiếc cọc tre, lấy dây buộc hai cánh tay lại, rồi huơ chiếc gươm lên thật cao để lấy đà mà chém. Bị can trông thấy một tia ánh-sáng đi qua thật nhanh ở trước mắt, mím cười một lần chót, rồi tắt thở một cách vô-tư, bình-thản, nét mặt vẫn không thay-đổi, nước da vẫn không tê-tái, y hết như một kẻ lữ-hành khi lên đường trở về quê-quán. Bây giờ là ngày rằm tháng tám năm đĩnh hội.

Chiều bữa ấy, một chuyến xe lửa đặc-biệt khởi-hành từ Phú-xuân vào Đà-nẵng mang theo một cái đầu người còn tươi rói. Viên án-sát Quảng-nam thân-hành ra đón nhận cái thủ cấp-ấy, đem về bêu tại bến đò Vĩnh-Điện, ở về phía tả-ngạn sông Câu-nhí. Chính trong lúc ấy, một viên đội-lệ và năm tên lính trạm phải cấp-tốc rời bỏ tỉnh lỵ để về những miền thôn-quê hẻo-lánh, mang theo một nhóm vỏ lửa lông gà và một lá cờ vì có viết mấy giòng chữ thật lớn:

"Nguyễn duy Hiệu đại thủ lĩnh Nghĩa hội đã bị trảm-quyết."

Phong trào Đông-du: bước khởi đầu

Lâu năm về sau, vào một buổi chiều tà, khi ánh dương còn phản chiếu lấp-lánh trên mặt nước bao-la trải dài từ chân dãy ngũ hành sơn, hai người đàn-bà lên ngồi trên Vọng-hải-đài. Người đàn bà thứ nhất, trạc ngoại tứ tuần, dáng vẻ phong-lưu, ngâm nho-nhỏ bài "Vịnh chùa Non-nước " của nhà cách-mạng Châu thượng Văn ở Hội-an :

Hay là ông thánh khổng lồ xây,

Mới có non non, nước nước này.
Ngó lại, ngó qua, năm đồng đá,
Tu lên, tu xuống mấy ông thầy.
Lên đài Vọng-hải, trông xa hoắt,
Vào động Huyền-Không ngó trống quầy.
Lếu-láo ngâm đưa ba chén rượu,
Cối trần âu cũng có tiên đây.

Người đàn bà thứ hai nghe bài thơ, nói một mình:

- Hai câu kết quá hay, lại đáp trả chính xác bài thơ của nữ-sĩ vùng Nghệ-tĩnh.

Nghe lời khen bài thơ, người ngâm thơ hỏi:

- Bài thơ chỉ tả cảnh chùa, đâu có đối đáp với ai, sao chị nói vậy?

- Đạo trước em vào huyện Hà-đông, ngủ lại một đêm tại vạn Tam-kỳ, có gặp một nữ-sĩ tên là Nguyễn thị Đào, người ở huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an, cháu nội quan thám-hoa Nguyễn đức Đạt. Bà có làm một bài vịnh Hà-đông, ý thơ có tính cách khinh-rẻ xứ Quảng chúng ta. Em xin đọc bài ấy cho chị nghe, xin chị hãy chú-ý tới hai câu-kết, rồi bà cất giọng trong-trẻo, ngâm lên một bài bát-cú như sau

Trước huyện Hà-đông vốn ở đây,
Có đồn dây thép, có lầu Tây.
Giòng sông Tứ-chánh, quanh quanh chảy,
Ngọn núi Tùng-lâm, lấp lấp xây.
Kim đài đai vàng, đâu thưở trước,
Thạch-kiều cầu đá đỏ ngày nay.
Sông Tiên nào thấy ông tiên tắm,
Vãi lưới, buông câu mấy lão chài.

Người thứ nhất là bà Phan Quyển, tục gọi là bà Bang Nhẫn, ở làng Bảo-an, tỉnh Quảng-nam, một nữ-sĩ có tiếng trong văn-học. Người bạn song-hành là ca-nữ vô-danh, không rõ lai-lịch. Hai người chuyện trò một lúc rồi cùng nhau xuống núi và tạm-biệt nhau khi ra tới bến đò sông Hàn-giang. Nữ văn-sĩ lên đường về mạn-ngược, ca-nữ ở lại, đứng một mình trên bãi cát. Trên giòng sông, vang-vọng giọng ca lạnh-lãnh của một thôn-nữ chèo đò:

Tai nghe tiếng nổ cái đùng;
Tàu Tây đã đến Vũng-thùng bậu ơi!

Câu thơ nhắc đến thời-kỳ ban-sơ trong cuộc tiếp-xúc với người Pháp, khởi đầu một giai-đoạn đau thương cho dân tộc làm động lòng một khách lữ-hành đương trôi-nổi bênh-bồng trên sông, từ đó một giọng hát ứng-đối trỗi lên trong khoảng không bao-la trời mây nước:

Mưa trên trời, mưa xuống,
Gió ngoài Hà-nội thổi vô.
Từ ngày thất-thủ kinh-đô;
Ông Tây về dăng dây thép;
Họa địa-đồ nước Nam.

Lời thơ nhắc đến trận chiến-tranh giữa người Pháp và triều-đình nhà Nguyễn,
đến cuộc xuất-bôn của vua Hàm-nghi ra Tân-sở, một người đánh cá đang
neo thuyền ngoài-khơi, cũng cất giọng lên hát hà hát hồng một mình:

Chiều chiều mây phủ Hải-vân;
Chim kêu gành đá, gấm thân lại buồn.

Lời ca trầm buồn làm liên-tưởng đến thời-kỳ người Pháp mới bắt-đầu xây-
dựng con đường hoả-xa giữa Hội-an và thành-phố Huế. Trong giai-đoạn này,
người dân xứ Quảng-nam phải cõm đùm cõm gói ra làm công-ích tại đèo
Hải-vân, phải chịu lắm điều vất-vả. Trong khi hành-dịch xa-xôi, họ phải vật-
lộn với bệnh sốt-rét hiểm-nghèo, phải chống chọi với ma-thiêng nước độc.
Lúc trở về nhà, họ còn phải sống dưới sự áp-bức của bọn cường-hào, phải
chịu sự bóc-lột của bọn tham-quan ô-lại, vì vậy họ phải tổ-chức những cuộc
khởi-nghĩa liên-tiếp để loại-trừ bọn thực-dân. Nhờ có tinh-thần bất-khuất
nung-nấu trong lòng, họ đã đứng dậy nhiều phen để phản-đối bạo-quyền,
bất-cứ từ phương nào gởi đến. Hết thế-hệ này đến thế-hệ khác, họ phải bị
đàn-áp một cách mãnh-liệt: kẻ thì bị tù đày, người thì phải mai-danh ẩn-tích
tại chốn thâm-sơn cùng-cốc. Tuy vậy mặc dầu, họ không bao giờ thay đổi
chí-hướng, ở trong cảnh giàu-sang cũng như trong lúc cùng-vô sở-xuất. Để
phản-ảnh tâm-trạng của những nhà ái-quốc phải bị sa-cơ thất-thế, một vị
ngư-ông ngồi buông dây thong-thả ở trên bến, cũng tiếp theo lời bọn dân-
chài mà hát lên rần-rỏi:

Trông lên hòn-kẽm Đá-dừng;
Thương nhà, nhớ nước quá chừng bậu ơi!

Người ca-nữ vô-danh đứng tần-ngần một hồi lâu, mới gọi thuyền sang sông.
Một khi lên bờ, ngồi yên-tĩnh trên một tảng đá, nàng mới đọc đi đọc lại mấy
câu thơ cảm-khái mà nàng vừa mới nghĩ ra trong lúc quá-giang :

Đứng bên ni Hà-thân,
Ngó qua bên kia Hà-thân,
Thấy nước xanh như tàu lá.
Đứng bên kia Hà-thân,
Ngó qua bên ni đất Hàn,
Thấy phố-xá nghênh-ngang.
Từ ngày Tây lại cửa Hàn;

Đào sông Cầu-nhí, bòn vàng Bồng-miêu.
Dặn tấm lòng em bầu đừng xiêu,
Ớ nuôi phụ-mẫu, sớm chiều có ta!

Nàng nhìn quanh-quất từ dãy Trà-sơn lẫn-khuất trong đám sương mù cho tới vùng Hàn-hải xanh lơ bát-ngát. Bất-giác, nàng nhớ đến câu chuyện tâm-sự mà phó-bàng Nguyễn duy Hiệu, vị thủ-lãnh Nghĩa-hội, đã tỏ bày với cử-nhơn Phan bá Phiến trong giờ vĩnh-biệt:

“Việc đã không thể làm thì chỉ có chết mà thôi. Nhưng hai chúng ta cùng hy-sinh một lúc là vô-ích. Vậy ông nên chết trước thì hơn để đền nợ cho tổ-quốc. Còn tôi, tôi phải nấn-ná một thời-gian để hoàn-thành nhiệm-vụ của một người thủ-lãnh, nhiên-hậu tôi sẽ noi theo gót ông mà cùng về nơi chín-suối. Tôi sẽ giải-tán Nghĩa-hội và sẽ đem thân cho Pháp bắt. Một khi ra trước tòa-án, tôi sẽ tìm lời giải-thoát cho các đồng-chí. Một mình tôi chết thì không đáng tiếc, nhưng còn người sống thì Nghĩa-hội sẽ còn tồn-tại. Nếu ngày sau có kẻ noi theo cái chí-hướng của ta mà thành-công tức là ta còn sống đó.”
Càng ngẫm-ngĩ đến những lời trời-trăn của vị chủ-súy, nàng càng cảm-thấy bồi-hồi thốn-thức trong dạ. Nàng gọi xe kéo đi về hãg Pháp-kiều Le Roy ở tại ngã Trẹm. Chiếc xe dừng bánh, vội-vàng bước xuống, chờ lúc vắng bớt người nàng đẩy cổng đi thẳng vào trong phòng giấy. Một viên ký-lục trẻ tuổi, chạy ra đón nàng ở ngoài mái hiên, trao cho nàng một bó thơ, và rí tai nói thật khẽ.

- Bà chị nên cẩn-thận một chút, kéo bọn mật-thám theo dõi riết lắm đấy!
Nàng gật đầu, bỏ công-văn vào trong chiếc cặp bằng da, rồi thoăn-thoắt ra đi, như không muốn để cho kẻ bàng-quan trông thấy sự hiện-diện của mình. Ra tới con đường bờ sông, nàng dừng chân lại để quan-sát tình-hình, rồi theo bọn hành-khách xuống một chiếc ghe mảnh mà xuôi về chợ Bàn-thạch. Vào lúc mừng-tưng sáng chiếc thuyền cập bến. Chờ lúc vắng khách bộ-hành, nàng đi theo con đường mòn nằm thoải-thoải giữa khoảnh đất chứa đầy rác-rãnh mà lên gian chợ, bước vào một quán xá thấp le-te ở trước ngôi đình-thị. Một vị lão-thành quắc-thước, đương mãi đứng ngắm một bức tranh gà ở trên vách, bước ra đón nàng ở dưới thềm, trao cho nàng một chiếc đĩa chứa đầy bạc nén mà nói rất khẽ :

- Bà chị nên cẩn-thận một chút kéo bọn mật-thám theo dõi riết lắm đấy.
Nàng cúi chào rồi quay gót lên đường về làng Thạnh-mỹ, ở hạt Thăng-bình. Nàng vào yết-kiến nhà cách-mạng Nguyễn Thành, nhân-vật thứ ba trong Nghĩa-hội còn sống sót, trao mật-thư và tiền bạc cho vị thủ-lãnh rồi đứng khép-nép ở bên cạnh chiếc phản-ngựa để chờ huấn-thị. Lúc bấy giờ phong-trào Cần-vương đã lu-mờ dần dần, các vị lãnh-tụ như bao nhiêu ngôi sao ở một góc trời đã theo thời-gian mà mai-một gần hết : tiến-sĩ Phan đình Phùng đã qua đời, tán-tướng Nguyễn thiện Thuật đã chạy trốn sang Tàu; chỉ còn một mình đề-đốc Hoàng hoa Thám đương cầm-cự một cách vô hy-vọng tại vùng Yên-thế. Trong tình-thế đó, ở vùng Ngũ-hành-sơn, một ngọn đuốc đã được thắp sáng trở lại, soi khắp mọi nơi và tụ-hợp được tất cả dư-đảng Cần-

vương về một mối.

Vào thượng-tuần tháng tư năm 1904, nhà cách-mạng Nguyễn Thành, tục gọi là Tiểu-la phu-tử, đã triệu-tập hầu-hết các văn-thân ở trong nước về làng Thạnh-mỹ, bí-mật khai-hội, lập nên phong-trào Đông-du, được nhà cách-mạng Phan-bội Châu làm phụ-tá và Kỳ-ngoại-hầu Cường Để làm minh-chủ. Một khi cơ-cấu đã thiết-lập xong, nhà cách-mạng Nguyễn Thành phải xúc-tiến công việc rất gấp. Một mặt cho gọi tán-tướng Tăng bạt Hồ trở về nước để hướng-dẫn nhà cách-mạng Phan bội Châu sang Nhật-bản mưu-cầu ngoại-viện, một mặt khác, lệnh cho tán-tướng Đỗ đẳng Tuyển đi khắp ba kỳ để quyên-liễm tiền-bạc, còn ông phải ở nhà để lo về chủ-trương chung và nhân-sự. Vị thủ-lãnh phong-trào Đông-du ngồi kể lại cho người ca-nữ vô-danh nghe rõ sự chuyển-hướng của Nghĩa-hội và đưa cho nàng xem bài "Từ-giã" mà Phan bội Châu tiên-sinh sáng-tác lúc mới bước xuống tàu thủy lần đầu tiên tại Hải-phòng:

Sinh vi nam tử, yếu hy-kỳ;
Khẳng hứa càn-khôn tự chuyển-di.
Ư bách niên-trung tu hữu ngã;
Khởi thiên tải hạ cánh vô-thùy.
Giang-sơn tử hỉ sinh đồ nhuế;
Hiền-thánh liêu-nhiên tụng diệc si.
Nguyện trực trường phong đông hải khứ;
Thiên-tùng, bạch lãng nhất tề phi.

Bài đường thi này mở-màn cho một giai-đoạn mới trong cuộc đấu-tranh của dân-tộc Việt-nam để bảo-vệ sự sống còn của mình. Cách đây hơn một năm nhà cách-mạng Phan bội Châu đã khởi-hành từ Nghệ-an vào làng Thạnh-mỹ để yết-kiến vị lãnh-tự phong-trào Đông-du, rồi dắt nhau lên hạt Tiên-phước để viếng thăm hai nhà cách-mạng Huỳnh thúc Kháng và Phan tây Hồ. Tiểu-la phu-tử kể lại cuộc hành-trình lịch-sử ấy và luôn tiện đưa cho nữ-đồng-chí xem bài "Lưu-giã" mà Phan bội Châu tiên-sinh đã khẩu-chiếm lúc tạm-biệt một vị thân-hào ở trên bờ sông Tiên-giang:

Kỳ khí ngã du thiên hải-ngoại;
Nhàn tình quân ký bích vân trung.
Mãn hòng ẩm biển trưng gia-phước;
Độc Minh-Viên thi thức chủ ông.
Thu lão giang-hồ duy bạch điểu;
Nhật tà thiên địa nhất chinh hồng.
Tọa lai bôi tửu đàm di sự;
Do giác hàn mang họa bích không.

Những bước chập-chững của trào-lưu mới.

Vào buổi rạng-đông của thế-kỷ hai mươi, người ca-nữ vô-danh lại phải bận-rộn hơn lúc nào hết. Ngoài việc lên xã Tử-phú ở về hạt Điện-bàn để lấy tin-tức của nhà chí-sĩ Trần cao Vân, lúc bấy giờ phải vào hoạt-động tại miền Bình-định và Phú-yên; ra cửa Hàn để bắt liên-lạc với viên ký-lục của nhà cách-mạng Thái-Phiên ở tại hãng Pháp-kiều Le Roy; xuống phố Hội-an để nhận chỉ-thị của nhà cách-mạng Châu thượng Văn ở tại làng Minh-hương. Mỗi tháng hai lần, nàng còn phải làm chiếc thoi giữa hai làng Thanh-mỹ ở về hạt Thăng-bình và Tây-lộc ở về hạt Tam-kỳ để mang thư-tín từ hải-ngoại gửi về cho nhà cách-mạng Phan châu Trinh, hiệu là Tây-hồ, còn đang sống ẩn-dật dưới chân dãy Tiên-lãnh. Vào thời-kỳ này, phong-trào Đông-du của nhà cách-mạng Nguyễn Thành lan rộng trong mọi tầng lớp dân-chúng. Ảnh-hưởng của hai trận Hoa-Nhật và Nga-Nhật chiến-tranh đã đem lại cho nòi giống Phù-tang một sự thắng-lợi rực-rỡ làm thức-tỉnh các nước nhược-tiểu ở về cõi Đông-Á, làm cho họ phải lo tự-cường tự-lập. Vì vậy trong cơn nguy-biến, ai nấy cũng hướng về nước Nhật-bản vừa mới canh-tân như một đoàn lũ-hành đi âm-thầm trong bãi sa-mạc chỉ biết nhìn về ngôi sao bắc-đẩu sáng lấp-lánh nơi chân trời xa thẳm. Ai nấy cũng nghĩ chỉ có ngoại-viện về quân-sự mới tạo được khả-năng cho công-việc giải-phóng đất nước. Chưa có một nhà hoạt-động nào có một chủ-trương, một kế-hoạch gì khác về chính-trị cũng như về kinh-tế, ngoài sự duy-trì chế-độ quân-chủ với tinh-thần thượng-tôn Nho-giáo, sau khi công cuộc giải-phóng đất nước đạt được thắng-lợi. Trong khi ra làm thừa-biện tại kinh-đô, nhà cách-mạng Phan tây Hồ đã có dịp tiếp-xúc với các học-giả đương-thời như thượng-thư Thân trọng Huê, tiến-sĩ Đào nguyên Phổ, tiến-sĩ Khiếu năng Tịnh; ông cũng đã có dịp đọc những sách nghiên-cứu về các học-thuyết tây-phương của Lương khả Siêu, Khang hữu Vi, hai học-giả có tư-tưởng cải-cách ở Trung hoa. Nhà cách-mạng Phan tây Hồ đã tiêm-nhiễm những tư-tưởng cấp-tiến của Lư Thoa, của Mạnh Đức Tư Cư, đã có sự giác-ngộ quan-trọng và coi chủ-nghĩa dân-quyền, chính-sách tự-trị như một phương-châm duy-nhất để làm cho dân-tộc Việt-nam có thể thoát khỏi vòng nô-lệ của người Pháp. Từ đấy, nhà cách-mạng Phan tây Hồ đã treo-ẩn từ-quan và cùng một số đồng-chí như Song-Nguyên Huỳnh thúc Kháng, tiến-sĩ Trần quý Cáp, huấn-đạo Nguyễn Quyền lập nên phong-trào Duy-Tân. Phong-trào Duy-tân lấy việc hợp-tác với người Pháp, việc khai-hoá dân-trí làm phương-tiện, lấy dân-chủ và công-bằng xã-hội làm cứu-cánh cho đường lối đấu-tranh của mình. Chỉ trong một thời-gian rất ngắn, ảnh-hưởng của Tân-trào đã lan ra khắp toàn quốc. Ở đâu đâu người ta cũng thấy mọc lên nhan nhản những nông-hội, những thương-hội, những học-đường, những thư xã để xây-dựng nền kinh-tế nước nhà và nâng cao trình-độ văn-hóa của dân-chúng. Vào cuối năm 1905, nhà cách-mạng Phan tây Hồ đã cùng với Song-nguyên Huỳnh

thúc Kháng, tiến-sĩ Trần quý Cáp lên đường vào Nam để bắt liên-lạc với các nhà ái-quốc miền lục-tĩnh. Nhon ghé lại thành Bình-định, gặp lúc thí-sinh vào sát-hạch, tiến-sĩ Huỳnh Thúc Kháng, tiến-sĩ Trần quý Cáp liền mượn đề tài trong trường-ốc, làm bài phú " Danh-sơn lương-ngọc "; còn nhà cách-mạng Phan tây Hồ làm bài " Chí-thành thông-thánh thơ" . Nguyên văn chữ Hán bài Đường-thi như sau:

Thế-sự hồi đầu dĩ nhất không,
Giang-sơn vô lệ khắp anh-hùng.
Vạn-bang nô-lệ cường-quyền hạ,
Bát-cổ văn-chương túy mộng trung.
Trường thử bách niên cam thóa-mạ,
Cánh ư hà nhật xuất lao-lung.
Chư-quân vị tất vô tâm-huyết;
Thí bả tư văn khán nhất thông.

Bài văn kiệt-tác này là tiếng nói đầu tiên của những kẻ thức-thời để chỉ-trích lối thi-cử ngày xưa, cảnh-tình những người Việt-nam còn theo đuổi cái bã hư-danh, còn sống miệt-mài trên con đường khoa-hoạn.

Mùa xuân năm 1906, nhà cách-mạng Phan tây Hồ trở về Quảng-nam để trao-đổi ý-kiến với Tiêu-la phu-tử, vị thủ-lãnh phong-trào Đông-du. Sau đó, ông lên đường sang Đông-kinh để quán-sát tình-hình nước Phù-tang, đồng-thời thảo-luận một lần cuối cùng với nhà cách-mạng Phan bội Châu về đường lối cứu-quốc. Hai bên không đồng chánh-kiến với nhau. Nhà cách-mạng Phan bội Châu trông-cậy vào sự giúp-đỡ của Nhật để làm phương-tiện cho công-việc giải-phóng đất nước. Nhà cách-mạng Phan tây Hồ lại chú-trọng đến tinh-thần tự-chủ, đến quốc-dân nội-lực và coi sự ngoại-viện, dưới bất-cứ hình-thức nào cũng vậy, như một bệnh dục-tốc kiến-tiểu, như một chủ-trương dịch-chủ tái-nô, cần phải gạt bỏ ra một bên. Sau một vài cuộc hội-đàm thân-mật, nhà cách-mạng Phan tây Hồ lại quay gót trở về nước đem hết tâm-lực ra để lo việc khai-thông dân-trí.

Lần này ở hải-ngoại về, nhà cách-mạng Phan tây Hồ đi tới đâu dân-chúng cũng hưởng-ứng nhiệt-liệt, các nhà tân-học cũng rất mực biểu đồng-tình, các bậc văn-thân cũng hết lòng tán-trợ. Từ đó mà học-hội, nông-hội, thương-hội, trường ốc, đồn-điền, thư-xã lại theo trào-lưu tấn-hóa mà mọc thêm ở nhiều nơi, nhất là ở trong tỉnh-hạt Quảng-nam. Những loại sách phổ-biến để nâng cao trình-độ hiểu-biết của dân-chúng như tập "Đình-hoàn chí-lược" của một tác-giả vô-danh, "Sĩ-phu tự-trị luận" của nhà cách-mạng Trần quý Cáp, "Thiên-hạ đại-thế luận" của nhà chí-sĩ Nguyễn lộ Trạch được dân-

chúng đua nhau tìm đọc. Những bài diễn-thuyết để cổ-vũ đồng-bào, vạch-trần những tội-ác của bọn thực-dân, những tấn-tuồng gian-tham hủ-bại của bọn quan-trường, những mối tệ-đoan của bọn cường-hào ác-bá, lại theo hoàn-cảnh mà đẩy lên như cỏ gấu, làm cho các nhà cầm-quyền phải một phen lo ngại. Vì vậy sự đàn-áp phải xảy ra là một việc dĩ-nhiên, không thể nào tránh khỏi được.

Vào năm 1908, trường Đông-Kinh Nghĩa-Thục, cơ-quan văn-hóa của nhóm tân-học ở Hà-nội phải bị đóng cửa. Cuộc khủng-bố lan dần đến các tỉnh khác. Chẳng bao lâu, tư-tưởng tự-do, tinh-thần độc-lập, tự-cường, làn sóng âu-hóa vừa mới được đẩy lên, chưa đủ thời-gian để ngấm sâu,lan toả lại phải bị dập tắt một cách hết sức tàn-nhẫn. Lần-lượt các buổi diễn-thuyết công-cộng phải bị ngăn cấm, các học-viện phải bị theo dõi, bị uy-hiệp về mặt tinh-thần, các diễn-viên phải bị bắt-bớ, bị giam-cầm, bị tra-tấn, phải bị đẩy vào ngục-thất. Những loạt tân-thư phải bị tịch-thâu, những người tàng-trữ thầy thầy đều phải chiếu theo hình-luật mà nghĩ-xử. Tiếp theo đó, dưới bàn tay chuyên-chế của bọn thực-dân và bọn tham-quan ô-lại, tất cả mọi sự cố-gắng để xây-dựng nền kinh-tế quốc-gia phải bị ngưng-trệ. Những xưởng dệt vải nội-hóa phải thu hẹp sự hoạt-động vì thiếu người tiêu-thụ, những hầm-mỏ vừa mới khai-quật phải bị đình-chỉ vì thiếu những người chủ-trương. Những thương-quán, những học-đường, những đồn-điền trồng tiêu, trồng quế, trồng dầu trầu, trồng chè phải bị thất-bại trong trứng nước vì thiếu sự ân-cần của những nhà lãnh-đạo. Tuy vậy, những hạt giống tốt vừa mới gieo trồng trên lãnh-thổ Việt-nam sẽ đâm-chồi bén rễ, sẽ đủ sức chống-chọi với những bụi cỏ lùng và sẽ tồn-tại mãi mãi với thời-gian.

Vụ dân-biến miền Trung-Việt.

Thời bấy-giờ thành-phố Hội-an vẫn còn là trung-tâm-điểm của miền Trung-Việt. Hải-cảng Đà-nẵng, vừa mới chớm nở trên địa-phận làng Thạch-gián, chỉ là một ngôi sao lu mờ, tẻ-nhạt. Hằng ngày, những chiếc tàu thủy ngoại-quốc mang ống khói cao vòi-vọi, những chiếc ghe mảnh địa-phương dăng buồm ba cạnh vẫn ra vào tấp-nập trên cửa Đại-an, rồi theo giòng sông Thu-bồn lên đầu lô-nhô lúc-nhúc tại ranh-giới những làng Kim-bồng, Trà-nhiều và Điện-hội. Việc mậu-dịch ở trên mặt nước đã làm cho tỉnh-lỵ Quảng-nam trở nên một nơi phồn-hoa đô-hội vào bậc nhất tại miền viễn-đông này. Trong thời-gian gần đây, chiến-tranh đã xảy ra liên-tiếp trên khắp lãnh-thổ, triều-đình nhà Nguyễn không tổ-chức tại thị-trấn này những cuộc chợ phiên hằng năm để trưng-bày sản-vật ở khắp bốn phương như trong các thế-kỷ về trước,

nhưng việc thương-mại vẫn được náo-nhiệt hơn bao giờ hết. Tất cả các thứ ngôn-ngữ Âu-Á có thể gặp nhau ở khu-vực chùa Cầu, nơi các vị truyền-giáo thường hay tụ-họp để mở những cuộc thuyết-pháp; các nhà du-lãm thường hay tập-trung để xem con cù linh-thiên nổi dậy ở dưới mặt đất. Tất cả các thứ màu da đều có thể va chạm với nhau trên những con đường nhỏ hẹp, chật ních những người qua lại. Ở đây mỗi buổi sớm, mùi cau khô, mùi quế-chi, mùi nước mắt Phan-thiết phát xuất từ những kho hàng vô-danh, lại chen lẫn với mùi cao-lâu, mùi rượu quân-thắng tỏa ra từ các phạn-điểm. Người Trung-hoa, người Chà-và, người Nhật-bản đều có những xóm cư-trú riêng-biệt, và trong những phần đất-đai đã dành sẵn. Những người Hòa-lan, người Tây-ban-nha, người Bồ-đào-nha, người Anh-cát-lợi thì chỉ qua lại buôn-bán mà thôi, nhất là trong thời-kỳ chợ phiên đương nhóm họp, họ không có trụ-sở vĩnh-viễn. Ảnh-hưởng của ngoại-bang cũng như của người Tàu trong vùng này thật là sâu rộng. Không những mấy chú con trời đã thao-túng thị-trường tại miền duyên-hải, mà từ đây cho đến những vùng thôn-quê, làng-mạc hẻo-lánh, chìm đắm hẳn trong những vùng thâm-u của dãy núi Trường-sơn, khắp đâu đâu họ cũng đóng vai-trò chỉ-huy về mặt kinh-tế. Dân-tộc Việt-nam chỉ giữ địa-vị chủ-nhân một cách tượng-trưng. Đàn ông phải đi làm thuê, làm mướn, làm bồi, làm bếp, có nhiều lắm là đi làm thông-ngôn, mã-chín; đời sống thật là hẩm-hui, thấp kém. Số-phận người đàn bà thì muôn năm vẫn không hề thay-đổi, họ có thể làm mẹ cho những người Âu, người Mỹ, người Trung-hoa hay người Nhật-bổn. Lúc mới rời bỏ quê-hương để về nhà chồng, họ chỉ là cô gái đồng-trình còn giữ nguyên-vẹn những tập-tục, những lễ-lối của tổ-tiên. Một khi qua cầu được một thời-gian, họ thay hình đổi-dạng, tự-nhiên trở thành những người dân vong-bản. Hằng ngày, hằng giờ, có biết bao nhiêu cô thôn-nữ ngây-thơ, chất-phác phải chuyển-hướng, phải gạt giọt lệ để lên đường. Ở đằng sau họ, có biết bao nhiêu người thân yêu phải núp dưới lũy tre xanh mà ngậm-ngùi, than-thở:

 Gió đưa bông lách, bông lau,
 Ai đưa ả bệu về Tàu Hội-an!
 Hội-an bán dấm, bán điều;
 Kim-bồng bán vải, Trà-nhiều bán nôi.

Sở dĩ có nhiều người phải trở gót sang-ngang vì ngày xưa thành-phố Hội-an có một sức hấp-dẫn rất mạnh đối với những vùng lân-cận. Những người buôn-bán ở khắp toàn quốc, nhất là ở những tỉnh Bình-định, Quảng-ngãi, Quảng-trị, Thừa thiên, thường hay qua lại thị-trấn Hội-an để tiêu-thụ những sản-phẩm của mình và đổi lấy những phẩm-vật của ngoại-bang có phẩm-chất tốt hơn. Việc giao-thông từ miền này qua miền khác có thể thực-hiện một cách dễ-dàng bằng những phương-tiện cổ-điển. Có người theo con đường cái-quan trên những chiếc võng, chiếc kiệu kền-càng hay những con ngựa Phú-yên bền sức. Có người lại theo con đường hàng-hải, trên những chiếc ghe bầu đồ-sộ, bất-cứ lúc nào cũng sẵn-sàng rẽ sóng vượt trùng-

Nhờ có bọn thương-nhân làm trung-gian, những tin-tức về vụ cự-sưu có thể loan ra khắp nơi trong vài ngày.

Thương thay thân-phận quả dứa,
Non thì khoắt mắt, già cưa lấy đầu.

Đến thời-kỳ này, họ đã bắt đầu chịu ảnh-hưởng của phong-trào Đông-du và nhất là phong-trào Duy-tân. Bây giờ họ đã ý-thức được cái sức-mạnh của sự đoàn-kết, của đám đông quần-chúng, về tinh-thần tự-lực tự-cường. Họ sẵn-sàng đứng dậy đấu-tranh cho quyền-lợi của mình, của mọi người, cho nền độc-lập của nước nhà và xây-dựng viên gạch đầu tiên cho nền tự-do dân-chủ. Trong khi thực-hiện cuộc đấu-tranh, họ chỉ đặt nặng vấn-đề tự-lực cánh-sinh, không núp dưới bóng một vị vua-chúa như trong thời-kỳ phong-kiến, không dựa vào một thế-lực, một bậc danh-nhân như trong thời-kỳ cần-vương; hay trông cậy vào một sự viện-trợ của ngoại-bang. Những kẻ chủ-động trong vụ kháng-suù này là học-sinh và một số lý-hương ở thôn-quê. Ngày hôm qua, họ vừa mới ly-khai với cái búi tóc chờm bờm ở trên ót, với chiếc áo đen luộm-thuộm ở trên thân mình. Hôm nay, họ đã được quần-chúng trông cậy như một người lãnh-đạo, một người đấu-tranh can-đảm, sẵn-sàng hy-sinh để giúp dân-chúng chống-chọi với bạo-quyền, cứu-vãn lại thời-cuộc. Lúc ban đầu, họ đứng ra giúp người dân đương-đầu với sự bóc lột của bọn quan-lai thối nát. Họ giúp xúc-tiến các vụ kiên-cáo rầm-rộ để đánh

động người dân về các tệ-trạng tham-những, bóc lột của bọn tham quan ô-lại. Dần dần, họ đã biến những vụ ức-hiếp nhỏ tại thôn làng trở thành một phong-triều chống thực-dân mạnh như nước lụt vỡ đê, lôi cuốn tất cả các tỉnh miền Trung-Việt, từ Bình-thuận đến Thanh-hóa vào trong vòng tranh-đấu và đe-dọa lan rộng ra cả hai miền Bắc-Việt, Nam-Việt.

Phong-trào xin râu bột phát tại Quảng-nam, nhờ có bọn thương-nhân làm trung-gian, những tin-tức về vụ cự-sửu có thể loan ra khắp nơi trong vài ngày. Tại miền Trung- Việt, cuộc bạo-động đã xảy ra cùng một lúc, sớm muộn cũng chỉ trong vòng một hai ngày mà thôi.

Tại Bình-định, nơi có tiếng đặc-biệt về nghề hát-bội, nghề đấu võ, nơi chôn nhau cắt rốn của vua Quang-Trung, cuộc khởi-nghĩa lễ tất-nhiên phải có một sắc-thái riêng-biệt và kéo dài đến non hai tháng mới chấm-dứt. Dân-chúng kéo tới bao-vây tình-ly với sự sắp đặt có thứ lớp, có qui-củ lắm. Trước hết, vòng đai bên trong là đoàn người cảm-tử, có mang vũ-khí giấu kín trong thân hình. Lớp bên ngoài là đoàn dân tự-cường, người nào người nấy cũng cạo trọc đầu, cũng nằm la-liệt trên mặt đất để phản-kháng theo lối bất bạo-động. Vì vậy người ta mới gọi vụ phiến-loạn này là giặc đồng-bào và đoàn-thể lãnh-đạo là đảng cúp tóc. Cuối cùng người Pháp phải dùng tới vũ-lực mới có thể giải-tán được.

Tại Quảng-ngãi, dân-chúng cũng kéo tới bao-vây tình-thành đông như một bầy kiến vừa mới vỡ tổ. Mỗi người đều mang tòng-tơn trên vai một chùm bắp trái, hoặc năm ba củ khoai để làm lương-thực. Ai nấy cũng mặc quần chằm, áo rách, cũng có vẻ bơ-phờ tiêu-tụy như một lũ ăn xin vào những năm đói kém. Họ cho người mang nguyên-vong vào tỉnh-đường, rồi hè nhau nằm sát-rạt trên bãi cỏ để phản-đối. Viên công-sứ Daudet điện về toà khâm-sứ Huế để xin lệnh đàn-áp, nhưng cấp trên không đồng-ý. Bực mình, viên công-sứ cho mở cửa thành và cỡi ngựa đi ra phía bên ngoài để thị-sát. Dân-chúng cứ nằm lì trên mặt đất để cho những chiếc vó-câu giẫm trên thân-hình. Vụ nổi-loạn cứ kéo dài và chưa có lối-thoát. Sĩ-dân thay phiên nhau công-hãm thành-trị được mười ngày thì nguyên tiểu-phủ-sứ Nguyễn Thân từ Huế đi vào và nói nhỏ với viên công-sứ Daudet:

- Ngài chỉ cần phải bắt hai người là bổ-chánh Lê tự Khiết và ấm-sanh Nguyễn bá Loan đem giết quách thì vụ phiến-loạn này sẽ bị dẹp yên tức-khắc.

Công-sứ Daudet theo đúng kế-hoạch ấy, bắt hai vị cầm đầu phong-trào xin râu, bỏ vào trong hai chiếc võng, buộc thật kỹ rồi cho người khiêng xuống cửa Sa-huỳnh, dùng ghe bầu mà chở ra Huế. Tại Huế người Pháp và các vị đại-thần trong viện cơ-mật hội-hợp lại để xét xử và y theo lời đề-nghị của viên công-sứ Daudet, họ tuyên-án cho đem ra hành-quyết tại tỉnh-ly Quảng-ngãi để thị-uy dân-chúng. Một ngày sau, hai nhà cách-mạng Lê tự Khiết và Nguyễn bá Loan được khiêng về trả y nguyên cho nhà chức-trách địa-phương. Viên công-sứ Daudet đem hai nhân-vật ấy ra chém tại bến xe sông Trà-khúc, rồi cho lính-tập mang khí-giới lên bố-trí dày đặc ở trên bờ thành. Cuộc đàn-áp xảy ra trong nháy mắt. Bọn thực-dân chằm ngòi lửa trước hết,

nhã tạc-đạn trên biển người nằm la-liệt. Một số sĩ-dân phải bị thương và phải quằn-quại trong vũng máu, một số khác phải bị chết. Dân-chúng không có thể chống-cự nổi, rục-rịch đứng dậy để tìm chỗ ẩn-núp và phân-tán. Trong khi ấy, từ đằng xa lại có những tiếng trống, tiếng mõ tiếp-ứng dấy lên rộn-rịp. Trong những cánh-đồng bao-la dân-chúng ở các quận, các ấp kéo tới đen nghịt. Viên công-sứ Daudet ra lệnh cho bọn lính-tập chia mũi súng về phía các làng-mạc và bắn tạc-đạn ra như một trận mưa rào. Đàn ông, đàn bà, con nít và rất nhiều nghĩa-quân vừa mới kéo tới để hỗ-trợ cho những đồng-bào bị nạn cũng phải ngã gục trên bãi chiến-trường không biết bao nhiêu mà kể. Cuối cùng cuộc khởi-nghĩa phải bị chặn đứng.

Quảng-nam là nơi vụ dân-biến này phát-xuất và lan dần ra toàn quốc. Ban đầu, cuộc bạo-động chỉ thu hẹp trong phạm-vi một xã Hà-tân ở trên bờ sông Vu-gia, cách tỉnh-lỵ chừng bảy chục cây-số. Nguyên ở tại xã này, bà con cử-nhơn Lương thực Kỳ, tác-giả tập Ngạn-ngữ, thường hay giao-du với bà con quan Ông ích Khiêm, ở làng Phong-lê, huyện Hòa-vang. Hai họ ấy là hai cự-tộc trong địa-hạt, có ảnh-hưởng lớn đối với dân-chúng. Vào thượng-tuần tháng ba năm 1908, học-sinh Lương Châu ở làng Hà-tân có mời hai người bạn đồng-song là Trương Hoàn và Hứa Tạo, người ở làng Phiếm-ái và một số lý-hương đến ăn giỗ tại nhà mình. Trong khi mọi người còn đương chén-tạc chén-thù, câu chuyện đương xoay lạ-làng chung-quanh vấn-đề xâu cao thuế nặng thì chủ-nhân đứng dậy nói:

- Không những chúng ta bị bọn thực-dân bóc-lột một cách thậm-tệ, mà trong lúc thừa-hành phận-sự, bọn cường-hào lại toa-rập với bọn tham-quan ô-lại mà đục-khoét dân ta đến tận xương tủy. Như vậy tại sao chúng ta không làm đơn-từ, lấy chữ-ký các xã-thôn, rồi nhờ huyện chuyển-đặt lên cấp trên để xin chính-phủ giảm bớt sưu-thuế và trừ bớt cái nạn những-nhiều ở trong dân gian, kéo để lâu ngày, đồng-bào chúng ta chịu không nổi.

Có nhiều người tán-thành lời đề-nghị ấy. Học-sinh Lương Châu lấy bút mực ra thảo ngay một lá đơn khiếu-nại, đi lấy chữ ký các vị lý-hương có mặt trong bữa tiệc, và dự-tính đi lấy cho hết chữ ký tất cả các bậc thân-hào viên-chức ở trong hạt để làm áp-lực. Công việc đang tiến-hành thì một viên lý-trưởng chạy lên phi-báo với quan huyện sở tại:

- Sĩ-dân ở vùng Đại-lộc đã nghe theo lời xúi-giục của một số học-sinh mà làm đơn-từ đi phản-đối chính-phủ.

Viên huyện làm công-văn, chạy đi báo-cáo với tỉnh-đường và buộc những người cầm đầu vào tội xúi dân làm loạn. Công việc đã vỡ-lỡ, không thể nào giấu-giếm được nữa, bọn lý-hương phải rủ nhau vác đơn-từ lên nha Đại-lộc để nhờ quan huyện can-thiệp giúp. Vừa tới nơi, họ nghe tin quan huyện đã chạy đi bẩm t tình về vụ này. Mọi người còn đứng nhìn nhau chưa biết xử-trí ra sao thì học-sinh Trương Hoàn đứng ra đề-nghị:

- Thôi ta cứ kéo nhau xuống tỉnh-đường mà kêu nài, có việc gì đâu mà phải lo ngại.

Một số lý-hương có vẻ dè-dặt, cứ trù-trừ mãi không chịu lên đường, học-sinh Hứa Tạo lại nói thêm vào một câu để thôi-thúc:

- Nếu không kêu ca đi nữa, việc đã đáo tụng-đình thì chúng ta cũng không khỏi bị khép vào mục tự họp đông người, liên-danh ký-chỉ.

Thế là bọn sĩ-dân kéo nhau đi xuống tỉnh-lỵ. Cùng lúc, học-sinh Lương Châu cho người ra làng Phong-lê để cáo-tri với Ông ích Đường, Ông ích Mật, hai vị cầm đầu ở huyện Hòa-vang.

Đoàn người biểu-tình lúc mới xuất-phát chỉ gồm vốn-vẹn có vài ba mươi vị lý-hương. Trên con đường quốc-lộ, từ huyện-lỵ cho tới tỉnh-thành, dân-chúng ở hai bên thôn-xóm, nghe nói các vị thân-hào Đại-lộc đi về tỉnh xin xâu cho dân-chúng thì mừng lắm, rủ nhau đi nhập bọn để gây thêm áp-lực. Số người tham-gia mỗi lúc mỗi lúc mỗi đông thêm. Một khi họ tới Vĩnh-diện thì đám biểu-tình đã biến thành một biển người, khó mà ước-lượng cho chính-xác được. Quan tổng-đốc Quảng-nam Hồ đắc Trung thấy sĩ-dân kéo tới bao-vây tỉnh-thành có ý lo ngại, cho lính đứng trên vọng-gác mà hỏi:

- Các người ở đâu mà tới đông như vậy, muốn hỏi điều gì thì cứ trình lên cho quan biết.

Học-sinh Lương Châu liền thay mặt cho đồng-bào mà trả-lời:

-Chúng tôi ở Đại-lộc theo quan huyện xuống tỉnh-đường để xin sưu-thuế cho dân-chúng.

Bọn lính chạy vào tư-thất quan tổng-đốc một chập lâu rồi trở ra đứng chống nạnh trên bao-lơn mà hiểu-dụ:

- Quan huyện các anh đã có trình rằng nhân-dân vùng Đại-lộc tụ-tập bất-hợp-pháp để cùng nhau khi-ngụy, và đã chạy xuống phi-báo với quan công-sứ rồi. Các anh nên xuống dưới phố Hội-an kia mà kêu nài, chứ quan tổng-đốc không có quyền xét việc ấy.

Hai tiếng khi-ngụy vừa mới vang lên trên không càng khiến cho mọi người phải cương-quyết, phải đi cho tới cùng. Tức thì họ rủ nhau kéo xuống phố. Con đường thiên-lý từ Vĩnh-diện xuống Hội-an dài chừng mười cây-số, dân-chúng từ các làng hai bên đường lại gia-nhập thêm lên vào đám đông, biến cuộc hội-họp nhỏ-nhen lúc ban đầu ở làng Hà-tân thành ra một cuộc diễn-hành vĩ-đại. Ai nấy cũng cơm đùm cơm gói, quần rách áo mang, kéo đi rên rئن ở ngoài phố, chiếm hết tất cả các nẻo đường. Viên công-sứ Charles thấy dân-chúng hội-họp đông quá sức tưởng-tượng, liền phái lính-tập ra ngăn cản lại, chỉ cho phép một ban đại-diện mười người vào yết-kiến. Lương Châu, Trương-Hoành, Hứa Tạo được dân-chúng cử lên để đại-diện cho mình, vào tiếp-xúc với các nhà cầm-quyền:

- Chúng tôi là những người chân lấm tay bùn, hằng ngày phải sống vất-vả nơi đồng khô cỏ cháy, cày cấy không đủ mà ăn, làm lụng không đủ mà mặc; gặp những năm cơ-hàn thiết-thân thì chỉ biết mỗi một việc là chết đói mà thôi. Nay chính-phủ không hiểu thấu những nỗi cực nhọc của chúng tôi, lại bày ra nhiều thứ sưu-thuế quá nặng nề. Một phần chúng tôi không đủ sức chịu đựng những thứ đăm-phụ ấy, một phần khác chúng tôi lại bị nạn cường-hào những-nhiều, thâm mười nạp một, làm cho đời sống chúng tôi đã khổ-sở lại càng khổ-sở thêm lên. Chúng tôi là những kẻ gần cổ kêu không thấu trời, nên phải kéo nhau tới trước cửa công để trình-bày những nguyện-vọng

thành-thật nhất của chúng tôi và đồng-thời xin chính-phủ giảm nhẹ bớt các khoảng sưu-thuế cho dân-chúng được nhờ.

Viên công-sứ Charles trả-lời:

- Các anh muốn xin sưu-thuế thì phải làm đơn-từ kêu-nài với quan trên, chớ tụ-tập đông người là cố-ý làm loạn và sẽ bị đàn-áp. Và lại về việc sưu-thuế, toà công-sứ Quảng-nam cũng không có quyền xét giảm. Vậy các anh phải hiểu-thị cho dân-chúng biết để họ giải-tán ngay và trở về an-cư lạc-nghệp. Tòa công-sứ Quảng-nam sẽ tư hỏi ý-kiến phủ toàn-quyền và triều-đình Huế về vụ này. Khi nào chính-phủ trả-lời có được giảm hay không, toà công-sứ Quảng-nam sẽ loan báo ra cho tất cả ai nấy đều biết.

Mấy người đại-diện nhân-dân cứ khư-nự mãi, không chịu ra giải-thích cho quần-chúng, viên công-sứ Charles phải bảo thượng-tá Nguyễn Khải ra nói thay thế, truyền-đạt những lời hiểu-dụ ở trên này cho đám biểu-tình nghe rõ. Họ vẫn không chịu rút lui, viện lẽ rằng vụ thuế-khoá đã gần tới kỳ khai-mạc, ở nhiều nơi mõ trống đã bắt đầu gióng lên rầm-rĩ, mà họ lại bất kham trước những đảm-phụ vừa mới thiết-lập. Không biết làm thế nào được, viên thượng-tá phải dùng lời dọa-dẫm:

-Nếu dân-chúng không chịu phân-tán mỗi người một nơi, chính-phủ sẽ bắt mấy người đại-biểu mà giam lại.

Trong đám xin sưu lại có nhiều người đứng phắt dậy, xua tay múa chân mà nói:

- Cái đó là tùy lượng quan trên, mấy người ấy họ xin phần họ, chúng tôi xin phần chúng tôi; mỗi người đều có những nỗi khốn-khổ riêng biệt, có ai xin thay cho ai được.

Viên công-sứ Charles liền hạ lệnh tổng giam ba vị đại-diện của dân-chúng để thị-uy. Hay được tin ấy, họ lại càng la hét nhốn-náo thêm lên và tỏ vẻ cương-quyết hơn lúc nào hết. Bực mình, viên công-sứ Charles phải ra đứng ngoài bao lơn tòa hành-chánh và truyền-phán một lần cuối cùng :

- Nếu dân-chúng không chịu giải-tán thì ba người đại-diện của họ sẽ bị đày ra Lao-bảo.

Hồi bấy giờ, Côn-lôn và Lao-bảo là hai phổi-sở độc-địa, rùng rợn nhất tại Việt-nam, thế mà lời đe-dọa của viên công-sứ vẫn không đem lại một hậu-quả nào hết. Để giữ đúng lời cam-kết, vào buổi chiều ngày ấy, viên công-sứ Charles phải cho lính tập áp-tải ba vị đại-diện Lương Châu, Trương Hoàn và Hứa Tạo ra Quảng-trị. Nghe tin ba vị lãnh-đạo của mình phải bị tù đày, dân-chúng lại càng phẫn-uất hơn nữa. Không những họ không chịu rút lui mà lại còn tăng thêm dần dần. Các vùng thôn-quê đã bắt đầu hưởng-ứng phong-trào kháng sưu, lục-tục kéo đến.

Trước hết sĩ-dân hạt Điện-bàn tụ tập tại quận lỵ, bắt tri-phủ Trần văn Thông bỏ lên xe kéo, rồi quan lớn đi trước, quần-chúng chạy theo sau, mọi người đều nhắm tỉnh-lỵ Hội-an mà tiến nhanh. Trong lúc diển-hành, có viên thư-ký Cao du Minh vừa thở hổn-hển, vừa theo sát chiếc xe kéo, thỉnh-thoảng lại cầm đuôi ba ton gõ vào mắt cá quan lớn mà hỏi thật rõ ràng:

- Tri-phủ bị dân-chúng kiện tất cả là mấy lần?

Quan lớn suy-nghĩ một chặp lâu như để hồi-ký lại tất cả những hành-động của mình, ước-lước lại cho đơn-giản, rồi mới trả-lời ắp-úng:

- Tôi bị kiện ở phủ Thăng-bình là một; nay dân-chúng phủ Điện-bàn có đơn khiếu-nại một lần nữa là hai.

Thư-ký Cao du Minh nghe quan lớn trả-lời xong xuôi, lại dùng đũa ba ton khẽ thêm một cái thật mạnh vào mắt cá vị tứ-dân phụ-mẫu mà hỏi tiếp:

- Tri-phủ ăn tiền của nhân-dân nhiều như thế thì bỏ vào chỗ nào cho hết ?

Chẳng ngần-ngại, quan lớn lấy tay kéo vạt áo ba-ga đã sờn loang-lổ nhiều nơi, đưa ra ngoài ánh sáng mà phân búa với dân-chúng:

- Tôi vốn không có ý sách-nhiều đồng-bào, nhưng ngặt vì mẹ sắp cháu ở nhà hay đam mê cờ bạc, nay tài-bàn, mai tứ-sắc cho nên lúc túng-bần có lạm-dụng lễ-vật một chút ít mà thôi.

Quan lớn vừa biện-bạch vừa giơ chéo áo lên thật cao để lộ hằn cái bụng phệ có nhiều ngấn tròn trịa bao-bọc chung quanh y hệt như một cái nọng heo.

Trông thấy như vậy, thư-ký Cao du Minh liền dùng đũa ba ton thọc vào chiếc lỗ rốn sâu hoáy, mà nói một cách hài-hước:

- Không ăn tiền của dân mà lại béo mum-múp như một tên Đồng Trác.

Rồi thư-ký Cao du Minh dùng đũa ba ton gõ liên-tiếp vào mắt cá vị quan-trưởng kiêu-mẫu mà hỏi một lần chót:

- Từ rày về sau tri-phủ còn ăn tiền nữa hết?

Một quả đòn quá mạnh làm cho bị can đau-đớn phải thốt ra một tiếng yếu-đuối:

- Hết!

Thời may trong thời-gian tấn bi-kịch này xảy ra, viên lai-mục phủ Điện-bàn đã trốn thoát được chạy xuống báo-cáo với toà công-sứ. Đoàn biểu-tình vừa tới bến đò Phú-triêm, cách thành-phố Hội-an chừng hai cây-số thì gặp đội lính tập ở phía dưới kéo lên. Viên chỉ-huy Pháp hô giải-tán và ra lệnh cho binh-sĩ bắn chỉ-thiên để thị-uy. Dân-chúng không chịu thối lui. Cuộc xô-xát phải xảy ra làm cho nhiều người bị thương, một số phải bị giữ lại. Thừa lúc hai bên đương giao-chiến kịch-liệt với nhau, viên tri-phủ Điện-bàn chạy lẫn vào trong đám đông trốn-thoát được. Chỉ có hai tên nông-dân hoảng sợ, phải vớt chiếc áo rách và mo khoai trúng ở bên lề đường, toan lội qua sông nhưng tới nửa chừng thì bị nước lôi cuốn đi mất. Chiều lại, dân-chúng vớt được xác hai người đồng-bào, đem lên chôn cất một cách trọng-thể. Khắp mọi nơi, ai nấy cũng để tang-chế, khăn trắng, áo xuống tròn y hệt như trong một ngày quốc-tang. Cuộc diễn-hành phải bị tan-rã, nhưng dân-chúng lại theo nhiều con đường khác, lên vào thị-trấn, rồi cứ thay phiên nhau kẻ về người ở mà tiếp-tục cuộc đấu-tranh.

Lúc bấy giờ, dân-chúng tụ-tập tại Hội-an đã quá đông-đảo, những nhà lãnh-đạo mới ra chỉ-thị cho các phủ huyện, hễ người ở chỗ nào thì tụ-tập tại chỗ ấy, không phải kéo đi xa như trước nữa. Tại phủ Tam-kỳ, dân-chúng thăm oán viên đề-đốc Trần Tuệ, một vị quan lại tham-những, thường hay bóc-lột và hành-hạ những người đi làm công-ích. Dân-chúng kéo tới phủ-ly, vây chặt các ngã ra vào, đòi bắt viên đề-đốc Trần Tuệ đem ra xét xử. Thấy trình-

trạng đã trở nên nguy-cấp, viên đại-lý Pháp tại Tam-kỳ phải đem lính tới giải-vây và đưa viên đề-đốc Trần Tuệ về Hội-an. Đoàn quân áp-tải vừa mới ra khỏi phủ-ly thì đã bị dân-chúng bao-vây kín mít. Ở giữa đám đông có tên Trùm Thuyết, người xã Phước-lợi, đứng lên hô-hào dân-chúng:

- Các anh em phải bắt đem Trần Tuệ đem giữ lại cho tôi, có nghe không? Dân-chúng đều dạ râng, muôn người như một. Viên đề-đốc Trần Tuệ ngồi trên xe kéo, nghe dân-chúng đồng-thanh trả-lời như vậy, sợ quá hộc máu tươi ra mà chết. Trả thù xong, dân-chúng lại trở về tụ-hợp chung quanh phủ-ly như cũ.

Tại Hòa-vang, có lãnh-binh Võ Điền cũng hay bạc-đãi những người làm đường-sá. Dân-chúng nổi lên bạo-động, kéo tới bao-vây huyện-ly rồi phái người đi lòng bắt viên lãnh-binh Võ Điền, nhưng vị quan-lại ấy đã theo con đường xe lửa mà trốn về Đà-nẵng.

Tại Thăng-bình, có tri-phủ Lê bá Đảng, vừa mới bổ-nhiệm, là một vị quan-trưởng mục-nát có tiếng trong tỉnh-hạt. Dân-chúng kéo tới hội-hợp chung quanh tỉnh-ly, rồi bắt viên tri-phủ phải đi xin xâu với mình. Vào lúc này, tòa công-sứ đã ra lệnh giới-nghiêm và phái lính-tập về canh giữ các vùng địa-phương. Hai bên phải xung-đột với nhau. Kết-cuộc, viên tri-phủ được giải-thoát, về phía nhân-dân có một số người bị thương, vị lãnh-tụ là Hương Quán bị bắt giải về thị-trấn.

Tại Duy-xuyên và Quế-sơn các nhà cầm-quyền không hiểm-ác, vì vậy dân-chúng không bạo-động, nhưng vẫn kéo về tụ họp tại quận-ly để hưởng-ứng phong-trào và phản-đối chính-phủ.

Cuộc bạo-động đã lan dần từ thành-thị cho đến miền thôn-quê hẻo-lánh và cứ dằng-dai mãi ở Quảng-nam cũng như trên toàn cõi Trung-Việt.

Mỗi ngày lại có thêm một số chiến-sĩ phải lên đường, lại có thêm những kẻ chân lấm tay bùn chạy sang nhà bên cạnh và nói với người láng-giềng :

- Nhờ bác lấy hộ cái búi tóc cho tôi tí.

Thế là người hàng-xóm lấy chiếc vung bằng đất, úp sơ-sài lên trên cái sọ, rồi lấy kéo vanh thật tròn mà nói một cách nhẹ-nhõm :

- Thôi ! từ bữa nay anh đã thuộc về phái Duy-tân. Vậy anh phải hành-động cho xứng với cái danh-nghĩa ấy.

Muốn tiêu-diệt phong-trào xin xâu đang nổi lên khắp nơi, tổng-đốc Hồ đắc Trung phải xuống Hội-an để gặp viên công-sứ Charles, và nói mật với nhau :

- Cầm đầu vụ dân-biến này là bọn văn-thân quá-khích nhưng tựu-trung chỉ có bọn Ông Ích Đường ở Phong-lệ và Châu thượng Văn ở Hội-an là có liên-hệ trực-tiếp. Trước hết ta phải bắt hai tên phiến-loạn ấy giam lại cho thật kỹ. Kế tiếp theo đó, ta phải đưa bọn Nguyễn Thành, Huỳnh Thúc Kháng, Phan tây Hồ ra an-trí ngoài Côn-đảo thì miền Trung-Việt này mới có thể yên được. Viên công-sứ Charles đã thi-hành đúng theo kế-hoạch ấy. Bắt hai nhà cách-mạng Ông Ích Đường, Châu thượng Văn đem câu-lưu tại lao-xá Hội-an và lần-lượt đưa họ ra thẩm-vấn.

Nhà cách-mạng Ông Ích Đường là người đầu tiên phải ra trước một phiên tòa thâu hẹp gồm có viên công-sứ Charles, viên tổng-đốc Hồ đắc Trung, và

thượng-tá Nguyễn Khái. Khi tất cả mọi người đã bước vào phòng họp, viên tổng-đốc Hồ đắc Trung bảo lính tập dẫn nhà cách-mạng Ông Ích Đường ra đứng trước vành móng ngựa mà hỏi :

- Mày có phải là kẻ chủ-mưu trong vụ kháng thuế này không?

Nhà cách-mạng Ông Ích Đường trả-lời:

- Chính tôi là người đã xúi-giục dân-chúng làm loạn.

Viên tổng-đốc Hồ đắc Trung lại hỏi:

- Trong lúc hành-động này có bàn-bạc với tên Châu thượng Văn ở Hội-an không?

Nhà cách-mệnh Ông Ích Đường suy-nghĩ một hồi lâu rồi phúc-đáp:

- Nhà cách-mệnh Châu thượng Văn chịu trách-nhiệm về tỉnh Quảng-nam, còn tôi chỉ là một người thừa-hành công-vụ. Đáng lẽ tôi phải tham-khảo ý-kiến cấp trên, nhưng khi nào tôi quên bằng đi thì thôi.

Viên tổng-đốc Hồ đắc Trung không hiểu ra sao cả, liền đưa tay chỉ chỉ một vị thanh-niên đang ngồi chồm-hổm ở dưới đất mà hỏi tiếp:

- Mày có biết tên Ông Ích Mật này là ai không?

Nhà cách-mệnh Ông Ích Đường lắc đầu và nói:

- Tôi không rõ.

Tổng-đốc Hồ đắc Trung bực-tức, liền đập vào bàn thật mạnh mà hỏi vặn:

- Tên này chính là em ruột của mày, mà sao mày lại nói không biết?

Nhà cách-mệnh Ông Ích Đường nhìn vị thanh-niên một lần nữa, tắc lưỡi một cái, rồi mới ứng-khẩu:

- Nó với tôi vốn thật là tình huynh-đệ với nhau, nhưng từ khi còn bé nó hoang-đường, bỏ nhà trốn đi biệt-tăm biệt-tích. Nghe nói về sau, nó theo bọn Pháo để kiếm ăn và làm nên sự-nghiệp. Ngày nay nó trở về, tôi không có thể nhớ mặt nó được.

Viên tổng-đốc Hồ đắc Trung tức sôi lên vì những lời châm-biếm ấy, liền ghép nhà cách-mệnh Ông Ích Đường vào tội âm-mưu khi-ngụy. Hai ngày sau đem ra trảm-quyết tại chợ Túy-loan.

Kế tiếp theo đó người ta lại dẫn nhà cách-mệnh Châu thượng Văn vào phòng họp, giao cho các vị quan tòa phỏng-vấn. Viên tổng đốc Hồ đắc Trung bảo lính tập mở chiếc xiềng sổ tám cho bị can, rồi bắt đầu hỏi:

- Mày có phải là người tổ-chức vụ kháng-sứ tại Quảng-nam không?

Nhà cách-mệnh Châu thượng Văn trả-lời một cách thẳng-thẳng:

- Chính tôi đã ngấm-ngầm xúi-giục dân-chúng nổi-loạn, và bí-mật đưa các nhà chính-trị sang Nhật-bản, ngoài ra không một ai có quyền tham-dự vào cả.

Viên thông-đốc Hồ đắc Trung không thể nào tin những lời thú-nhận ấy, liền quay về phía viên công-sứ Charles mà nói rất khế:

- Ở đây chúng ta có một tên phiến-loạn vừa lợi hại vừa có uy-tín trong dân-chúng. Tôi thiết-tưởng trong trường-hợp này chúng ta không nên dùng những biện-pháp cứng-rắn, mà phải giao bị can cho tòa-án Nam-triều xét-xử.

Viên công-sứ Charles gật đầu hỏi thêm:

-Nhưng tôi nghe nói bị can sẽ nhịn ăn để phản-đối việc đàn-áp phong-trào xin xâu, ngài nghĩ như thế nào?

Viên tổng-đốc Hồ đắc Trung mỉm cười một cách tế-nhị và trả-lời:

- Nếu vạ-nhút người ta dùng lối bất-bạo-động để tranh-đấu, chúng ta sẽ tuyên-án tức-khắc và sẽ đưa bị-can ra ngoài Lao-bảo, như vậy là êm chuyện.

Viên công-sứ Charles đứng dậy nắm chắc lấy bàn tay viên tổng-đốc Hồ đắc Trung mà nói thật chậm rãi:

- Ngài là một vị thủ-hiến không những khôn-ngoa mà lại còn sáng-suốt nữa. Tôi không bao-giờ quên những công-việc ngài đã làm cho chính-phủ bảo-hộ; tôi sẽ đề-bạt cho ngài giữ một chức-vị quan-trọng hơn.

Chiều bữa ấy nhà cách-mệnh Châu thượng Văn bắt đầu tuyệt-thực trong lao-xá, mỗi ngày chỉ uống cầm chừng một vài hớp nước. Viên công-sứ Charles cho áp-tải bị can lên giam-giữ tại Vĩnh-diện để chờ tuyên-án nhưng sau hai tuần nhật lại đưa về tạm gởi tại lao-xá Hội-an. Lúc bấy giờ bị can đã thay đổi hoàn toàn: thân hình đã xóp ve, hai con mắt đã sâu-hoắm, hơi thở chỉ còn thoi-thóp. Tiến-sĩ Huỳnh thúc Kháng liền chạy đến bên giường bệnh mà gọi rất khẽ:

-Châu tiên-sinh! Châu tiên-sinh! Tiên-sinh có biết tôi là ai không?

Bị can không có thể trông thấy được nhưng vẫn nghe rõ giọng nói, liền bảo tiến-sĩ Huỳnh thúc Kháng cúi sát xuống mà rí vào tai:

- Huỳnh đại-ca! Huỳnh đại-ca! tôi làm cái việc dễ, các đồng-chí phải cố-gắng làm lấy cái việc khó.

Tất cả các nhà Duy-tân hiện có mặt trong ngục-thất đều phải rơi lệ. Chính trong lúc ấy tiếng còi báo-động đã vang dậy khắp nơi. Viên quản-cơ bận lễ-phục đã ra đứng trước nhà ga, đương tụ-tập những phạm-nhân đi Lao-bảo. Theo lệnh cấp trên, bọn lính áp-tải chạy sòng-sộc vào trong phòng giam, khiêng bị can đem bỏ trên xe hoả, rồi chiếc đầu máy lại vận-chuyển, nhằm dãy núi Ngũ-hành-sơn mà lao vun-vút.

Vị lãnh-tụ phong-trào xin xâu ra tới Thuận-hóa thì tắt thở, lưu lại cho dân-tộc Việt-nam một tấm gương hy-sinh, đấu-tranh kiên-cường, cho thánh Cam-Địa về sau này một phương-thức đấu-tranh mẫu-nhiệm.

Có nhiều nhà cách-mệnh không trực-tiếp lãnh-đạo vụ dân-biến cũng phải bị đàn-áp một cách tàn-nhẫn. Kẽ thì phải bị xử tử-hình, người thì phải bị phát-vãng ra Côn-đảo cùng một lúc với hầu hết các bậc văn-thân trong toàn quốc.

Trước hết, tiến-sĩ Trần quý Cáp, một nhân-vật quan-yếu trong phong-trào Duy-tân, phải lên đoạn-đầu-đài tại tỉnh Khánh-hòa và phải bị tên bổ-chánh Phan bá Quát đem ra chém ngang lưng, một việc chưa bao-giờ trông thấy trong lịch-sử nhân-loại. Nhà cách-mệnh Phan tây Hồ phải bị bắt trong khi diễn-thuyết tại trường Đông-kinh nghĩa-thục và phải bị đưa về giam-giữ tại lao-xá Thừa-thiên.

Hằng ngày, các nhà văn-thân phải đi làm tạp-dịch trong thành-phố, nhà chí-sĩ Phan tây Hồ phải đẩy chiếc xe bò, học-sinh Lê đình Mộng, người cầm đầu vụ dân-biến tại thủ-đô, phải cầm chiếc sọt đi nhặt lá vàng ở hai bên lề

đường, thái-độ vẫn thản-nhiên, cử-chỉ vẫn ôn-tồn như không có việc gì xảy ra. Nhà học-giả Nguyễn lộ Trạch, một hôm đi qua kinh-sư, liền trao cho hai phạm-nhân một gói tặng vật và đọc hai câu liên-đối như sau:

Đắc-thể Dy-Ngô tù dĩ-tướng;
Thất-thời Cơ-tử thánh vi-nô.

Nhà cách-mệnh Phan tây Hồ mỉm-cười, lấy tay vỗ nhè-nhẹ vào thân hình con bò vàng rồi theo hai bánh xe lịch-sử mà trở về ngục-thất. Một tuần-lễ về sau, nhà cách-mệnh Phan tây Hồ phải ra trước một phiên-tòa hỗn-hợp và bị ghép vào tội xúi dân làm loạn. Nhà cách-mệnh Phan tây Hồ cứ khăng- khái mà trả-lời :

- Các ngài vừa ngồi trên đầu nhân-dân, vừa ăn bổng-lộc của nhà nước, người nhiều thì năm ba trăm, kẻ ít thì bảy tám chục, lương tiền ấy không phải là máu-mủ của đồng-bào hay sao ? Thế mà các ngài cứ điềm-nhiên tọa-hưởng, không lo vì nhân-dân mở đường sinh-kế, không tính vì đồng-bào mưu-cầu sự lợi-ích, khiến cho bọn người cùng vô-sở-xuất, không biết dựa vào đâu mà nộp sưu-thuế, phải lấy việc đi van-nài cửa công làm hạ-sách. Như vậy vụ dân-biến ở Trung-kỳ là cái tội chung của người Pháp và chính-phủ Nam-triều. Các ngài không biết ăn-năn thì chớ, lại còn tìm cách vu-cáo cho kẻ khác, thì còn mặt mũi nào mà ra ngồi chên-vênh tại chỗ pháp-đình này?

Các vị quan-tòa tức-giận lắm, muốn kết án tử-hình bị can cho hả-dạ, nhưng vì có hội bảo-trợ nhân-quyền can-thiệp, họ phải kêu án xử-tử phát-phối, ngộ-xá bất nguyên. Chẳng bao lâu nhà cách-mệnh Phan tây Hồ phải lên đường vào phổi-sở, lúc ra khỏi cửa đông-nam mới biết là vào Côn-đảo, liền khẩu-chiếm một bài "Cảm-tác" như sau:

Luy luy thiết-tòa xuất đô-môn;
Khăng-khái bi-ca thiết-thương tồn.
Quốc thổ trầm-luân dân-tộc tụy;
Nam-nhi hà-sự phạm Côn-lôn ?

Hai nhà cách-mệnh Nguyễn Thành và Huỳnh thúc Kháng bị bắt tại Quảng-nam, bị giải về Hội-an rồi đem lên giam-giữ tại lao-xá Vĩnh-điện. Chính-phủ Nam-triều phải mở ngay một phiên tòa đặc-biệt để xét-xử hai bị can và kêu án: nhà cách-mệnh Nguyễn Thành phải bị chín năm khổ sai; còn nhà cách-mệnh Huỳnh thúc Kháng phải bị khổ-sai chung-thân, ngộ-xá bất nguyên. Nghe tin hai nhà cách-mệnh phải khởi-hành vào Côn-đảo, các đồng-chí ở trong lao-xá có tổ-chức một bữa cơm thân-mật để bày tỏ mối tình khăng-khít với nhau. Người ca-nữ vô-danh cũng có mặt trong bữa cơm ấy, thừa lúc mọi người không để ý, bèn tiến về phía nhà cách-mệnh Nguyễn Thành mà hỏi rất khẽ:

- Trong thời-kỳ phải đi vắng, tiên-sinh có dự-trù một nhân-vật nào để thay

thế cho tiên-sinh hay không ?

Nhà cách-mệnh Nguyễn Thành liền đưa tay móc túi áo, lấy ra một phong-thư có niêm-dán cẩn-thận, trao cho người ca nữ mà nói một cách chậm-rãi, dẫn từng tiếng:

- Tạm thời ông Thái Phiên phải đảm-nhận mọi công việc, chờ khi nào ông Trần cao Vân trở về thì hai nhân-vật ấy sẽ hợp-tác với nhau.

Người ca-nữ vô-danh gật đầu, dấu kỹ bức thư vào người rồi ngồi tiếp tục dự bữa cơm y như cũ. Nhơn lúc cảm-hứng, nhà cách-mệnh Huỳnh thúc Kháng có đọc một bài "Lưu giản" như sau:

Trăng trên trời còn có khi tròn khi khuyết,
Người ở đời sao khỏi tiết gian-nan.
Đấng trượng-phu, tùy ngộ như an,
Tổ hoạn-nạn, phải hoành-hồ hoạn-nạn.
Tiền lộ định tri thiên hữu nhĩ,
Thâm tiêu ưng hứa mộng hoàn gia.
Bấy nhiêu năm, tuổi vẫn chưa già,
Kìa Tán-lĩnh, nọ Nhị-hà,
Non sông ấy phải chờ ta thêu dệt.
Còn tán tụ chẳng qua là tiểu-biệt,
Ngựa tái ông họa phúc biết về đâu.
Nếu một mai con tạo khéo cơ-cầu,
Thầy bốn bể cũng trong bầu trời đất cả.
Ư bách niên trung tu hữu ngã,
Dẫu cho núi sập, biển lồi, trời tan, đất rã,
Tấm lòng vàng tạc đá vẫn không mòn.
Trăng kia khuyết đó lại tròn.

"Những kẻ vá trời khi lỡ bước"

Chiếc tàu Lạc-long của công-ty Bạch thái Bưởi rời bến sông Hàn, ra khỏi vũng Thùng thì gặp lúc trời xấu, sóng lên cuồn-cuộn, chiếc tàu theo chiều gió chướng cứ chòng-chành trên mặt bể như một quả lắc đồng-hồ và tiến lên một cách mệt nhọc, khó-khăn.

Hành khách nằm sóng soài trên cầu tàu, ai nấy cũng gông cùm xiềng xích ở trên thân hình, phần đông là những chính-trị phạm vừa mới liên-can vào vụ xin xâu tại Trung-Việt. Nhóm văn-thân Quảng-nam nằm tại khoang giữa gồm có Ấm-sanh Nguyễn Thành, tiến-sĩ Huỳnh thúc kháng, cử-nhơn Phan thúc Duyên, cử-nhơn Lê bá Trinh. Nhóm văn-thân Nghệ-an, Hà-tĩnh nằm ở khoang thuyền phía sau, gồm có tiến-sĩ Ngô đức Kế, cử-nhơn Lê văn Huân, cử-nhơn Đặng văn Bá và nhà chí-sĩ Đặng nguyên Cẩn, ngoài ra lại còn có

Ấm-sanh Lê đình Mộng ở tỉnh Thừa-thiên và một số dân-chúng nữa. Lúc chiếc tàu vượt qua khỏi bán-đảo Tiên-chà thì gió đã bắt đầu êm, sóng bắt đầu lặn dần. Các nhà quốc-sự-phạm mới bắt đầu làm quen và qua lại chuyện trò thân-mật với nhau. Tiến-sĩ Huỳnh thúc Kháng nhìn về phía đất liền, thấy ba chiếc ghe mảnh đương rời bến Mỹ-kê căng buồm chạy về hướng nam như muốn thử sức nhanh với chiếc tàu thủy chạy bằng cơ-khí. Nhà cách-mệnh liên-tưởng ngay đến bài thơ của tú-tài Huỳnh Qùi làm hộ cho một người đàn bà góa ở chợ Bàn-thạch thuộc phủ Duy-xuyên. Người thiếu-phụ xấu số này lấy chồng vừa được một năm tròn thì đấng phu-quân, vì hồng thi phải bỏ nhà đi vong biệt-vô âm-tín. Lúc bấy giờ, mấy lời mở đầu được dân-chúng hết lời truyền-tụng vẫn còn như phảng-phất trong không-gian:

Biệt-ly ở hệ, duyên-nợ nào phai,
Bức hồi-văn thêu dệt bởi vì ai ?
Ngâm chinh-phụ thở-than ví đó.
Chàng từ thuở buông lời gấn-vó,
Bến Mỹ-kê muôn dặm tếch buồm loan!

Tiến-sĩ Huỳnh thúc Kháng còn mãi ngấm cảnh-vật nơi quê-hương mà từ đây ông phải tạm-biệt một cách bất-đắc-dĩ, thì từ phía sau, một hành-khách, mặt hình chữ dẹt ngăm-ngăm đen, trán gồ rộng, lưỡng-quyền cao, mắt sâu hoắm, trông có vẻ tầm-thước, cương-ng nghị, nhẹ-nhàng bước tới. Khi chỉ còn cách tiến-sĩ Huỳnh thúc Kháng có một thước mộc, người hành-khách giơ cánh tay lên, đập thật nhẹ vào vai người bạn đồng-hành mà nói:

- Bác nghề Thanh-bình, tôi nghe tiếng bác đã lâu mà bữa nay mới gặp, thật là trời còn ngó lại bọn nho-sĩ chúng ta!

Rồi không muốn để tiến-sĩ Huỳnh thúc Kháng phải ngỡ-ngỡ lâu trước một người lạ mặt, ông nói tiếp để tự giới-thiệu mình với nhóm văn-thân Quảng-nam còn nằm bề-bộn trên cầu tàu:

- Đây là Ngô đức Kế ở huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh.

Tiến-sĩ Huỳnh thúc Kháng mở cặp mắt bác-học ra nhìn, nửa vui-mừng nửa ngạc-nhiên rồi nói một cách trịnh-trọng:

- Ua! té ra ông tiến-sĩ họ Ngô cũng có mặt tại đây, thảo nào mà bọn tớ phải lên đường vào Côn-đảo.

Ấm-sanh Nguyễn Thành nghe hai bên trò-chuyện thân-mật với nhau cũng chòm-ngòm đứng dậy. Chưa kịp để chào hỏi mọi người thì nhà chí-sĩ Đặng nguyên Cẩn từ phía sau khoang tàu, cũng vừa chạy tới, quay mặt về phía tiến-sĩ Ngô đức Kế mà nói ra một cách quen thạo lắm:

- Bác Nghè Can-lộc! bác quên rồi sao? đây là Tiểu-la tiên-sinh!

Nghe nói đến tánh-danh nhà đại-chí-sĩ Nguyễn Thành, tiến-sĩ Ngô đức Kế không giấu được nổi hân-hoan, liền chạy tới trước mặt một nhân-vật vạm-vỡ, nghiêm-ng nghị như một bức tượng đồng, rồi nắm chắc hai bàn tay mà nói một cách vồn-vả, như để phân-bua trong chốc-lát với quần-chúng :

- Đây này, tôi đã trông thấy rõ diện-mạo một vị tôn-sư.

Mọi người nhìn nhau im-lặng. Chiếc tàu thủy cứ chạy đều đều để tiến về một chân trời huyền-ảo. Một chốc nữa, nó sẽ ghé vào bến Qui-nhơn trong một chuyến đi lịch-sử để đón lấy nhóm văn-thân Quảng-ngãi và Bình-định mà người dẫn đầu là cử-nhơn Nguyễn Thụy, tú-tài Phạm Cao Chấn. Con chim đại-bàng trên mặt bể lại tung ra trong bầu trời im-lặng một làn hơi đen nghịt để lấy sức mà tiến thẳng vào miền Đồng-nai lục-tỉnh. Tới Sài-gòn, đoàn quốc-sự-phạm phải nghỉ lại một tuần-lễ, vào khám Chí-hòa để hớt tóc, thay đổi quần-áo, làm quen với đời sống nhọc-nhằn trong lao-tù. Một buổi sáng tinh-sương, nhóm văn-thân miền Trung-Việt lại lên một chiếc tàu khác nhỏ hơn, có vẻ hiền-tử, duyên-dáng hơn, để một chiều kia đổ-bộ lên một mảnh đất hoang-vu ngoài biển-khơi, cái mục-tiêu cuối cùng của một cuộc hành-trình dài dằng-dặc.

Côn-lôn là một hòn đảo lẻ-loi nằm rất xa ở ngoài khơi miền duyên-hải Nam-việt. Từ ngàn xưa, mảnh đất rời-rạc này vẫn thuộc về lãnh-thổ Việt-nam và được sáp-nhập vào địa-phận tỉnh Vĩnh-long. Côn-lôn chỉ có rừng núi bao-la và một làng An-hải, gồm có năm bảy nóc nhà tranh lụp-xụp. Đám dân chài lưới, đã từ miền lục-địa Việt-nam mạo-hiểm vượt đại-dương để ra tận ngoài khơi chiến-đấu với ma-thiêng nước-độc, với sóng cồn rào-rạc, với những trận gió nổi kinh-khủng thổi khắp quanh năm. Về sau, người Pháp sang xâm-chiếm miền Đồng-nai lục-tỉnh, đặt nền cai-trị riêng, tách hẳn miền phù-sa sông Cửu-long ra khỏi ảnh-hưởng triều-đình nhà Nguyễn. Côn-sơn trở thành một nhà lao thường-phạm, dành riêng cho những người dân bản-xứ can về trọng-tội, ở đây lại có thiết-lập nhiều công-sở, xây-dựng nhiều trại binh-lính. Chợ búa, quán-xá của người Việt-nam, người Trung-hoa cũng theo trào-lưu mà phát-triển mỗi ngày mỗi đông-đúc thêm. Kế tiếp đến, khi phong-trào Duy-tân phát-động khắp toàn quốc, vụ kháng-sư vào năm 1908 nổi lên rầm-rộ, người ta mới nghĩ đến việc sửa đổi qui-chế nhà lao-xá. Từ đấy, Côn-đảo mới trở thành một ngục-thất chính-trị để an-trí hay giam-cầm các nhà ái-quốc, mà người phạm-nhân đầu tiên may mắn được đặt chân trước hết trên mảnh đất xa-xôi, rừng-rợn, hẻo-lánh ấy là nhà cách-mệnh Phan Tây Hồ. Vào tháng tư năm 1908, cửa ngục hé mở để thu-nhận nhà đại-hào-kiệt Việt-nam, thì vào thượng-tuần tháng tám cũng năm ấy, các nhóm văn-thân Trung-Việt, đầu-não của phong-trào kháng-sư, lại âm-thầm đổ-bộ trên bến Côn-sơn dưới những con mắt tò-mò của bọn ma tà và bọn quan-lại thuộc-địa. Họ lần-lượt theo gót viên ngục-trưởng mà vào trong nhà lao, nhận mỗi người một cái thẻ bài y hệt như các vị hàn-lâm trong chế-độ phong-kiến, rồi được phân-phối đi các phòng, sống lẫn-lộn với những người thường-phạm mà làm tạp-dịch. Lúc bấy giờ, nhà cách-mệnh Phan Tây Hồ đã ra tạm-trú tại làng An-hải, sinh-hoạt với dân-chúng, chuyên về nghề đi câu và làm đôi-mồi để chờ ngày trở về lục-địa.

Vào mùa xuân năm 1909, sau một cái Tết tha-hương đầu tiên, buồn rầu và thăm-thía đến tận xương tủy, các chính-trị-phạm ở Côn-đảo lại có dịp tiếp đón một số đồng-nghiep ở Bắc-Việt mới vào như cử-nhơn Dương Bá Trác, tú-tài Nguyễn Quyền. Hầu hết những nhà quốc-sự-phạm sau này đều có liên-hệ

đến vụ Đông-Kinh nghĩa-thục. Quang-cảnh ngoài lao-xá lại có vẻ tưng-bừng, náo-nhiệt một cách khác thường. Một số chính-trị-phạm ở Trung-Việt cũng theo chuyến tàu này mà vào Côn-đảo như Nguyễn Xứng ở Thanh-hóa, Trần kỳ Phong ở Quảng-ngãi và Trần cao Vân ở Quảng-nam.

Ra đời vào năm 1866 tại Gò-nổi là nơi văn-vật vào bậc nhất của vùng Ngũ-hành-sơn, nhà cách-mạng Trần cao Vân theo học chữ Nho và đã dự một kỳ thi hương không có kết-quả vào năm 1882. Lúc bấy-giờ, như tằm ăn dâu, người Pháp xâm-chiếm dần dần miền Bắc-Việt, đánh lấy thành-phố Hà-nội rồi cho quân-ngũ tấn-công vào các thị-trấn khác ở hai bên lưu-vực sông Hồng-hà. Cái tin phó-bảng Hoàng Diệu tuần-tiết sau trận thất-thủ Hà-nội đã làm cho dư-luận toàn-quốc chấn-động rất mạnh-mẽ. Ở Quảng-nam, phe chủ-chiến càng ngày càng phát-triển, phong-trào bài-ngoại càng ngày càng ăn sâu vào dân-chúng. Lúc này hơn lúc nào hết, người ta mới bắt đầu truyền-tụng bài "Quá giang" mà Hoàng Diệu đã sáng-tác lúc mới ra nhậm-chức tại Bắc-Việt.

Quá bước tầm-phương bỗng tới đây,
Khen cho con tạo khéo trưng-bày.
Sông e biển cạn, bù thêm nước,
Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây.
Rạc-rạc sóng cồn che mặt đất,
Ào ào gió chướng thổi rừng cây.
Nửa về, nửa ở lòng chưa quyết,
Ngán nỗi trời hôm đã xế tây.

Kế tiếp theo đó, vào năm 1885, phe chủ-chiến lại bạo-động ở Thuận-hóa, kinh-đô bị thất-thủ, vua Hàm-Nghi và Tôn-thất Thuyết chạy ra Tân-sở, phong-trào Cần-vương lại nổi lên khắp nơi. Ở Quảng-nam, phó-bảng Nguyễn duy Hiệu lại dựng cờ khởi-nghĩa, Nghĩa-hội được thành-lập, hai bên triều-đình và văn-thân lại xây hào đắp lũy, cầm-cự nhau ròng-rã trong mấy năm trời. Hưởng-ứng theo trào-lưu mới, Trần cao Vân lìa bỏ gia-đình để dẫn-thân vào cuộc đời tranh-đấu. Trước kia ông có làm quen mật-thiết với một người học-sinh tên là Võ Thạch ở làng Bồ-phan. Bên cạnh làng này, thuộc về làng An-định, có một ngôi chùa rất tĩnh-mịch mang danh là Cổ-lâm-tự. Võ Thạch là con trai duy-nhất của viên chánh-tổng Võ Trưng, một tay cự-phách ở vùng Chín-xã sông-con. Trần cao Vân mới nghĩ kế lên trụ-trì tại ngôi chùa ấy để che mắt thê-gian mà mưu-đồ đại-sự. Thường ngày, ông có thư-tử đi lại với tú-tài Trần Thừa ở làng Gia-cốc, thuộc phủ Duy-xuyên, lúc bấy giờ đương làm tán-tướng cho phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, trấn đóng tại miền bắc sông Thu-bồn để kháng-cự với người Pháp. Vào mùa thu năm 1887, phong-trào Cần-vương tại Quảng-nam bị dập tắt, Nghĩa-hội tan rã, ông phải bỏ ngôi chùa trở về học-tập, đi thi trở lại. Sau một thời gian châu-du khắp nơi để quan-sát tình-hình trong nước, năm 1891, ông lại trở về ngôi chùa Cổ-lâm để tu hành và bí-mật liên-kết với đồng-chí ở khắp bốn phương. Sau một năm

hoạt-động tại Quảng-nam, vào năm 1892, thấy phong-trào kháng Pháp không thể nào phục-hồi được, ông phải lên đường vào Bình-định để thử tìm một mảnh đất mới mẻ, có thể dụng-võ hữu-hiệu hơn. Nhưng chẳng may, tại đây phong-trào Cần-vương cũng vừa bị thất-bại. Cử-nhơn Mai xuân Thường bị hành-quyết, dân-chúng phải trải qua một cuộc đàn-áp kinh-khủng do binh-sĩ của viên đốc-phủ-sứ Trần bá Lộc gây nên. Những hình ảnh rừng-rợn như tập-trung trẻ con tại ngôi đình làng, rồi ném tung trẻ con lên thật cao cho chúng rơi lên những ngọn lười lê sáng-quắc, dưới những tiếng reo hò, a-dua, xu-mị của một đám quần-chúng ngổ-nghech, vẫn còn in dấu trong tâm-trí của tất cả mọi người. Một cuộc vận-động công-khai, trực-tiếp không có đủ yếu-tố để thành-công, các nhà lãnh-đạo chính-trị phải dùng đến thủ-thuật, phải lấy bói-quẻ, phù-phép để khêu-gợi tấm lòng mê-tín của nhân-dân, và từ-từ đưa những người dẫn-đo e-dè vào con đường tranh-đấu. Nghe tiếng một vị thầy chùa ở Đá-bạc đã qui-tụ được một số đông tín-đồ, ông cũng băng-bộ tìm tới, và nhưn đó mới kết-giao được với nhà cách-mạng Võ-Trứ là môn-đệ của viên trụ-trì ngôi chùa Đá-bạc. Hai người bàn-bạc kế-hoạch với nhau thật tỉ-mỉ rồi kéo nhau vào Phú-yên là nơi mà cuộc vận-động quần-chúng có thể thực-hiện một cách tương-đối dễ-dàng hơn. Do đó, vào năm 1898, một buổi sớm tinh-sương, người ta mới thấy giặc thầy chùa nổ lên khắp nơi, từ huyện Đồng-xuân cho tới phủ Tuy-hòa, nhà cách-mệnh Võ-Trứ mới kéo cờ " Minh trại chủ tể" từ miền sơn-cước xuống bao-vây tỉnh-lỵ Sông-cầu. Cuộc khởi-nghĩa không thành-công, nhà cách-mệnh Võ-Trứ phải bị hành-quyết, các đồng-chí phải bị giam cầm. Ông cũng bị bắt tại động Bà-thiên, bị hạ-ngục cho tới năm 1889 mới được phóng-thích. Khi được trả tự-do, ông vẫn theo đường củ, một mình đi châu-du khắp miền sơn-cước, khi thì coi nhâm-độn theo kinh Thái-ất, khi thì giảng Trung-thiên-dịch, làm cho các nhà hữu-trách ở Phú-yên phải lo sợ, phải bắt trở lại, kết-án ba năm tù và đưa về giam tại Quảng-nam. Vào năm 1902, ông mới rời khỏi nhà lao, về tạm-trú tại một ngôi nhà tranh ở sát bên cạnh chợ Vĩnh-diện, thỉnh-thoảng lại đi ra Quảng-trị, Thừa-thiên để kết-nạp đồng-chí. Chính vào thời-kỳ này, nhà cách-mệnh Nguyễn Thành đã khai-hội Duy-tân tại làng Thạnh-mỹ. Phong-trào Đông-du, phong-trào Duy-tân đương phát-triển mạnh trong dân-chúng. Ông hết sức cổ-động đồng-bào hưởng-ứng theo trào-lưu mới. Năm 1908, sau khi dân-chúng nổi lên phản-đối chính-phủ, gây nên vụ kháng-sư ở khắp toàn quốc, một lần nữa, ông lại bị liên-can, bị các nhà chức-trách ở Quảng-nam bắt hạ-ngục. Trong lao-xá, ông đã gặp tiến-sĩ Huỳnh thúc Kháng và hầu hết thân-sĩ ở vùng Ngũ-hành-sơn. Vì trước kia ông có tham-gia các vụ đấu-tranh ở Bình-định và Phú-yên, người ta phải giữ ông lại để điều-tra thêm cho rõ tội-trạng, mãi đến năm 1909, ông mới bị đày ra Côn-đảo, cùng một chuyến tàu với nhóm thân-hào nhân-sĩ ở Bắc-Việt. Vừa mới bước vào sân lao-xá, ông đã bị một nhóm người bao-vây, phần đông là các thân-sĩ ở vùng Nam-Ngãi. Một lát nữa, tin-tức đồn-đại xa gần, tất cả các phòng giam đều trở nên huyền-náo, rộn-ràng như trong một ngày Tết. Nhà cách-mệnh Nguyễn Thành, trước đó một vài tháng, có nhận được thư-

tín từ Quảng-nam gửi vào cho biết vị nội-trợ đã thọ bệnh mà mất, kế-tiếp theo đó lại nhận được tin lệnh-nữ vừa mới tạ-thế. Ông buồn-rầu không xiết kể. Chứng thổ-huyết, phát-sinh khi còn ngoài lao-xá, một thời-gian lâu đã ngưng hoạt-động, nay tái-phát một cách dữ-dội làm cho mặt mày của ông xanh-mét như một tàu lá. Suốt ngày đêm ông không bao giờ rời bỏ chiếc giường tre xiêu-veo ở trong một góc bệnh-xá, thỉnh-thoảng lại trở mình ho năm ba tiếng đặc-sệt như có đờm và nước dãi đã kéo lên tận cuống họng. Thế mà nghe tin đám quốc-sự-phạm ở Trung-Việt mới vào tới nơi, ông cũng gắng-gượng đứng dậy, chống gậy tre lão-đảo bước ra cửa phòng, lần mò tiến về chỗ đông người mà hỏi thật khẽ:

- Tin-tức ở ngoại-quốc đưa về có được khả-quan không?

Nhà cách-mệnh Trần cao Vân trả lời:

- Theo ý-kiến các anh em ở Bắc-hà thì Duy-tân hội không tiến-triển được bao nhiêu. Gia-dĩ gần đây chính-phủ Đông-dương và chính-phủ Nhật-bản đã mật-ước với nhau, do đó việc bang-giao giữa đoàn-thể chúng ta và các nhà hữu-trách ở Đông-kinh càng ngày càng đi tới chỗ bế-tắc. Hiện nay Nhật-hoàng đã có lệnh trục-xuất các du-học-sinh và các nhà ái-quốc Việt-nam. Hai nhà cách-mệnh Phan bội Châu và Cường Để đã chuẩn-bị rời bỏ xứ Phù-tang để trở về hoạt-động tại Xiêm-la và Trung-quốc. Trường học Bính-ngộ-hiền ở Hoành-tân cũng đã bị đóng cửa, không biết rồi đây tình-hình còn biến-chuyển ra làm sao nữa?

Nhà cách-mệnh Nguyễn Thành nghe xong những lời ấy, thì tâm-thần bất-an, mồ-hôi toát ra khắp thân-hình, tay chân trở nên lạnh ngắt. Các bạn đồng-sự lo dìu-dắt ông về bệnh-xá, mới đặt cho ông nằm ngay thẳng ở trên chiếc giường công-cộng thì cơn sốt rét lại nổi lên, sau đó giẫy lất, ông lại bắt-đầu thổ-huyết, lần này còn trầm-trọng hơn. Từ đấy trở đi, ông không bao giờ rời bỏ căn phòng trống-trái của bệnh-viện. Mặc-dẫu các viên y-tá đã hết sức chạy chữa, bệnh thổ-huyết càng ngày càng tiến bước, làm cho mặt-mày của ông hốc-hác, xanh-xao, thân-hình gầy-còm, tiêu-tụy. Thế rồi một hôm ở trong nhà lao, người ta nhận được một cái tin đáng mừng: nhà cách-mệnh Phan bội Châu đã trở về Thượng-hải, và chuẩn-bị triệu-tập các đồng-chí Trung-Nam-Bắc để thành-lập Việt-nam Quang-phục-hội. Lúc bấy-giờ tấm lòng ưu-ái của ông đối với nhân-dân đã sôi lên sùng-sục, ông muốn gắng-gượng ngồi dậy để viết một bản hiệu-triệu cho đồng-bào, nhưng sau một lúc, vì sức-lực đã kiệt-quệ, ông chỉ còn đủ sức để viết cho các đồng-chí một bài thơ "Cảm-tác" như sau:

Nhất-sự vô thành mấn dĩ ban,
Thủ sanh hà diện kiến giang-san.
Bổ thiên vô lực đàm thiên dị,
Tế-thế phi tài, tỵ thế nan.
Thời cuộc bất kinh vân biến ảo,
Nhơn tình chỉ khủng thủy ba-lan.
Vô cùng thiên-địa khai song nhãn,

Tái thập niên lại thí nhất quan.

Viết xong, ông cho mời các nhà cách-mệnh Trần cao Vân, Phan tây Hồ, Huỳnh thúc Kháng đến bên cạnh mình mà căn-dặn mấy lời:

- Tôi nhắm mắt rồi, việc hội thì đã có Thái Phiên đảm-nhận, còn việc quốc-dân thì tôi trông-cậy vào các anh em; thời-cuộc xoay-vần, sau này còn nhiều cơ-hội tốt.

Ông nói vừa dứt lời thì thần-sắc đã biến hẳn, thân-hình đã cứng đờ, linh-hồn đã thoát hẳn ra ngoài thể-xác. Ở bên ngoài, các đồng-chí ở khắp ba miền đã tụ-tập đông-đảo. Khi trông thấy tiến-sĩ Huỳnh thúc Kháng bước ra, vẻ mặt buồn-rầu đau-đớn, thì ái nấy cũng ngồi sụp xuống dưới đất mà khóc âm-thầm. Vị thủ-lãnh phong trào Đông-du không còn nữa!!. Đám tang cử-hành rất đơn-sơ trong lao-xá,

Sau đám tang, nhà cách-mệnh Phan tây Hồ trở về làng An-hải, nhận được thư của Pháp-kiều Babut, chủ-bút tờ nhật-báo Đại-Việt, gửi thăm đồng-thời cho biết ông sẽ được phóng-thích. Kế tiếp theo đó, viên thống-đốc Nam-kỳ lại thân-hành ra tận ngoài Côn-đảo, thăm viếng ông một cách ân-cần, và chẳng bao lâu ông được lệnh trở về lục-địa. Tới Sai-gòn, ông mới hay hội Bảo-trợ nhân-quyền đã vì mình, khiếu-nại với Chính-phủ Pháp, thủ-tướng Poincaré đã nhận lời cho ông được trở về với dân-chúng. Thi-hành quyết-nghị ấy, các nhà chức-trách ở Đông-Dương có mở một hội-đồng đề-hình ở tại Nam-kỳ. Tham-biện Couzineau, chủ-tịch phiên-tòa, trong bài diễn-văn khai-mạc, có tuyên-bố đường-hoàng:

- Thay mặt cho tất cả nhân-dân nước Pháp, tôi xin long-trọng trả tự-do cho ông.

Viên tham-biện Courizeau đọc xong bản thuyết-trình, bước tới bên vành móng-ngựa hỏi ông một cách ôn-hòa:

- Ông còn có điều gì muốn đề-đặt lên chính-phủ nữa hay không ?

Đáp lời vị đại-diện chính-phủ Ba-lê, ông chỉ xin có ba điều: ân-xá quốc-sự-phạm, trị-tội viên án-sát Khánh-hòa Phạm ngọc Quát đã giết hại tiến-sĩ Trần quý Cáp một cách oan-uổng và đi qua Pháp.

Trình-bày xong những nguyện-vọng của mình, ông tạm-biệt các thân-bằng cố-hữu và xuống tạm-trú tại thành-phố Mỹ-tho. Ở đây, tuy đã được chính-quyền trao-trả tự-do, ông vẫn bị các nhà chức-trách địa-phương kiểm-soát gián-tiếp. Không bằng-lòng, ông bèn viết thư gửi cho chính-phủ xin trở ra Côn-đảo. Bất đắc dĩ các nhà cầm-quyền phải thay-đổi chính-sách, chấp-thuận cho ông được sang Pháp theo lời thỉnh-cầu trong nguyên-đơn.

Vào mùa xuân năm 1912, ông cùng với toàn-quyền Klobukowski xuống tàu đi Tây, có đem theo người con trai duy-nhất là Phan châu Dật sang du-học tại Ba-lê. Cuộc du-hành này lúc ban đầu, không khởi gậy ra nhiều dư-luận khác nhau. Các bạn đồng-bồi, không hiểu rõ cái thâm-ý của ông nên có lời dị-nghị, thành-thử tiến-sĩ Huỳnh thúc Kháng có làm bài thơ: "Tiễn-biệt".

Cô tra nhứt tạc độ Phù-tang,

Tây hải điều điều hưu thử hàng;
Chích thử quân tòng cao xứ trước;
Bán sanh toàn vị quốc quần mang.
Luân hành Dân ước tuân Lữ-lão;
Đáo nhập Tây khoa điều Nã-hoàng.
Thử địa tự-do hoa chính hảo;
Bằng quân dị chủng đáo viêm phang.

Nhà cách-mệnh Phan tây Hồ sang tới Ba-lê, trú-ngụ một thời-gian thì được tin nhà cho biết phu-nhân đã tạ-thế. Ông đương sống ở nơi đất khách, một phần thì nhớ quê-hương, một phần thì đau-xót vì cái cảnh tử-biệt sinh-ly, nên suốt một tuần lễ-bái, ông nằm mãi ở trên tầng thứ chín một biệt-thự trong xóm La-tinh. Một buổi sớm, ông vừa thức-dậy, tung chiếc mền nỉ nhìn khắp căn phòng thì trông thấy một chiếc bàn thờ vừa mới thiết-lập, có vù hương, có chưn đèn, có bài-vi, hần-hoi, hai bên có hai câu liễn đối của người con trai là Phan châu Dật viết để tặng cho thân-mẫu. Ông nằm gác tay lên trán, đọc đi đọc lại lẩm-nhẩm hai vế gổ-i-hạc mà nét mực chưa khô:

Con nhớ mẹ, mẹ ôi! mẹ đau con chẳng biết, mẹ mất con chẳng hay,
đất rộng, trời cao, muôn dặm luống trông tin mẹ mãi.

Mẹ thương con, con biết! con ở mẹ nhọc lo, con đi mẹ nhọc nhớ, ơn
dày, nghĩa nặng, trăm năm đành để nợ con mang.

Ông gọi mãi, không nghe cậu Phan châu Dật trả lời, chỉ thấy sương-mù, như một tấm màn mỏng, bay lư-a-thư-a qua cánh cửa sổ, đọng lại trên cửa gương, chảy ngoằn-ngoèo thành những đường song song, buồn-rầu ông lấy chăn phủ kín cả thân-hình, nằm ngủ thiêm-thiếp. Bây giờ một khung-cảnh xa-xôi, huyền-ảo nhưng có vẻ quen-thuộc lại bày ra trước mắt: ông thấy ông đương đi trở lại trên những con đường nhỏ-hẹp, giữa một hòn đảo nhỏ bé, chìm đắm hẳn ở ngoài đại-dương. Nơi đây tiến-sĩ Huỳnh thúc Kháng đương ngồi đập đá y hệt như mình dạo trước ở làng An-hải, nơi kia tiến-sĩ Ngô đức Kế đương chuốt đôi-môi để làm những cán bút rất xinh đẹp, xa hơn nữa là rừng rú bao-la với những ngọn thủy-triều đương tới-tấp viền bọt trắng ở dưới chân. Ông tiến sâu vào trong cảnh núi non và thấy một toán quốc-sự-phạm đương chặt cây ở trên bờ suối, ông lại gần hỏi viên cữu Cai là người cầm đầu nhóm tạp-dịch:

- Các anh em có biết nhà cách-mệnh Trần cao Vân hiện ở chỗ nào không ?
Viên cữu Cai liền đứng dậy, lấy chiếc hồ-bao hình bán-nguyệt mở ra, mời ông xơi một miếng trà cau, rồi nói chậm-rãi:

- Nhà cách-mệnh đã được phóng-thích vào ngày ba mươi tháng chạp năm nay, và đã lên đường về miền Trung.

Cái tin ấy làm cho ông nửa vui-mừng, nửa lo-sợ, ông đứng tần-ngần một hồi lâu, rồi hỏi tiếp :

- Còn các anh em thì bao giờ mới được trả về nguyên-quán ?

Viên cứu-cai suy-nghĩ trong giây lát, nhoen miệng cười gằn một cách chua-xót và trả-lời:

- Có lẽ không bao giờ hết, trừ trường-hợp chúng tôi thả được chiếc bè này ra ngoài biển và trốn thoát.

Nghe viên cứu-cai nói như vậy, ông muốn nhảy qua bên kia bờ suối để xem xét chiếc thuyền vừa mới kiến-tạo nằm lẫn lút ở trong hang đá, nhưng chưa kịp chuyển mình, ông đã bị một bầy ong vò-vẽ bay đến tấn-công mãnh-liệt, mấy người hành-dịch chống cự không nổi, bỏ chạy tứ-tung, kéo ông chạy quanh-quất trong bụi rậm. Ông sợ-hãi quá muốn tung chấn gối dầy thì đã có người con trai là Phan châu Dật ngăn chặn lại và nói rất khế:

- Thầy vừa trở qua một giấc chiêm-bao.

Nhà cách-mệnh Thái Phiên

Năm 1911, sau một giấc ngủ triền-miên, kéo dài đến hàng trăm thế-kỷ, nước Trung-hoa vươn mình đứng dậy, noi theo cái gương sáng-suốt của Minh-trị thiên-hoàng. Khắp mọi nơi, dân-tộc Trung-hoa đã phất cờ dân-chủ, cướp đoạt chính-quyền và tiêu-diệt nền đế-chế Mãn-thanh. Chỉ trong một thời-gian ngắn, cuộc cách-mệnh Tân-hợi đã thành-công, làm cho liệt-cường phải ngạc-nhiên, thế-giới phải rúng-động. Trước cảnh-tượng tưng-bừng rạng-rỡ ấy, các nhà cách-mệnh Việt-nam còn đương bôn-ba nơi hải-ngoại, làm sao mà không bấn-khoăn, nô-nức được. Lúc bấy giờ con đường bang-giao với nước Phù-tang đã bị khép chặt, các nhà cách-mệnh Việt-nam lại càng tin-tưởng vào sự giải-phóng của nước Trung-hoa dân-chủ. Họ đã lần-lượt rời bỏ nước Xiêm-la để trở về hoạt-động tại Trung-quốc. Vì vậy, vào mùa xuân năm 1912, nhà cách-mệnh Phan bội Châu đã tụ họp các đồng-chí tại Quảng-đông, tuyên-bố giải-tán Duy-tân-hội và thành-lập Việt-nam Quang-phục-hội. Cuộc hội-nghị bế-mạc, các nhà cách-mệnh Việt-nam một mặt lo tiến-hành việc tiếp-xúc với các nhà lãnh-đạo Trung-hoa Quốc-dân-đảng, một mặt khác lại phái người về trong nước để giải-thích chủ-trương mới và củng-cố lại tổ-chức.

Kể từ ngày nhà cách-mệnh Nguyễn Thành lên đường ra Côn-đảo rồi mệnh-chung trong lao-tù, nhà cách-mệnh Thái-Phiên phải đảm-nhận lấy công-việc lãnh-đạo Duy-tân-hội để cho đảng-viên khỏi bị phân-tán, dân-chúng khỏi mất tin-tưởng. Nhận được chỉ-thị ở hải-ngoại đưa về, ông phải âm-thầm hoạt-động nhiều hơn để làm cho Việt-nam Quang-phục-hội có thể phát-triển

nhANH HƠN NGỎ-HẦU ĐÁP-ỨNG NHỮNG ĐÒI-HỎI CẤP-BÁCH TẠI ĐỊA-PHƯƠNG VÀ NHỮNG BIẾN-CHUYỂN DỒN-DẬP TRÊN QUỐC-TẾ. Sinh-trưởng tại làng Nghi-an, ở ngay tại vùng ngoại-ô thành-phố Đà-nẵng, ông theo học chữ Pháp thật sớm. Sẵn có trí-nhớ bền-bĩ, phong-phú, bộ óc thông-minh sắc-sảo, ông có thể theo đuổi việc học để thu-hoạch những thành-quả rực-rỡ hơn. Vì nghe theo tiếng gọi thiêng-liêng của tổ-quốc, ông phải tạm-gác công-việc cá-nhân, trách-nhiệm về gia-đình để dẫn-thân trên con đường cách-mệnh đầy chông gai hiểm-hóc. Một khi xuất-thân, ông đã có dịp chứng tỏ cho ai nấy đều biết cái năng-khiếu lỗi-lạc của mình về chính-trị, về kinh-tế, đặc-biệt hơn hết, ông đã khéo đem cái óc kinh-doanh, cái tài biện-sự của mình để mưu-toan lật-đổ bạo-quyền và thu-hồi nền độc-lập cho đất-nước. Lúc ban đầu, ông ra giúp việc cho viên Pháp-kiều Le Roy, một nhà thầu-khoán rất có thế-lực tại Đà-nẵng. Chẳng bao-lâu, không những ông đã gây được sự tín-nhiệm đối với chủ-nhân và toàn thể nhân-viên trong hãng, mà lại còn vận-dụng được sự bảo-vệ của chủ-nhân cho những hoạt-động bí-mật của mình. Mỗi lần ông rời bỏ thành-phố Đà-nẵng một cách bất-thình-lình để hội-họp hay tiếp-xúc với các đồng-chí tại những vùng lân-cận, mật-thám có theo dõi, chính-phủ có chạy giấy về hỏi tin-tức, viên Pháp-kiều LeRoy lại tìm cách bao-che cho ông. Hình như sự giao-thiệp hằng ngày giữa ông và chủ-nhân đã vượt ra ngoài phạm-vi cá-nhân hay tình-cảm để tiến đến một sự thông-cảm khá cao về quan-niệm, đường-lối. Pháp-kiều Le Roy đã viết thư giới-thiệu ông với vị giáo-sư Eberhart, người tỉnh Alsace, được đặc-phái làm phụ-đạo cho vua Duy-tân tại thành-nội, và với viên thiếu-tá người Đức hiện đương chỉ-huy lực-lượng phòng-trú tại đồn Mang-cá ở Huế. Ông đã giao lại việc liên-lạc với viên thiếu-tá cho linh-mục Bàn-gốc. Sự đi lại với giáo-sư Eberhart đã có bác-sĩ Lê đình Dương, giám-đốc bệnh-viện Quảng-nam ở Hội-an đảm-nhận. Nhờ sự làm việc tể-nhị, kín-đáo ấy mà bọn thành-hồ ở trong nước không thể nào biết được hành-tung của ông, chính-phủ Pháp cũng như chính-phủ Nam-triều không thể nào thấy rõ vai-trò lãnh-đạo của ông ở trong đoàn-thể. Ông giúp việc cho Pháp-kiều Le Roy được một thời-gian thì xin nghỉ để khai-trương một hãng thầu riêng, làm được bao nhiêu tiền, ông đều bí-mật gởi ra cho cơ-quan đảng-vụ hải-ngoại. Lúc bấy giờ, nhạc-phụ của ông là Học Bổng, ở làng Quan-châu, và nhạc-phụ nhà cách-mệnh Phan thành Tài là Cai Nghi, một tay cự-phú ở làng Vĩnh-trinh, cũng bỏ tài-sản ra khá nhiều để phụng-sự cho cách-mệnh.

Vào mùa hạ năm 1913, tình-hình quốc-tế đã bắt đầu chuyển-hướng; tại châu Âu hai nước Pháp và Đức chưa xung-đột với nhau rõ-rệt, nhưng các nhà chính-trị dự-đoán nay mai thế-giới chiến-tranh sẽ xảy ra và sẽ phát-xuất

từ hai nước ấy. Nhà cách-mệnh Phan bội Châu đã có ý-định thực-hiện một cuộc du-lịch tại Bá-linh và nhiều kinh-đô khác nữa để mưu-đồ ngoại-viện. Chưa kịp khởi-hành, ông đã bị chính-phủ Trung-hoa bắt giam tại Quảng-châu, vì Trung-hoa đã có mật-ước với các nhà cầm-quyền Pháp tại Đông-dương. Mãi cho đến năm 1916 nhà cách-mệnh Phan bội Châu mới được phóng-thích. Tin-tức đưa về trong nước, nhà cách-mệnh Thái Phiên phải hoạt-động tích-cực hơn, phải vào nam ra bắc thường xuyên để chuẩn-bị tư-tưởng cho các đồng-chí và phát-triển cơ-sở. Một hôm ông ghé qua địa-phận Bàn-gốc và được cha linh-mục cho biết: Theo mật-báo của viên chỉ-huy đồn Mang-cá, không sớm thì muộn, nội trong vòng một năm tới, nước Đức sẽ tấn-công nước Pháp, thế-giới đại-chiến sẽ xảy ra tại châu Âu, ông nên chuẩn-bị quần-chúng để kịp thời đôi-phó với tình-thế.

Nhà cách-mệnh Thái Phiên nhìn vị cố-đạo một cách kính-cẩn và hỏi lại:

- Hiện nay ở hải-ngoại Việt-nam Quang-phục-hội đang bị chính-phủ Trung-hoa đàn-áp, tại quốc-nội bọn mật-thám Tây lại hoạt-động ráo-riết, dân-chúng còn e-dè, lo-sợ, chúng ta phải làm thế nào để tiến-hành công việc cho được mau chóng?.

Vị linh-mục dắt nhà cách-mệnh đi một vòng trong sân nhà chung, suy-nghĩ một hồi lâu, rồi trả-lời thật khế, gọn-gàng như một lời sấm-hối :

- Muốn làm đại-sự thì phải có đại-ngĩa mới có thể thành-công được.

Nhà cách-mệnh Thái Phiên hiểu ý ngay, liền cáo-từ vị truyền-giáo, rồi vội-vàng lên đường về Hội-an để gặp bác-sĩ Lê đình Dương. Tới nơi ông thuê xe kéo đi ngay về bệnh-viện. Như thường lệ, sau khi vượt qua chiếc cổng, ông rẽ về bên trái, đi thẳng vào tư-thất. Trong phòng khách có tiếng trò chuyện rì-rào, ông bước lên tam-cấp, nhìn qua khung cửa sổ thì thấy nhà cách-mệnh Phan thành Tài, Ngô Đạm, Huỳnh thế Kỷ đương ngồi bàn-bạc một cách say-sưa với một số thân-hào nhân-sĩ từ các miền thôn-quê mới về hội-hợp tại tỉnh-ly. Bác-sĩ Lê đình Dương ngồi trên chiếc ghế trường-kỷ, ở phía bên trong những chiếc ghế tay dựa, đương nâng lên trên môi một chén huyết gà trống màu đỏ sẫm. Ông đứng ngoài hiên một chập lâu, cảm-động nhìn các đồng-chí đương ăn thề với nhau, rồi nghe cử-tọa đứng dậy trịnh-trọng tuyên-bố, ăn nhip với lời xướng-xuất của bác-sĩ Lê đình Dương, người chủ-tọa buổi lễ:

- Chúng tôi nguyện đem hết của cải và tính mạng ra phụng-sự cho đồng-bào. Làm như vậy, chúng tôi không nghĩ đến thất-bại hay thành-công mà chỉ

nhằm một mục-đích duy-nhất là nêu lại một tấm gương trong sáng cho hậu-thế.

Ông lấy chiếc khăn bỏ túi ra, lau sạch-sẽ những giọt mồ-hôi ở trên trán, chờ cho quan-khách ra về hết, mới bước vào, bắt tay bác-sĩ Lê đình Dương mà nói thật nhỏ:

- Chiến-tranh sẽ bùng-nổ tại châu Âu và nhiều phần nước Pháp sẽ bị thảm-bại. Chúng ta phải chụp lấy cơ-hội ngàn năm một thuở này. Ngay bây giờ chúng ta phải tìm cách vận-động cho đồng-chí Trần cao Vân được trở về nguyên-quán.

Bác-sĩ Lê đình Dương hỏi lại:

- Việc phóng-thích đồng-chí Trần cao Vân, tôi sẽ đảm-nhận lấy, và sẽ thân-hành lên Quảng-nam để thương-lượng với các nhà hữu-trách. Nhưng thiết-tưởng muốn thực-hiện cách-mệnh cho có hiệu-quả, trước hết chúng ta phải có một chính-sách cho thích-hợp, một chương-trình, kế-hoạch rõ-ràng, chính-xác. Tại sao chúng ta không triệu-tập các đồng-chí ở khắp ba kỳ về đây để bàn vấn-đề cho sát hơn và để thống-nhất ý-chí hành-động cho chặt-chẽ hơn?

Ông ngồi nghe bác-sĩ Lê đình Dương chất-vấn, có vẻ nghĩ-ngợi trong giây-lát, rồi đứng dậy trả-lời:

- Muốn làm cách-mệnh, chúng ta phải có hai bí-quyết : một là biết làm, hai là dám làm. Biết làm thì chúng ta biết chưa được thẫu-đáo; dám làm thì chúng ta dám chưa được triệt-để. Phải chờ đồng-chí Trần cao Vân trở về lãnh-đạo phong-trào dân-chúng thì mưu-lược và đại-sự mới có thể thành-công được.

Bác-sĩ Lê đình Dương lấy làm phải, gật đầu hết sức nhẹ-nhàng, rồi tức-khắc hai người tạm-biệt.

Nhà cách-mệnh Thái Phiên phải lên đường một cách vội-và vì cách đây một tuần trăng, ông có nhận được mật-báo của đồng-chí Trần quang Trứ, một người gốc Nam-việt, hiện đương làm phán-sự tại tòa Khâm-sứ tại Huế, được biệt-phái qua tòng-sự tại văn-phòng viên chỉ-huy đồn Mang-cá. Theo những tin-tức mà đồng-chí Trần quang Trứ đã thu-lượm được, trong mấy tháng gần đây, vua Duy-tân thường hay có những nỗi buồn-rầu vô-cớ, nhần-nhó, bức-bội vì đời-sống chật hẹp, đơn-điệu ở trong chốn thâm-cung. Triều-đình Huế và chính-phủ Bảo-hộ đã hội-thảo nhiều lần để tìm cách cứu-vãn tình-

thế, và bất-đắc-dĩ phải cho xây-cất một tòa lương-đình tại cửa Tùng, tỉnh Quảng-trị để cho nhà vua dùng làm chỗ nghỉ-mát. Trong mùa viêm-nhiệt này, thỉnh-thoảng nhà vua sẽ ngự-giá ra bãi-bể, và sẽ có dịp để tiếp-xúc với đồng-bào, thân-sĩ. Nhận được bản báo-cáo, ông lại sức-nhớ đến lời căn-dặn của vị linh-mục ở địa-phận Bàn-gốc. Tức-thì một mặt ông nhờ tỉnh-bộ Quảng-trị tổ-chức một cuộc gặp-gỡ sơ-bộ để dò-xét ý-tứ của đảng thiên-tử, một mặt khác, sau non một tháng chờ-đợi, ông lại thân-hành vào Hội-an để nhờ tỉnh-bộ Quảng-nam vận-động cho nhà lãnh-tự Trần cao Vân được phóng-thích. Bữa nay ra khỏi bệnh-viện Hội-an, ông thuê một chiếc xe kéo bánh sắt, đi thẳng lên Vĩnh-diện, theo con sông Câu-nhí, nằm quá-giang một đêm trên một chiếc đò dọc, rạng ngày thuyền cập bến tại Đà-nẵng. Ông liền mua vé xe-hỏa đi ra Quảng-trị, và chỉ dừng lại tỉnh-thành một vài tiếng đồng-hồ để lấy tin-tức, rồi thuê võng trạm đi ra chợ phiên Cam-lộ. Tới nơi, thấy người mua kẻ bán đương họp với nhau đông-đúc, trâu bò, gà vịt trưng-bày nghênh-ngang ở khắp các ngã đường, ông không sợ bọn mật-tham để ý, rào bước đi ngay vào căn nhà của đồng-chí Khóa Bảo ở trên quốc-lộ. Một người đàn ông vào trạc tứ-tuần, chân tay gầy-gò, thân-hình cao lỏng-không, mặt mày xương xẩu, trán bích-lập, mắt sáng, diện-mạo trông thật là nho-nhã, đương nằm đọc sách trên một bức sập, thỉnh-thoảng lại tặc lưỡi rất khẽ như có vấn-đề gì không được thỏa-mãn trong lòng. Ông bước lại gần, đưa mắt nhìn mấy hàng chữ li-ti trong bài "Điều cổ chiến-trường" của Lý hoa. Đồng-chí Khóa Bảo nghe tiếng động ở bên mình, chồm-ngõm ngồi dậy, nhìn chòng-chọc vào người bạn. Sau một vài giây khắc ngạc-nhiên, đã thốt ra tự đáy lòng mấy tiếng thật thân-ái:

- Cỗ-nhân! cỗ-nhân đến tự bao giờ?

Ông chưa kịp trả-lời, đồng-chí Khóa Bảo đã nói tiếp:

- Thôi bây-giờ chúng mình phải đi rửa mặt, dùng cơm tối cái đã, rồi hãy nói chuyện. Chỉ trong mười phút, ông đã ngồi vào bàn, ăn thật ngon lành mấy món tương-chao đậu-phụ, rau muống luộc dọn với sắn mì và cơm gạo đỏ. Bữa tiệc đơn-giản này kéo dài cho tới gần nửa đêm, khi đầy-tổ đi ngủ hết, trong nhà chỉ còn ngọn đèn dầu lạt cháy leo-lét, với con mèo tam-thể nằm kêu rò rò ở trên bức chiếu kê. Đồng-chí Khóa Bảo vừa ngồi cầm đũa để tiếp khách, vừa nhắc đến cuộc gặp gỡ giữa một số nhân-sĩ cách-mệnh ở Quảng-trị và Hoàng-đế Duy Tân:

- Tôi đã gặp đức Kim-Thượng một lần tại cửa Tùng và một lần thứ hai tại chợ phiên Cam-lộ.

Ông liền hỏi:

- Làm thế nào mà tổ-chức cuộc tiếp-xúc này?

Đồng-chí Khóa Bảo mở cặp mắt ra thật to như để thấu hút ánh-sáng vào ký-ức của mình, rồi nói một cách khoan-thai:

- Cuộc gặp gỡ tại chợ phiên Cam-lộ là một việc ngẫu-nhiên, nhà vua chỉ dừng lại một vài phút, trao-đổi một vài câu khách-sáo, rồi phải tiếp-tục đi ngay, vì sợ bọn đình-thần lưu-ý và bọn mật-thám theo dõi sát bên chân. Trái lại cuộc hội-ngộ tại cửa Tùng đã được sắp đặt từ lâu, đã được bàn-tính, cân-nhắc một cách tỉ-mỉ, cẩn-thận. Cuối cùng kế-hoạch có thể thực-hiện được là nhờ có sự tận-tâm, sự khéo-léo của bà Trương thị Dương, một nữ đồng-chí ở xã Tân-diễn, quận Hải-lăng, tỉnh Quảng-trị. Hằng ngày bà phải cải-trang vào buôn-bán ở trong lương-đình để làm quen với bọn thị-vệ, để gây tín-nhiệm đối với đảng thiên-tử. Từ đấy, mỗi ngày tôi cũng phải ra ngồi thơ-thẩn trên mồm đá, đóng vai-trò Khương tử Nha thuở xưa, trên bờ sông Vị-thủy. Một hôm theo thời-khắc đã qui-định giữa đôi bên, nhà vua vi-hành ra ngồi trên bàn-thạch, phóng tầm mắt nhìn cảnh-vật bao-la ở nơi chân trời và lắng nghe câu chuyện tâm-tình của một tên ngư-phủ. Tôi mở nắp giỏ, lấy ra một con cá hồng dài đến năm tấc tây, đã mua sẵn từ trước, khé-p-nép quì xuống dâng cho nhà vua, nói là tặng-phẩm của nhóm thân-sĩ trung-thành ở vùng sông Thạch-hãn. Tôi cũng chớp lấy cơ-hội hiếm-có để trình-bày một cách cặn-kẽ, sâu-sắc về những sự tàn-bạo của chính-phủ Bảo-hộ, những sự áp-bức của chính-phủ Nam-triều, về cảnh nô-lệ, lầm-than của dân-chúng và sau nữa, để gieo trong lòng nhà vua một niềm tin-tưởng về sự kháng-chiến trường-kỳ của dân-tộc, về tương-lai huy-hoàng của xứ-sở. Tôi đã cố-gắng phác-họa những nỗ-lực cách-mệnh của Việt-nam Quang-phục-hội ở hải-ngoại cũng như ở trong nước. Nhà vua chăm-chú nghe những điều tôi vừa mới diện-tấu, khuyên tôi nên hoạt-động cho mau lẹ hơn và có hứa về sau này sẽ tìm cách nâng- đỡ cho phong-trào ái-quốc.

Đồng-chí khóa Bảo trình-bày tới đây thì tạm-ngỉ, lấy ống điếu lòn ra kéo một hơi cho thật khoan-khoái rồi nói tiếp:

- Theo chỗ tôi nhận-xét, Hoàng-thượng là một vị đế-vương, không những thông-minh, can-đảm, mà lại còn có lòng nhân-đạo, có óc dân-chủ, biết lo cho tổ-quốc, cho đồng-bào. Tôi thiết-tưởng một nhân-vật có đủ uy-tín, có đủ thiện-chí như vậy, phải được kết-nạp vào hàng-ngũ cách-mệnh, sớm chừng nào thì lại càng hay chừng ấy.

Ông ngồi lưu-ý một cách đặc-biệt đến những điều nhận-xét của đồng-chí Khóa Bảo, nổi vui-mừng, lòng tin-tưởng đã lộ hẳn ra trên nét mặt, nhưng muốn tìm-hiểu vấn-đề cho cặn-kẽ hơn, ông hỏi thêm:

- Sinh-trưởng trong một xã-hội đã đến lúc điêu-tàn, hằng ngày phải mục-kích những hành-động bạo-ngược, bất-công, vô liêm-sỉ, phải sống trong bầu không-khí ngọt-ngạc do bị Pháp chèn-ép, Hoàng-thượng phải có những lúc bất-mãn với triều-đình, với chính-phủ Bảo-hộ. Liệu ngài có thể dứt-khoát lập-trường, có thể từ bỏ địa-vị, quyền-lợi, châu-báu ở trong chốn cung-cấm để trở về với dân-chúng hay không?

Đồng-chí Khóa Bảo suy-nghĩ thật lâu, mới trả lời:

- Muốn biết rõ tâm-lý nhà vua, chúng ta phải xét đến những biến-cổ đã xảy ra trong hoàng-tộc. Ngài làm sao mà quên được việc quyền-thần chuyên-chế, việc Nguyễn văn Tường, Tôn thất Thuyết tự ý phế-lập, không những sát-hại tiến-sĩ Trần tiến Thành, hạ ngục tiến-sĩ Phan đình Phùng một cách oan-uổng, lại còn ép vua Dục-Đức phải nhịn đói ở trong chốn lao-tù để kết liễu cuộc đời, bắt vua Hiệp Hoà phải uống thuốc độc ở trong chốn ngục-thất để tự-sát. Kế tiếp theo đó lại xảy đến việc vua Hàm-Nghi phải bỏ ngai mà chạy trốn ra Tân-sở, việc đức phụ-hoàng, là vua Thành-Thái, bị chính-phủ Pháp âm-mưu cướp-đoạt hết quyền-bính, phải bí-mật tổ-chức quân-đội để chống-cự lại và cuối cùng phải bị an-trí tại một hòn đảo xa xăm ở phía bên kia Ấn-độ-dương. Những tấn-tuồng trên đã làm cho ngài cảm-tức đến cực-độ, bắt buộc ngài phải có một thái-độ quyết-liệt đối với ngoại-bang.

Đồng-chí Khóa Bảo phân-tích xong thì tạm nghỉ một giây lát. Lấy ống điều thuốc缭绕 ra kéo phì phào một lần nữa, hả miệng để đẩy ra cho hết những làn khói màu xanh lơ, màu xám đục rồi nói tiếp:

- Muốn biết rõ tâm-lý của nhà vua, chúng ta cũng phải xét đến tiếng gọi của hai mươi lăm triệu đồng-bào đương rên-siết dưới cái ách của bọn thực-dân bạo-tàn và bọn quan-lại tham-những. Ngài làm sao mà quên được những vụ bắn giết nhân-dân Trung-Việt đã nổi dậy kéo về các tỉnh-lỵ để xin xâu, vụ phát-vãng các nhà văn-thân ra Côn-đảo để chặn-đứng phong-trào phản-đối. Không sớm thì muộn, ngài phải hành-động, ngài sẽ rời bỏ thâm-cung để hòa mình với quần-chúng, để đánh đuổi bọn xâm-lăng Pháp mà cứu vớt giống nòi, mà giải-phóng dân-tộc.

Nhà cách-mệnh Thái-Phiên lắng tai nghe một cách chăm-chú những lời phân-tích ấy, rồi hỏi lại:

- Đồng-chí có nghĩ nhà vua có thể chịu trường-kỳ gian-khổ để chiến-đấu trong hàng-ngũ văn-thân hay không?

Đồng-chí khóa Bảo đánh bật que diêm lên, châm mỗi thuốc một cách thông-thả, vớ lấy xe trúc còn nằm chờ đợi một cách yên-lặng ở trên ngực, kéo lấy một hơi thật dài để có thì-giờ suy-nghĩ, rồi nói chậm rãi:

- Tôi nghĩ rằng ngài sẽ rời bỏ cuộc đời vàng son, sẽ giãn thân trên con đường tranh-đấu đầy gian-nan thử-thách.

Hai nhà cách-mệnh còn đương trò chuyện thân-mật, bỗng chốc một tên đầy-tớ gái xô cửa mạch bước vào, đặt ngay một bát nước lạnh ở trên bộ phản ngựa. Tiếp theo đó, một tên nông dân lại bưng vào một mâm cơm đầy mạp thức ăn. Nhà cách-mệnh Thái Phiên vội-vàng đứng dậy, kéo chiếc đồng hồ trái quít ở trong túi ra xem và nói một cách đăn-đo thận-trọng:

- Bây giờ là đúng năm giờ sáng, tôi phải về Đông-hà tức-khắc cho khỏi lỡ chuyến xe Huỳnh văn Phi đi Hà-nội.

Chính trong lúc ấy bà khóa Bảo từ nhà dưới chạy lên, khép-nép đứng bên cạnh chồng, nói ấp-úng:

- Vừa rồi chúng tôi có mạn phép quây mâm cơm cho ông ngoại mấy cháu, xin thầy ngồi lại dùng chén rượu cho vui.

Nhà cách-mệnh Trần cao Vân

Vào hạ tuần tháng giêng năm 1914, chiếc tàu thủy Đại Nam nhỏ neo rời hải-cảng Sài-gòn, sau nhiều ngày sóng gió, chòng chành trên mặt nước, lại ghé vào thành-phố Đà-nẵng, đậu ngay ở phía bên trong bán đảo Tiên-sa. Hai nhà cách-mệnh Trần cao Vân và Trương bá Huy lên bờ, tạm nghỉ một đêm tại trạm Hà-tân, rạng ngày ba mươi tháng chạp năm quý-sửu, lại theo mấy tên lính tập lên xe lửa vào Hội-an. Hai bên con đường rầy, tiếng gà oác đã nghe kêu inh-ỏi, tiếng pháo lói nổ lưạ-thưạ, dân-chúng khắp nơi đương tập-nập tham-dự buổi chợ tất-niên được tổ-chức chung-quanh những ngôi đình-thị trang-hoàng lộng-lẫy hay ở dưới chân những cây tre nêu vừa mới dựng lên cao vọi-vọi. Trước lễ giao-thừa, người ta đã cẩn-thận khoác cho thôn-xóm một bộ áo với những đường làng được giầy cỏ nhẵn-nhụi, những giếng đất được quét rửa sạch-sẽ, những rào giậu được cắt xén gọn-gàng, những liễn-đối trưng-bày chói lọi hai bên cổng. Chiều nay, cảnh vật sẽ được điểm-tô

thêm bằng những tiếng trống, tiếng mõ giống lên khoan-thai, đều-đặn, những hồi chuông ngân-ngã dịu-dàng, êm ả. Không quản gì đến khung-cảnh tung-bừng, náo-nhiệt ở khắp miền thôn-quê, chiếc đầu máy nặng-nề thô-bỉ vẫn cứ chạy ì ì ạch ở trên vùng duyên-hải, khi thì vượt qua những bãi cát dài tằm-tấp, khi thì dựa theo mé sông Để-vống uốn khúc một cách vô-tình giữa những rừng thông âm-u, bí-hiểm. Mãi tới gần đứng trưa con tàu mới vào ga tại thành-phố Hội-an, ngay bên cạnh nhà lao-xá.

Nhà cách-mệnh Trần cao Vân bước xuống tàu, nhìn một loạt đoàn người già có, trẻ có đương ngồi châu-chực buồn-rầu ở bên vệ đường với những món quà Tết cho bà con thân-thuộc đương bị giam giữ. Lặng lẽ, ông theo mấy tên lính áp tải tiến vào trong ngục-thất. Được trở lại quê-hương sau nhiều năm cách-biệt, ông sức nhớ ngay đến thời-kỳ mới khởi-hành vào Côn-đảo, đến tổ-quốc còn đương chìm đắm trong khói lửa, đến song-thân già nua, tuổi-tác còn đương nhọc-nhăn, lo-lắng vì cơn gia-biến, bất-giác hai giọt lệ anh-hùng ứa ra rồi chảy dài trên hai gò má. Ông ngồi một mình trong phòng tối, ngâm đi ngâm lại hai bài "Côn-sơn tức-cảnh" mà trước kia ông làm ngoài côn-đảo. Bài thứ nhất sáng-tác sau ba năm lưu-đày:

Phương-châm vị định thốn tâm huyền,

Đa tích nhiệt-thành dĩ hữu niên.

Bất đáo Côn lân chân lạc địa;

Yên-tri hoàn-hải đại toàn thiên.

Ngô đồ lạc lạc hữu đa thán;

Tạo chủ thương thương tự hữu quyền.

Tối thị anh-hùng ma huyện xứ,

Cổ kim kỳ cuộc hựu kỳ duyên.

Bài thứ nhì sáng-tác ngay khi mới đặt chân vào phổi sở, trong những giây phút ngỡ-ngàng, xao-xuyến nhất:

Vấn dư hà sự đảo Côn-lôn,
Tứ vọng thương mang ỷ ngục môn.
Trung quốc vị thù nam tử trái;
Hiếu-gia du hám lão thân tồn.
Ngư thơ hải-ngọa truyền tâm-huyết;
Kinh hồng thiên biên tỉnh mộng hồn.
Hồng- Lạc hồi tư khai Việt-tổ,
Thử thân thệ hữu thử kiên khôn.

Qua ngày mồng hai Tết, ông còn đương ngồi ăn trái mã-thầy, một thứ sản-phẩm ngoại-quốc, do một người Trung-hoa gửi tặng ở trong nhà lao, thì bất-ngờ có tin thân-mẫu và mọi người trong gia-tộc xuống thăm đương ngồi ngoài phòng khách. Ông lật-đật mặc áo dài, bịt khăn đen, mới bước nhanh ra tới cổng đã trông thấy huyền-đường đứng nhìn mình yên-tĩnh như một bức tượng, thân-hình gầy-gò, hai con mắt hơi rướm lệ. Ông liền khoanh tròn hai tay, kính-cẩn sụp quỳ xuống dưới đất, chờ khi nào thân-mẫu cho phép, mới dám khởi-lập và hỏi một cách gượng-gạo:

- Thầy không xuống được?

- Thầy hiện bị đau nặng, con ráng đợi một vài ngày nữa, giấy tờ làm xong, con sẽ về thăm nhà và sẽ gặp.

Ông khúm-núm thưa lại:

- Từ lâu rồi, đứa con bất-hiểu này đã lỗi-đạo thần-hôn, xin thầy mẹ rộng lượng tha-thứ!

Thân-mẫu ứng-đáp rất khẽ:

- Nước nhà gặp hồi điên-đảo, con phải ra gánh lấy một phần nhiệm-vụ; thầy mẹ làm thế nào mà oán-trách con cho phải lẽ!

Lúc bấy giờ họ hàng, con cháu, thê-thiếp đều xúm xít lại, kẻ thì hỏi-han, người thì vỗ-về, ai nấy cũng chuyện trò với nhau lều-yếu như một bầy chim chát-mào đương tập-hợp chung-quanh một bạn đồng-loại vừa thoát-nạn.

Ngày mười hai tháng giêng năm giáp-dần, đúng hai tuần lễ-bái sau khi vào tạm trú tại lao-xá Hội-an, ông mới được phóng-thích, nhờ có sự vận-động ráo-riết của các đồng-chí ở bên ngoài. Tức-thời ông lên đường về làng Tư-phú, ở trung-tâm đảo Phù-kỳ. Ông gặp lại thân-phụ trên giường bệnh, nghẹn-ngào, uất-ức, nỗi vui mừng, điều tủi-thẹn, làm sao mà bày tỏ ra cho hết được và từ đấy hai cha con không rời với nhau một khắc.

Bệnh-tình của thân-phụ cứ trầm-trọng thêm mãi, mặc dầu đã có nhiều vị danh-y tới trông nom, chăm-sóc. Ngày ba mươi tháng giêng năm ấy, thân-phụ trút hơi thở cuối cùng, sau khi thốt ra mấy lời vĩnh-biệt:

- Việc làm dù thành-công dù thất-bại, con cũng nên cố-gắng, vì xã-tắc, vì non-sông. Thành thì đem hạnh-phúc lại cho đồng-bào, cho xứ-sở. Bại thì nêu một tấm gương trong sáng cho hậu-thế soi chung và thấy rõ đường-lối mà tiến-thủ.

Ông trở về nhà, sống bên cạnh thân-phụ vốn-vẹn có mười tám ngày. Nay ông vừa phải nghĩ đến việc tổng-táng, vừa phải lo đến việc đoàn-thể, tình-cảm thật là đơn-chiếc. Lúc bấy giờ các môn-đệ ở khắp bốn-phương, nhất là ở hai tỉnh Bình-định và Phú-yên đều có mặt đông-đủ. các cơ-sở Việt-nam Quang-phục-hội ở khắp các tỉnh miền Trung-Việt vừa mới tổ-chức trong thời-gian ông bị cấm-cố tại Côn-đào, cũng kéo về tập-nập để trợ-lực cho tang-chủ. Đây là một cơ-hội rất quý-báu để các đồng-chí trao-đổi ý-kiến với nhau và kiểm-điểm lại công-tác trong mấy năm vừa qua. Trong khi người ra kẻ vào còn đương bề-bộn, chính-quyền địa-phương cũng không thể nào lưu-ý dò-xét được, ông đã thao-thức nhiều đêm để thảo-luận với nhà cách-mệnh Thái Phiên về chương-trình hoạt-động của đoàn-thể. Hai vị lãnh-tụ ấy đã đường đường ủy-thác cho đồng-chí Lương thái Hoà, người làng Kim-bồng, phủ Điện-bàn, một tay tổ-chức rất giỏi, để liên-lạc với các tỉnh miền Trung-kỳ; cho đồng-chí Nguyễn đức Đạt, người làng Miếu-bông, huyện Hoà- vang, một người xuất-sắc về kinh-tài, để liên-lạc với các tỉnh miền Nam-kỳ; cho đồng-chí Nguyễn Chánh, người làng Bạch-mai, tỉnh Hà-đông, một công-chức có uy-tín trong chính-giới, để phụ-trách về các tỉnh miền Bắc-kỳ. Công việc đầu-tiên mà các tỉnh-hội phải thực-hiện là củng-cố và xây-dựng cơ-sở để lâm-thời có thể đối-phó với tình-hình quốc-tế càng ngày càng biến-chuyển trầm-trọng.

Thật vậy, vào lúc bình-minh của thế-kỷ hai mươi, nhiều biến-cố lịch-sử đã xảy ra dồn-dập trên thế-giới, đáng chú-ý hơn hết là sự thức-dậy của nhiều dân-tộc tại miền Trung-Âu và sự bành-trướng mau lẹ của họ về mặt khoa-

học và đại-kỹ-nghệ nhưng quan-trọng hơn hết là cuộc thế-giới đại-chiến lần thứ nhất.

Ngày mồng một tháng tám năm 1914, nước Đức khai-chiến với nước Nga; ngày mồng ba tháng tám năm 1914, nước Đức lại khai-chiến với nước Pháp. Tiếp theo đó, ngày mồng bốn tháng tám năm 1914, nước Anh tham-chiến bên cạnh nước Pháp; nước Huê-kỳ, nước Nhật-bổn, nước Ý-đại-lợi cũng noi theo cái gương ấy. Cuộc thế-giới chiến-tranh lần thứ nhất đã bùng nổ.

Thắng thế, người Đức xâm-nhập miền đông-bắc nước Pháp, và tiến lên như vũ-bão, gieo-rắc sự suy-đổi và tang-tóc ở khắp mọi nơi. Trước sức tấn-công mau lẹ của đối-phương, bộ chỉ-huy Anh Pháp phải ra lệnh thối quân, chiến-tuyến đồng-minh phải kéo về trấn-đóng tại vùng sông Seine để tổ-chức lại hàng ngũ. Trong khi ấy, những đội quân tiên-phong của người Đức, dưới quyền chỉ-huy của tướng Von Kluck, đã chiếm đóng miền sông Oise, sông Aisne. Ngày mồng ba tháng chín năm 1914, đã vượt qua sông Marne, tiến đến gần sát thành-phố Ba-lê. Thấy tình-thế khẩn-cấp, chính-phủ Pháp phải dời xuống Bordeaux và ủy-nhiệm, cho tướng Galliéni ở lại để bảo-vệ kinh-thành.

Nước Việt-nam đón nhận cái tin bại-trận ấy, nửa với niềm hân-hoan, nửa với mối lo ngại. Chính-phủ Bảo-hộ phải lo thu-thập nhân-lực, tài-lực để bảo-vệ chính-quốc. Tại các hải-cảng, ghe thuyền ra vào tấp-nập để vận-tải hàng hoá. Tại các bến đò, các nhà ga, lính lê-dương, lính Bắc-phi, lính khố xanh, lính khố đỏ kéo nhau đi lữ-lượt, tay bồng súng, vai mang hành-lý, để chờ ngày xuống tàu. Ở miền thôn-dã, tại các quận-ly, các thôn-xóm, lệnh tuyển-mộ binh-sĩ ban-hành rất khẩn-cấp. Nhiều toán nông-dân quê-mùa, chất-phác đã bị cưỡng-bách tòng-chinh, khăn đen, áo dài mặc lụng-thụng, vợ con nheo-nhóc chạy theo năn-nỉ ở hai bên đường. Các nhà lãnh-đạo cách-mệnh Việt-nam phải lo hoạt-động ráo-riết để nắm lấy thời-cơ, đánh đuổi bon thực-dân giành lại nền độc-lập cho xứ-sở. Hai nhà cách-mệnh Trần cao Vân và Thái Phiên cho triệu-tập ban chấp-hành Việt-nam Quang-phục hội ngay tức-khắc, nhưng mãi đến ngày hai mươi tháng mười một năm 1914 các tỉnh-hội mới lục-tục kéo về họp tại nhà đồng-chí Lê cảnh Vận, ở xã Mỹ-thị, huyện Hoà-vang.

Lúc khai-hội, nhà cách-mệnh Thái Phiên đứng dậy báo-cáo tình-hình:

- Theo những điện-tín gởi về trong nước vào ngày mồng ba và mồng bốn tháng chín năm 1914, thì quân đội đồng-minh đã thảm-bại tại mặt trận

biên-giới, người Đức đã tiến gần sát thành-phố Ba-lê. Liền khi ấy chúng tôi đã ra chỉ-thị cho đồng-chí Khóa Bảo để tìm cách tiếp-xúc một lần thứ hai với đức Kim-thượng hiện còn đương nghỉ mát tại cửa Tùng, tỉnh Quảng-trị. Theo những tin-tức vừa mới nhận được, quân đội Anh Pháp đã phản-công lại một cách hữu-hiệu. Chiến-tranh đã tiếp-diễn tàn-khốc, dữ-dội hơn tại trận sông Marne, kéo dài từ ngày mồng sáu cho đến ngày mười hai tháng chín năm 1914 mới chấm-dứt. Bị thất-bại nặng-nề trong cuộc xung-đột lớn lao này, người Đức phải rút lui dần dần. Bây giờ hai bên cố-gắng bao-vây để tiêu-diệt lẫn nhau, vì vậy cả người Pháp lẫn người Đức phải mở rộng trận tuyến. Người ta dự-đoán rằng cuộc xung-đột sẽ kéo dài không biết đến bao giờ mới thôi. Hai bên còn phải trải qua nhiều cuộc thăng-trầm; còn phải chịu đựng nhiều sự gian-khổ và cuối cùng phần thắng không biết chắc-chắn thuộc về bên nào. Vì vậy chúng tôi phải mời quý ngài về họp mặt tại đây để tháo-luận tình-hình cho rõ-ràng, và tìm ra một đường lối thích-hợp có thể cứu-vãn xứ sở trong thời-kỳ nghiêm-trọng này.

Cử-nhơn Nguyễn Súy, người đại-diện cho tỉnh-hội Quảng-ngãi, tiếp theo lời trình-bày của vị chủ-toạ:

-Hiện nay người Pháp bị lôi cuốn vào trận thế-chiến. Không những họ phải triệu-hồi quân-đội viễn-chinh, mà còn phải bị cắt đứt liên-lạc với các xứ thuộc-địa. Trong trường-hợp đặc-biệt ấy họ không thể nào rảnh tay để đàn-áp phong-trào giải-phóng dân-tộc ở hải-ngoại. Tôi thiết-tưởng đây là cơ-hội ngàn năm một thuở cho người Việt-nam thâu-hồi nền tự-chủ và quét sạch bọn thực-dân ra ngoài lãnh-thổ. Nếu chúng ta không hành-động ngay bây giờ, chính-phủ Bảo-hộ sẽ áp-dụng những biện-pháp thích-ứng để phòng-bị chúng ta, sau này cuộc khởi-nghĩa sẽ còn vất-vả, tốn kém hơn.

Bác-sĩ Lê đình Dương, nhân-danh tỉnh-hội Quảng-nam, đứng dậy trả-lời:

- Chúng ta vừa mới trải qua đợt thứ nhất trong trận thế-giới chiến-tranh, tình-hình ở bên Pháp chưa chín muồi để giúp chúng ta bạo-động cho có hiệu-quả hơn. Phương-chi, nhìn về nội-bộ, chúng ta lại nhận thấy rằng thực-lực của người Việt-nam chưa đầy đủ về phương-diện vật-chất cũng như về tinh-thần. Vì vậy tôi thiết-nghĩ bây giờ chúng ta nên lợi-dụng cơ-hội sẵn có để chuẩn-bị cho hoàn-hảo. Chúng ta phải lo phát-triển cơ-sở, tổ-chức quân-đội và truyền-truyền sâu rộng trong dân-chúng, nhất là trong các giới binh-sĩ để gieo-rắc tinh-thần chủ-bại vào đầu óc của họ. Chúng ta phải tìm cách liên-hiệp với các nước đồng-minh để gây thêm ảnh-hưởng cho Việt-nam ở trên diễn-đàn quốc-tế, nhiên-hậu chúng ta còn phải chờ cho tới khi nước

Pháp bị kiệt-quệ hoàn toàn mới có thể phát-động phong-trào tranh-thủ độc-lập và nắm phần thắng-lợi được.

Nhà cách-mệnh Trần cao Vân cũng tán-thành ý-kiến ấy và thêm vào:

-Nước Pháp bị suy-sụp tại châu-Âu, nhưng tại Việt-nam lực-lượng phòng-thủ của họ vẫn còn khá mạnh, chúng ta không nên kinh địch mà phải bị thất-bại nặng-nề như các vị tiền-bối chúng ta trong phong-trào Nghĩa-hội hay trong vụ kháng-sư. Trước hết chúng ta phải lo giác-ngộ quần-chúng, phải cử người ra tiếp-xúc với các nhà lãnh-đạo ở hải-ngoại để nhận-định trào-lưu thế-giới cho thật rõ-ràng, đồng-thời cho họ biết tình-hình chính-trị đương diễn-biến tại quốc-nội. Một khi chúng ta đã kết-hợp được lực-lượng toàn dân ở bên trong với sự viện-trợ của các nước đồng-minh bên ngoài, thống-nhất được chủ-trương đường-lối của hai ban chấp-hành trung-ương, lúc bấy giờ chúng ta sẽ phát-động cuộc đấu-tranh cũng không phải là muộn.

Các nhà văn-thân còn thảo-luận sôi-nổi một thời-gian nữa, cuối cùng cử hai nhà cách-mệnh Nguyễn Thụy và Phạm cao Chấn sang Xiêm-la và Trung-quốc để quan-sát tình-thế.

Ngày mồng một tháng giêng năm 1915, hai nhà cách-mệnh Nguyễn Thụy và Phạm cao Chấn mới lên đường. Sau khi dừng lại non một tháng tại Sài-gòn để làm giấy tờ, liên-lạc với kỳ-bộ Nam-việt và non hai tháng tại Nam-vang để chờ người hướng-dẫn, vào khoảng đầu tháng tư năm 1915, họ mới đi Vọng-các rồi đi thẳng lên trại định-cư Việt-nam tại Bàn-thầm để gặp hai nhà cách-mệnh Đặng tử Kính và Mai lão Bạng . Hai bên trao-đổi ý-kiến suốt một tuần lễ rồi ngậm-ngùi chia tay giữa cảnh rừng núi bao-la, kẻ ở lại nơi đất khách, người trở về thủ-đô nước Xiêm-la để đáp tàu-thủy đi Hương-cảng. Vào hạ tuần tháng tư năm 1915, hai vị đại-diện xâm-nhập miền lục-địa Trung-hoa, lần mò tới nhà nữ đồng-chí Chu sư Thái, ở huyện Hương-sơn, tỉnh Quảng-đông, tạm-trú tại đây để chờ các yếu-nhân Việt-nam lần lượt kéo về dự hội- nghị. Lúc bấy giờ nhà lãnh-tụ Phan bội Châu vẫn còn bị người tàu giam-giữ tại Quan-âm-sơn, hai vị đại-diện chỉ có thể tiếp-xúc với hoàng-giáp Nguyễn thượng Hiền, tú-tài Nguyễn hải Thần và một số đồng-chí khác ở hải-ngoại. Trao-đổi, thảo-luận xong, hai vị đại-diện cải-trang thành lái buôn, theo ngã Đông-hưng mà trở về cố-quốc. Ngày mồng hai tháng bảy năm 1915, sau nửa năm trời bôn-ba nơi hải-ngoại, hai vị đại-diện mới đặt chân lên thành-phố Đà-nẵng, đi ngay về nhà đồng-chí Thái Phiên để báo-cáo:

- Hiện nay tại châu Âu, trận hào-chiến khởi-sự từ ngày mười bảy tháng mười

một năm 1914, vẫn tiếp-diễn vô hạn-định. Ở về phía tây lực-lượng đôi bên vẫn còn nằm yên trong bùn lầy băng tuyết dựa theo một chiến-tuyến kéo dài từ biên-giới nước Thụy-sĩ cho đến miền Bắc-hải. Ở về phía đông, người Đức đã tấn-công ầm-ĩ trở lại, vào ngày mồng hai tháng hai năm 1915, họ đã chọc thủng mặt-trận Nga-la-tư tại vùng sông Dunayec, đã chiếm đoạt tất cả nước Ba-lan và xứ Ly-tuy-a-ny. Nước Pháp cũng như các nước đồng-minh đã thất-bại nặng-nề, đã kiệt-quệ dần dần. Do đấy ban chấp-hành Việt-nam Quang-phục hội hải-ngoại đã cố-gắng thiết-lập bang-giao với người Đức để tìm sự hỗ-trợ cho cuộc tranh-đấu của mình. Hai bên đã tổ-chức những cuộc gặp-gỡ bí-mật với nhau tại Vọng-các, tại Bắc-kinh, tại Quảng-châu, tại Nhật-bản và chỉ còn chờ cơ-hội thuận-tiện là sự giúp đỡ của người Đức sẽ được cụ-thể-hóa ngay. Tình-hình quốc-tế có thể biến-chuyển mau lẹ, chúng ta phải cấp-tốc chuẩn-bị về tất cả mọi phương-diện để lâm-thời có thể phối-hợp công-tác với lực-lượng chiến-đấu từ hải-ngoại xâm-nhập vào.

Nhà cách-mệnh Thái Phiên liền bắn tin cho đồng-chí Khóa Bảo biết rõ về công việc phải tiến-hành, nhờ tình-hội Quảng-trị tìm cách tiếp-xúc lần thứ ba với hoàng-đế Duy Tân nhưn mùa viêm nhiệt này. Sau đó, ông khởi-hành vào hoạt-động tại miền Đồng-nai lục-tỉnh, lưu lại tại đấy gần được bốn năm tháng mới trở về. Khi ông về tới thành-phố Đà-nẵng, cô Dương thị Nở đón ông rồi cùng đi về làng Nghi-an. Tại xứ Cây-cau, mùa thu sắp tàn, mùa đông bắt đầu xuất-hiện, trời đã nhuộm màu lam, mưa dầm-dề bao-phủ hết sông núi, lá rụng vàng-võ ở dưới đất, chim hót thưa thớt ở trên cành. Khi ông vừa mới bước chân vào ngôi nhà từ-đường ở làng Nghi-an thì đã thấy tên nô-bộc thân-tín mang tới một bức thư có niêm khấn cẩn-thận của đồng-chí Khóa Bảo ở Cam-lộ gửi vào:

" Chúng tôi vừa mới yết-kiến đức Kim-thượng tại cửa Tùng và kết-quả cũng y hệt như hai lần trước. Theo những tin-tức lưu-hành trong giới thân-cận thì gần đây giáo-sư Eberhart có cho Hoàng-thượng biết rằng tại châu Âu chiến-tranh tiêu-hao vẫn tiếp-diễn trường-kỳ, khốc-liệt. Vào tháng chín và tháng mười năm 1915, người Pháp đã phản-công tại vùng Champagne và đã tổn-thất non hai triệu người, vừa bị thương vừa tử trận. Vị giáo-sư ấy còn nói thêm rằng chiến-tranh càng kéo dài, người Pháp lại càng thiếu-thốn về tài-nguyên, về nhân-sự, lần này là lần đầu tiên người Pháp phải khấn-khoản kêu gào các thuộc-địa giúp sức. Đây là cơ-hội thuận-tiện nhất để cho người Việt-nam có thể tháo gỡ những xiềng-xích và thâu-hồi nền tự-chủ trở lại.

Ông đọc vừa xong bảng báo-cáo thì tên nô-bộc thân-tín lại mang tới một phong-bì thứ hai hình chữ nhật, có sọc đỏ chạy ngang và có dấu hiệu ban

chấp-hành trung-ương ở hải-ngoại. Vội-vàng ông nắm lấy bức thông-điệp, xé lớp tín-chỉ bao-bọc ở bên ngoài, ngồi đọc chăm-chú những hàng chữ nho viết lẫn-tăn, li-ti trên mấy trang giấy hoa tiên. Chốc chốc ông lại thở ra, nhíu làn da trán thành những đường song song như có một niềm lo-âu xa-xôi, kín đáo vừa thoáng qua trong tâm-trí, rồi ông lấy bút son điểm từng chấm nho nhỏ vào mấy câu kết-luận: "nay mai với sự trợ giúp của người Đức, quân-đội Việt-nam tại Xiêm-la, tại Trung-quốc, sẽ do nhiều ngã kéo về biên-giới để rửa hận cho đồng-bào. Tất cả các đồng-chí hãy sẵn-sáng hưởng-ứng theo lời kêu gọi của chúng tôi, chuẩn-bị đầy-đủ để chờ lệnh khởi-nghĩa."

Làm xong từng ấy công việc, ông gọi tên nô-bộc thân-tín đến và hỏi một cách gắt-gỏng:

- Ai đưa hai bức thông-điệp này cho chú?

Tên nô-bộc thân-tín vòng tay lại, kính-cẩn trả-lời:

- Tất cả hai phong bì ấy đều do cha cố đạo Bàn-gốc mang đến.

Ông gật đầu và hỏi tiếp:

- Có ai hay biết gì không?

Tên nô-bộc thân-tín vòng tay một lần nữa, nhìn tận vào mặt chủ:

- Bẩm không ạ.

Ông bảo tên nô-bộc đi xuống nhà bếp rồi gọi cô Dương thị Nở đến sát bên mình mà căn-dặn thật nhỏ:

- Đồng-chí phải đi gấp vào làng Tư-phú trao tận tay những tài-liệu này cho nhà cách-mệnh Trần cao Vân.

Công việc sắp đặt xong xuôi, ông thuê xe kéo xuống ga lớn và đón chuyến tàu hoả đi về hướng bắc. Bây giờ là hạ tuần tháng mười một năm 1915.

Sở dĩ có bức điệp-văn từ hải-ngoại gửi về vì người Đức muốn tranh-giành ảnh-hưởng với người Pháp tại thuộc-địa và xúi-giục nhân-dân bản-xứ nổi lên chống-đối chính-phủ Bảo-hộ để làm cho thế-lực người Pháp phải bị suy-giảm nhanh hơn tại mầu-quốc.

Vào khoảng tháng chín năm 1915, hai vị sứ-thần Đức và Áo tại Vọng-các thân-hành tới thăm nhà cách-mệnh Đặng tử Kính, người đại-diện Việt-nam Quang-phục-hội tại Xiêm-la và tỏ ý muốn gặp hai vị lãnh-tụ Phan bội Châu

và Cường Để ngỏ hầu có thể tìm cách giúp đỡ các nhà cách-mệnh Việt-nam. Vị đại-diện Đặng tử Kính phải thân-hành qua Trung-quốc để hỏi ý-kiến các bậc đàn anh, và viết thư nhờ bà Chu sư Thái chuyển cho nhà cách-mệnh Phan bội Châu đương bị tổng-đốc Long tế Quang bắt giam tại nhà lao. Từ trong ngục-thất nhà cách-mệnh Phan bội Châu nhắn lời phúc-đáp, cử hoàng-giáp Nguyễn thượng Hiền từ Bắc-kinh mới trở về Quảng-châu sang Vọng-các mở cuộc thương-thuyết. Hai bên gặp nhau, vị sứ-thần Đức lấy ra một vạn bạc Xiêm, trao tặng cho các nhà cách-mệnh Việt-nam và nói:

- Đây chỉ là một số tiền nhỏ mọn để thay thế một chén cà-phê trong lúc sơ-ngộ. Nếu các ngài làm sao phát-động được một cuộc nổi dậy lớn trong nước, có ảnh-hưởng vang-dội đến xứ sở chúng tôi, thì đâu cho có trăm vạn bạc sắp lên, cũng chưa thể nói là lớn để giúp đỡ quý-quốc được.

Hoàng-giáp Nguyễn thượng Hiền mang số bạc ấy về Quảng-đông, họp ban chấp-hành trung-ương lại để thảo-luận, rồi báo-cáo với nhà cách-mệnh phan bội Châu. Trong phúc-thư, vị thủ-lãnh Việt-nam Quang-phục hội có khuyên các đồng-chí nên lợi-dụng cơ-hội này để gây thêm một biến-cố trong nước có thể làm cho dư-luận quốc-tế bị chấn-động và phải đặc-biệt chú-ý đến cuộc tranh-thủ độc-lập của Việt-nam. Các nhà cách-mệnh Việt-nam tại hải-ngoại bỏ hết số tiền ấy ra sắm thêm vũ-khí, tổ-chức khiếu-bào lưu-vong thành ba đạo quân để bất-thần có thể xâm-nhập miền biên-giới Bắc-Việt theo ba ngã khác nhau.

Vào thượng-tuần tháng mười hai năm 1915, đạo quân thứ nhất đặt dưới quyền của tán-tướng Nguyễn mạnh Hiếu, kéo về tấn công thị xã Mông-cáy, nhưng bị thất-bại. Đạo quân thứ hai, đặt dưới quyền chỉ-huy của hoàng-giáp Nguyễn thượng Hiền, theo ngã Long-châu tiến về đánh úp vùng Lạng-sơn nhưng cũng bị thất-bại. Đạo quân thứ ba, theo kế-hoạch, đặt dưới quyền chỉ-huy của nhà cách-mệnh Hoàng trọng Mậu, từ Vân nam kéo về Hà-khẩu để đánh chiếm thị-xã Lào-kay, nhưng đến phút cuối cùng, vì một sự lúng-cung đáng tiếc xảy ra trong nội-bộ, nhà cách-mệnh Hoàng trọng Mậu không chịu lãnh cái trọng-trách ấy. Đệ tam lộ-quân phải giao lại cho tú-tài Nguyễn hải Thần và tán-tướng Võ mẫn Đình kéo về đột kích một trại binh Pháp ở Tà-lung, gần thị xã Lạng-sơn, nhưng lần này cũng không được thành-công. Các tỉnh-hội trong nước đã nỗ-lực chuẩn-bị từ lâu để làm nội-ứng cho lực-lượng cách-mệnh ở hải-ngoại, nhưng không thấy kết-quả, họ đành phải nằm im để chờ một cơ-hội khác.

Việt nam Quang-phục hội trước thời-cơ.

Tại Âu-châu, vào mùa xuân năm 1916, tình-hình chiến-sự giữa đôi bên vẫn chưa thay đổi. Người Pháp, đã vùi sâu dưới bùn lầy và tuyết đọng phần tinh-nhuệ nhất của lực-lượng, phải nhờ các thuộc-địa, nhất là nước Việt-nam, tuyển-mộ thêm binh-sĩ để bù đắp.

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1916, nhiều lớp thanh-niên tại Trung-việt bị gọi nhập ngũ, được huấn-luyện sơ-lược trước khi xuống tàu sang mầu-quốc. Thanh-niên thuộc hai tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi phải tập-trung về kinh-đô Huế, tạm-trú rải-rác tại nha Hộ-thành, tại tòa Hậu-bổ, tại ngã tư Anh-danh, tại đồn Mang-cá và mỗi ngày hai lần, ra tập-dượt tại Trường-thi, trong thành-nội. Việc tuyển-mộ gần như cưỡng-bách này, thực-hiện trong một phạm-vi rộng lớn, đã gây nhiều sự xáo-trộn về phương-diện xã-hội làm cho mọi tầng lớp dân-chúng ta-thán, trông đợi và sẵn-sàng hưởng-ứng nếu một cuộc khởi-nghĩa được phát-động.

Vào thời-gian này tại châu-Âu, người Đức đã bắt đầu tổng-phản-công, cố-gắng chọc thủng hàng-ngũ đồng-minh tại khúc lồi Verdun trên đường chiến-lũy miền tây. Cuộc xung-đột diễn ra ác-liệt hơn lúc nào hết trên lãnh-thổ nước Pháp từ tháng hai cho đến tháng sáu năm 1916. Ngay trong những tháng ăn chơi, hội-hè của người Việt-nam, nhiều toán binh-sĩ tại Thuận-hoá đã chuẩn-bị lên đường làm cho các đơn-vị khác phải bị một phen xao-xuyến.

Thấy được cơ-hội, các tỉnh-bộ Việt-nam Quang-phục hội phải cấp-tốc hoạt-động. Trong thượng-tuần tháng hai năm 1916, một cuộc hội-nghị sơ-bộ được triệu-tập tại nhà đồng-chí Lâm, ở làng Cẩm-toại, phủ Điện-bàn. Trong buổi họp mặt đầu tiên này, các vị đại-diện miền nam Trung-Việt đã có cơ-hội mạn-đàm với nhau. Họ đã bất-đồng ý-kiến về nhiều vấn-đề riêng-biệt. Đồng-chí Lâm phải hết sức dàn-xếp mới có thể san bằng những ý-kiến dị-đồng và hàn-gắn những chỗ rạn nứt trong đoàn thể. Lúc hội-nghị giải-tán, đồng-chí Lâm thân-hành ra tiễn đưa mười dặm trường-đỉnh, bắt tay từng người một mà căn-dặn thật chu-đáo:

- Hiện nay chúng ta còn đứng trên bờ con sông An-trạch này, nhưng ngày mai, ai nấy đều phải có mặt tại vùng sông Hương núi Ngự trong buổi đại-hội của toàn dân, công việc càng ngày càng trở nên phức-tạp, nghĩa-vụ càng ngày càng nặng nhọc khó-khăn, chúng ta phải tạm gác những mối tị-hiểm nhỏ nhen để cùng nhau xây-dựng đất nước.

Lúc bấy giờ, nhiều vị đại-diện có ý mời đồng-chí Lâm gia-nhập Việt-nam

Quang-phục-hội, nhưng ông một mực từ-chối và trả lời:

- Tôi không đứng vào hàng ngũ cách-mệnh là vì tôi muốn hoạt-động cách-mệnh cho có thành-quả hơn.

Vào thượng-tuần tháng ba năm 1916, cuộc hội-ng nghị chính-thức khai-diễn tại nhà viên thơ-lại Đoàn Bông trong thành-phố Huế. Những ngày đầu, các nhà cách-mệnh ở Bắc-kỳ và Nam-kỳ chưa kịp phó-hội. Trong lễ khai-mạc, chỉ thấy sự hiện-diện của mấy vị lãnh-đạo miền Trung-kỳ. Đại-diện cho Quảng-nam là các nhà cách-mệnh Trần cao Vân, Thái Phiên, Phan thành Tài, Lê đình Dương, Đỗ Tự. Đại-diện cho Quảng-ngãi có các nhà cách-mệnh Nguyễn Suy, Lê Ngung, Phạm cao Châm, Nguyễn Mậu, Lê Triết. Các nhà cách-mệnh Đoàn Bông, Phạm như Giáp đại-diện cho Thừa-thiên. Nhà cách-mệnh Hứa Bảo, Phan phù Tiên ở tỉnh Quảng-trị và nhà cách-mệnh Nguyễn Chính ở tỉnh Quảng-bình. Trong phiên họp đầu tiên, nhà cách-mệnh Trần cao Vân đứng dậy nói mấy câu phi-lộ, nhấn mạnh đến việc trừ-liệu phương-sách cho một cuộc khởi-nghĩa toàn diện. Sau đó, bác-sĩ Lê đình Dương đọc bản thuyết-trình về tình-hình thế-giới và quốc-nội. Mọi người chăm chú nghe bài nghiên-cứu viết rất tỉ-mỉ của một nhà tân-học đã biết phối-hợp lối trực-giác rất quen thuộc ở phương đông với tinh-thần khoa-học phương tây để làm cho vấn-đề thời-cuộc được sáng tỏ thêm. Diễn-giả vừa dứt lời thì nhà cách-mệnh Phan thành Tài ở tỉnh Quảng-nam giơ tay xin phát-biểu ý-kiến:

- Theo bài diễn-văn vừa mới trình-bày, tình-hình quốc-tế sẽ biến-chuyển một cách thuận-lợi cho cách-mệnh Việt-nam, nước Đức sẽ ca khúc khải-hoàn trận đệ-nhất thế-chiến này, nhưng tôi thiết-nghĩ nước Pháp cầm-cự đã hai năm rồi mà không hề nao-núng, gần đây lại có tin nước Huê-kỳ sẽ tham-dự vào chiến-cuộc bên cạnh phe đồng-minh. Trong hoàn-cảnh đặc-biệt ấy, tôi chỉ nơm-nớp lo sợ rằng nước Đức sẽ bị cô-lập, sẽ phải chiến-đấu trong sự thiếu-thốn và cuối cùng phe hiệp-ước sẽ phải đầu-hàng vô điều-kiện.

Vị đại-diện tỉnh Quảng-nam còn đương trình-bày thao thao bất-tuyệt thì ở phía sau đã có một người tung ghế, đập bàn, đứng lên phản đối với một điệu-bộ giận-dữ, hăn-học:

- Tôi không muốn tán-thành cái khuynh-hướng chủ-bại trong cuộc hội-ng nghị này, nhất là trong lúc các chiến-sĩ quốc-gia đương hăm hở lên đường ra mặt trận. Tôi cũng không muốn chấp-nhận trong đoàn thể chúng ta những tên phản-bội dân-tộc, về bề ngoài thì làm ra vẻ ưu-thời mẫn-thế, nhưng tự-trung chỉ là những tên tay sai cho thực-dân xâm-lược. Trong giờ phút quyết-

liệt này, chúng ta chỉ có mỗi một hành-động là bắt liên-lạc với người Đức, mỗi một chủ-trương là bình Tây sát tả để bảo-vệ giống-nòi, để thu-hồi nền độc-lập cho xứ-sở. Hể trong hàng-ngũ chúng ta còn có một người muốn thỏa-hiệp với giặc Pháp, thì nhất-định chúng ta phải gởi họ qua châu-Âu để chiến-đấu cho mẫu-quốc.

Mọi người ngoảnh mặt lại nhìn thì nhận ra nhân-vật đối-thoại chẳng ai khác hơn là nhà cách-mệnh Đỗ Tự, nguyên-quán vùng sơn-cước Quảng-nam. Hai bên còn lời qua tiếng lại, tranh-luận với nhau như chém chả một hồi lâu, rồi xoắn tròn tay áo, hăm hè chực đánh nhau thật sự. Nhà cách-mệnh Trần cao Vân đã chạy ra ngăn chặn hai đối-thủ và tìm lời lẽ để phân-giải:

- Hai người đều có lý cả, người nào cũng sốt-sắng, cũng nhiệt-thành với tiền-đồ tổ-quốc. Một người thì nêu ra những điều thắc-mắc để xem xét vấn-đề cho cặn-kẽ, thấu-đáo, một người thì quá bùng-bột, hăng say, tuyệt đối không muốn nghe nói, nhắc-nhở bàn bạc đến việc nhân-nhượng với người Pháp. Tôi nghiêm cấm hai người từ nay trở đi không được dùng lối quyền-thuật mà xử-trí với nhau, vì làm như thế là gây thêm sự mâu-thuẫn trong nội-bộ và gián-tiếp nổi giáo cho giặc.

Nhà cách-mệnh Trần cao Vân vừa dứt lời thì hai đồng-chí Đỗ Tự và Phan thành Tài xông-xộc chạy tới, tưởng chừng như muốn tái-diễn trận thư-hùng còn bỏ dở, nhưng sau một giây-phút ngạc-nhiên, mọi người lại thấy họ ôm choàng lấy nhau mà khóc. Đồng-chí Phan thành Tài nói ngượng-ngập:

- Tôi sai rồi, xin ông tha lỗi cho tôi.

Nhà cách-mệnh Đỗ Tự cũng nói ắp ứng:

- Thì tôi cũng quấy chứ có hay ho gì, thôi việc ấy chúng ta bỏ qua thì hơn.

Tất cả cử-toạ đều tán-thành cái thiện-tình, thiện-chí của hai nhân-vật và vỗ tay khe-khẽ để hoan-ngênh.

Ngày thứ hai, các vị đại-diện nhóm họp để kiểm-điểm công tác. Nhà cách-mệnh Thái Phiên đứng dậy yêu cầu các tỉnh-bộ báo-cáo tình-hình địa-phương, làm bảng tổng-kết, rồi đọc cho hội-nghị thông-qua.

Ngày thứ ba, nhà cách-mệnh Trần cao Vân thuyết-trình về chủ-trương, đường lối của đoàn thể, đề-nghị một chương-trình hoạt-động gồm có ba điểm chính: một là phối-hợp công-tác với lực-lượng cách-mệnh hải-ngoại, hai là đặt mối bang-giao với người Đức, ba là tổ-chức một cuộc bạo-động để

lật đổ chính-phủ bảo-hộ và thiết-lập một chính-quyền lâm-thời.

Ông vừa trình-bày quan-điểm vừa lấy trong túi áo ra phong thư của nhà cách-mệnh Phan bội-Châu viết trong ngục-thất Quảng-đông, đọc lên chậm rãi đoạn kết-luận:

- Chúng tôi đã chuẩn-bị sẵn-sàng về mọi mặt từ chính-trị, ngoại-giao cho đến tài-chánh và quân-sự. Các đồng-chí phải cố-gắng cầm-cự cho được năm ngày thì lực-lượng hải-ngoại sẽ kéo về trong nước và can-thiệp ngay.

Hội-nghị lại thông qua bản đề-nghị này. Các đồng-chí còn ngồi lại trò chuyện một lát nữa, rồi có người về nhà riêng, có người rủ nhau đi viếng ngôi mộ nhà cách-mệnh Tăng bạt Hồ ở về ngoại ô thành phố Huế.

Ngày thứ tư, các nhà cách-mệnh tái nhóm để nghe bài thuyết-trình của đồng-chí Thái Phiên và thảo-luận về vấn-đề chính thể. Lúc bấy giờ nhà cách-mệnh Hứa Bảo ở tỉnh Quảng-trị mới đứng dậy phát biểu ý-kiến:

- Trong ba năm gần đây, theo chỉ-thị của ban chấp-hành trung-ương, tôi đã bí-mật tiếp-xúc nhiều lần với Hoàng-đế Duy-Tân hoặc tại cửa Tùng hoặc tại chợ phiên Cam-lộ. Tôi nhận thấy rằng là ngài không may mắn vô-tình với phong-trào cách-mệnh của chúng ta. Tôi thiết nghĩ trong giai-đoạn hiện tại, chúng ta nên tìm cách giao-thiệp một lần nữa với đức Kim-Thượng để trình-bày chủ-trương, đường lối của Việt-nam Quang-phục hội, luôn tiện mời ngài đứng hẳn về hàng ngũ cách-mệnh để tranh-thủ được nhiều hơn sự hưởng-ứng của dân-chúng, được như thế, không sớm thì muộn cuộc tranh-đấu sẽ có nhiều triển-vọng để thành-công.

Nhà cách-mệnh Hứa Bảo vừa mới dứt lời thì đồng-chí Nguyễn Chính ở tỉnh Quảng-bình đứng dậy xin nói tiếp:

- Chúng tôi nhận thấy việc kết nạp Đức Kim-Thượng vào hàng ngũ cách-mệnh là một điều không những cần thiết mà lại còn hợp tình, hợp lý nữa, nhưng một khi cách-mệnh đã thắng-lợi, nền độc-lập đã văn-hồi, ảnh-hưởng của nhà vua đối với dân-chúng lại càng rộng lớn hơn nữa. Chúng ta không biết lúc bây giờ có nên bảo-vệ những quyền-lợi của một triều-đại, duy-trì một chế-độ quân-chủ đã sẵn có từ lâu hay phải tìm cách lật-đổ một vị anh-quân để thay thế vào đó bằng một chính-thể dân-chủ cộng-hòa cho đúng với cương-lĩnh của Việt-nam Quang-phục hội mà chúng ta có nhiệm-vụ phải thực-hiện.

Nhà cách-mệnh Nguyễn Chính còn đứng nhìn cử-toạ, muốn phát-biểu ý-kiến

thêm, nhưng cử-nhơn Nguyễn Sụy đã lên diễn-đàn:

- Chúng tôi lại nhận thấy rằng vấn-đề chính-thể không nên đem ra bàn cãi trong cuộc đại-hội ngày hôm nay. Chúng tôi cũng đã thăm dò ý-kiến nhiều nơi và biết rằng Đức Kim-Thượng là một nhà ái-quốc, có khuynh-hướng cấp-tiến, có tấm lòng ưu-ái đối với dân-chúng. Chúng tôi thiết-tưởng một khi cách-mệnh thành-công, ngài sẽ thay đổi lập-trường và sẽ theo chủ-trương đường lối của đoàn thể chúng ta.

Nghe vị đại-diện tỉnh Quảng-nam trình-bày như vậy, nhà cách-mệnh Đỗ Tự có vẻ không bằng lòng, liền đưa tay lên xin nói:

- Các đồng-chí tỉnh Quảng-ngãi bàn ở đây là bàn về lý-thuyết, còn chúng ta có thảo-luận đi chẳng nữa là thảo-luận về thực-tế, về những công việc phải làm bằng súng đạn, bằng xương máu để giành lại bát cơm manh áo cho dân-chúng, để bảo-vệ tự-do, bình-đẳng cho mọi người. Hai lãnh-vực ấy khác hẳn với nhau như trời với đất. Chúng ta thử hỏi đồng-chí nào trong phái-đoàn tỉnh Quảng-ngãi có thể thuyết-phục được nhà vua một khi trật-tự ở trong nước đã vẩn-hồi và bắt buộc ngài phải luôn luôn trung-thành với chủ-trương đường lối của phe cách-mệnh. Nếu có một nhân-vật nào trong đoàn thể chúng ta dám bảo-đảm như vậy, chúng ta sẽ lập biên-bản và sẽ giải-tán ngay tức-khắc để cho mọi người có thể trở về địa-phương mà xúc-tiến cuộc bạo-động. Nếu hội-nghị chưa có một lời cam-kết dứt-khoát, lẽ tất-nhiên chúng ta phải đặt vấn-đề trở lại, phải thảo-luận lâu dài mới có thể tìm ra một giải-pháp thích-hợp được.

Trình-bày xong nhà cách-mệnh lại đứng nhìn cử-toạ, nhưng vẫn không thấy đồng-chí nào hưởng-ứng lời kêu gọi của mình. Lúc bấy-giờ hội-nghị lại bị chia rẽ, kẻ theo chế-độ quân-chủ, người chủ-trương chế-độ cộng-hoà. Bàn qua cãi lại mà không tìm ra lối thoát, sau cùng nhà cách-mệnh Trần cao Vân phải lên diễn-đàn để tìm cách dàn-xếp:

- Chúng tôi đã theo dõi cuộc tranh-luận từ đầu chí cuối, nhận thấy bên nào cũng có những lý-do chính-đáng cả. Phe dân-chủ muốn thực-hiện một cuộc cách-mệnh triệt-để, muốn san bằng tất cả những sự bất-công trong xã-hội và thiết-lập một chế-độ lý-tưởng tốt đẹp hơn. Phe quân-chủ lập-hiến muốn dung-hòa quyền tự-chủ của dân-chúng với những truyền-thống cổ-hữu của một dân-tộc theo nho-giáo, muốn noi gương duy-tân của vua Minh-Trị Thiên-Hoàng ở Nhật-bản. Chúng tôi thiết nghĩ trong giai-đoạn khó khăn hiện-tại, chúng ta không nên bàn cãi nhiều về vấn-đề chính-thể. Chế-độ nào cũng tốt

cả, chỉ có con người thực-hiện mới xấu mà thôi. Hơn thế nữa, nhiệm-vụ cấp-bách của chúng ta là phải lợi-dụng cơ-hội ngàn năm một thuở sắp xảy ra để lật đổ người Pháp, khôi-phục nền độc-lập cho quê-hương, xứ-sở. Tình-hình quốc-tế và quốc-nội đương biến-chuyển một cách mau lẹ, không bao giờ ngồi đợi chúng ta, do đó chúng ta không có quyền do-dự, không có quyền đòi hỏi quá nhiều trong cùng một lúc mà bỏ lỡ một chuyển tàu lịch-sử, hậu-quả sẽ tai-hại không làm sao kể ra cho xiết. Hiện nay sự lãnh-đạo của Việt-nam Quang-phục hội chưa được chặt-chẽ, lòng người còn đương e-dè, phân-vân, chúng ta muốn cử-hành đại-sự, trước hết phải rước vua Duy Tân tham-gia cách-mệnh để khôi-phục nhân-tâm. Nhờ sự can-thiệp hữu-hiệu của vị chủ-tịch, cuộc tranh-cãi mới kết thúc.

Sau một ngày thảo-luận sôi-nổi, khẩu-hiệu "Phụng Kim-Thượng vi an-dân cơ-sở" được chọn làm phương-châm hành-động. Một Hội-đồng Cách-mệnh Lâm-thời được thành-lập. Hai nhà cách-mệnh Thái Phiên và Trần cao Vân được phân-công lo tiếp-xúc với Hoàng-đế Duy Tân; bác-sĩ Lê đình Dương và cử-nhơn Nguyễn Thụy phải tìm cách giao-thiệp với viên thiếu-tá người Đức hiện đương chỉ-huy lực-lượng viễn-chinh tại đồn Mang-cá ở Huế; đồng-chí Lê Ngung làm ủy-viên tuyên-huấn và phụ-trách về hịch-văn; đồng-chí Nguyễn Chính làm uỷ-viên kiểm-soát và phụ-trách liên-lạc. Hội-nghị giải-tán.

Người tài-xế của vua Duy Tân

Hai nhà cách-mệnh Thái Phiên và Trần cao Vân nấn-ná ở lại dùng cơm tối, rồi thuê xe đi vào thành-nội, dừng chân ở phía bên ngoài cửa Hiển-nhơn. Cảnh-vật yên-lặng, không một bóng người, thỉnh-thoảng những tiếng trống cà-răng đổ dồn trên một vọng-gác xa-xăm hay tiếng rơi nhẹ-nhàng của con ve sầu bị nạn đương lao mình từ một cành nhãn lồng sum-sê vào mấy trụ đèn dầu-lạc dựng thâm-thấp ở hai bên lễ tòa ra một thứ ánh-sáng lờ mờ, buồn thiu-thiu. Được khuyến-kích bởi sự vắng-vẻ như tờ đương bao-phủ tất cả miền kinh-sự, hai nhà cách mệnh mạnh-dạn tiến tới một chiếc cầu treo bắc ngang qua cái hào có hoa sen trắng tỏa hương thơm ngào-ngạt, và đứng nhìn thẳng vào bức thành nhỏ hẹp bao-bọc hệ-thống cung-điện nhà vua. Một thanh-niên bước đến chấp tay kính-cẩn chào hai nhà cách-mệnh và nói:

- Tôi đã cố ý ra sớm hơn, nhưng chưa kịp dời bước thì bị Hoàng-Thượng gọi

vào tiền-điện và giữ mãi cho tới canh hai mới được giải-thoát.

Ba nhân-vật đi chậm rãi về phía trường Quốc-tử-giám, vào nhà Di-luân ngồi trò chuyện thì thăm với nhau trong khi bầu dơi cứ bay qua bay lại chập-chờn trong bóng tối. Người thanh niên nói khẽ:

- Tôi đã gặp đồng-chí Nguyễn quang Siêu hiện giữ chức chánh-đội thân-binh, và đồng-chí Tôn thất Đề, thị-vệ ở trong đại-nội, chúng tôi đã hợp-tác với nhau để xúc-tiến công việc của đoàn-thể.

Nhà cách-mệnh Trần cao Vân hỏi:

- Ai giới-thiệu hai vị cận-thần ấy với đồng-chí?

- Theo lệnh Trung-ương, đồng-chí Trần quang Trứ đã giúp phương-tiện cho chúng tôi gặp nhau.

Nhà cách-mệnh Trần cao Vân hỏi tiếp:

- Đồng-chí Trần quang Trứ là người như thế nào?

Người thanh-niên dẫn-đo một giây-lát:

- Đồng-chí Trần quang Trứ là một nhà tân-học lỗi-lạc ở miền Đồng-nai lục-tỉnh, được hoán-bổ ra tòng-sự tại tòa Khâm-sứ ở Huế, hiện nay được biệt-phái sang làm việc tại đồn Mang-cá. Nói về bầu nhiệt-huyết, về trí thông-minh, về tài hoạt-bát, về tính ngay thẳng thì đồng-chí ấy vẫn có thừa, nhưng xét riêng về lòng quả-cảm, sự kiên-trì thì tôi e rằng đồng-chí ấy vẫn còn có chỗ thiếu-sót.

Nhà cách-mệnh Trần cao Vân lắng tai nghe gã thanh-niên phân-tích tâm-lý một yếu-nhân trong đoàn thể, rồi cả ba người kéo nhau ra ngoài cổng trường học, đi bách-bộ trên một khúc queo, giữa những hàng mù u thâm-niên không khỏi tò-mò vì những người khách lạ. Nhà cách-mệnh Trần cao Vân lấy ra một phong-thư có niêm dán hắc hoi, trao lại cho gã thanh-niên, và căn-dẫn thật chu-đáo:

- Đây là một bức điệp-văn có thể quyết-định được vận-mệnh của đoàn-thể chúng ta và sự tồn-vong của đất nước. Đồng-chí phải nhận lấy cái trách-nhiệm lịch-sử dâng bức thư ấy lên đức Kim-Thượng vào lúc thuận-tiện nhất, phải luôn luôn ghi nhớ một điều là nội-dung cuộc tiếp-xúc phải tùy thuộc vào cơ-hội và bản-chất của nhà vua. Khi nào Hoàng-Thượng có vẻ tươi-cười, hớn-hở thì phải đem những chuyện ngư, tiều, canh, mục ra đàm-luận cho

ngài được vui lòng, chỉ khi nào Hoàng-Thượng ra dáng ưu-tư, buồn-bã, hoặc vì chưa được thỏa-mãn về đời sống chật-hẹp ở trong chốn cữu-trùng, hoặc vì có những chuyện thắc-mắc với triều-đình hay những điều rắc-rối với chính-phủ Bảo-hộ thì lúc bấy giờ đồng-chí mới có thể tìm cách dò-xét ý-tứ của Ngài, và nhiên-hậu mới dám bàn tới đại-sự.

Căn dặn xong xuôi, hai nhà cách-mệnh Thái Phiên, Trần cao Vân liền từ-giã vị thanh-niên và rảo bước đi về ngã Âm-hồn trên những dặm đường mỗi lúc mỗi trở nên vắng-vẻ, hiu-quạnh.

Đồng-chí Nguyễn hữu Khánh nắm chặt lấy bức điệp-văn ở trong tay, đứng nhìn ngơ-ngác một hồi lâu. Chàng liên-tưởng tới thời-kỳ niên-thiếu của mình, và cảm thấy nao nao ở trong dạ. Cách đây bốn năm, chàng rời bỏ quê-hương, ở phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam, ra Huế tông học tại trường Bách-công trong thành-nội. Hồi ấy, mỗi tuần hai lần, vào thứ ba và thứ năm là những ngày nghỉ học, chàng năng qua lại bến đò Trường-súng, có dịp làm quen với cô Lê thị Hồng Vân, một nữ-sinh năm thứ nhất trường Đồng-Khánh, nguyên-quán làng Vạn-xuân, huyện Hương-trà. Thế rồi chàng noi gương những vị học-trò trong Quảng ra thi, bỏ ra nhiều công-phu để theo đuổi người con gái kiều-diễm đất thần-kinh có đôi má núng đồng tiền xinh đẹp. Cuộc tình duyên còn đương dang-dở thì một hôm chàng băng qua rào để dự một trận túc-cầu ở trên bãi cỏ trường Kinh-thành tư-thực, tình-cờ chàng gặp đồng-chí Bùi thế Mỹ, một học-sinh xuất-sắc ở hội Đồng-châu Quảng-nam, nguyên quán làng Vĩnh-trinh, phủ Duy-xuyên. Hai người thảo-luận với nhau về chương-trình hoạt-động của Việt-nam Quang-phục-hội. Đồng-chí Bùi thế Mỹ đứng ra bảo-đảm cho chàng gia-nhập tỉnh hội Thừa-thiên. Chàng còn nhớ rõ buổi lễ tuyên-thệ mà các bậc đàn anh đã tổ-chức tại con đường nhỏ hẹp này, dưới bóng những cây mù u rậm-rạp. Đồng-chí Bùi thế Mỹ dẫn chàng đến trường Quốc-tử-giám, giới-thiệu chàng với hai nhà cách-mệnh Thái Phiên và Trần cao Vân, rồi lên đờn chàng ở trên vọng-gác cửa Thượng-tứ, nửa như có ý muốn phòng gian bảo mật, nửa như để ngắm mảnh trăng lười liềm vừa mới xuất-hiện. Hai nhà cách-mệnh dắt chàng đi lui đi tới nhiều vòng trên khúc đại-lộ, chuyện trò thân-mật với nhau. Nhà cách-mệnh Thái Phiên bảo chàng đừng bước lại và nói rất khế:

- Theo những lời cam-kết của đồng-chí Bùi thế Mỹ, theo báo-cáo của tỉnh-hội Thừa-thiên, chúng tôi lấy làm hân-hạnh chấp-nhận đồng-chí Phạm hữu Khánh vào Việt-nam Quang-phục-hội. Bắt đầu từ giờ phút này, đồng-chí phải trung-thành với đoàn-thể, phải hy-sinh tài-sản và tính-mệnh cho đoàn-thể, và nếu có sự phản-bội, đồng-chí phải chịu tử-hình. Chàng đưa tay lên

trịnh-trọng tuyên-bố,

- Tôi xin thề.

trước mặt hai vị lãnh-tu mà chàng vừa mới gặp lần đầu tiên.

Vì muốn hoạt-động tích-cực cho phong-trào cách-mệnh, chàng phải đoạn-tuyệt với cô Lê thị Hồng Vân để cố-gắng xây-dựng cho mình một đời sống lý-tưởng tốt đẹp hơn. Từ đấy chàng không đi về ngã cầu Bạch-hổ; không lần theo những dặm đường thoai-thoải ở trên tả-ngạn con sông An-hòa, không được trông thấy ngôi nhà tranh cũ-kỹ ở bên cạnh một cái ao thả vịt chứa đầy ma quái, cũng không bao giờ được thưởng-thức những quả thanh-trà cuối mùa vào tiết lập-xuân. Từ đấy chàng cũng không gặp lại đồng-chí Bùi thế Mỹ, người bạn tâm-giao đã kịch-liệt phản-đối một vị giáo-sư Pháp làm tổn-hại đến danh-dự của người Việt-nam, rồi tự ý bỏ học để vào hoạt-động tại miền Đồng-nai lục-tinh. Chàng đã hiến-thân cho cuộc đời gió bụi, và chỉ biết có một việc là đem hết tâm-trí và khả-năng ra phục-vụ cho dân-tộc, cho đoàn-thể để cứu-vớt đồng-bào trong cơn hoạn-nạn. Thời-gian gần đây, chàng đã tốt-nghiệp trường Bách-công về ngành cơ-khí, lái xe hơi thông-thạo. Hai nhà cách-mệnh Thái Phiên và Trần cao Vân đã bỏ tiền ra vận-động cho viên tài-xế của vua Duy-Tân xin nghỉ việc và đề-nghị cho chàng được vào thay thế. Chàng nhận chức-vụ mới chưa đầy hai tháng mà đã dò-xét được ý-tứ nhà vua, làm cho ngài phải đem lòng cảm-mến. Những hình-ảnh của một thời dĩ-vãng xa xăm đã phai lạt dần dần trong ký-ức của chàng, chiều hôm nay bỗng-nhiên sống dậy. Chàng đứng suy-tư trong giây-lát, rồi gấp bức-thư lại, bỏ vào trong túi áo, rào bước đi lủi-thủi về phía cửa Hiển-nhơn. Khi vào tới Đại-nội thì tiếng trống cà-răng ở trên lầu Chương-đức đã gióng canh ba. Đêm ấy chàng ngủ một giấc yên-lành ở trong toà Thái-miếu, rạng ngày mai, chàng trở về cung Càn-thành để chờ sai-phái.

Hoàng-thượng đã thức dậy sớm hơn mọi ngày và ra dạo lưng-thường ở ngoài hiên, dưới ánh-sáng êm-dịu, hiền-hòa của vừng đông vừa mới tỏ rạng xuyên qua mấy bức rèm tứ-ly treo ở mặt ngoài. Nhà vua có vẻ bức-tức, giận-dỗi vì chiều hôm qua ngài vừa mới hội-thương với viên khâm-sứ Charles tại điện Thái-hòa và hai bên đã có những lời qua tiếng lại không được nhã-nhận. Thấy cơ-hội may-mắn đã tới một cách bất-ngờ, chàng liền chạy ra phía trước, sụp quì xuống và trịnh-trọng dâng bức thư của Việt-nam Quang-phục hội cho vị thiên-tử. Nhà vua không mảy-may ngạc-nhiên, cầm lấy chiếc phong-bì, mở ra xem hết một trang đầu, rồi lại tiếp tục đi bách-bộ, vừa tiến bước chậm-rãi, khoan-thai, vừa lật dần mấy tờ giấy hoa tiên màu nguyệt-

bạch. Khi gần tới đoạn kết-luận, ngài dừng lại, chăm-chú đọc mấy hàng chữ sau đây viết bằng mực tàu, nhưng nét bút có vẻ cứng rắn, linh-hoạt hơn:

- Tha Mỹ-quốc hắc-nô chủng-tộc, ngũ thập-niên du khả tự-cường.

Huống ngô-dân Hoàng-đế tử-tôn, măm ngũ triệu khởi cam chung nhược.

Thiên khai thánh minh hữu bài Pháp hưng binh chi chí:

Địa sinh tuấn-kiệt, hữu truất dân thảo tặc chi quyền.

Phụ-hoàng Hoàng-đế hà tội kiến thiên?

Dực-tôn tôn-lăng hà cứ kiến quật?

Đọc xong bức thư, nhà vua cảm thấy bồi-hồi, xao-xuyến như có lửa đốt trong tâm-can, dao cắt trong thớ thịt, ngài liền gọi vị thanh-niên đến hỏi:

- Khanh có biết ai trao bức điệp-văn ấy cho Trẫm hay không?

Chàng vòng tay lại kính-cẩn thưa:

- Muôn tâu Bệ-hạ, ấy là nhà cách-mệnh Trần cao Vân.

Nghe nhắc đến tên họ một bậc nhân-sĩ có uy-tín trong nước, ngài có vẻ ngạc-nhiên hỏi tiếp:

- Khanh có biết ai thảo bức điệp-văn ấy cho Trẫm hay không?

Chàng không ngần-ngại cứ một mực trả lời:

- Muôn tâu Bệ-hạ, ấy cũng là nhà cách-mệnh Trần cao Vân.

Ngài mỉm cười lật qua, lật lại bức thư năm ba lần rồi chất-vấn thêm:

- Khanh có biết rõ tài-đức nhà cách-mệnh ấy như thế nào không?

Tới đây chàng có vẻ lúng-túng một đôi chút, đắn-đo, suy-tính trước khi ứng-đáp:

- Muôn tâu Bệ-hạ! ngày xưa Cơ Tử là một bậc thánh-hiền mà không gặp thời, phải đi làm một tên nô-bộc. Còn Quản Dy Ngô là một bậc danh-tướng, có tài kinh-bang tế-thể, nhưng chưa gặp đấng minh-quân, cũng đành phải gởi mình vào chốn tù-đày lao-ly. Nói về học-vấn, nhà cách-mệnh Trần cao Vân đã bày ra Trung-thiên-dịch, trên am-hiểu thiên-tài, dưới tinh-thông địa-tài, giữa thấu-triệt nhơn-tài, kiến-thức đâu có chịu thua sút các bậc siêu-

nhân trong thiên-hạ. Nói về lục-thao, tam-lược, nhà cách-mệnh Trần cao Vân đã nghiên-cứu tất-cả những binh-thư đồ-trận từ cổ chí kim, đã rút được nhiều kinh-nghiem trong ba mươi năm tranh-đấu, từ Cần-vương cho tới Đông-du, từ phong-trào Duy tân cho tới vụ Kháng-sư toàn quốc. Đó là chưa kể những cuộc bạo-động ở Binh-định, ở Phú-yên, những thời-kỳ nằm trù-hoạch phương-châm tại Côn-sơn cũng như tại hầu hết các phối-sở trên lục-địa. Một người có mưu-trí như vậy thì đâu có chịu lép mình trước những vị anh-hùng trong bốn bể. Bấy lâu nay, nhà cách-mệnh Trần cao Vân phải ẩn thân ở nơi thôn-dã là vì thời-cơ chưa đến, vận nước còn gặp phải lúc truân-truyền. Tình thế bây giờ đã thay đổi rất nhiều: tại Việt-nam dân-chúng đương nóng lòng chờ đợi một cuộc thay đổi toàn-diện; còn tại Âu-châu, cuộc thế-giới chiến-tranh đã tiến tới một giai-đoạn quyết-liệt. Nếu Bệ-hạ biết trọng-dụng nhân-tài, tìm cách vờn nhà cách-mệnh Trần cao Vân ra phò vua, giúp nước thì kẻ hạ-thần này dám tin chắc rằng, trong một thời-gian ngắn nữa đại-sự sẽ thành, cơ-nghiệp nhà Nguyễn sẽ có thể văn-hồi lại được.

Ngài lắng tai nghe lời ứng-đáp với vẻ hài-lòng và hỏi tiếp:

- Trẫm cũng muốn thực-hiện kế-hoạch của Khanh lắm, nhưng không biết nhà cách-mệnh Trần cao Vân có chịu đem hết khả-năng ra giúp đỡ cho Trẫm hay không?

Chàng suy-nghĩ một giây-lát rồi trả lời:

- Việc ấy xin Bệ-hạ ủy-thác cho hạ-thần và quan chánh-đội thân-binh Nguyễn quang Siêu lo liệu.

Ngài gật đầu, trước khi vào ngự-sàng, còn ngoảnh lại để căn-dặn:

- Khanh phải đi mời quân-sư cho thật gấp, nội trong một tuần lễ phải báo-cáo lại cho Trẫm được biết.

Chàng trở về tư-thất, cho mời viên chánh-đội Nguyễn quang Siêu, viên thị-vệ Tôn thất Đề và viên thơ lại Đoàn Bông tới hội họp để báo-cáo công việc và cử người đi mời lãnh-tụ. Lúc ban đầu chỉ có đồng-chí Trương thị Dương, Đỗ Quỳnh, Đặng Hoài, Đỗ Chiêu, Lê đại Bút, Võ Ngô, Đặng Tạo, Đặng khánh Giai được sung vào phái-đoàn. Vào phút chót theo lời đề-nghị của viên thơ lại Đoàn Bông, người ta phải về làng Hà-trung, huyện Phú-lộc, Thừa-thiên để mời nhà cách-mệnh Cửu Trí cùng đi một thể.

Ngày mười lăm tháng giêng năm Bính-thìn, phái-đoàn nhà vua sắp sửa lên tàu hỏa vào Đà-nẵng thì nhà cách-mệnh Cửu Trí còn tập-hợp các đồng-chí lại

nói:

- Tôi bình-sanh không ưa địa-vị cũng không ham tiền-bạc. Lúc tuyên-thệ gia-nhập đoàn-thể, tôi chỉ mong-uớc một điều là khi nào sơn-hà thống-nhất, khởi-nghĩa thành-công, đoàn-thể sẽ cho phép tôi biến sáu ấp Hà-trung, Hà-trữ, Hà-tạ, Hà-đá, Hà-tồn và Hà-châu ở bên kia đầm Cầu-hai thành một xã-hiệu duy-nhất và chỉ có một mộc-trịên mà thôi. Nếu các đồng-chí chấp-nhận cho tôi được thực-hiện việc ấy thì dầu cho có lên rừng bắt cọp, xuống bể mò kim, tôi cũng vui lòng đi theo, nhược bằng toàn-thể phái-đoàn không ưng-thuận thì tôi xin mang khăn-gói đi về nhà cho khỏi tủi-hổ với các bậc tiền-bối trong lân-lý. Viên chánh-đội thân-binh Nguyễn quang Siêu liền đứng dậy tỏ bày ý-kiến:

- Việc ấy không phải là nan-giải; đồng-chí nên cố-gắng theo giúp phái-đoàn cho Hoàng-thượng được vui long. Sau này một khi tình-thế đã ổn-định, chúng ta sẽ đặt vấn-đề trở lại và sẽ làm cho đồng-chí được thoả-mãn.

Nghe như vậy, nhà cách-mệnh Cửu Trí rút khăn chéo ra lau nước mắt và giải-bày tâm-sự:

- Bọn quan-lại tham tiền quá đỗi, cắt một cái đồng-trịên ra làm trăm mảnh mà không góm tay, dân-chúng bị áp-bức, nhưng ngẩn cổ kêu không thấu trời.

Thế rồi phái-đoàn khởi-hành vào Đà-nẵng, thuê ghe mảnh đi dọc theo con sông Cầu-nhí mà tiến về phía nam. Một buổi sớm lơ-mờ, lúc vừng đông chưa tỏ rạng, họ cập bến Vĩnh-điện. Năm chiếc xe kéo bánh sắt chực sẵn tại đấy. Một người hướng-dẫn vui-vẻ, hoạt-bát chạy lại ân-cần mời họ lên ngồi hai người một chiếc xe, đi thẳng vào phủ-ly Điện-bàn, giữa những hàng mù u cổ-kính đã chứng-kiến không biết bao nhiêu cuộc thăng-trầm của dân-tộc. Thỉnh-thoảng người hướng-dẫn lại dừng bước bên cạnh một cái quán lợp tranh, gọn-gàng, sạch-sẽ để cho quan-khách dùng điểm-tâm, rồi luôn tiện giới-thiệu cảnh-vật ở những miền chung-quanh. Chỉ tay về phía bắc, y nói một cách duyên-dáng:

- Đây là làng Bát-nhị, quê-hương của tiến-sĩ Trần quý Cáp, ở bên kia sông là làng Ngân-câu, quê-hương của hoàng-giáp Phạm như Xương và xa hơn nữa là ngôi mộ của nữ thi-sĩ Phạm thị lam Anh.

Đồng-chí Trương thị Dương từ nãy đến giờ ngồi trên chiếc xe kéo chạy song song quay lại hỏi:

- Vùng này có nhiều bậc khoa-giáp đến thế à?

Y tiếp lời ngay với một giọng rất hãnh-diện:

- Danh-nhân miền Tào-sơn Hàn-hải còn nhiều hơn nữa! Đó chỉ là kể sơ-lược mà thôi.

Đưa tay về phía đông, y nói tiếp:

- Đây là làng Thanh-hà, quê-hương của phó-bảng Nguyễn duy Hiệu, bên kia sông là làng Hà-lam, quê-hương của Thủ-tướng Nguyễn Thuật, xa hơn nữa là ngôi từ-đường của bảng-nhân Nguyễn hoẵng Thanh với tấm biển "Nam-triều đệ nhất văn-chương".

Lúc bấy giờ mấy chiếc xe kéo phải đi chậm lại vì quan-khách đã vượt qua bến đò Phương-trà và đương tiến sâu vào miền Gò-nổi, trung-tâm văn-hóa của tỉnh Quảng-nam. Tiếng máy song cửi đã bắt đầu vang dậy inh-ỏi khắp nơi. Nhà cửa chen-chúc, nối liền với nhau y hệt như trong vùng ngoại-ô của một thị-trấn. Nhà cách-mệnh Cửu Trí cảm thấy phấn-khởi, xây lại hỏi người hướng-dẫn:

- Vùng này có vẻ trù-mật, hữu-tình chẳng khác gì vùng sông Hương núi Ngự bác nhỉ?

Y không biểu đồng-tình:

- Có giống na ná một đôi chút về hình-thức mà thôi! còn về nhân-tâm và phong-thổ thì xa nhau một trời một vực. Vùng này những làng kế-cận đều có đại-khoa-giáp cả!

Đưa tay về phía trước, y nói một cách tự-đắc:

- Đây là làng Đông-bàn, quê-hương của tiến-sĩ Phạm phú Thứ, sát bên tả là làng Trường-giang, quê-hương của tiến-sĩ Phạm Liệu, sát bên hữu là làng Xuân-đài, quê-hương của tiến-sĩ Phạm Tuấn và phó-bảng Hoàng Diệu; còn xa hơn nữa là làng Giảng-hòa, quê-hương của thi-sĩ Huỳnh Qùi.

Hết chỉ về phía tây, y lại quay mặt về phía nam:

- Đây là làng Tây-lộc, quê-hương của nhà chí-sĩ Phan tây Hồ, ở một bên là làng Thanh-mỹ, quê-hương của nhà chí-sĩ Nguyễn Thành, bên kia sông là làng Thanh-bình, quê-hương của tiến-sĩ Huỳnh thúc Kháng, xa hơn nữa là ngôi từ-đường của vị danh-tướng Nguyễn văn Trương với tấm biển "Khai-

quốc Công-thần Nguyên luân".

Nhà cách-mệnh Cửu Trí lắng tai nghe và không ngớt trầm-trồ:

- Bác nói phải đấy, ở ngoài Thừa-thiên làm gì có nhiều nhân-tài đến thế! Thật là địa-linh nhơn-kiệt.

Tiếp theo lời tán-tụng chân-thành ấy, một ngọn gió nồm thổi qua rào-rạt, làm cho nhà cách-mệnh Cửu Trí buồn ngủ và hỏi băng-quơ, mắt nửa nhắm nửa mở:

- À chết rồi! tôi quên hỏi bác ở làng nào nhỉ?

Y không ngoảnh lại để nhìn cho rõ cứ yên-trí vị quan-khách vẫn còn theo dõi câu chuyện và bắt đầu tường-thuật tiểu-sử của mình:

- Tôi tên là Cao Triết, biệt-hiệu là Kính Nam, nên thường gọi là Cao Kính Nam. Tổ-tiên vốn ở làng Đông-a, tỉnh Phúc-kiến. Trước kia tổ-phụ tôi muốn lánh-nạn Thái-bình Thiên-quốc nên di-cư sang Việt-nam. Hiện nay tôi ngụ tại ấp La-ngà, thuộc phủ Thăng-ba, ngay dưới chân hòn núi Chóp-chài và chuyên về nghề du-thuyết.

Chưa kịp dứt lời thì mấy chiếc xe đã dừng bánh, y chợt tỉnh lại nhảy liên xuống đất mời quan-khách:

- Đây là ngôi nhà riêng của vị quân-sư, ở về làng Tư-phú hạt Điện-bàn. Xin mời quý ngài vào.

Phái-đoàn vào tư-thất ngồi chờ mãi đến khoảng đầu canh hai nhà cách mệnh mới xuất-hiện. Lúc mới bước vào ngưỡng cửa, công việc trước hết của vị quân-sư là khẩn-khoản xin lỗi phái-đoàn:

- Tôi nôn-nả đi về cho kịp để hầu chuyện với quý ngài nhưng ở giữa đường con ngựa bị đứt dây. Trời tối quá, tôi phải ghé vào thôn xóm để xin người hộ-tống.

Hai bên tân-chủ ngồi vào ghế trường-kỷ nói chuyện. Cuộc mạn-đàm kéo dài cho tới lúc vừng đông. Cuối cùng nhà cách-mệnh Cửu Trí lấy mật-chỉ nhà vua trao lại cho vị quân-sư và nói chậm-rãi:

- Vừa rồi Hoàng-thượng có nhận bức điệp-văn của đồng-chí. Ngài rất hoan-hỉ và muốn gặp mặt đồng-chí ngay để cùng nhau bàn tính việc nước. Lúc sai phái chúng tôi vào Quảng-nam để mời đồng-chí, ngài có tiếp-kiến chúng tôi

tại chánh-điện, ân-cần nhắc-nhở chúng tôi phải đi cho thật nhanh và phải trở về báo-cáo lại công-việc nội trong một tuần lễ bái. Chúng tôi mong rằng đồng-chí không quản-ngại khó-nhọc và chuẩn-bị lên đường cùng một lượt với chúng tôi để cho khỏi phụ tấm lòng ngưỡng-mộ của đấng thiên-tử.

Vị quân-sư ứng-đáp:

- Việc đoàn-thể tôi không dám từ-nan, nhưng trước khi bệ-kiến Hoàng-thượng tôi còn phải trù-liệu một vài phương-sách với đồng-chí Thái Phiên và bác-sĩ Lê đình Dương. Tôi xin mời phái-đoàn ở lại đây tạm nghỉ một thời-gian rồi chuẩn-bị về Huế để tâu với Hoàng-thượng rằng nội trong ngày hai mươi bảy tháng giêng này tôi sẽ có mặt tại Thuận-hóa.

Nói xong, vị quân-sự lấy một phong bì chữ nhật có dán sọc đỏ theo lối Trung-hoa trao cho phái đoàn và căn-dặn thất kỷ từng người một:

- Tất cả chủ-trương, kế-hoạch đã có sẵn trong bức mật-thư này. Đồng-chí Phạm hữu Khánh sẽ tiếp-nhận lấy và đệ-trình lên đấng Kim-thượng vào lúc nào xét ra cần thiết. Các đồng-chí phải hết sức cẩn-thận để cho tin-tức khỏi tiết-lộ ra ngoài.

Nghe như vậy, các vị quan-khách nâng cốc lên mà tuyên-thệ:

- Chúng tôi xin hy-sinh tính-mệnh, tài-sản để phục-vụ cho nhân-dân và giữ tâm trung-thành với lãnh-tự.

Phái-đoàn trở về Huế, còn chủ-nhân thì xuống Hội-an để hội-đàm với bác-sĩ Lê đình Dương.

Vua Duy Tân và Việt-nam Quang-phục hội

Cách đây một tuần lễ bái, vị quân-sự lại cùng với nhà cách-mệnh Thái Phiên khởi-hành ra Thuận-hóa để thực-hiện chương-trình đã hoạch-định từ lâu. Một buổi sớm chiếc xe hỏa dừng bánh tại đất thần-kinh, ở ngay trên bờ con sông Lợi-nông. Hai vị xuống một chiếc đồ dọc đậu chờ sẵn dưới vòm cầu nhà ga, đợi cho tới lúc xế chiều mới có viên chánh-đội thân-binh Nguyễn quang Siêu tới yết-kiến. Họ ngồi lại bàn tính công việc, không mảy-may bận-tâm đến khách bộ-hành qua lại trên đường. Lúc mặt trời gần lặn, một anh hàng quà lấy tay đập vào chiếc tủ kính mang trên vai mà rao lên inh-ỏi:

- Ai mua bánh tam-ích, bánh mì không?

Họ ngược mắt lên bờ và trông thấy một tên lính giản bận áo vạt khách đương trèo lên trụ đèn để rót thêm dầu lạc, theo sau có một tên lính khác cũng mặc áo ngắn màu lá chàm đi tuần-tự hết trụ đèn này đến trụ đèn khác để châm ngọn lửa thiêng trên khắp chốn đế-đô. Họ biết rằng buổi chiều đã tàn và nhổ sào để tiến dần về phía Phu-văn-lâu. Đâu đây vắng vắng âm thanh trầm-bỗng trong làn gió chiều hui-hắt vang vọng ra tận ngoài khơi :

Chiều chiều ra đứng Văn-lâu,

Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm.

Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông,

Thuyền ai thấp-thoáng bên sông,

` Ngâm câu mái đẩy, động lòng bốn phương.

Chen chúc giữa những căn nhà bênh-bồng trong vịnh Phú-cát, họ trải qua một đêm tương-đối yên-tĩnh, chỉ xáo-động bởi những tiếng phách của bọn ngư-phủ ở ngoài bến Thương-bạc. Rạng ngày mai, cải-trang làm thân-binh, tay xách đôi hia, vai mang bộ áo triều-phục, họ theo viên chánh-đội Nguyễn quang Siêu mà vào cửa Ngọ-môn.

Trong lúc đó Hoàng-đế Duy Tân đã từ nơi cung-điện thâm-nghiêm vi-hành một mình trên con đường lát gạch. Nhà cách-mệnh Thái Phiên trông thấy trước liền nói:

- Hoàng-thượng đã tới rồi, chúng ta phải bỏ dây xuống dưới mặt hồ mà ngồi cho ngay thẳng.

Nhà vua nhìn hai vị lãnh-tự cải-trang ra thường-dân đương ngồi câu cá thì hỏi:

- Làm nghề có khá không mà phải bận tâm đến thế?

Hai nhà cách-mệnh đứng dậy, vòng tay lại và đáp:

- Chúng tôi là những người sinh-trưởng nơi thôn-dã, lần đầu tiên được trông thấy long-nhan, lòng chúng tôi hoan-hỉ, vui-mừng, nhưng ngật vì mặt trời còn chiếu sáng nơi chốn thâm-cung, một trăm con mắt trong bóng tối đương

chăm-chú nhà vua đương hạ-cố tới kẻ thần-dân, nên mặc dầu rất phẫn-khởi, kẻ hạ-thần đành phải dồn ép mỗi cảm-xúc lại, không dám thổ-lộ ra bên ngoài, xin bệ-hạ rộng-lượng tha-thứ.

Nhà vua ung-dung đáp lại:

- Hai khanh cứ tự-nhiên ngồi làm phận-sự để Trẫm đứng xem trong giây-lát như vô-tình đi bách-bộ ngang qua mà gặp rồi nhân-tiện sẽ trình-bày câu chuyện cho khỏi bị người ta để ý.

Nhà cách-mệnh Trần cao Vân liền đi sâu vào vấn-đề và tâu lên một cách rõ-ràng:

- Muôn tâu bệ-hạ, kẻ hạ-thần này vâng theo thánh-chỉ, từ nơi lậu-hạng băng-bộ ra đây là để trình-bày cho nhà vua thấy rõ tình-cảnh của dân-chúng ở ngoài kinh-khuyết. Kẻ hạ-thần này học theo Châu Trình, ra vào cửa Khổng, nhưng kiến-thức, kinh-nghiệm có hạn, đâu có dám đem mình ra cáng-đáng việc nước nhưng ngại vì hoàn-cảnh nước nhà, dân-chúng thì mịt-mờ, các nhà trí-thức thì hoặc trùm chần nơi đô-thị, hoặc đem tấm thân bày thước ra phục-vụ cho bọn Tây-nô, nên kẻ hạ-thần phải hy-sinh quyết một phen vào sinh ra tử để cứu-vớt lấy sơn-hà trong cơn nghiêng-ngửa. Xin bệ-hạ trông thấu cho tấm-lòng nhiệt-thành của hạ-thần này thì hạ-thần mới dám nói hết sự thật.

Nhà vua đứng nhìn mấy con chim le le bay qua bay lại rồi nói:

- Trẫm đã hiểu thấu nông-nổi nước nhà và tấm lòng vì dân vì nước của hai khanh, nên mới có mặt-chỉ mời hai khanh ra mưu-tính đại-sự. Có điều gì ẩn-khuất hai khanh cứ nói thiệt.

Nhà cách-mệnh Trần cao Vân vẫn ngồi tự-nhiên và tâu lên:

- Muôn tâu thánh-thượng, hiện nay dân-chúng đương rên-siết dưới sự áp-bức của hai chế-độ mà bên nào cũng ác-nghiệt tàn-bạo như nhau: một bên thì chính-phủ Bảo-hộ tổ-chức cơ-cấu để khai-thác miền Đông-dương béo-bở này và bóc lột dân-chúng bằng đủ cách. Một bên thì chính-phủ Nam-triều đã mất hết quyền-lợi và chỉ biết cúi đầu phục-tòng, càng ngày hàng quan-lại càng bạo-tàn, mục-nát thẳng tay những-nhiều đè-nén dân-lành. Hai bộ máy bảo-hộ và Nam-triều hiệp lại thì làm sao mà người Việt-nam ngóc đầu lên được. Hễ có kẻ nào đứng ra bênh-vực dân-chúng, đại-diện cho họ để trình-bày những nguyện-vọng thích-đáng như nhà cách-mệnh Phan tây Hồ thì đã bị bọn thực-dân tìm cách hãm-hại. Còn kẻ nào ôm-ấp trong lòng những

hoài-bảo khác mà không dám thổ-lộ ra cũng bị bọn mật-thám theo dõi và bắt lên đoạn-đầu-đài như trường-hợp tiến-sĩ Tần quý Cáp ở Khánh-hòa vì một bản án theo lối Tần Cối giết Nhạc Phi. Còn biết bao nhiêu trí-thức khác đã bị bọn thực-dân giết chết hoặc câu-lưu tại Côn-sơn, tại các miền ma-thiên nước độc sau những vụ kháng-sư ở Trung-việt. Vì vậy quảng-đại quần-chúng phải nhẫn-nại mà chịu đựng, thủ-khẩu như bình, đâu có phải họ ngu-dốt khờ điếc chi đâu. Niềm căm-phẫn bị dồn-nén càng nhiều, càng lâu thì sự phản-ứng về sau sẽ càng kinh-thiên động-địa. Cho nên sự im-lặng của dân-chúng bao giờ cũng là một bài học quý báu cho các nhà lãnh-đạo xin Bệ-hạ hiểu thấu điều ấy cho mới được.

Hoàng-thượng ngẫm-ngĩ một hồi lâu rồi hỏi:

- Muốn cứu-vãn tình-thế khanh nghĩ phải làm như thế nào?

Nhà cách-mệnh Trần cao Vân giật mạnh chiếc cần tre, kéo con cá phát lác trắng như bạc lên bãi cỏ, để cho nó giãy đành-đạch cho tới khi đuối sức nằm yên trên mặt đất và tên thái-giám đi ngang qua cho thật xa, mới quay về phía nhà vua mà tâu:

- Muốn gỡ ván cờ này không phải chỉ có tài-năng của vua Đế-Thích mà làm được. Muốn thắng bọn Pháp xâm-lược đương bám vào Việt-nam như một con mực bể, chúng ta phải cần đến một yếu-tố rất quan-trọng đó là thời-cơ. Thời-cơ ngàn năm một thuở ấy là cuộc thế-giới chiến-tranh đương diễn-biến tại châu Âu vào thời-kỳ chót: một bên là phe đồng-minh chiến-đấu bên cạnh Anh Pháp và một bên là phe Hiệp-ước đứng cạnh nước Đức. Bắt đầu từ tháng hai năm nay, mặt trận Tây-an sôi-động trở lại, hai bên đều tập-trung lực-lượng tại vùng đông-bắc nước Pháp để đánh chiếm vùng đồng-bằng Verdun trước khi kết-thúc chiến-cuộc. Bây giờ thì còn hơi sớm để biết chắc-chắn bên nào sẽ thắng, nhưng dù sao đi nữa chúng ta cũng phải nắm lấy cơ-hội. Muốn giải-phóng quê-hương xứ-sở, chúng ta không có một đường lối nào ngoài việc tạm-thời dựa theo người Đức là kẻ thù không đội trời chung với người Pháp. Một khi chúng ta đã tổ-chức cuộc khởi-nghĩa đẩy lui được người Pháp ra ngoài lãnh-thổ của chúng ta, lúc đó dù nước Đức có bị thất-trận đi nữa, chúng ta cũng có đủ tính-cách pháp-lý và uy-tín để đặt mỗi bang-giao với nhiều nước khác trên hoàn-cầu để ngăn-chặn sự trở lại của người Pháp. Nếu chúng ta không hành-động cho sớm thì trong vòng năm sáu tháng nữa, trận Verdun sẽ kết-liếu, cơ-hội sẽ không trở về với ta nữa. Hoàng-thượng lắng nghe những lời điều-trần ấy và thấy chủ-trương của phe cách-mệnh đúng-đắn, tin-tức thế-giới trùng-hợp với những tin-tức ngài biết

được qua người phụ-đạo, ngài hỏi tiếp:

- Chính-sách ấy hợp với suy-nghĩ của trẫm, nhưng hiện nay hai bên đều nỗ-lực để sớm chấm-dứt chiến-cuộc, chúng ta phải làm thế nào để một mặt tổ-chức nhân-dân, mặt khác bắt liên-lạc với người Đức cho kịp trong vòng đôi ba tháng được.

Nhà cách-mệnh Trần cao Vân tâu:

- Muôn tâu Bệ-hạ, từ năm 1912, phe cách-mệnh đã tiên-đoán tình-hình, từ đó đã tổ-chức dân-chúng cho thành hàng ngũ chặt-chẽ rồi. Hiện nay Việt-nam Quang-phục hội đã gây được cơ-sở vững-chắc không những trong dân-chúng ở thôn-quê là bộ-phận nòng-cốt trong cuộc tranh-đấu mà lại còn gây được cơ-sở trong các ngành binh-chủng từ những đơn-vị khố xanh, khố đỏ đương đóng rải-rác từ nam chí bắc cho đến những đoàn lính mộ đương chuẩn-bị lên đường để chiến-đấu tại Pháp-quốc. Đây là những đơn-vị được tổ-chức và huấn-luyện kỹ-càng về chuyên-môn cũng như về đường-lối cách-mệnh và sẵn-sáng hưởng-ứng cuộc khởi-nghĩa của chúng ta. Mọi công-việc đã sắp đặt đâu vào đấy một cách kỹ-càng thận-trọng. Nói chung tình-hình dân-chúng đã chín muồi từ lâu và chỉ còn chờ mệnh-lệnh nhà vua là tiếng súng sẽ nổ và sẽ lan ra khắp toàn quốc. Khi bên trong đứng dậy phát-động cuộc đấu-tranh, các đơn-vị nghĩa-quân, vũ-trang bằng những thứ vũ-khí thô-sơ sẽ đánh những đồn trại lẻ-tẻ, sẽ chiếm đóng các quận-lỵ để hiệp-lực với quân-đội cách-mệnh mà làm chủ tình-thế ở từng địa-phương. Ở bên ngoài, việc vận-động sự viện-trợ của hai nước Đức và Áo về vật-chất cũng như tranh-thủ sự ủng-hộ trên diễn-đàn quốc-tế thì tổ-chức hải-ngoại của Việt-nam Quang-phục hội dưới sự lãnh-đạo của hai nhà cách-mệnh Phan bội Châu và Nguyễn thương Hiền đã xúc-tiến từ lâu rồi. Hai nhà cách-mệnh ấy đã tiếp-xúc với các vị sứ-thần Đức tại Trung-hoa, tại Nhật-bản, tại Xiêm-la và ngay ở tại chính-quốc của họ ở Âu-châu nữa.

Trình-bày xong nhà cách-mệnh Trần cao Vân kết-thúc:

- Phe cách-mệnh đã chuẩn-bị cuộc khởi-nghĩa rồi, bây giờ họ chỉ còn chờ mệnh-lệnh của Hoàng-thượng nữa mà thôi.

Hoàng-thượng có vẻ bằng lòng, nét mặt biểu-lộ sự cương-quyết hơn lúc nào hết. Ngài muốn trấn-an hai nhà cách-mệnh, trả-lời dứt-khoát:

- Từ nay trở đi, hai khanh sẽ nhận được sự ủng-hộ triệt-để của Trẫm, Trẫm sẽ ban mật-dụ để tiện việc thi-hành, hai khanh phải lo thi-hành cho gấp kẻo

trể mất cơ-hội.

Hai nhà cách-mệnh liền sụp quì xuống dưới đất, để làm lễ bái-mạng và tâu thêm:

- Từ nay trở đi, kẻ hạ-thần còn phải bôn-lưu nam bắc để trừ-tính công-việc khởi-nghĩa do đó hạ-thần ít có dịp trở về kinh-sư bộ-kiến Hoàng-thượng. Nếu có việc gì cần chỉ-giáo, dám mong bộ-hạ cho gọi một trong ba người cử-nhơn Nguyễn Suy, hoặc bác-sĩ Lê đình Dương hoặc nhà chí-sĩ Phan đình Tài để chỉ-giáo.

Nhà vua gật đầu và nhẹ-nhàng dời gót ngọc để trở về cung Càn-thành.

Đến đây chúng ta không có cơ-hội để theo dõi tiếp diễn-biến của cuộc khởi-nghĩa vì nhà thơ, nhà văn Hoa-sơn đã vình-viển ra đi trong một biến-cố đầy đau-thương và đáng lấy làm tủi-nhục mà Cọng-sản đã gây ra trong ngày đầu xuân năm Mậu-thân.

Tiểu Sử



Phạm đình Bách, bút hiệu Hoa-sơn, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1910 tại làng An-tây, huyện Quế-sơn, tỉnh Quảng-nam. Ông là con út trong một gia-đình khoa-bảng mà thân-phụ là một nho-sĩ đã tham-gia tích-cực vào phong-trào Cần-vương, phụ-trách viêc khai-khẩn nhan-điền, tích-lũy lúa gạo tiền bạc chuẩn-bị cho cuộc chiến-đấu lâu dài cho Nghĩa-hội.

Năm 1926 ông vào học đệ nhất niên trường Quốc-Học Huế. Đến tháng tư năm 1927, ông tham-gia tổ-chức cuộc bãi-khóa chống thực-dân Pháp, bị đuổi học và bị ghi tên vào sổ tình-nghi, phải trở về Quế-sơn làm ruộng.

Thật khó để xác-định vào năm nào Hoa-Sơn đã khởi nghiệp thi văn. Có một điều chắc-chắn là thi thơ đã đi cùng với Hoa-Sơn khắp mọi nơi đến tận những lao-tù trong chốn thâm-sơn cùng cốc của miền sơn-cước Quảng-nam, trong suốt cuộc đời đầy gian-truân vì những hoạt-động cách-mệnh, chống thực-dân rồi chống cộng-sản của ông.

Năm 1930 ông trở lại Huế, vào làm việc trong một hàng buôn của người Trung hoa. Năm 1931 ông ra Hà nội để tiếp-tục việc học.

Theo nhà biên-khảo Nguyễn tấn Long trong "Việt-nam thi-nhân tiền-chiến" quyển hạ, thì Hoa-Sơn đã xuất-hiện trên văn-đàn từ thời niên-thiếu, từng cộng-tác với các báo Đấu-tranh của nhóm Trần văn Thạch, Nguyễn văn Tạo,

Tạ thu Thâu và báo Sống của thi-sĩ Đông Hồ. Những bài thơ bắt kịp trào-lưu thơ mới, sáng-tác trong tuổi thanh-xuân đậm chất lãng-mạn đã xuất-hiện trong thi-tập đầu tay mang tên "Chưa động".

Năm 1934 ông thi đỗ tú-tài Pháp, phần thứ nhất. Được nhận vào học trường Albert Sarraut, nhưng lại bị đuổi học vì có tên trong sổ tình-nghi tổ-chức cuộc bãi-khoá chống Pháp. Sau khi bị đuổi, ông phải rời Hà nội vào miền Nam tìm việc làm và tiếp tục việc học.

Năm 1936 ông ra lại Hà nội dự thi và đỗ tú-tài Pháp, phần thứ hai. Cũng trong năm này, thi tác "Từ đây" của ông đã được chấm giải nhất đồng hạng với "Lời cuối cùng" của Thanh-Tịnh trong cuộc thi văn thơ toàn quốc của Hà Nội báo.

Năm 1938 ông làm thừa-phái cho chính-phủ Nam-triều, tòng-sự tại Quảng-nam, dưới quyền của tổng-đốc Ngô đình Khôi.

Năm 1939 ông lập gia-đình với bà Trần-thị Túy-Ngọc, con út trong gia-đình tộc Trần tại Hội-an.

Năm 1945, sau các biến-cổ chính-trị, tổng-đốc Ngô-đình-Khôi bị sát hại, ông đem gia-đình về tạm sống tại Hội-an và bắt đầu nghề dạy học tại trường Phan-chu-Trinh Hội-an (trường này về sau đổi tên thành trường Trần-quí-Cáp Hội-an).

Năm 1946, theo chính-sách tiêu-thổ kháng-chiến của Việt-minh, trường Phan-chu-Trinh dời về Cẩm Khê, ông đưa gia-đình tản-cư về Cẩm Khê và tiếp-tục dạy học tại trường này cho đến khi Việt minh phát-động phong-trào đấu-tổ.

Năm 1950 ông bị đem ra đấu-tổ và bị bắt giam tại các nhà giam Tiên hội, Tiên-lãnh, Tiên-châu vùng núi rừng Tiên-phước. Nhà giam này là nơi ông đã sáng-tác nhiều bài thơ được xuất-bản trong tập mang tên "Văn-thơ Tiên hội" sau khi ông vượt thoát ra được vùng tự-do.

Năm 1954, theo Hiệp-định Genève, Việt minh phải thả tù-nhân chính-trị, ông ra khỏi nhà giam, ghé về nhà tại làng An tây, huyện Quế sơn, tỉnh Quảng nam chỉ trong vòng nửa giờ để thăm vợ con rồi dẫn theo hai người con trai lớn bảy tám tuổi, ông vượt thoát ra Vĩnh-diện về vùng tự-do.

Từ 1954 đến năm 1963, ông có một cuộc sống ít sóng gió hơn: dạy Việt văn và Pháp văn tại các trường tại Huế : trường Nguyễn tri Phương, trường Bình Linh, Thiên Hữu, Bán công, Hàm Nghi. Thời gian này ông đã xuất-bản được năm tập thơ:

Chưa động, Văn thơ Tiên hội, Màu thời gian, Chuyện đất thiêng, Văn thơ cổ-kính.

Từ khoảng năm 1958 trở về sau, ông đã dành khá nhiều thời-gian vào việc sưu-tập tài-liệu về các phong-trào Cần-vương, Nghĩa-hội, Đông-du và Duy-

tân để viết cuốn "chiến-sĩ sông Thu". Trong giai-đoạn này, ông đứng ngoài các hoạt-động chính-trị.

Năm 1965, trước sự đe-dọa của các phong-trào thiên cộng, ông tham gia hoạt-động trở lại với một mục-đích cố-gắng thực-hiện sự thống-nhất các hệ-phái của Việt nam Quốc dân đảng. Ông hy-vọng sự đoàn-kết thống-nhất của một chính-đảng đã có nhiều kinh-nghiệm máu xương với cộng sản sẽ góp phần với các lực-lượng quốc-gia khác để cứu miền nam khỏi rơi vào tay cộng sản. Cố-gắng thống-nhất Việt nam Quốc dân đảng không thành công.

Năm 1966, khi đi từ Quảng-điền, một căn-cứ địa được hình thành để chống lại chủ-trương ly-khai của trung-tướng Nguyễn chánh Thi, về lại Huế, ông bị ám-sát nhưng rất may ông chỉ bị thương và được tiếp cứu kịp thời. Từ nhà thương Huế, ông đã được một linh-mục dòng Chúa Cứu Thế giúp đỡ phương-tiện để ngay trong đêm di chuyển ra lại Quảng-điền và vào Đà nẵng.

Năm 1968, trong biến-cố Mậu-thân, ông và gia đình vào tạm cư tại trường Kiểu-mẫu. Tại đây ông bị đạn. Gia đình tìm cách đưa được ông vào Đà nẵng nhưng quá trễ. Ông mất tại Đà nẵng ngày 19 tháng giêng âm-lịch năm Mậu-thân (1968).